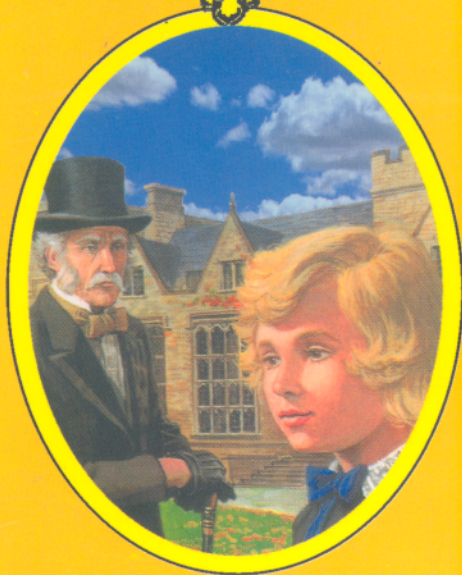


HECTOR MALOT

KHÔNG GIÀ ĐÌNH

TẬP 2



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

KHÔNG GIA ĐÌNH

Cùng một dịch giả

- | | |
|---|------------------------------|
| 1 - Những người khốn khổ | Vichto Huygô
(Dịch chung) |
| 2 - Máy nhạc sĩ thành Brem | Grim |
| 3 - Ôgiêni Grăngđê | Hônôrê đơ Banzắc |
| 4 - Bản án chế độ thực dân Pháp | Nguyễn Ái Quốc |
| 5 - Dì Bette | Hônôrê đơ Banzắc |
| 6 - Tu viện thành Pácma | Xtanh đan |
| 7 - Bi kịch cổ điển Pháp | Dịch chung |
| 8 - Ngụ ngôn La Phôngten | Dịch chung |
| 9 - Tuyển tập truyện ngắn Pháp thế kỷ XIX | Dịch chung |
| | |

HÉC-TO MA-LÔ

KHÔNG GIA ĐÌNH

Tập II

Tiểu thuyết

HUỲNH LÝ *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
HÀ NỘI 2002

PHẦN THỨ II

22

TIẾN LÊN

Tiến lên!

Thế giới mở rộng trước mắt tôi, tôi có thể dời chân xuống Nam hay lên Bắc, sang Đông hay qua Đoài tùy lòng.

Tôi chỉ là một đứa trẻ con, thế mà tôi đã làm chủ cuộc đời của tôi.

Than ôi! Chính cái chỗ ấy lại là chỗ đáng buồn trong cảnh ngộ tôi.

Biết bao nhiêu đứa trẻ tự nhủ: “Ôi chao! Giá ta được tự ý làm cái gì thì làm tùy thích! Giá ta được tự do! Giá ta làm chủ lấy ta!”. Biết bao nhiêu đứa sốt ruột trông cho mau tới cái ngày tuyệt sướng ấy, cái ngày mà nó được tự do.. làm những điều đại dột!

Tôi thì tôi lại tự bảo: “Chao ôi! Ước gì có người để chỉ bảo ta, hướng dẫn ta!”

Là vì giữa những đứa trẻ ấy với tôi có một sự khác nhau ghê gớm.

Nếu là đứa trẻ ấy làm điều dại dột thì sau lưng chúng có người đưa tay ra cho chúng níu khi chúng trượt, đỡ chúng khi chúng ngã. Còn tôi, đằng sau tôi không có ai cả. Nếu tôi ngã thì nhất định tôi phải lăn tuồn tuột đến cuối dốc rồi lúc đó mới lóp ngóp bò dậy một mình, nếu may mà chưa gãy xương. Mà việc gãy xương rất dễ xảy ra cho tôi, tôi có đủ kinh nghiệm để nói như vậy. Mặc dù còn nhỏ, tôi đã qua nhiều thử thách trong hoạn nạn, bởi vậy tôi thận trọng và khôn ngoan hơn phần nhiều đứa trẻ cùng lứa tuổi tôi. Cái phần hơn ấy tôi đã mua bằng một giá khá đắt.

Trước khi lao vào con đường rộng mở trước mắt, tôi định hỏi ý kiến bác A-canh là người đã coi tôi như con đẻ mấy năm lại đây. Dù cô Ca-tơ-rin không đem tôi cùng đi với các anh chị ấy đến chào bác, thì một mình tôi cũng có thể, và có bốn phận đến hôn bác.

Tôi chưa hề đến nhà lao giam con nợ, nhưng lâu nay nghe nói đến nó nhiều quá, tôi tin rằng thế nào cũng tìm ra.

Tôi sẽ đến nhà thờ Ma-đơ-len, con đường ấy tôi biết quá rõ, đến nhà thờ tôi sẽ hỏi thăm đường đến nhà lao. Cô Ca-tơ-rin và mấy anh chị ấy đã vào thăm ông bố được thì chắc họ cũng cho phép tôi vào. Tôi có gì khác họ, tôi đã làm con ông ấy, và ông ấy đã từng yêu quý tôi như con.

Tôi không dám đi suốt Pa-ri với con chó Ca-pi lớn tợn bên gót; bởi vì nếu các ông cảnh sát hỏi thì tôi biết trả lời làm sao? Trong mọi nỗi sợ hãi mà tôi đã trải qua,

sợ cảnh sát là nỗi sợ lớn hơn cả. Tôi không quên vụ Tu-lu-dơ. Tôi kiếm chiếc dây đai buộc cổ con chó. Nó ỨC về việc ấy lắm bởi vì nó có lòng tự ái của một con chó thông thái được giáo dục. Tôi dùng dây dắt nó theo để đi tìm nhà lao Cơ-li-si.

Ở trên đời này có những cái buồn lắm hể trông thấy là phải có ý nghĩ u ám. Tôi chưa từng biết thứ gì xấu xí và buồn hơn cái cửa ngục.

Tôi đứng lại một lát không dám vào nhà ngục ngay, hình như sợ rằng sẽ bị nhốt lại trong đó và cái cửa góm ghiếc kia một khi đã khép ập lại sau lưng tôi thì sẽ không mở ra nữa.

Trước đây tôi chỉ hình dung ra khỏi một nhà ngục thì khó khăn lắm, nhưng tôi không nghĩ rằng vào ngục cũng không dễ. Bây giờ thì tôi đã rõ, nhưng biết được điều ấy phải khó nhọc bao nhiêu.

Tuy vậy, vì tôi không nản lòng, không chịu về không, cho nên cũng đến được với người tôi muốn thăm.

Người ta đưa tôi vào một cái phòng khách không có cửa sắt, không có chấn song sắt như tôi hằng tưởng tượng và giấy lát sau thì bác A-canh đến, cũng không bị xích tay xiềng chân. Bác nói:

- Bác mong cháu đến, Rê-mi ạ, và bác đã trách cô Ca-tơ-rin sao không đưa cháu đến với mấy anh chị em nó.

Từ sớm nay tôi buồn bã, ỉu xiu, câu nói của bác làm tôi phấn khởi.

- Cô Ca-tơ-rin không muốn đem cháu theo.

- Tội nghiệp cháu tôi. Nhưng cái ấy khó quá cháu ạ. Ở đời có phải muốn gì thì làm được nấy đâu! Bác tin chắc rằng được về đây thì cháu hết lòng làm lụng để bảo đảm cơm áo cho cháu. Nhưng cái không giải quyết được là chú Xuy-ri-ô, chồng cô Ca-tơ-rin không thể tìm ra công việc làm cho cháu. Chú ấy coi cống ở sông đào Ni-véc-ne, mà cháu biết, những người thợ cống thì muốn người trồng hoa làm gì! Lũ trẻ nói cháu muốn trở lại cái nghề hát rong. Vậy ra cháu quên rằng năm xưa cháu suýt chết rét, chết đói ở cổng nhà bác rồi hay sao?

- Không, cháu không quên!

- Thế mà lúc ấy cháu không phải một thân một mình, cháu có một ông chủ dìu dắt cháu kia đấy. Cháu à, cái việc cháu định làm nó nguy hiểm lắm: bé bỏng như cháu mà một mình lang thang trên con đường ngàn dặm!

- Cháu có con Ca-pi.

Như thường lệ, con Ca-pi nghe đến tên nó thì sửa lên một tiếng như để bảo: "Có mặt! Nếu các ngài cần tôi thì có tôi đây!"

- Ừ! Ca-pi là một con chó có nghĩa, nhưng dẫu sao nó cũng chỉ là một con chó thôi. Cháu sẽ sinh sống bằng cách nào?

- Cháu đi hát, còn con Ca-pi thì diễn trò.

- Ca-pi làm sao diễn trò một mình được?

- Cháu sẽ tập cho nó làm xiếc. Chú sẽ tập được những trò tôi muốn, phải không chú Ca-pi?

Ca-pi để tay lên ngực.

- Tóm lại, cháu ạ, cháu đi làm thuê là khôn hơn hết. Cháu đã là một người thợ giỏi, đi làm lang thang đây đó, cái nghề lang thang ấy là nghề của bọn lười biếng.

- Cháu không phải là đứa lười, cái đó chắc bác biết. Tất bác chưa bao giờ nghe thấy cháu phàn nàn công việc quá nhiều. Nếu làm với bác thì bao nhiêu cháu cũng làm, và sẽ ở mãi với bác. Nhưng cháu không muốn làm thuê cho người khác.

Hình như tôi nói mấy câu này một cách khác biệt thế nào ấy. Bác A-canh nhìn tôi không nói. Cuối cùng bác bảo:

- Cháu có kể lại rằng lúc cháu chưa biết tông tích ông cụ Vi-ta-li thì cũng đã nhiều lần cháu ngạc nhiên về cách ông cụ nhìn người ta, về cái tư thế của ông cụ, nó hầu như nói lên rằng ông cụ là người sang trọng. Cháu có biết rằng cháu cũng có cái dáng điệu ấy không? Cháu không muốn làm thuê cho người ta? Thôi thì cũng tùy cháu. Bác nói những cái ấy vì lợi ích của cháu, không vì gì khác đâu, cháu nên tin thế. Bác nghĩ rằng bác có bốn phận phải phân giải điều hơn lẽ thiệt cho cháu nghe, thế thôi. Còn tự cháu làm chủ cuộc đời của cháu, vì cháu không có cha mẹ và bác cũng không làm bố cháu được nữa rồi. Một người khốn khổ đáng thương như bác đâu có quyền khiến bảo ai?

Những điều bác A-canh nói làm tôi bồn khoăn lo nghĩ hết sức, nhất là vì tôi cũng đã tự nhủ như thế, nếu không y nguyên văn thì cũng gần gần.

Phải, một thân một mình thui thủi khắp đó đây là một điều rất nguy hiểm. Tôi cảm thấy cái đó, thấy rất rõ. Tôi đã sống cuộc đời nay đây mai đó, đã sống những đêm như đêm mấy con chó của chúng tôi bị sói bắt ăn thịt hay là đêm đi tìm mỏ đá Giăng-ti-li. Tôi đã sống những ngày vừa đói vừa rét. Tôi đã bị xua đuổi hết làng này qua làng khác, một xu cũng không kiếm nổi trong cái thời gian cụ Vi-ta-li bị bỏ tù. Tôi biết rất rõ những nỗi hiểm nghèo, những cảnh khổ trong cuộc sống phiêu lưu ấy, một cuộc sống không phải chỉ có ngày mai là bấp bênh mà cả đến ngày hôm nay cũng không có gì bảo đảm.

Nếu tôi từ bỏ cuộc sống ấy, thì tôi chỉ có một con đường: đi làm mướn như bác A-canh đã chỉ cho. Nhưng từ bỏ cuộc sống giang hồ thì không giữ được lời hứa với chị Ê-chiên-nét, với A-lơ-xi, Băng-gia-manh và Li-dơ, nghĩa là bỏ mặc chị em họ. Nói cho đúng thì chị Ê-chiên-nét, A-lơ-xi và Băng-gia-manh cũng không cần tôi cho lắm vì họ có thể viết thư cho nhau. Nhưng còn Li-dơ? Li-dơ không biết viết, cả bà cô Ca-tơ-rin cũng vậy. Nếu tôi mặc Li-dơ, thì nó sẽ bị quạnh hiu. Rồi nó sẽ nghĩ về tôi như thế nào? Chắc nó chỉ nghĩ một điều là tôi không yêu nó nữa, nó, cái cô bé đã tỏ ra tha thiết bao nhiêu với tôi và đã khiến cho tôi khôn xiết vui sướng. Cái đó không thể được.

- Thế bác không muốn cháu đem tin các anh chị và em Li-dơ đến cho bác ư?

- Chúng nó có nói với bác chuyện ấy. Bác không nghĩ tới gia đình nhà bác khi khuyên cháu từ bỏ cái nghề hát rong. Không bao giờ nên nghĩ đến mình trước khi nghĩ đến người khác.

- Thưa bác chính thế, và chắc bây giờ bác thấy rằng chính bác đã chỉ cho cháu cái điều phải làm: nếu cháu xóa bỏ lời cam kết của cháu vì sợ những sự hiểm nghèo mà bác nói thì ra cháu chỉ nghĩ đến mình, chứ không nghĩ đến bác, đến các anh chị và em Li-dơ.

Bác A-canh lại nhìn tôi, lần này lâu hơn. Rồi đột nhiên bác nắm hai tay tôi:

- Này cháu ạ, bác phải hôn cháu một cái mới được, vì câu nói ấy. Cháu là người có tình có nghĩa. Đúng là cái đó không cần phải lớn tuổi mới có.

Chỉ có bác và tôi ở trong phòng khách ngồi bên cạnh nhau trên chiếc ghế dài. Tôi ngả vào tay bác. Bác lại nói:

- Bác chỉ nói với cháu một lời này nữa thôi, là "Cầu trời phù hộ cho cháu, cháu thân mến!"

Cả hai chúng tôi ngồi im lặng một lúc. Nhưng thì giờ trôi qua, và sắp đến lúc phải chia tay.

Bỗng bác A-canh móc trong túi áo gi-lê ra một chiếc đồng hồ quả quýt lớn có sợi dây da mỏng dính vào khuyết áo. Bác nói:

- Không thể nào bác cháu chúng ta xa nhau mà cháu không nhận của bác một vật kỉ niệm gì. Cái đồng hồ của bác đây, bác biếu cháu. Nó không phải là của quý vì cháu cũng biết, nếu là vật có giá trị thì bác đã bán lâu rồi, chứ còn đâu nữa. Nó chạy cũng không tốt lắm nữa, thỉnh thoảng phải vặn lại. Dầu sao đó cũng là tất cả gia tài của bác hiện nay, vì vậy bác biếu cháu.

Bác nói thế rồi đặt đồng hồ vào tay tôi. Thấy tôi tỏ ý không muốn nhận món quà quý giá ấy, bác buồn rầu nói thêm:

- Cháu thừa hiểu rằng ở đây bác có cần xem giờ làm gì đâu. Xem giờ càng thấy thời giờ đi chậm. Nếu ngồi đếm từng phút từng giờ thì bác chết mất. Thôi chào cháu, cháu bé Rê-mi. Nào, hôn bác lần nữa đi. Cháu là một chú bé tốt. Cháu nhớ giữ cho được mãi mãi như thế.

Việc gì đã xảy ra trong giờ phút ấy? Bác cháu chúng tôi đã nói với nhau những gì, tôi không nhớ rõ, bởi vì tôi xúc động quá. Tôi nhớ mang máng rằng bác đã cầm tay tôi dắt ra cửa.

Bây giờ hồi tưởng lại cái phút chia tay ấy, tôi chỉ nhớ cái cảm giác ngẩn ngơ trống trải trong tâm hồn.

Hình như tôi đứng lâu, rất lâu trên đường phố trước cổng nhà lao, mãi không biết đi chiều này hay chiều kia. Có lẽ tôi đứng đó đến tối mất nếu tay tôi không vô tình chạm phải một vật gì tròn và cứng trong túi áo.

Tự nhiên như cái máy và cũng chẳng biết mình làm gì, tôi sờ soạng vật ấy. Hóa ra cái đồng hồ của tôi.

Cái đồng hồ của tôi! Buồn bã, lo ngại, hãi hùng đều tiêu tan tức khắc, cái thằng trẻ con ở trong tôi chỉ còn nghĩ đến chiếc đồng hồ. Tôi có một cái đồng hồ, một cái đồng hồ của riêng tôi, đang nằm trong túi áo tôi, tôi muốn xem giờ lúc nào cũng được! Tôi rút đồng hồ ra xem giờ đây: đúng trưa. Đúng trưa hay là mười giờ, hay là ba giờ chiều đi nữa, cái đó đối với tôi có ích gì, nhưng tôi vẫn cứ sung sướng vì biết là đúng trưa. Tại sao thế? Hỏi thì chắc tôi lúng túng không biết trả lời ra sao. Nhưng nó cứ như thế đấy! Ô! đúng trưa, đã đúng trưa rồi! Tôi biết là đúng trưa rồi đấy! Chính cái đồng hồ của tôi đã mách tôi là đúng trưa, ghê không? Tôi cảm thấy rằng đồng hồ là một người bạn tâm phúc của mình, mình có thể hỏi ý kiến nó, nó có thể trò chuyện với mình:

- Máy giờ rồi, bạn đồng hồ nhỉ?

- Đúng trưa rồi đấy, anh Ré-mi thân mến ạ.

- Ô! Đúng trưa. Thế thì ta phải làm việc này, và việc này, phải không?

- Hẳn chứ ỉ !

- Cậu chắc mình thế là tốt đấy! Không có cậu thì mình quên mất.

- Tôi theo anh là để nhắc nhở anh mà !

Có con chó Ca-pi và cái đồng hồ, thế là tôi có bạn để chuyện trò rồi.

Đồng hồ tôi! Đó là ba tiếng nói lên nghe rất lý thú. Tôi đã từng vô cùng ao ước được có một chiếc đồng hồ

và tôi cũng đã yên trí rằng mình sẽ không bao giờ có nổi! Thế mà giờ đây có một chiếc nằm trong túi áo tôi, kêu tích tắc. Ông bố nói nó chạy không đúng lắm. Cái đó không hề gì. Miễn nó chạy, thế là đủ. Nó cần được lên dây à? Tôi sẽ lên dây, sẽ vặn mạnh chứ, có hà tiện gì cái vặn! Và nếu vặn cũng chưa đủ thì tôi sẽ mở nó, tháo máy nó ra. Cái ấy thì phải biết là thú! Tôi sẽ xem có những gì trong lòng nó và cái gì đẩy nó chạy. Nó phải liệu mà cư xử cho đúng đắn. Tôi sẽ điều khiển nó một cách nghiêm khắc.

Tôi vui mừng quá đổi nên không để ý rằng con Ca-pi cũng vui sướng như tôi. Nó cứ kéo ống quần tôi và chốc chốc lại sửa dờn. Cuối cùng nó sửa to quá làm tôi búng tỉnh cơn mơ mộng.

- Ca-pi đòi gì thế?

Nó nhìn tôi, nhưng tôi đương rộn niềm vui sướng nên không đoán ra ý nó. Đợi một phút không được, nó đứng thẳng lên áp vào người tôi và đặt một chân lên túi tôi, cái túi có chiếc đồng hồ. Thì ra nó muốn xem giờ “để báo cho chư vị khán giả” như thuở nó còn làm trò với cụ Vi-ta-li.

Tôi đưa đồng hồ cho nó xem. Nó nhìn lâu lắm tưởng như đang cố nhớ, rồi vẫy đuôi, sửa mười hai tiếng. Thế là nó không quên. A ha! Thế thì tôi có thể kiếm tiền với chiếc đồng hồ này chứ phải chơi dẫu! Như vậy là thêm được một trò mà trước đây tôi không tính đến.

Câu chuyện vừa rồi diễn ra ở ngoài đường, ngay trước cổng nhà lao cho nên có những khách qua đường

tò mò nhìn chúng tôi, hơn nữa, họ dừng lại. Nếu tôi bạo dạn thì tôi có thể biểu diễn ngay cho họ xem, nhưng tôi không có gan, tôi sợ cảnh sát.

Và lại đã đúng trưa, tôi cần lên đường.

Tiến lên!

Tôi đưa mắt từ biệt nhà tù lần cuối cùng, cái nhà tù trong đó bác A-canh tội nghiệp bị giam hãm, trong khi tôi tung tăng khắp bốn phương trời. Cuối cùng chúng tôi lên đường.

Đối với cái nghề nghiệp của tôi, bản đồ nước Pháp là một vật có ích nhất. Tôi biết rằng thứ ấy ở bến tàu thủy thường có bán. Tôi định mua một tấm, nên tôi đi về phía bờ sông.

Tìm cho ra một bản đồ vừa ý cũng mất nhiều thì giờ. Bản đồ vừa ý tôi phải là một bản đồ bồi vải gấp lại được, mà giá không quá một phờ-răng, vì một phờ-răng đối với tôi đã là một số tiền to lắm. Nhưng rồi tôi cũng tìm được một tấm vàng ố, cũ kỹ đến nỗi người chủ quầy chỉ đòi tôi có bảy mươi nhăm xăng-tim⁽¹⁾.

Bây giờ thì tôi có thể rời thành phố Pa-ri được rồi. Tôi định đi ngay, không trì hoãn. Tôi có thể đi một trong hai con đường này: hoặc là đường Phong-te-nơ-bơ-lô qua cửa ô I-ta-li-a, hoặc là đường Oóc-lê-ăng qua Mông Ru-giơ. Đi đường nào cũng được thôi, tôi không thích đường nào hơn đường nào. Thật là ngẫu nhiên mà tôi đi con đường Phong-te-nơ-bơ-lô.

(1) Một trăm xăng-tim bằng một đồng phờ-răng - ND.

Tôi vào phố Mu-phơ-ta. Vừa đọc cái tên phố trên tấm bảng xanh xong thì cả một loạt chuyện cũ hiện lại trong trí óc: nào là Ga-rô-phô-li, nào là Mát-chi-a, nào là Ri-các-đô, rồi cái nỗi khóa vung, cây roi da và cuối cùng là cụ Vi-ta-li, ông chủ tội nghiệp, ông chủ rất tốt của tôi, cái người đã chết vì không để thằng cha bầu trẻ con ở phố Luốc-xin muốn tôi.

Tới nhà thờ Xanh Mê-da thì tôi thấy có một chú bé đứng tựa vào tường, nom hình như là thằng bé Mát-chi-a: rõ ràng cái đầu quá to ấy, cặp mắt ươn ướt, đôi môi mấp máy, cái vẻ hiền lành nhẵn nhụi, cái dáng điệu buồn cười của thằng Mát-chi-a. Nhưng lạ chưa? Nếu phải thằng Mát-chi-a thì sao lâu nay nó vẫn thế, không lớn lên tí nào?

Tôi tiến đến gần để nhìn kỹ. Thôi không còn nghi ngờ gì nữa, chính nó. Nó cũng nhận ra tôi và gương mặt nhợt nhạt của nó sáng lên một nụ cười. Nó hỏi:

- Có phải anh đã đến chỗ Ga-rô-phô-li với ông cụ râu bạc, trước khi tôi vào bệnh viện không? Ôi chao! Cái ngày hôm đó sao mà tôi đau đầu thế!

- Ga-rô-phô-li vẫn là chủ của anh à?

Nó nhìn quanh trước khi trả lời, và hạ giọng:

- Ga-rô-phô-li đi tù rồi. Người ta tóm cổ nó bởi vì nó đánh đập thằng Ốc-lăng-đô tàn nhẫn quá đến nỗi thằng đó ốm chết.

Nghe nói thằng Ga-rô-phô-li đi tù, tôi sướng lắm. Lần này là lần đầu tôi nghĩ rằng những nhà tù ghê gớm kia cũng có ích. Tôi hỏi:

- Còn lũ trẻ ?

- Ô! Tôi không biết. Lúc Ga-rô-phô-li bị bắt thì không có tôi ở đó. Khi tôi ra viện, thằng Ga-rô-phô-li thấy rằng hễ đánh đập tôi thì tôi đổ ốm nên muốn gạt tôi đi. Nó cho gánh xiếc Gát-xô mượn tôi hai năm và nó nhận tiền trước. Anh biết gánh xiếc Gát-xô chứ? Không à? Đó không phải là một gánh xiếc lớn nhưng cũng là một gánh xiếc. Họ cần một đứa bé để diễn trò uốn dẻo, cho nên bác Gát-xô mới mượn tôi. Tôi làm với bác ấy cho đến hôm thứ hai vừa qua. Người ta thả tôi ra bởi vì bây giờ đầu tôi to quá rồi, không thể chui vào hộp được nữa, và nó cũng nhay đau quá. Bởi vậy tôi đã đi từ Ghi-dô là nơi gánh xiếc đang diễn trò để về Pa-ri tìm Ga-rô-phô-li. Nhưng tôi không tìm thấy ai cả. Nhà thì đóng kín mít. Một ông láng giềng đã thuật lại cho tôi nghe cái việc tôi vừa nói với anh, là Ga-rô-phô-li đi tù rồi. Thế là tôi đến đây vì không biết đi đâu, không biết làm gì bây giờ.

- Sao anh không trở về Ghi-dô ?

- Bởi vì cái hôm ở Ghi-dô tôi lên đường đi bộ về Pa-ri thì gánh xiếc cũng khởi hành đi Ru-ăng. Anh tính tôi làm thế nào mà đi Ru-ăng cho được? Xa quá, mà tôi không có tiền. Từ trưa hôm qua đến nay tôi đã có gì vào bụng đâu !

Tôi không giàu, nhưng tôi có đủ để cứu thằng bé đáng thương ấy khỏi chết đói. Ngày tôi lang thang quanh vùng Tu-lu-dơ, đói khát như thằng Mát-chi-a hôm nay, mà có ai chia cho tôi một mẩu bánh mì thì tôi đã cảm tạ người ấy bao nhiêu! Tôi bảo thằng Mát-chi-a:

- Anh hãy đứng đó!

Rồi tôi chạy đến hiệu bánh mì ở góc phố. Trong giây lát, tôi trở lại, mang theo một chiếc bánh và tôi đưa biếu nó. Nó vô lấy, ăn ngon ngấu hết ngay.

- Bây giờ thì anh định làm gì?

- Tôi không biết.

- Phải làm cái gì mới được chứ?

- Tôi đương cố dạm bán cây vĩ cầm của tôi thì anh đến. Giá tôi không quen luyện nó thì tôi đã bán được rồi. Cây đàn ấy là nguồn vui, là niềm an ủi của tôi. Khi nào buồn quá, tôi tìm một chỗ khuất, một mình kéo cho mình nghe. Lúc ấy thì tôi thấy không biết bao nhiêu là điều tốt đẹp hiện lên giữa trời. Ôi! Còn đẹp hơn trong mơ nhiều! Nó cứ nối tiếp nhau không dứt...

- Thế thì tại sao anh không kéo vĩ cầm ở đường phố cho người ta nghe?

- Tôi đã làm thử. Không ai cho tiền cả !

Tôi cũng đã trải qua cái cảnh biểu diễn cho người ta xem mà không ai thò tay vào túi. Mát-chi-a hỏi:

- Còn anh? Lúc này anh làm gì ?

Tôi bỗng nổi máu khoác lác trẻ con lên. Tôi nói:

- Mình ấy à? Mình là chủ gánh.

Chao ôi! Thực ra thì cũng đúng, bởi vì tôi làm chủ một gánh xiếc mà con Ca-pi làm diễn viên. Nhưng cái thực ấy cũng không xa cái dối là mấy. Mát-chi-a nói:

- Chao ôi! Nếu anh vui lòng!

- Vui lòng gì cơ ?

- Nhận tôi vào gánh của anh.

Tức khắc tỉnh ngay thật trở về với tôi. Tôi chỉ con Ca-pi mà nói:

- Tất cả gánh của mình chỉ có thế.

- Cũng chẳng sao! Nó với tôi là hai vậy. Chao ôi! Tôi van anh, anh đừng bỏ tôi! Anh bỏ tôi thì tôi sẽ thế nào? Chỉ còn nước chết đói mà thôi.

Chết đói! Cái tiếng kêu ấy, không phải ai nghe nó cũng hiểu nó như nhau, và ở mỗi người nó cũng không dội vào cùng một chỗ. Với tôi thì nó dội vào đúng tim. Tôi đã biết thế nào là chết đói.

- Tôi diễn được -Mát-chi-a tiếp -Trước hết tôi biết chơi vĩ cầm. Và tôi uốn dẻo, tôi nhảy dây, tôi lộn vòng, tôi hát. Rồi anh xem, anh bảo gì tôi làm nấy. Tôi sẽ là đứa ở của anh, tôi vâng lời anh. Tôi không đòi tiền công ở anh đâu, chỉ cần có ăn thôi. Nếu tôi làm ăn tồi thì anh đánh tôi, ta giao ước với nhau như vậy. Tôi chỉ yêu cầu một điều là đừng đánh vào đầu, cũng phải giao ước thêm điều đó, bởi vì đầu tôi rất kém chịu đau, từ ngày thằng cha Ga-rô-phô-li cứ nện bừa lên đó.

Nghe cái thằng bé tội nghiệp ấy nói như thế, tôi suýt ứa nước mắt. Làm sao nói cho nó hiểu rằng tôi không thể nhận nó vào gánh của tôi? Chết đói ư? Một mình nó, nó có thể chết đói, đi với tôi, nó cũng không

thiếu cơ hội chết đói đâu! Tôi giải thích điều ấy cho nó, nhưng nó không chịu nghe. Nó nói:

- Không, hai đứa thì không chết đói được. Chúng mình sẽ nương tựa nhau, giúp đỡ lẫn nhau, đứa có chia sẻ với đứa không có, như anh đã làm vừa rồi.

Câu ấy làm cho tôi hết do dự. Tôi đã có thì tôi phải giúp nó. Tôi nói:

- Thôi được, đồng ý!

Tức khắc nó cầm tay tôi mà hôn, khiến lòng tôi rung động một cách êm ái, nước mắt trào ra. Tôi nói:

- Anh hãy đi với tôi, nhưng không phải như một đứa ỏ mà như một người bạn.

Rồi kéo quai dây đàn lên vai, tôi bảo:

- Ta đi thôi!

Mười lăm phút sau, chúng tôi ra khỏi thành Pa-ri.

Nắng hanh tháng ba đã làm cho đường sá khô ráo nên bây giờ chúng tôi đi lại dễ dàng trên đất rắn. Không khí mát mẻ, mặt trời tháng tư rạng rỡ, nền trời xanh không một gợn mây. Thật là khác biệt bao nhiêu với cái ngày mưa tuyết mà tôi vào Pa-ri năm nọ, Pa-ri - cái thành phố mà tôi ước ao từ lâu như ước ao đất thánh.

Trên bờ hào ở hai bên đường, cỏ bắt đầu mọc; đó đây lấm tấm những bông hoa cúc dại và hoa dâu tây, cánh hoa hướng về mặt trời. Khi hai bên đường có vườn thì chúng tôi thấy những búp đinh hương tía nhú đỏ

giữa màu xanh mơn mớn của lá non. Một ngọn gió thổi qua, từ trên chớp mấy bức tường cổ, những cánh đình hương vàng lác đác rơi xuống đầu chúng tôi. Trong vườn, trong các bụi cây nhỏ và trên những cây lớn, đâu đâu cũng nghe tiếng chim kêu riu rít, còn trước mặt thì chim én bay là là mặt đất để đuổi theo những con ruồi, con nhặng mà mắt ta chẳng nhìn thấy đâu cả.

Cuộc hành trình của chúng tôi bắt đầu tốt đẹp như thế, cho nên tôi rảo bước trên con đường vắng dội tiếng chân, lòng đầy tin tưởng. Con Ca-pi được thả lỏng chạy tung tăng quanh chân chúng tôi, sủa theo mấy chiếc xe, sủa vào mấy đồng đá, sủa khắp nơi, sủa không vì cái gì cả ngoài thú được sủa; có lẽ nó có cái thú ấy cũng như con người ta có cái thú hát ca.

Mát-chi-a đi bên cạnh tôi lặng lẽ. Có lẽ nó bận suy nghĩ cái gì, tôi cũng không bắt chuyện, phần sợ làm rầy nó, phần chính mình cũng có việc phải suy nghĩ. Chúng tôi dẫn bước trên con đường có vẻ hăng hái như vậy, để đi đến đâu đây? Nói cho đúng thì tôi không biết cho rõ lắm, hơn thế, phải nói rằng tôi không biết gì cả. Cứ xăm xăm đi tới. Nhưng rồi sau đó? Tôi có hứa với Li-dơ rằng sẽ đến thăm chị Ê-chiên-nét và hai anh trước khi đến em, nhưng đến ai trước, Băng-gia-manh, A-lơ-xi hay Ê-chiên-nét, thì tôi không giao hẹn gì. Tôi có thể đến người này hay người kia trước tùy ý, nghĩa là có thể bắt đầu bằng vùng núi Xê-ven, hay miền Srăng hoặc miền Pi-các-di.

Tôi đã ra khỏi Pa-ri về phía Nam thì tất nhiên là tôi không đến Băng-gia-manh trước. Chỉ còn phải chọn giữa chị Ê-chiên-nét và A-lơ-xi nên đến thăm ai trước.

Sở dĩ tôi quyết định đi về phía Nam trước chứ không đi về phía Bắc là vì tôi có ý muốn ghé thăm má Bác-bơ-ranh.

Lâu nay tôi không nói đến má không phải vì tôi đã quên má như một thằng vong ơn bội nghĩa.

Cũng không nên kết luận tôi là thằng bội nghĩa vì lẽ tôi không gửi thư từ gì cho má từ cái ngày rời má ra đi. Đã bao lần tôi định viết thư cho má để nói: “Con nhớ má và con vẫn yêu má hết sức”. Nhưng tôi biết rằng má không xem thư được, và tôi hãy còn sợ lão Bác-bơ-ranh. Nếu nhờ có thư mà lão tìm lại được tôi thì làm thế nào? Hoặc lão bắt tôi về ? Hoặc lão lại bán tôi cho một ông Vi-ta-li nào khác không giống cụ Vi-ta-li của tôi tí nào? Hẳn lão có quyền làm những việc ấy. Nghĩ đến đó tôi chẳng còn lòng dạ nào mà viết thư, thà rằng bị má coi là bội bạc còn hơn là nữ bị lão ta bắt vào trông lần nữa. Hoặc lão bán tôi, hoặc lão sai bảo tôi làm việc, đảng nào cũng không xong cả. Thà rằng chết-chết đói-còn hơn là đưa đầu vào cảnh hiểm nghèo như vậy.

Tôi không dám viết thư cho má Bác-bơ-ranh, nhưng có lẽ tôi có thể về thăm má được, bởi vì ngày nay tôi muốn đi đâu thì đi, không ai cấm. Không những có thế, tôi lại thấy không khó, từ khi tôi thu nhận Mát-chi-a vào “gánh”. Tôi sẽ cho Mát-chi-a đi trước, còn tôi thì sẽ cẩn thận rón lại sau. Nó vào nhà má Bác-bơ-ranh kiếm chuyện nói với má. Nếu chỉ có mình má ở nhà thì Mát-chi-a sẽ nói thật, rồi đến báo cho tôi biết, thế là tôi trở về cái nhà tôi đã sống tuổi thơ, để ngã vào lòng bà mẹ nuôi của tôi. Nếu trái lại, lão Bác-bơ-ranh có ở làng,

thì Mát-chi-a sẽ nói với má đến một chỗ nào đó đã hẹn, để tôi gặp má và hôn má.

Đó là kế hoạch của tôi đã nghĩ ra trong khi đi đường và vì thế mà tôi đâm chiêu yên lặng: xét một vấn đề quan trọng như thế, dù tập trung tư tưởng, chăm chú hết sức cũng không thừa.

Quả vậy, không những tôi phải tính xem tôi có thể về thăm má Bác-bơ-ranh được không, mà tôi còn phải cố tìm thủ trên đường đi của chúng tôi có những làng mạc, những thị trấn nào có cơ kiếm tiền được. Muốn thế, tốt hơn hết là xem bản đồ.

Đúng vào lúc đó, chúng tôi ở giữa đồng. Chúng tôi có thể nghỉ chân trên đồng sỏi kia, không ngại bị quấy phá. Tôi nói:

- Mát-chi-a, nếu anh đồng ý thì chúng mình nghỉ một lát.

- Anh có vui lòng chuyện vãn không?

- Anh muốn nói gì với tôi chẳng?

- Tôi muốn yêu cầu anh gọi tôi bằng "cậu".

- Được lắm. Chúng mình sẽ "cậu, tớ" với nhau.

- Anh thì "cậu, tớ" với tôi là phải chứ tôi thì sao được!

- Cậu cũng như tớ, nghe chưa? Tớ ra lệnh cho cậu thế đấy, nếu không nghe, tớ choảng cho đấy!

- Choảng thì cứ choảng, nhưng chớ choảng lên đầu-
Thằng Mát-chi-a nói thế rồi cười một cách hiền lành,

chân thật, nhe cả hai hàm răng trắng bóng trên khuôn mặt rám nắng.

Chúng tôi ngồi xuống, rồi tôi rút tấm bản đồ trong xắc, đem trải lên cỏ. Tôi tìm mất khá nhiều thì giờ. Nhưng nhờ nhớ lại cách làm của cụ Vi-ta-li, cuối cùng tôi đã vạch xong hành trình sắp tới của chúng tôi. Chúng tôi có thể đi Sa-va-nông được và nếu không gặp rủi ro quá thì cũng không đến nỗi chết đói dọc đường. Mát-chi-a chỉ tấm bản đồ hỏi:

- Cái này là cái gì thế ?

Tôi giải thích cho nó biết thế nào là một tấm bản đồ và bản đồ dùng để làm gì. Tôi lặp lại hầu như nguyên văn những lời cụ Vi-ta-li giảng bài địa lý đầu tiên cho tôi. Nó chăm chú nghe, mắt dán vào mắt tôi. Nó hỏi:

- Thế thì phải biết chữ chứ ?

- Hẳn rồi. Cậu không biết chữ à ?

- Không.

- Cậu muốn học không ?

- Ô! Muốn lắm.

- Thế thì tớ sẽ bảo cho cậu học.

- Đây, coi trên bản đồ, có thể tìm được con đường từ Ghi-dô đến Pa-ri hay không?

- Hẳn chứ! Cái đó dễ lắm.

Tôi chỉ cho nó. Thoạt đầu nó chẳng thêm tin tôi, khi tôi lấy ngón tay kéo một đường từ Ghi-dô đến Pa-ri. Nó nói:

- Tổ đi bộ, thấy xa hơn thế nhiều.

Tôi bèn cố sức giảng giải cách ghi độ xa gần trên bản đồ, cố sức, nghĩa là lúng túng, chẳng có gì rõ ràng. Nó nghe nhưng có vẻ không tin lắm ở trình độ hiểu biết của tôi.

Vì cái xác đương để hở, tôi bỗng nảy ý kiểm soát lại những đồ vật trong ấy, và nhân dịp khoe với Mát-chi-a những của cải của mình. Tôi lấy ra, xếp tất cả trên cỏ. Tôi có ba cái sơ-mi vải, ba đôi tất tất, năm chiếc khăn tay, tất cả đều còn tốt, và một đôi giày hơi sờn, thùng Mát-chi-a choáng mắt. Tôi hỏi nó:

- Còn cậu, cậu có những gì?

- Tổ có cây đàn này, với bộ quần áo đang mặc trên người đây.

- Ô, thế thì ta chia nhau những món này, có thể mới là bạn: cậu lĩnh hai cái sơ-mi, hai đôi tất và ba cái khăn tay. Nhưng đã chia thì phải chia tất cả cho công bằng, vì vậy tổ mang cái xác này một tiếng đồng hồ, cậu lại mang một tiếng.

Mát-chi-a muốn từ chối phần đầu trong đề nghị của tôi. Nhưng tôi đã quen thói chỉ huy rồi, và phải nói rằng tôi lấy làm thú vị điều đó, cho nên tôi cấm nó nói lời thôi. Trên mấy chiếc sơ-mi, tôi đã bày cái hộp khâu của Ê-chiên-nét và cái hộp con đựng đóa hồng của Li-dơ. Mát-chi-a muốn mở cái hộp con ấy xem. Nhưng tôi không cho mở và tôi bỏ luôn hộp vào xác, không mở ra. Tôi nói:

- Nếu cậu không muốn làm phiền lòng tớ thì đừng động tới cái hộp ấy, đừng bao giờ. Đó là một vật lưu niệm.

- Được rồi. Tớ hứa sẽ không bao giờ động tới.

Từ khi tôi khoác lại tấm da cừu và đeo dây đàn lên thì có một điều làm cho tôi khó chịu mãi, đó là cái quần dài. Ra giữa công chúng, người nghệ sĩ phải mặc quần cộc và mang bít tất dài quấn dây băng ngũ sắc. Quần dài chỉ thích hợp với người làm vườn, còn tôi bây giờ là một nghệ sĩ...

Đã có quyền tự chủ thì khi người ta có một dự định người ta thực hiện không trì hoãn. Tôi mở cái hộp của chị Ê-chiên-nét lấy kéo. Tôi nói:

- Trong khi tớ chữa lại cái quần thì cậu nên kéo đàn để tớ xem thử cậu chơi ra sao.

- Ô! Được chứ !

Nó nói thế rồi lấy cây vĩ cầm ra kéo.

Trong lúc đó, tôi mạnh dạn chọc kéo vào ống quần, và cắt nghiêng vài dạ. Phải thấy là cái quần ấy rất đẹp và cũng may bằng dạ xám như cái áo gi-lê và cái áo vét tôi đang mặc. Khi bác A-canh cho tôi bộ quần áo ấy, tôi mừng lắm. Tôi nghĩ rằng hót như thế không làm quần hỏng đi mà trái lại.

Lúc đầu tôi vừa nghe Mát-chi-a vừa cắt. Dần dần, tôi ngừng tay kéo, vênh cả hai tai lên. Mát-chi-a kéo đàn hay không kém cụ Vi-ta-li mấy. Tôi vỗ tay hoan hô nó và hỏi:

- Thế ai dạy cho cậu đàn như vậy?

- Không ai cả, mỗi người bảo một chút, nhất là tự tớ vừa làm việc vừa tập.

- Ai dạy nhạc lý cho cậu.

- Tớ có biết nhạc lý gì đâu! Tớ nghe người ta đàn thế nào thì tập theo thế ấy.

- Tớ sẽ dạy nhạc lý cho cậu.

- Thế cái gì cậu cũng biết cả sao?

- Tất nhiên là thế, vì tớ là chủ gánh kia mà.

Đã là nghệ sĩ thì người ta không khỏi có lòng hiếu thắng. Tôi muốn tỏ cho Mát-chi-a biết tôi cũng là nhạc sĩ. Tôi cầm thụ cầm lên và muốn đánh ngay một đòn oanh liệt, tôi hát bài hát tử của tôi... Và thế là Mát-chi-a vỗ tay hoan hô, để đáp lại những lời khen tặng của tôi lúc nãy. Nó là một bậc tài hoa, tôi cũng là một bậc tài hoa, rõ ràng là anh hùng tương ngộ⁽¹⁾. Nhưng có thể đâu chúng tôi cứ ngồi lì ở đó mà tán tụng nhau không ngớt! Sau khi đánh đàn cho nhau nghe vì hứng thú, còn phải đánh đàn cho người ta nghe vì bữa ăn chiều, vì chỗ ngủ trọ nữa chứ! Tôi nịt xác lại và đến lượt thằng Mát-chi-a mang lên vai. Đi lên, ta đi lên thôi trên đường gió bụi! Rồi thì ta sẽ dừng lại ở cái làng đầu tiên ta gặp trên đường cái, để tổ chức mừng buổi “diễn mở màn của gánh Rê-mi”.

(1) Tương ngộ: gặp nhau - ND.

- Cậu dạy tớ cái bài hát ấy- Mát-chi-a nói- Khi diễn, hai đứa mình sẽ song ca và tớ chắc là nay mai tớ sẽ có thể đệm vĩ cầm nữa, rồi cậu xem, “ác” lắm !

Phải, nhất định là “ác” lắm. Có họa là tim của “chư vì khán giả” bằng đá thì mới không chịu bỏ những đồng xu lớn đầy đĩa chúng tôi.

Chúng tôi không bị cái họa “diễn thì có, tiền thì không”. Đi khỏi Vi-lơ-duýp, đến một làng kia, chúng tôi định tìm chỗ thuận lợi để biểu diễn. Đi qua trước cổng một nông trang, chúng tôi thấy trong sân đứng đầy những người quần áo lịch sự, mỗi người mang một bó hoa buộc dây băng cuộn cuộn. Đàn ông thì cài hoa ở ve áo, đàn bà thì cài ở ngực. Không cần phải tinh ý cũng đoán ra đây là một đám cưới.

Tôi nghĩ rằng những người ấy có lẽ sẽ vui lòng nếu được ai đánh đàn cho họ khiêu vũ; tôi tiến vào trong sân, Mát-chi-a và Ca-pi theo sau. Tay cầm mũ, tôi bắt chước cụ Vi-ta-li chào trịnh trọng và trình bày đề nghị của tôi với người đầu tiên mà tôi gặp. Đó là một thanh niên béo phì, cái mặt màu gạch non trông như đóng khung giữa chiếc cổ cồn to, cứng, chỉ chực cửa hai mép tai anh ta. Anh có vẻ hiền lành phúc hậu.

Anh ta không trả lời. Anh quay cả người về đám khách dự lễ- hẳn anh bị vướng víu trong cái áo lễ bằng dạ đẹp và bóng. Anh thọc hai ngón tay vào mồm và dùng thứ nhạc cụ ấy huýt lên một tiếng còi dữ dội, làm cho con Ca-pi phát hoảng. Rồi anh ta thét lớn:

- Ô các bạn! Có chút đỉnh âm nhạc thì các bạn nghĩ thế nào? Có mấy nhạc sĩ vừa đến với chúng ta đây này.

- Ủ ừ, âm nhạc! Âm nhạc! Âm nhạc! – Nhiều giọng đàn ông và đàn bà thét lên như thế.

- Hãy đứng vào để nhảy một bài ca-đơ-ri đi nào!

Trong vòng mấy phút thôi, nhiều nhóm tay tư đã tụ họp giữa sân để chờ nhảy, làm cho lũ gà vịt kinh hoảng bay tứ tung. Tôi lo ngại quá, hỏi nhỏ thằng Mát-chi-a bằng tiếng I-ta-li-a:

- Cậu đã từng đánh điệu nhảy ca-đơ-ri rồi đấy à?

- Đã.

Nó dạo thử một bài trên vĩ cầm. Tình cờ tôi cũng biết bài đó. Thế là chúng tôi thoát nạn.

Người ta kéo một cỗ xe bò từ nhà xe ra. Người ta bắc đòn, kê cang xe lên và bảo chúng tôi lên đấy. Mặc dù chưa khi nào chúng tôi hợp tấu với nhau, lần này chúng tôi xoay xở với bài ca-đơ-ri cũng không đến nỗi tồi lắm. Cần phải thừa thật rằng thánh giả của chúng tôi không khó tính và cũng không tinh về âm nhạc cho lắm. Cái anh chàng béo, mặt đỏ hồi nãy lại hỏi:

- Trong hai chú có chú nào biết chơi kèn đấy không?

- Có, tôi- Mát-chi-a nói- Nhưng tôi không có kèn ấy.

- Để tôi đi kiếm cho chú một cái, bởi vì vĩ cầm thì hay đấy, nhưng cũng nhạt nhẽo lắm.

- Cậu cũng chơi được kèn đây à?- Tôi hỏi thằng Mát-chi-a vẫn bằng tiếng I-ta-li-a.

- Cả kèn loa, ống sáo nữa và tất cả những thứ dàn địch nói chung.

Mát-chi-a quả là của quý!

Lát sau, người ta mang kèn đây tới và chúng tôi lại chơi ca-dơ-ri, pôn-ka, van-xơ, nhất là ca-dơ-ri.

Chúng tôi đánh dần, thổi kèn mãi cho đến tối mà những người khách nhảy vẫn không để chúng tôi nghỉ ngơi phút nào. Cái đó đối với tôi không hại lắm, nhưng đối với Mát-chi-a thì thật là nghiêm trọng: nó gánh phần nặng nhọc hơn hết trong dàn nhạc, vả lại nó đi đường xa và ăn uống thiếu thốn lâu nay nên suy nhược. Chốc chốc nó tái người đi như sắp ngã. Tuy vậy nó vẫn tiếp tục, vẫn rán hết sức thổi kèn. May làm sao không riêng tôi nhìn thấy vẻ nhợt nhạt của nó, cô dâu cũng nhìn thấy. Cô nói:

- Thôi, thôi! Chú bé này đuối sức rồi. Bây giờ thì nào, mở túi ra để thù lao cho các bạn nhạc sĩ nào!

Tôi nhảy xuống xe và nói:

- Nếu quý vị đồng ý tôi sẽ cho viên thủ quỹ của chúng tôi đi một vòng nhận tiền.

Tôi nói thế rồi ném cái mũ cho con Ca-pi. Nó ngoạm vào mũ. Người ta tán thưởng điệu chào duyên dáng của nó mỗi khi nó nhận tiền người ta cho và, quý hóa hơn nữa, người ta cho nhiều lắm. Tôi đi sau nó nên tôi thấy

những đồng hào trắng rơi tới tấp vào mũ. Chú rẽ bỏ tiền sau cùng. Chú bỏ một đồng năm phờ-răng. Thật là dịp may hiếm có! Thế mà đã hết đâu: người ta mời chúng tôi vào ăn uống trong nhà bếp và người ta cho chúng tôi ngủ lại ở kho vựa. Sáng hôm sau, khi chúng tôi rời cái nhà hiếu khách đó ra đi, thì chúng tôi đã có một cái vốn hai mươi tám phờ-răng. Tôi nói với Mát-chi-a:

- Chúng ta có được số tiền này là nhờ công cậu đấy, Mát-chi-a ạ. Mình tớ thì làm gì thành một đàn nhạc.

Và cái câu bác A-canh nói khi tôi bắt đầu dạy cho em Li-dơ học lại hiện về trong ký ức tôi để xác nhận rằng người ta làm điều lành thì bao giờ cũng được đền bù xứng đáng. Tôi nói:

- Tớ nhận cậu thế mà hóa khôn đấy!

Với hai mươi tám phờ-răng trong túi, chúng tôi quả là những ông hoàng. Với số tiền ấy, đến Coóc-bây, tôi đã mua sắm vài thứ cần thiết, không ngại tiêu phí quá tay: trước hết là một cây kèn dầy giá ba phờ-răng, mua ở một cửa hàng sắt cũ; kèn bán giá ấy thì tất nhiên không phải kèn mới, kèn đẹp, nhưng rồi mình lau chùi, sửa soạn thì cũng tươi tắn: rồi ít cuộn dây bằng đồng để quấn bít tất và cuối cùng là một cái xác lính cũ cho Mát-chi-a. Mang lâu dài trên vai một cái xác nhẹ vẫn hơn là thỉnh thoảng mang một cái xác nặng, cho nên chúng tôi sẽ chia đều đồ đạc, và như thế, sẽ đi lại nhanh nhẹn, nhẹ nhàng hơn.

Ra khỏi Coóc-bây thì chúng tôi có vẻ tươi tắn lắm. Những buổi biểu diễn của chúng tôi đều thu khá, nên

sau khi mua sắm rồi, chúng tôi vẫn còn ba mươi phở-răng trong túi. Chúng tôi có thể sắp xếp tiết mục biểu diễn thế nào để có thể ở lâu tại một nơi mà khỏi phải diễn đi diễn lại nhiều lần độc có mỗi một chương trình. Mát-chi-a và tôi lúc nào cũng ăn ý nhau, chúng tôi sống với nhau chưa bao lâu mà cứ như anh em ruột. Đôi khi nó vừa cười vừa nói:-

- Cậu biết không? Một ông chủ gánh mà không đánh đập kẻ tay chân thì quả là tuyệt diệu.

- Thế cậu có thích không?

- Từ khi tớ bỏ xứ sở ra đi, lần này là lần đầu tiên tớ không tiếc cái thời nằm bệnh viện.

Cảnh làm ăn phát đạt ấy làm cho tôi nảy ra nhiều tham vọng.

Sau khi rời Coóc-bây, chúng tôi đi về phía Mông-tác-gi; Mông-tác-gi nằm trên đường về nhà má Bác-bơ-ranh.

Về thăm má để hôn má, đó là trả ơn cho má, nhưng trả ơn như thế thì ít quá và dễ dàng quá. Hay là ta mang cho má một cái gì nhỉ? Bây giờ mình đã giàu rồi thì phải tặng má một món quà chứ! Quà gì đây?

Tôi không mất nhiều thì giờ suy nghĩ. Có một món quà sẽ làm má sung sướng, không những sung sướng lúc này, mà còn sung sướng cả cái tuổi già của má: món quà đó là một con bò sữa để thay cho con Rút-xét. Má Bác-bơ-ranh sẽ vui sướng biết bao nhiêu nếu ta biếu má một con bò sữa! Và cả ta nữa, ta sẽ vui mừng bao nhiêu!

Tôi tính thế này: trước khi về tới Sa-va-nông thì tôi mua một con bò sữa, rồi Mát-chi-a dùng dây dắt nó,

đưa vào sân nhà má. Tất nhiên phải không có lão Bác-bơ-ranh ở nhà. Mát-chi-a sẽ nói: “Bà Bác-bơ-ranh à, cháu dắt con bò sữa đến cho bà”. “Con bò sữa à? Cháu ơi, cháu nhầm rồi” (và má thở dài). “Không đâu. Thưa bà, đúng bà là bà Bác-bơ-ranh ở thôn Sa-va-nông chứ? Thế thì hoàng tử (như trong chuyện cổ tích ấy), hoàng tử truyền cho cháu đưa con bò này đến để biếu bà”. “Hoàng tử nào?”. Lúc đó thì tôi hiện ra. Tôi xông vào lòng má Bác-bơ-ranh, và sau khi mẹ con hôn nhau phỉ sức, chúng tôi đi làm bánh rán và bánh kẹp; làm để ba mẹ con cùng ăn với nhau chứ không phải để cho lão Bác-bơ-ranh nuốt chửng, như cái ngày thứ ba ngả mận mà lão ở đâu mò về lật chảo và trút tất cả chỗ bơ của chúng tôi vào món xúp hành của lão. Ôi! Giấc mơ đẹp quá! Duy muốn thực hiện thì phải mua cho được một con bò sữa. Bao nhiêu tiền một con bò sữa? Cái khoản này thì tôi không tưởng tượng được. Đắt tiền thì chắc đắt lắm, nhưng bao nhiêu kia?

Con bò tôi định mua sẽ không phải là một con bò to béo dềnh dàng quá. Bởi vì, trước hết bò càng béo thì giá càng đắt; rồi thì bò càng to thì càng cần nhiều thức ăn, mà tôi không muốn cái món quà tôi tặng lại làm cho má Bác-bơ-ranh của tôi phải lúng túng. Cái thiết yếu trước mắt là phải tìm hiểu giá bò sữa, hay nói cho đúng, giá một con bò sữa theo cỡ mà tôi muốn mua.

Cũng may là việc ấy đối với tôi không khó. Khi đi trên đường thiên lý, khi nghỉ lại ở quán trọ buổi tối, chúng tôi thường tiếp xúc với những người chăn bò, những người lái gia súc. Chỉ cần hỏi họ thôi, dễ lắm. Tôi nhằm một người chăn bò có vẻ cởi mở, dễ gần gũi

mà hỏi. Vừa nghe xong thì anh cười phì vào mặt tôi. Rồi anh ta nằm ngả người trên ghế, chốc chốc lại đăm thình thình xuống bàn và gọi ông chủ quán mà hỏi:

- Bác có biết cái chú nhạc sĩ bé con này hỏi tôi gì không? Giá bao nhiêu một con bò sữa? Một con bò sữa không to lắm, không béo lắm, tóm lại là một con bò sữa tốt. Nó có cần biết làm trò không hở?

Rồi anh ta lại cười nữa. Nhưng tôi đâu có chịu lép! Tôi nói:

- Nó phải có sữa tốt và không ăn uống nhiều quá!

- Có cần nó chịu cho các chú dòng dây dắt đi trên đường thiên lý như con chó kia không?

Sau khi dốc cạn kho bông dừa và trở hết tài hóm hỉnh, anh ta chịu nói chuyện nghiêm chỉnh, hơn thế, chịu trao đổi giá cả với tôi nữa. Anh ta nói anh ta có đúng cái món tôi cần: một con bò cái rất hiền, vắt được nhiều sữa, sữa sền sệt như kem, thế mà lại chẳng ăn uống mấy tí. Nếu tôi xĩa ra giữa bàn mười lăm pít-xtôn hay năm mươi ê-quy thì con bò ấy sẽ về tôi.

Trước tôi vắt vả bao nhiêu để làm cho anh ta nói, thì bây giờ tôi vắt vả bao nhiêu để làm cho anh ta im mồm đi, khi anh ta dương dà tán hươu tán vượn. Nhưng rồi cuối cùng, anh em chúng tôi cũng đi ngủ được. Nằm trên giường, tôi cứ mơ màng nghĩ đến những điều người ta vừa nói. Mười lăm pít-xtôn hay năm mươi ê-quy, tức là một trăm năm mươi phờ-răng, cái vốn của tôi còn xa con số ấy quá!

Số tiền ấy có quá sức chúng tôi làm ra hay không? Có lẽ không! Tôi tưởng nếu cái vận đỏ buổi đầu này không bỏ chúng tôi thì dành dụm từng xu một, chúng tôi sẽ góp đủ số tiền đó. Duy phải có thì giờ. Nghĩ đến đó thì một sáng kiến mới chợt lóe ra trong đầu óc tôi. Tôi tự bảo: “Nếu ta không đi thẳng một mạch đến Sa-va-nông mà đi Vác-xơ trước thì có lẽ có đủ thì giờ kiếm được số tiền lớn ấy, vậy phải đi Vác-xơ cái đã, đến lượt về sẽ ghé lại má Bác-bơ-ranh. Như thế thì chắc chắn lúc ấy ta sẽ có đủ số tiền một trăm năm mươi phờ-răng và hai đứa ta có thể diễn cái trò cổ tích: “Con bò sữa của “hoàng tử” được”.

Rạng ngày hôm sau, tôi bày tỏ ý kiến ấy với Mát-chi-a. Nó tán thành dễ dàng. Nó nói:

- Thế thì ta đi thôi. Vùng mỏ có lẽ hay đấy, được xem một hầm mỏ thì tố khoái lắm.

23

MỘT THÀNH PHỐ ĐEN

Đường từ Mông-tác-gi đến Vác-xơ quả là dài; Vác-xơ ở chính giữa miền Xê-ven-nơ, trên triền núi xuôi về phía Địa Trung Hải. Năm, sáu trăm kilômét theo đường thẳng, nhưng với chúng tôi thì phải đến trên một ngàn kilômét vì lối sống của chúng tôi bắt buộc phải tạt ngang rẽ ngửa đó đây: phải tìm đến

những thành phố và những thị trấn lớn mà biểu diễn để thu được kha khá! Chúng tôi đi ròng rã gần ba tháng trời mới vượt được cái chặng trên ngàn kilômét ấy; Nhưng tới gần Vác-xơ, đếm lại tiền, tôi sung sướng thấy đã dùng thì giờ rất có ích: trong túi da của tôi đã để dành được một trăm hai mươi tám phờ-răng; chỉ còn thiếu hai mươi hai phờ-răng là có thể mua được con bò sữa cho má Bắc-bơ-ranh.

Mát-chi-a cũng thích thú không kém và cũng khá tự hào vì đã góp phần mình để kiếm ra số tiền như thế. Đúng là phần ấy rất lớn: không có nó, trước hết là không có chiếc kèn đồng của nó, chỉ một mình tôi với Ca-pi thì dùng có hòng thu góp được một trăm hai mươi tám phờ-răng.

Từ Vác-xơ đến Sa-va-nông làm gì chẳng kiếm thêm được cái món hai mươi hai phờ-răng đương thiếu!

Chúng tôi đến Vác-xơ. Nơi đây, độ trăm năm trước, là một làng nhỏ xơ xác, nằm heo hút trong núi; sở dĩ được người ta biết đến là nhờ nó thường là nơi trú quân của “Những đứa con của Chúa” do Giảng Ca-va-li-ê chỉ huy. Nằm giữa núi non trùng điệp, nó trở thành một vị trí quan trọng trong cuộc chiến tranh của những người Ca-mi-da⁽¹⁾; nhưng mặt khác cũng chính cái vị trí đó đã làm cho nó đói nghèo.

(1) Trong thế kỷ XVII, những người thuộc đạo cải cách bị chính quyền vua Lu-i XIV trấn áp, nổi lên chống lại người công giáo và vương quyền. Người ta gọi họ là những người Ca-mi-da. “Những người con của Chúa” do Giảng Ca-va-li-ê chỉ huy là một đội quân xuất sắc của họ.

Vào khoảng năm 1750, một nhà quý tộc đã có tuổi, vẫn rất say mê thăm dò địa chất đã phát hiện ở Vác-xơ những mỏ than đá. Từ ngày ấy, Vác-xơ trở thành một vùng than cùng với một số khu vực khác, cung cấp than cho miền Nam và có cơ giành giật thị trường Địa Trung Hải với than của người Anh. Khi ông ta bắt đầu đào bới, mọi người đều chế nhạo. Đến khi ông đào sâu tới một trăm rưỡi mét mà vẫn không thấy gì thì mọi người hồi hã tìm mọi cách để nhốt giữ ông ta như một người điên, vì gia sản của ông có cơ bị chôn vùi vào những cuộc khảo sát vô vắn đó. Vác-xơ có mỏ sắt nhưng làm gì có mỏ than đá! Im lặng và để tránh những tiếng thị phi, ông quý tộc già ấy bèn ở luôn trong giếng đào, không ra nữa. Ông ăn ngủ ngay tại chỗ, và như vậy cũng chỉ còn phải chịu đựng sự ngờ vực của những người thợ làm việc với ông. Cứ mỗi nhát cuốc bổ xuống, họ lại nhún vai. Nhưng được động viên vì nhiệt tình của ông, họ lại bổ thêm một nhát nữa và cứ thế giếng thăm dò cứ sâu xuống dần. Tới hai trăm mét thì gặp một vỉa than đá. Ông quý tộc già không còn là một người điên nữa mà là một thiên tài; chỉ hôm trước hôm sau, sự thay bậc đổi ngôi ấy đã trọn vẹn.

Hiện nay, Vác-xơ là một thành phố có mười hai ngàn dân, trước mắt có một triển vọng công nghiệp to lớn có thể cùng A-le và Béc-xê-giơ là niềm hy vọng của miền Nam trong lúc này.

Sự giàu có của Vác-xơ, hiện nay cũng như sau này, là cái nằm dưới lòng đất chứ không phải là cái nằm trên mặt đất. Trên mặt đất, quang cảnh đến là buồn tẻ

và tiêu điều: đá vôi, bãi hoang bạc màu, tức là chỉ có khô cằn, không có một cây to. Đây đó lơ thơ vài ba cây dẻ, cây dâu hoặc cây ô-liu khẳng khiu, không có đất màu, dâu dâu cũng chỉ một màu đá xám hoặc đá trắng. Lác đác có một vài đám đất trũng may mắn khí ẩm thấm lên được thì mới có chút ít cây cỏ xanh tươi, nổi bật lên mát mắt trên toàn cảnh trơ trọc của núi đá.

Do tình trạng trơ trọc ấy mà xảy ra những nạn lụt kinh khủng: trời mưa nước chảy tuột trên những dốc trơ như trên phố lát gạch; rồi những con suối, thường thì khô cạn, lúc ấy vụt cuộn cuộn chảy đổ vào các con sông trong thung lũng, dâng nước lên nhanh như chớp; chỉ mấy phút sau mực nước sông lên cao tới ba, bốn, năm mét và có khi hơn nữa.

Vác-xơ nằm vắt trên một con sông như thế, con sông Di-vôn; ngay trong thành phố lại có hai con suối nhỏ đổ vào đó: suối Tơ-ruy-e và suối Xanh Ăng-đê-ôn. Vác-xơ không phải là một thành phố đẹp, cũng không sạch mà cũng không cân đối.

Ở đây, những toa goòng đầy áp quặng sắt và than đá đi lại liên miên giữa phố từ sớm đến tối và không ngớt tung ra những thứ bụi đỏ, bụi đen. Ngày mưa, bụi hòa với nước, làm thành một thứ bùn lỏng, ngập sâu như nước bùn ở đầm lầy. Trái lại, những ngày nắng gió, nó cuộn thành những cơn lốc mờ mịt, xoáy tròn trong các đường phố rồi bốc lên cao, phủ cả thị trấn. Nhà cửa đều đen thui đen thui từ trên xuống dưới, đen vì bụi từ mặt đường tung lên, đen vì khói các lò nung, lò bếp hay

ở mái nhà xuống. Cái gì cũng đen, đất đen, trời đen, cả nước sông Đì-vôn cũng đen nốt. Ngựa đen, xe đen, lá cây đen, thế mà người đi trong phố xá lại còn đen hơn nữa. Tưởng như có một đám mây bồ hóng đã phủ xuống thành phố suốt cả một ngày trời, hoặc là một trận lụt hắc ín đã dâng lên ngập nhà cửa đến tận nóc. Ở đây đường sá không phải đắp ra để cho người và xe ngựa đi lại, mà là để cho đầu tàu và toa goòng của khu mỏ chạy. Dâu dẫu trên mặt đất cũng thấy đường ray và ghi quay. Những cầu tự hành, những dây cua-roa, những cây trục chuyển quay động trên đầu và rú lên đỉnh tai nhức óc. Đi cạnh mấy ngôi nhà lớn ta thấy chúng rung chuyển đến tận móng; nhòm vào trong nhà qua các cửa ta thấy có những khối gang to di động như những khối tinh thạch khổng lồ, những búa máy làm tóe lửa như mưa, và ở khắp mọi nơi, những chiếc pittông chạy bằng hơi nước lên xuống đều đều không ngớt. Không có công viên, không có tượng ở các quảng trường, không có công trình kiến trúc. Cái gì cũng giống nhau, cái gì cũng xây dựng trên một kiểu hình khối đục nhiều hay ít cửa sổ tùy theo sự cần thiết.

Chúng tôi đến gần thành phố lúc hai, ba giờ chiều, mặt trời rực rỡ, vòm trời trong sáng. Nhưng càng đi tới, trời càng sẫm dần: giữa trời với đất, có một đám khói dày nặng nề kéo qua, thủng toạc ở những chỗ có ống khói cao vút. Đã từ hơn một tiếng đồng hồ rồi, chúng tôi nghe thấy những tiếng rền mạnh, một thứ tiếng gầm giống như tiếng sóng biển, lẫn với những tiếng nện thỉnh thoảng. Tiếng rền đó là tiếng quạt máy, còn

tiếng nện thỉnh thỉnh là tiếng búa và chày⁽¹⁾ chạy bằng hơi nước.

Tôi biết ông chú của A-lơ-xi là thợ mỏ ở Vác-xơ, làm ở mỏ Tơ-ruy-e, nhưng cũng chỉ biết có thế. Đến Vác-xơ, tôi hỏi mỏ Tơ-ruy-e thì người ta chỉ cho tôi sang tả ngạn sông Đê-vôn, trong một thung lũng nhỏ có một con suối chảy qua: cái mỏ đã mang tên của chính dòng suối ấy. Thành phố đã không có gì hấp dẫn, mà đến phong cảnh thung lũng này thì lại hết sức ảm đạm: một vành đồi trọc không cây, không cỏ, chỉ có đây đó những dãy đá xám xịt và một vài vạch đất đỏ cắt ngang những dãy đá kia. Đi vào chung lũng thì có những ngôi nhà lớn của sở mỏ, những nhà xe, chuồng ngựa, nhà kho, phòng giấy, những ống khói của nhà máy hơi nước. Xung quanh là những đồng than, đồng đá. Chúng tôi vừa đến khu nhà cửa thì bị một thiếu phụ chặn lại. Dáng chị bơ phờ tóc chị phát phơ trên vai, tay chị dắt một em bé. Chị bảo:

- Các người làm ơn chỉ cho tôi một con đường mát mẻ.

Tôi sững sốt nhìn chị. Chị tiếp:

- Một con đường cây to, bóng mát, bên cạnh có dòng suối róc rách trên đá cuội và chim hót líu lo trên cành.

Chị nói thế rồi huýt một điệu sáo vui. Thấy tôi không trả lời, mà hình như cũng không nhìn thấy vẻ kinh ngạc của tôi, chị lại nói:

(1) Chày giã quặng - ND.

- Các người không gặp con đường ấy ư? Đáng tiếc! Không gặp chắc là vì còn xa lắm. Ở bên phải hay bên trái, em hãy bảo chị đi em! Chị tìm mà có thấy đâu!

Chị nói thao thao, vừa nói vừa đưa tay vung vẩy, còn tay kia thì âu yếm xoa đầu đứa con.

- Chị hỏi em con đường ấy, vì chị biết chắc là sẽ gặp được Ma-ri-uyt? Em biết Ma-ri-uyt chứ? Không à? Ấy, Ma-ri-uyt là bố của con chị đây. Khi Ma-ri-uyt bị khí nổ gri-du⁽¹⁾ thiêu đốt thì anh trốn vào con đường ấy. Bây giờ thì anh chỉ đi dạo trên những con đường mát mẻ mà thôi, để cho những vết bỏng đỡ nóng rát. Ma-ri-uyt biết tìm ra những con đường ấy, chị thì chị không biết. Bởi thế mà đã sáu tháng nay chị không gặp Ma-ri-uyt của chị. Sáu tháng thì lâu quá khi người ta yêu nhau. Sáu tháng, ôi sáu tháng đằng đẳng!

Chị quay về phía các tòa nhà lớn của sở mỏ, vung tay dữ dội chỉ những cuộn ống khói nhà máy đang phun khói cuộn cuộn và thét lên:

- Công việc dưới hầm mỏ, công việc của quỷ sứ. Trả Ma-ri-uyt của tao cho tao!

Chị lại quay về phía tôi:

- Em không phải là người ở đây, phải không? Trông tấm da cừu và cái mũ của em thì biết em từ xa đến. Em

(1) Gridu (grison): chất khí hỗn hợp gồm phần lớn là khí các-buy-a (cacbon và hydrô), thường động trong các mỏ than, khi gặp lửa là bốc cháy và nổ, làm chết người. Vì thế trong hầm mỏ không được hút thuốc lá, đánh diêm, và phải dùng một thứ đèn đặc biệt - ND.

hãy đến nghĩa địa mà xem và đếm những nấm mộ: một, hai, ba ... toàn là chết trong hầm mỏ.

Thế rồi chị ẵm con lên, siết chặt vào lòng và bảo:

- Mỏ, mày không cướp được bé Pi-e của tao đâu, không bao giờ! Nước ngọt lắm, mát lắm. Con đường mát ở đâu? Mày không biết con đường ấy thì mày cũng ngu ngốc chẳng kém bọn người kia, chúng cười cợt chế giễu tao. Không biết thì còn giữ tao lại làm gì? Ma-ri-uyt đang chờ tao mà!

Chị quay lưng và vừa đi những bước dài vừa huýt diều sáo vui khi này.

Tôi hiểu đây là một thiếu phụ đã hóa rồ sau khi chồng bị khí gri-du nổ giết chết trong hầm mỏ. Chúng tôi đã gặp gỡ người thiếu phụ đáng thương vì quá đau khổ mà phát điên kia trong khung cảnh ảm đạm này, ngay khi mới đặt chân đến vùng mỏ, cuộc gặp gỡ ấy làm chúng tôi buồn nẫu ruột.

Chúng tôi hỏi được nhà chú Gát-xpa: chú ở gần mỏ, trong một đường phố nghèo nghèo và dốc, chạy từ đồi xuống bên sông. Đến nơi, tôi gặp một người đàn bà tựa lưng vào cửa nói chuyện với một chị hàng xóm cũng đứng tựa cửa: tôi hỏi ông Gát-xpa thì bà ta trả lời rằng sau giờ tan tầm ông mới về. Bà hỏi:

- Các anh hỏi ông Gát-xpa có việc gì?
- Cháu muốn tìm A-lơ-xi.

Thế là bà nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi nhìn con Ca-pi và nói:

- Anh là Rê-mi đấy à? A-lơ-xi có nói chuyện anh với chúng tôi. Nó chờ anh đấy. Anh này là ai? - Vừa nói bà vừa trở Mát-chi-a.

- Bạn cháu.

Người ấy là bà thím của A-lơ-xi. Tôi tưởng bà sẽ mời chúng tôi vào nhà để nghỉ ngơi, bởi vì đôi chân và gương mặt rám nắng của chúng tôi nói lên rõ ràng là chúng tôi mệt mỏi. Nhưng bà chẳng mời qua một tiếng; bà chỉ nhắc lại rằng A-lơ-xi hiện đang ở trong mỏ, đến sáu giờ trở lại nhà thì sẽ gặp nó.

Tôi vốn không có gan đòi hỏi những cái mà người ta không mời. Tôi đành cảm ơn bà ta về những điều bà cho biết, và thế là chúng tôi trở ra phố, đi lòng ngay một hàng bánh mì vì đói quá: từ sáng sớm chúng tôi chỉ ăn có mỗi một mẩu bánh mì tối hôm qua còn lại. Tôi lấy làm hổ thẹn về sự đón tiếp đó; tôi cảm thấy Mát-chi-a đang băn khoăn tự hỏi như thế nghĩa là thế nào, và chúng tôi cất công đi bao nhiêu dặm đường vừa qua để làm gì? Tôi đoán rằng Mát-chi-a sẽ không có ý nghĩ tốt đẹp về những người bạn của tôi, và nếu tôi có nói chuyện Li-dơ thì nó sẽ không để tai nghe với mỗi thiện cảm như trước nữa. Mà tôi thì hết sức mong muốn Mát-chi-a có sẵn thiện cảm và tinh thần đối với Li-dơ trước khi gặp em.

Bị tiếp đãi lạnh nhạt như thế, chúng tôi không buồn quay trở lại nữa. Gần sáu giờ thì chúng tôi đến chờ A-lơ-xi ở cửa hầm mỏ. Người ta đào ba lò giếng để lấy than mỏ Tơ-ruy-e. Thợ mỏ không lên xuống trong

khu làm việc theo những giếng ấy; họ lên xuống theo một đường hầm dài bắt đầu bên cạnh kho đèn. thông tối tầng khai thác thứ nhất, từ đó tỏa ra khắp nơi trong mỏ. Bố trí như thế để tránh cho thợ những tai nạn thường vẫn xảy ra trong các giếng khi dây cáp đứt, hoặc một cái thùng chở bị vướng mà hất những người trong thùng xuống dưới sâu hàng hai ba trăm mét; lại cũng để tránh cho họ những thay đổi đột ngột khi từ dưới sâu quăng hai trăm mét, nhiệt độ đều và cao, bỗng nhiên vì lên bằng máy mà chuyển ngay vào một nơi nhiệt độ không đều dễ bị sưng phổi, sưng màng phổi.

Được biết trước thợ mỏ ra lò theo đường hầm ấy, tôi và Mát-chi-a đứng sẵn trước cửa và khi chuông sáu giờ đổ xong, qua mấy phút thì bắt đầu thấy nhiều đốm sáng chập chờn trong hầm tối om. Những chấm ấy lớn dần lên nhanh chóng. Đó là những người thợ đã làm xong công việc trong hầm tối, bây giờ xách đèn đi lên mặt đất sáng sủa. Họ đi chậm chạp, nặng nề, có vẻ như đầu gối họ bị đau làm sao ấy: điều này thì về sau, khi chính mình cũng đã leo hết những thang bậc xuống đến tầng cuối, tôi mới hiểu. Mặt mày họ đen đui như mặt những người thợ thông ống khói; áo mũ họ dính đầy bụi than và bột nhiều mảnh bùn ướt. Đi đến kho đèn, ai nấy mắc đèn của mình lên một chiếc đinh riêng. Tôi hết sức chú ý, nhưng cũng không thấy A-lơ-xi đi ra, và nếu anh ấy không nhảy tới ôm choàng cổ tôi thì có lẽ tôi cũng đã để anh đi qua mắt mà không nhận ra; bây giờ anh đen thui đen thui từ đầu đến chân, chẳng còn giống cái thằng bạn ngày nào chạy đi chạy

lại trong vườn, áo sơ-mi sạch sẽ xắn tận khuỷu tay, da trắng lộ lộ dưới cổ áo để hở. Anh ấy quay lại với một người trạc bốn mươi đi bên cạnh: “Rê-mi đây!”. Người đó có gương mặt trung hậu hiền lành cũng như bác A-canh. Điều này chẳng có gì lạ, bởi vì họ là anh em ruột. Tôi biết đó là chú Gát-xpa. Chú ân cần bảo:

- Hai chú cháu tôi đợi anh đã lâu lắm!

- Từ Pa-ri đi Vác-xơ đường dài quá!

- Mà chân anh thì ngắn, có phải không? - Chú vừa bảo thế, vừa cười.

Được gặp lại A-lơ-xi, Ca-pi có vẻ sung sướng; nó ngoạm tay áo A-lơ-xi mà lời để tỏ bộ mừng rỡ. Trong lúc đó, tôi giới thiệu cho chú Gát-xpa biết Mát-chi-a là bạn và là người cộng sự với tôi, một chú bé trung thực tôi quen biết từ trước, sau này mới gặp lại, chú ta thối kèn đấy thì không ai bì. Chú Gát-xpa tiếp lời tôi:

- Còn kia là “ông” Ca-pi. Mai là chủ nhật, sau khi nghỉ ngơi đã lại sức, các anh biểu diễn cho chúng tôi xem với! A-lơ-xi bảo cái anh Ca-pi này thông thái hơn một thầy giáo, lành nghề hơn một diễn viên.

Đứng trước bà thím, tôi lúng túng bao nhiêu, thì giờ đây, với ông chú, tôi thấy thoải mái bấy nhiêu. Ông đúng là em “bố” A-canh. Ông bảo:

- Hai cháu nói chuyện với nhau đi, chắc là có nhiều tâm sự để giải bày với nhau. Phần chú, để chú chuyện trò với cái anh thanh niên nghệ sĩ kèn đấy này.

Chuyện của chúng tôi đủ nói trong một tuần lễ, mà e một tuần lễ cũng còn ít quá! A-lơ-xi muốn biết tôi đã đi đường như thế nào, còn tôi, tôi vội muốn nghe xem anh ấy đã làm quen với cuộc sống mới như thế nào. Hai đứa mãi lo hỏi han nhau hóa ra không đứa nào chú ý trả lời cho đứa nào cả. Chúng tôi đi từ từ, những người thợ mỏ trên đường về lần lượt vượt chúng tôi, họ đi thành một hàng dài, choán hết cả đường phố, người nào người nấy đều dính đầy bụi đen, cũng thứ bụi đã đóng thành lớp dày trên mặt đất.

Đi gần tới nhà thì chú Gát-xpa đến bên chúng tôi, bảo:

- Các chú bé này, các chú ăn bữa tối với chúng tôi nhé!

Trong khi đi đường, tôi nghĩ thầm rằng thái độ của bà thím đã không hứa hẹn gì tốt đẹp thì khi đến nhà e có lẽ phải chia tay với nhau. Cho nên lời mời của chú Gát-xpa làm cho tôi sung sướng hơn bất cứ lời mời nào khác. Bước vào nhà, chú nói ngay:

- Đây là Rê-mi, và đây là bạn của chú ta.

- Tôi cũng vừa gặp các chú ấy.

- Càng hay! Vậy thì coi như đã quen nhau. Hai chú ăn tối với chúng ta đây.

Ăn tối với A-lơ-xi nghĩa là được ở lại đêm với anh ấy, điều ấy đành rằng làm cho tôi sướng rơn đi, nhưng thực tình mà nói thì tôi phải thú thực rằng chỉ riêng cái việc được ăn bữa tối cũng đủ làm cho tôi sung sướng rồi. Từ khi ở Pa-ri cất bước ra đi, hai chúng tôi ăn uống thất thường, gặp đâu ăn đó, đây một mảnh cùi nhỏ, kia

một mẩu bánh con, chứ có mấy khi được ngồi ghế tựa dùng bữa dàng hoàng, ăn xúp trong đĩa. Thực ra chúng tôi đã kiếm được khá tiền, đủ sức để tự thết mình những bữa chén ra trò trong các quán ăn. Nhưng còn phải dành dụm để tậu con bò của hoàng tử, và Mát-chi-a thì tốt bụng đến nỗi nghĩ đến việc mua bò, nó cũng sung sướng chẳng kém gì tôi.

Nhưng diễm phúc dự một bữa tiệc, tối hôm ấy chúng tôi nào có được hưởng! Tôi cũng ngồi trước bàn ăn, trên ghế tựa, nhưng người ta không dọn xúp cho chúng tôi xơi. Những công ty mỏ hầu hết đều có mở những cửa hàng bán theo giá vốn cho thợ tất cả những gì cần thiết cho đời sống của họ. Quả là có lợi rõ ràng: người thợ được mua những thứ tốt và rẻ mà đến kì lương mới phải trừ tiền, tránh được nạn mua chịu của bọn con buôn nhỏ chúng rủa ráy họ đến nghèo đói. Họ cũng tránh được nợ nần⁽¹⁾. Tuy nhiên cũng như nhiều chuyện tốt khác, cái điều này cũng có mặt xấu của nó. Ở Vác-xơ, vợ những người thợ mỏ không có thói quen làm việc trong khi chồng xuống hầm. Họ dọn dẹp quét tước xong thì tụm nhau khi ở nhà này, khi ở nhà nọ để uống cà-phê, hay sô-cô-la mua chịu ở cửa hàng tiếp phẩm. Họ nói chuyện, họ ngồi lê đôi mách cho đến khi chiều xuống, tức là lúc người chồng ở hầm mỏ ra, trở về nhà để ăn tối, thì họ không còn có thì giờ để nấu nướng gì nữa. Lúc ấy họ bèn chạy đến cửa hàng mua về những món thịt nguội. Tình trạng này không phải đều khắp

(1) Thực ra thì đây cũng là một tổ chức buôn bán thu lãi bảo đảm không bị quít nợ và có mục đích cột chặt công nhân vào hầm mỏ - ND.

nhưng cũng khá phổ biến. Cũng vì bà thím Gát-xpa mãi la cà tán gẫu mà chúng tôi không được ăn xúp. Đó là thói quen của ba ta, về sau tôi thấy tài khoản của bà ở cửa hàng gồm nhiều nhất là khoản cà-phê với sô-cô-la và khoản thịt lợn chế biến sẵn. Ông chú là người dễ dãi, vô sự: ông cứ việc xơi những món thịt này không một tiếng phàn nàn, hoặc có nói một lời nhận xét nào thì cũng là hết sức nhẹ nhàng. Ông chìa cốc nói:

- Tôi không trở thành một đứa nát rượu vì tôi là người đạo đức. Vậy thì ngày mai nhà hãy cố gắng nấu cho một món xúp.

- Thì giờ đâu?

- Ngày giờ ở trên mặt đất ngắn hơn ở dưới mặt đất ư?

- Thế thì ai khâu vá cho các người? Các người phá hoại quần áo khiếp lắm!

Bấy giờ chú Gát-xpa nhìn lại áo quần vấy bẩn bụi than và thủng rách đầy đố của mình:

- Ủ, quả là chúng tôi ăn mặc như những ông hoàng thật!

Bữa ăn tối của chúng tôi chóng xong thôi! Lúc đứng lên chú Gát-xpa bảo tôi:

- Chú bé, chú ngủ với A-lơ-xi.

Rồi chú quay sang nói với Mát-chi-a:

- Còn chú, chú xuống nhà bếp, ta sẽ lót cho chú một ổ rơm và cỏ ấm áp.

Suốt buổi tối và mãi đến quá nửa đêm, A-lơ-xi và tôi thức nói chuyện.

Nhờ A-lơ-xi, tôi được biết chú Gát-xpa là thợ cuốc, nghĩa là chú dùng cuốc chim mà lấy than ra; A-lơ-xi là thợ đun xe của chú, nghĩa là anh ấy đẩy, đun một toa goòng đẩy than mới khai⁽¹⁾ chạy trên đường ray trong hầm, từ nơi lấy than cho đến lò giếng. Đến đó, goòng được móc vào một dây cáp và kéo lên trên mặt đất bằng máy.

Tuy A-lơ-xi mới vào làm thợ mỏ chưa được bao lâu nhưng anh đã yêu mỏ và tự hào về mỏ: theo anh thì đây là cái mỏ đẹp nhất xứ, kỳ lạ nhất xứ. Anh diễn tả với cái vẻ quan trọng của một nhà du lịch từ nơi xa lạ về, thấy người ta chăm chú nghe mình.

Trước hết, người ta đi theo một con đường ngầm đào sâu trong núi đá, chừng mười phút thì đến một bậc thang đá thẳng và dốc; dưới chân thang đá là chiếc thang bắc, rồi lại thang bậc đá, rồi thang bắc nữa và thế là đến tầng thứ nhất, sau chừng năm mươi mét. Muốn xuống tới tầng hai, sâu chín mươi mét, và tầng ba, sâu hai trăm mét, cũng lại theo một hệ thống thang bậc đá và thang bắc như thế. A-lơ-xi làm việc ở chính cái tầng ba này và muốn xuống tới đó, anh phải lên xuống con đường dài gấp ba lần trèo lên đỉnh tháp nhà thờ Đức Bà Pa-ri.

Thế nhưng lên xuống tháp nhà thờ Đức Bà vẫn dễ dàng hơn; Ở đó, thang bậc đều nhau và sáng sủa; còn ở đây, trong mỏ đâu có được như thế! Bậc thang nằm vào những chỗ gồ ghề trên vách đá, thì khi cao khi thấp, chỗ rộng chỗ hẹp. Chẳng có ánh sáng nào ngoài

(1) Than mới cuốc từ vỉa ra - ND.

cái đèn cầm trên tay. Trên mặt đường, thuần một thứ bùn trơn nhầy, luôn luôn ướt sũng vì những giọt nước nhỏ xuống đều đều, có khi rơi lên mặt lạnh buốt.

Xuống sâu hai trăm mét đã là lâu nhưng đâu đã xong, lại còn phải theo các đường hầm mà đi đến những lớp khác nhau mới tới chỗ làm việc. Tất cả hệ thống đường ngầm mỏ Tô-ruy-e ước độ ba mươi năm đến bốn mươi ki-lô-mét. Tất nhiên không phải đi hết cả bốn chục ki-lô-mét ấy, nhưng vẫn mệt lắm vì có những quãng phải lội trong nước thấm qua những kẽ hở trên vách đá chảy lênh láng về những giếng chứa, ở đó có máy bơm hút lên tống ra ngoài.

Những quãng đường ngầm xuyên qua những vỉa đá cứng thì chỉ là địa đạo bình thường, nhưng qua những lớp đất lỏn nhổn hoặc dễ thụt thì phải chống đứng và chống ngang bằng những đoạn gỗ thông phạt bằng búa, bởi vì những vết cắt bằng cưa dễ làm cho gỗ sớm bị mủn. Tuy đã sắp đặt một cách riêng thích hợp để chống lại sức ép của lớp đất, nhiều khi sức ép quá mạnh cũng uốn cong gỗ khiến đường hầm hẹp vào hoặc thấp xuống đến mức phải bò mà chui qua. Trên những đoạn gỗ ấy, nấm mọc nhiều lại có những nấm lông tơ nhẹ và xốp như bông, màu trắng như tuyết nổi bật trên đất đen, gỗ dương mục tỏa mùi nhựa cây; trên những mũ nấm, trên những cây cỏ lạ, trên rêu trắng, có những con ruồi, những con nhện, những con bướm, nhưng chúng không giống đồng loại trên mặt đất. Cũng có cả chuột cống chạy loăng quăng và những con dơi bám chặt vào thân gỗ, đầu lộn xuống dưới.

Những đường hầm ấy thường giao nhau, và đây đó, như ở Pa-ri, cũng có những “quảng trường” và những ngã tư, cũng có con đường ngầm đẹp và rộng như đường phố lớn, hoặc hẹp và thấp như những phố nhỏ. Điều khác nhau là tất cả thành phố ngầm ấy không được sáng sủa, kém xa cái thành phố trên mặt đất ban đêm, vì thiếu những cây đèn dầu hoặc đèn khí lớn, mà chỉ có những cây đèn nhỏ người thợ mang theo. Ánh sáng không đủ đầy, nhưng tiếng động lại luôn luôn nhắc cho biết ở đây không phải là âm phủ: trong những công trường khai phá, thường có tiếng thuốc nổ và mùi thuốc cùng với khói theo gió bay ra; trong đường ngầm, tiếng bánh xe lăn; trong lò giếng, tiếng thang kéo than cọ vào dây định hướng, và át tất cả là tiếng máy hơi nước ở tầng hai chạy âm âm.

Nhưng quang cảnh lạ mắt hơn cả là những ngách ngược, tức là những đường ngầm đào trong dốc vỉa than. Những người thợ cuộc làm việc trong đó, cỏi trần ra khao than; nằm nghiêng hoặc ngồi xồm. Từ ngách ngược, than đá trôi xuống các tầng, để chuyển từng goòng ra lò giếng khai thác.

Đó là quang cảnh hầm mỏ những ngày làm việc bình thường, nhưng cũng có những ngày xảy ra tai nạn. Đến Vác-xơ được hai tuần lễ, A-lơ-xi đã chứng kiến một tai nạn kiểu đó và thiếu chút nữa thì anh ta cũng là một nạn nhân: hơi gri-du nổ. Gri-du là một thứ khí tự nhiên trong các mỏ than dễ gặp lửa là nổ ngay. Không gì ghê gớm hơn cơn nổ ấy: nó đốt sạch, phá sạch tất cả chung quanh. Chỉ có thể ví với sức nổ của một

thùng thuốc súng lên đầy. Ngọn lửa đèn hoặc lửa diêm vừa bắt vào khí gri-du, tức thì đám cháy bùng lên như chớp nhoáng trong khắp đường hầm, phá tan mọi thứ trong hầm mỏ; kể cả những lò giếng thông hơi, đều bị nó hất tung mãi đi. Nhiệt độ có lúc lên cao đến nỗi than thường trong mỏ nóng lên biến thành than cốc.

Một vụ nổ khí gri-du đã xảy ra sáu tuần lễ trước, giết mất chừng một chục người thợ. Vợ góa của một người thợ ấy đã hóa điên. Tôi hiểu đó là người đàn bà dốt con đi tìm “một con đường mát mẻ” mà tôi gặp khi mới tới đây.

- Chống lại những vụ nổ ấy, người ta dùng nhiều cách đề phòng: cấm hút thuốc, và thường thường các kỹ sư, trong khi tuần tra, bắt buộc thợ phải hà hơi ngay vào mũi họ để xét xem có ai đã vi phạm điều cấm. Và cũng để đề phòng tại nạn kinh khủng ấy, người ta dùng loại đèn Đê-vi, mang tên nhà bác học người Anh đã sáng chế ra nó. Những chiếc đèn ấy có một mạng lưới làm bằng những sợi kim khí đan khá dày bao bọc, lửa cháy không lọt qua những lỗ đan được. Khi gặp khí gri-du, chất khí sẽ bắt lửa nhưng chỉ cháy ngay bên trong đèn, không nổ lan ra ngoài.

Mới đến Vác-xơ, tôi đã tò mò muốn xuống hầm mỏ một chuyến thử xem sao. Những chuyện A-lơ-xi kể càng kích thích tính tò mò ấy đến cao độ. Nhưng ngày hôm sau, khi tôi nói với chú Gát-xpa thì chú bảo rằng không thể được, vì chỉ những người làm trong mỏ mới được xuống mỏ mà thôi. Chú cười và nói thêm:

- Nếu chú muốn làm thợ mỏ-cái đó dễ thôi-thì điều chú mong ước sẽ được thỏa mãn. Nói cho đúng thì cái nghề này cũng chả phải là khổ hơn nhiều nghề khác, và nếu chú sợ mưa, sợ sấm thì cái nghề này thích hợp với chú đấy. Dẫu sao nó cũng còn đỡ hơn cái nghề hát rong trên đường thiên lý. Chú ở lại với A-lơ-xi nhé! Đồng ý chưa, chú bé. Rồi người ta cũng sẽ dùng Mát-chi-a nhưng không phải để thổi kèn dầy đâu nhá!

Tôi đi tới Vác-xơ không phải là để ở lại đó. Tôi đã dự định cho tôi một nhiệm vụ, một mục đích khác hơn là suốt ngày đẩy một xe goòng ở tầng hai hay tầng ba tại mỏ Tơ-ruy-e. Bởi thế, tôi đành nén cái tính tò mò của tôi xuống. Tôi tưởng rồi cho đến khi lên đường, tôi cũng chả biết gì hơn ngoài những điều A-lơ-xi kể hoặc những câu giải đáp khi được khi mất ở chú Gát-xpa. Thế mà tình cờ tôi lại được biết tất cả những ghê rợn, được cảm thấy tất cả những kinh hoàng của một tai nạn mà đôi khi người thợ mỏ gặp phải.

24

THỢ ĐUN XE

Nghề mỏ không phải là một nghề hại sức khỏe. Ngoài vài thứ bệnh hoạn do sự thiếu không khí kéo dài làm giảm hồng huyết cầu trong máu, thì người thợ mỏ cũng khỏe mạnh như người nông dân ở vùng khí hậu tốt. Người thợ mỏ còn hơn người nông

dân ở chỗ tránh được những đổi thay của thời tiết, tránh được mưa, rét, nóng bức quá độ. Đồi với anh ta thì cái hại lớn nhất là ở những vụ sụt hầm, những vụ nổ và những trận lụt, sau nữa là ở những tai nạn lao động xảy đến do bất cẩn hoặc vụng về.

Một ngày trước hôm tôi định lên đường thì A-lơ-xi bị giập bàn tay phải khá nặng vì anh đã vụng về để cho một tảng than to đè lên: cả bàn tay thâm tím với nửa ngón tay bị giập. Thầy thuốc của sở mổ đến khám và băng bó cho anh. Bệnh tình cũng không đến nỗi trầm trọng, bàn tay sẽ lành, cả ngón tay giập nữa. Nhưng cần phải nghỉ ngơi mới được.

Chú Gát-xpa vốn dễ tính, sự đòi diễn ra thế nào thế ấy, không buồn phiền cũng không giận dữ. Chỉ có mỗi một điều có thể làm chú mất vui, đó là công ăn việc làm bị trở ngại. Khi chú nghe nói A-lơ-xi phải nghỉ nhiều ngày thì chú la lối lên. Trong những ngày đó, ai đẩy xe cho chú? Không có ai thay A-lơ-xi cả. Nếu thay hẳn đi thì chú tìm được người đẩy, nhưng ngay trong mấy ngày thôi thì lúc này không thu xếp được, người ta đang thiếu người làm, nhất là thiếu trẻ con.

Tuy thế, chú cũng vẫn chạy ngược chạy xuôi cố tìm một người đun xe. Nhưng chú không tìm được. Chú lại than thở. Trông chú quả thật khổ tâm, vì chú thấy mình bắt buộc cũng phải nghỉ việc, mà túi tiền của chú không cho phép chú nghỉ.

Tôi nhận thấy thế và hiểu rõ nỗi khổ tâm của chú; mặt khác cảm thấy trong hoàn cảnh như thế này, mình

hầu như có bốn phần phải đền đáp sự tiếp đãi của người ta theo cách của mình, tôi hỏi chú xem cái công việc đẩy xe than có khó không. Chú trả lời:

- Còn gì dễ bằng! Chỉ việc đẩy một cái goòng cho nó lăn trên đường sắt.

- Goòng chắc là nặng?

- Không nặng lắm, thằng A-lơ-xi đẩy được kia mà.

- Ồ nhỉ! Vậy, nếu A-lơ-xi đẩy được thì cháu cũng đẩy được.

- Cháu ấy à?

Chú cười âm lên. Lát sau, chú nghiêm trang nói:

- Hẳn là cháu làm được, nếu cháu muốn.

- Cháu muốn, vì cái đó giúp ích cho chú.

- Cháu là một chú bé tốt. Thế là quyết định rồi đấy! Mai cháu xuống mỏ với chú. Đúng là cháu giúp ích cho chú đấy! Nhưng có lẽ cũng sẽ có ích cho cháu một ngày kia. Nếu làm nghề này mà cháu thấy ưa thích thì còn hơn là đi lang thang trên đường thiên lý. Trong mỏ chẳng sợ đói đâu!

Mát-chi-a sẽ làm gì trong khi tôi ở dưới mỏ nhỉ? Tôi không thể bắt chú Gát-xpa nuôi nó. Tôi hỏi xem nó có muốn đi biểu diễn một mình với con Ca-pi ở các vùng lân cận không. Nó nhận lời ngay. Nó vừa cười vừa nói:

- Một mình tớ mà cũng làm ra tiền để thêm vào khoản tậu bò thì tớ thú lắm.

Ba tháng sống chung với tôi, sống ở ngoài trời, Mát-chi-a không còn giống cái thằng bé gầy còm, buồn bực mà tôi đã gặp cạnh nhà thờ Xanh Mê-đa đúng khi nó ló lỏ; lại càng không giống thằng nhãi nhóc mà tôi trông thấy lần đầu tiên ở góc nhà tên Ga-rô-phô-li, đang trông nổi thịt hăm, chốc chốc lại đưa hai tay lên ôm cái đầu nhức nhối. Bây giờ thì Mát-chi-a không còn bị nhức nhối cái đầu nữa, nó cũng chẳng còn buồn chán mà cũng không gầy còm nữa. Chính cái gác xếp ở phố Luốc-xin đã làm cho nó rầu rĩ. Bây giờ thì nắng và khí trời đã đem lại sức khỏe cho nó, do đó, cũng đem lại sự vui tươi.

Trong khi đi đường, nó là tiếng cười, là sự vui tính hiện thân lên; nó nhìn mọi việc ở khía cạnh tốt; trong chuyện rủi nó cũng tìm được thấy cái may; cái gì cũng làm nó vui được, đỉnh đỉnh gì cũng làm nó sướng rơn lên. Không có nó thì tôi đã ra sao rồi nhỉ? Chắc là đã nhiều lần không chống nổi mệt nhọc và buồn phiền.

Thế là chúng tôi giao hẹn với nhau, bắt đầu từ ngày hôm sau, trong lúc tôi xuống hầm mỏ làm việc thì Mát-chi-a đi biểu diễn âm nhạc và kịch để gia tài của chúng tôi thêm to. Tôi giải thích cách thu xếp này cho con Ca-pi nghe và chừng như nó cũng hiểu.

Sáng hôm sau, tôi mặc bộ đồ làm việc của A-lơ-xi. Sau khi đã dặn dò Mát-chi-a và Ca-pi lần cuối, bảo phải hết sức ngoan trong khi biểu diễn, thì tôi theo chú Gát-xpa. Lúc đưa cái đèn xách cho tôi, chú bảo:

- Phải cẩn thận đấy! Cứ theo gót chú mà đi. Và lúc xuống thang bắc, cháu nhớ đừng bỏ nấc thang trên khi chưa bám được nấc dưới.

Chúng tôi đi vào đường hầm, chú đi trước, tôi theo sát chú. Chú nói tiếp:

- Nếu cháu trượt ở cầu thang thì chỗ có buồng xuôi, phải cố bấu vào cái gì đấy mà gượng lại, chứ đáy hầm sâu và rần lăm đấy!

Dù không có những lời dặn dò ấy, tôi cũng đủ xúc động lắm rồi. Không thể nào bình tĩnh được khi người ta từ bỏ ánh sáng để đi vào đêm tối, rời bỏ mặt đất để đi xuống hang sâu. Tự nhiên, tôi quay đầu nhìn lại. Nhưng chúng tôi đi đã khá sâu vào trong đường hầm cho nên ở đầu kia cái ống dài ấy, ánh sáng chỉ còn là một quả cầu trắng, tựa như cái mặt trăng giữa một vòm trời tăm tối không sao. Tôi lấy làm xấu hổ về cái cử chỉ máy móc ấy của tôi, nó chỉ diễn ra trong một thoáng, và tôi lại bước theo gót chú Gát-xpa ngay.

Lát sau, chú nói: “Cầu thang đây!” và chúng tôi đã đứng trước một cái hang đen ngòm. Trong khoảng sâu mà mắt tôi không ước lượng được, tôi thấy những ánh lửa đu đưa, gần miệng hang thì còn to, càng đi xa càng nhỏ dần, cho đến khi chỉ còn là những đốm. Đó là đèn của những người thợ mỏ đã vào hầm trước chúng tôi. Một luồng không khí hầm hăm thổi tạt vào mặt, mang đến chúng tôi tiếng thì thào chuyện vãn của họ. Trong không khí ấy có cái mùi mà bây giờ tôi mới hít thở lần đầu, một cái mùi gì như là mùi ê-te và dầu xăng trộn lẫn.

Hết cầu thang thì đến cầu thang bắc, hết thang bắc thì đến một cầu thang nữa. Đến cuối cầu thang này, chú Gát-xpa nói: “Chúng ta đã đến tầng một”.

Chúng tôi đang ở trong một hầm xây cuốn tò vò, hai bên có tường gạch thẳng đứng. Vòm cuốn hơi cao hơn tầm người một ít. Tuy thế có những đoạn người ta phải cúi xuống mới đi qua được, vì vòm đá sụt xuống, hoặc là vì đất nền đã cồn lên. Chú Gát-xpa nói:

- Sức ép của đất như thế đấy! Vì hòn núi bị khoét khắp nơi và trong lòng núi có những chỗ trống cho nên đất cứ muốn sụt xuống và khi đã quá nặng thì nó đè bẹp hầm.

Trên nền đất có đường ray và dọc theo đường hầm có một dòng nước.

- Dòng nước này sẽ hợp với nhiều dòng khác, chúng đều do những mạch nước rỉ kết lại. Tất cả đều đổ dồn vào một giếng chứa. Thế là máy bơm mỗi ngày phải hút từ một nghìn đến một nghìn hai trăm mét khối nước đổ ra sông Di-vôn. Nếu máy nghỉ thì hầm mỏ bị lụt ngay. Với lại, bây giờ thì chúng ta đang ở ngay dưới lòng sông Di-vôn đấy.

Tôi giật mình đánh thót một cái làm cho chú Gát-xpa cười vang.

- Ở sâu những năm mươi mét như thế này thì cháu không ngại bị nước đổ xuống đầu đầu!

- Rủi có một cái hang, cái lỗ gì thì sao?

- Ừ phải, một cái lỗ thì đáng sợ đấy! Các đường hầm đi ngang dọc chín mươi lần dưới lòng sông. Có những mỏ đáng sợ lụt, nhưng ở đây thì không. Gri-du cháy, hầm sập, mìn nổ, bấy nhiêu cũng đã quá đủ rồi.

Đến công trường, chú Gát-xpa chỉ bảo công việc cho tôi làm. Khi chiếc xe goòng của tôi đầy than, chú cùng đẩy với tôi để chỉ bảo cho tôi cách đẩy xe cho tới giếng lấy than và cách dỡ xe bên đường tránh khi gặp xe khác đi ngược chiều. Chú nói có lý, cái nghề đẩy xe than này không khó: vài giờ sau thì tôi đã làm tạm được, nhưng chưa thành thạo. Tôi chưa quen tay, chưa khéo tay, mà thiếu những cái đó thì có nghề gì ta làm tốt được. Tôi đành hì hà hì hục lấy sức thay vào, cho nên mệt nhiều mà hiệu quả thì ít.

Cũng may là cảnh sống mấy năm qua, nhất là hành trình ba tháng vừa rồi, đã làm cho tôi quen chịu đựng mệt nhọc. Vì thế, tôi không hề kêu rên, và chú Gát-xpa tuyên bố tôi là một thằng bé ngoan, sau này tất trở thành một người thợ mỏ giỏi.

Nhưng tôi chỉ thích xuống mỏ chứ có thích gì ở lại trong mỏ! Tôi chỉ tò mò thôi, tôi không nghe thấy tiếng gọi của nghề nghiệp.

Muốn sống trong lòng đất, phải có những đức tính đặc biệt mà tôi không có: phải ưa lạnh lẽ, quạnh hiu, trầm tư mặc tưởng. Phải biết sống những khắc, những ngày đằng đẳng, tâm trí lắng xuống với mình, không trao đổi với ai một lời, không có một phút giải trí. Thế mà tôi thì không có cái khiếu ấy, xưa nay tôi quen sống lang thang, luôn chân đi, luôn mồm hát. Những giờ khắc tôi đẩy xe goòng trong đường hầm sao mà lạnh lùng, buồn tẻ thế! Đường hầm âm u, chiếc đèn tay le lói, tiếng ù ù xa xôi của xe goòng lăn trên đường sắt, tiếng róc rách của dòng nước, thỉnh thoảng tiếng mìn

nổ lại xé toang sự lặng lẽ cõi âm này và làm cho nó càng nặng nề, ảm đạm thêm.

Xuống mỏ, lên mỏ mất nhiều công sức cho nên người ta ở luôn dưới mỏ suốt cả ngày mười hai tiếng đồng hồ, không về nhà ăn trưa. Người ta ăn uống ngay ở công trường.

Gần khu khai thác của chú Gát-xpa, có một người đun xe goòng không phải là trẻ con như những người đun goòng khác. Người ấy, ngược lại là một ông già râu bạc. Khi tôi nói râu bạc phải hiểu rằng nó chỉ bạc ngày chủ nhật, ngày tổng vệ sinh, còn trong tuần thì ngày thứ hai nó bắt đầu ngả màu xám để đến thứ bảy thì đen hoàn toàn. Người ấy trên sáu mươi. Ngày còn trẻ, ông ta là thợ chống hầm tức là thợ mộc chuyên việc làm cọc gỗ chống hầm và chăm sóc sửa chữa những cọc ấy. Nhưng trong một vụ sụt hầm, ông bị đập nát ba ngón tay, từ đấy ông phải bỏ nghề thợ mộc. Vì ông cứu ba người bạn thợ mà bị nạn cho nên sở mỏ của ông cho ông hưởng một khoản trợ cấp nhỏ. Ông sống bằng khoản trợ cấp ấy được mấy năm, sau đó sở mỏ bị vỡ nợ, ông trở thành không nghề nghiệp, không kế sinh nhai. Lúc ấy ông phải xin vào làm thợ đẩy xe ở mỏ Tơ-ruy-e. Người ta quen gọi ông là “cụ giáo” bởi vì ông hiểu biết nhiều điều mà những người thợ cuốc, ngay đến thợ cả cũng không biết, và cũng tự hào về những kiến thức đó, lúc nào ông cũng sẵn sàng trình bày.

Trong các bữa ăn trưa, chúng tôi làm quen với nhau, và ông ta tỏ ý triu mến tôi ngay. Tôi là một đứa say sưa nói chuyện, ông là một người vui chuyện, hóa

nên chúng tôi trở thành đôi bạn chẳng rời nhau. Thường thường trong mỏ người ta ít nói, nên những người khác bảo chúng tôi là ba hoa.

Nghe những chuyện A-lơ-xi kể, tôi còn thêm thuồng vì chưa hiểu hết những điều mình muốn biết; những câu trả lời của chú Gát-xpa cũng vẫn chưa làm tôi thỏa mãn vì khi tôi hỏi chú chẳng hạn: “Than đá là gì?” thì chú cứ một mực trả lời:

- Đó là than có cái dáng đá.

Câu giải đáp của chú về than đá cũng như các câu giải đáp tương tự về những việc khác không làm cho tôi vừa ý, bởi vì cụ Vi-ta-li đã tập cho tôi cái thói quen không chịu thỏa mãn một cách dễ dàng như vậy. Khi tôi hỏi cụ giáo cái câu ấy thì cụ trả lời khác hẳn. Cụ nói:

- Than đá thì cũng là than củi mà thôi! Khi chúng ta đốt than đá, chúng ta không bỏ vào lò những cây cối ở thời đại chúng ta, do những con người như cháu và bác làm thành than. Chúng ta bỏ vào lò những cây cối từ đời xưa đời xưa do những lực lượng thiên nhiên biến thành than, những lực lượng như cháy rừng, núi lửa, động đất.

Thấy tôi nhìn cụ một cách kinh ngạc, cụ bảo:

- Hôm nay chúng ta không có thì giờ nói cái chuyện ấy, phải đẩy xe đã! Nhưng mai chủ nhật, cháu đến bác chơi, bác sẽ giải thích cho nghe. Ở nhà bác có những mẫu than, mẫu đá bác nhặt nhanh được từ ba mươi năm nay, chúng sẽ giúp cháu hiểu nghe cái gì thì nhìn

thấy và hiểu ngay cái ấy. Người ta cười mà gọi bác là cụ giáo. Nhưng cháu sẽ thấy cụ giáo cũng có ích ít nhiều. Đời sống của con người không phải chỉ ở hai bàn tay, nó còn ở trong đầu nữa. Trạc tuổi cháu, bác cũng ham hiểu biết như cháu bây giờ. Sống trong mỏ bác muốn hiểu biết những điều mình nhìn thấy hàng ngày. Bác hỏi han các kỹ sư những khi họ vui lòng nói chuyện, và lúc đọc sách. Sau khi bị nạn, bác có thì giờ nhàn rỗi và dùng thì giờ ấy để học hỏi. Sách vở là những cặp kính, khi người ta có đôi mắt để trông nhìn mà người ta mang thứ kính ấy lên thì người ta sẽ nhìn thấy được rất nhiều. Bây giờ thì bác không có nhiều thì giờ lắm để đọc sách và bác cũng không có tiền mua sách. Nhưng bác còn cặp mắt luôn mở. Mai cháu tới nhà bác nhé! Được bày vẽ cho cháu, trông nhìn quanh cháu, bác cũng thích lắm. Một lời hay lọt vào một lỗ tai tốt sẽ làm nảy nở những gì, ai biết được? Vì đã đưa đường cho một nhà bác học lớn là Brông-nhi-a⁽¹⁾ đi vào đường hầm mỏ ở Bét-xe và nghe ông ta nói chuyện trong lúc nghiên cứu mà bác nảy ra cái ý định muốn học tập. Và cũng nhờ vậy mà ngày nay bác hiểu biết hơn các bạn khác ít nhiều. Thôi mai nhé!

Sáng hôm sau, tôi báo với chú Gát-xpa là tôi đi thăm cụ giáo. Chú cười, bảo tôi:

- À, vậy là thằng bé đã gặp được người để chuyện rồi! Đi đi, cứ đi đi cháu ạ, cháu thích thì cứ đi! Dầu sao thì tin cái gì, không tin cái gì cũng tùy cháu cả. Có điều

(1) Brông-nhi-a (Brongniart): một nhà bác học Pháp đầu thế kỷ XIX. chuyên nghiên cứu về địa chất và khoáng vật - ND.

là nếu cháu học được gì ở ông cụ ấy, cũng đừng nên tự phụ vì nó. Cái “cụ giáo” ấy mà không tự phụ thì quả là một con người tốt.

Cụ giáo không ở trong thành phố như phần nhiều những người thợ mỏ. Cụ ở một nơi buồn tẻ, nghèo nàn, trong vùng có những hang hốc tự nhiên khoét sâu vào sườn núi, cách thành phố một quãng ngắn. Cụ ở nhà một bà già vợ góa của một người thợ mỏ chết vì nạn sập hầm. Bà ấy cho cụ thuê cái hầm nhà bà và cụ kê giường nằm ở chỗ khô ráo nhất; nói thế không phải là nó khô ráo lắm đâu, bởi vì nấm vẫn mọc ngay trên chân giường. Nhưng đối với một người thợ mỏ luôn luôn dầm chân dưới nước, suốt ngày bị nước rỏ trên người, thì đây là một điều vụn vặt không đáng kể. Cái vấn đề trọng yếu là được ở gần các hang núi để tìm tòi nghiên cứu, nhất là làm sao có chỗ để tùy ý cất đặt những mảnh than, những hòn thạch mà cụ tập hợp. Khi tôi bước vào thì cụ ra đón tôi và nói, giọng sáng khoái:

- Bác đã mừng cháu một tiệc hạt dẻ lùi nhắm với vang trắng đây. Ừ, tuổi trẻ có tai có mắt muốn nghe, muốn nhìn thì cũng có họng nữa. Muốn đánh bạn với họ, phải thỏa mãn tất cả các cái ấy cùng một lúc. Sau tiệc hạt dẻ, chúng ta sẽ trò chuyện và bác cũng sẽ chỉ cho cháu xem kho sưu tầm của bác.

Cụ nói mấy tiếng “kho sưu tầm của bác” với giọng tự hào có lẽ không có ông viện trưởng viện bảo tàng nào tự đắc đến thế. Nói cho đúng thì cái kho sưu tầm ấy cũng khá phong phú, theo sự nhận xét của tôi, và nó

chiếm cả gian phòng. Mẫu bé thì xếp trên những tấm ván hoặc trên những chiếc bàn, mẫu lớn thì đặt dưới đất. Đã hai mươi năm nay, trong lúc tìm tòi khảo cứu, cụ góp nhặt tất cả những cái gì đáng chú ý. Các mỏ ở khu vực sông Xe-rơ và sông Đi-vôn vốn giàu những cây cỏ hóa thạch, cho nên ở kho tàng của cụ có những mẫu rất quý có thể làm cho một nhà địa chất hay một nhà sinh vật học sung sướng.

Cụ giáo nôn nóng nói cũng như tôi nôn nóng được nghe cho nên chúng tôi thanh toán nhanh chóng bữa tiệc hạt dẻ. Cụ nói:

- Cháu muốn biết than đá là gì thì hãy nghe đây, bác sẽ giảng cho cháu, đại khái và vắn tắt, để cháu đủ sức xem những vật mẫu của bác. Chúng sẽ giảng giải rõ hơn vì mặc dù người ta gọi bác là cụ giáo, bác đâu có phải là một nhà bác học, không, còn xa lắm.

Cái quả đất chúng ta ở ngày xưa không phải như thế này nó trải qua nhiều trạng thái sau các cuộc biến động. Đã có những thời kì đất nước ta đây um tùm những cây cỏ ngày nay chỉ mọc ở vùng nhiệt đới, chẳng hạn như các loại phượng vĩ lớn. Rồi xảy ra một cuộc biến động lớn và những loại thực vật khác đã thay chân cho những loại ấy. Thế rồi đến lượt những loại này cũng thay thế bằng những loại mới, và sự việc cứ thế mà tiếp diễn trong có lẽ hàng triệu năm. Những thực vật ấy chết chồng chất lên nhau và thối mục ra làm thành các tầng than. Cháu không tin thế à? Lát nữa bác sẽ chỉ cho cháu xem trong loạt mẫu vật của bác có

những mẩu than và rất nhiều những mảnh đá lấy ở các vĩa quặng trên trần hầm hoặc thành hầm, còn in dấu vết những cây cỏ ấy. Dấu vết cây cỏ ở đây được giữ lại rõ rệt như những cây cỏ người ta xếp giữa các tờ giấy của một quyển tiêu bản thực vật. Thế là than đá hình thành do cây cỏ dồn chứa lại, như bác đã nói: đó chỉ là gỗ phân hóa và bị ép xuống.

Cháu sẽ hỏi: sự chứa chất ấy diễn ra như thế nào? Điều đó khó giải thích hơn và hình như các nhà bác học cũng chưa giải thích được tường tận, bằng chứng là họ không nhất trí với nhau. Có nhiều người cho là nước đã đưa tất cả cây cỏ ấy ra biển, ở đấy chúng kết thành những bè to lớn bị dòng nước biển xô đi và giạt vào nơi này nơi kia. Có người bảo, những tầng than hình thành do cây cỏ chất chứa lại một cách bình thường, những cây cỏ này nối tiếp nhau chôn vùi ngay ở nơi chúng mọc. Và họ làm những con tính khiến đầu óc ta choáng váng: họ tính ra nếu chặt một héc-ta rừng xếp trải ra trên diện tích ấy thì chỉ được một lớp gỗ dày tám ly là cùng; gỗ ấy thành than thì chỉ còn hai ly. Thế mà ở dưới đất có những tầng than dày đến hai mươi, ba mươi mét. Vậy phải bao nhiêu năm mới hình thành những tầng than như vậy! Chắc cháu cũng biết một rừng cây không phải mọc trong một ngày, mà phải khoảng một trăm năm. Để làm thành một tầng than dày ba mươi mét, phải có năm nghìn rừng kế tiếp nhau mọc ở chỗ ấy, nghĩ là phải năm mươi vạn năm. Con số đó đã kinh khủng lắm phải không? Tuy thế nó vẫn chưa đúng bởi vì cây cối không mọc nối tiếp nhau đều đặn như vậy;

phải hơn một trăm năm nó mới mọc lên và chết đi được và khi một loạt mới thay thế một loạt cũ thì cần phải có nhiều sự đổi thay, nhiều cuộc biến động, cái lớp cây mục ấy mới thành thức ăn cho loại cây mới. Ấy đấy, cháu thấy chưa, năm mươi vạn năm đã có nghĩa lý gì, chắc là phải hơn thế nhiều. Nhiều nhưng là bao nhiêu? Bác không biết và cũng không phải là người đủ sức tìm tòi được điều đó. Bác chỉ muốn cho cháu một ý niệm về than đá, để cháu có đủ trình độ xem những vật mẫu của bác. Bây giờ thì mời cháu đi xem nào!

Tôi ở đến đêm, vì cứ gặp một mảnh đá, mỗi dấu vết cây cỏ, cụ giáo lại giảng giải. Nhờ vậy mà rốt cuộc, tôi cũng tạm tạm hiểu những điều thoạt đầu làm tôi hết sức ngạc nhiên.

25

LỤT MỎ

Sáng hôm sau, chúng tôi lại gặp nhau trong mỏ.

- Này cụ giáo! - chú Gát-xpa nói - Cụ có hài lòng về thằng bé không đấy?

- Có chứ! Nó biết lắng tai nghe và tôi tưởng rồi đây nó cũng sẽ biết mở mắt nhìn.

- Trong khi chờ đợi, nó phải biết vung tay làm cái đã!

Chú Gát-xpa đưa thế, rồi đưa cho tôi một cái nệm để giúp chú cây một tảng than đã đục xoi ở dưới. Những người thợ cuốc thường bảo thợ đục xe giúp mình như vậy.

Tôi đẩy xe goòng của tôi đến giếng xúc lần ấy là lần thứ ba. Thình lình tôi nghe từ phía giếng vang lại một tiếng động dữ dội, một tiếng rền kinh khủng. Tôi chưa bao giờ nghe một tiếng như thế từ khi tôi vào làm trong mỏ. Một vụ sạt hầm chăng, hay là tất cả mỏ sụp đổ? Tôi lắng nghe. Tiếng ầm ầm kéo dài và dội đi tứ phía. Cái gì thế này nhỉ? Thoạt tiên tôi hoảng sợ, và tôi toan chạy lại thang bắc để thoát thân. Nhưng người ta đã nhiều lần chế nhạo tôi về những chuyện sợ sệt hão huyền, nên lúc ấy tôi thấy xấu hổ và dừng lại. Chắc là vụ nổ mìn, hoặc là một cái thùng xúc rơi xuống giếng mà thôi; hoặc có lẽ chỉ là tiếng đất đá vữa vụn đổ xuống theo các hành lang.

Bỗng một đàn chuột cống chạy đâm sầm qua chân tôi, y như một đội kỵ binh rút chạy thoát thân. Rồi tôi nghe như có tiếng cọ xát vào nền đất và tường hầm, một thứ tiếng cọ xát lạ lùng, trong ấy có tiếng nước vỗ. Chỗ tôi đứng hoàn toàn khô ráo, cái tiếng ấy từ đâu mà ra không thể hiểu được.

Tôi cầm đèn để soi thử và hạ xuống gần mặt đất: đúng là có nước. Nước về từ giếng và đi ngược đường hầm. Cái tiếng ầm ầm dữ dội, cái tiếng rền đó là tiếng nước đổ vào mỏ. Tôi bỏ xe lại, chạy về công trường.

- Chú Gát-xpa ơi, nước đổ vào mỏ!

- Lại chuyện vớ vẩn !
- Đáy sông Di-vôn bị thủng, ta chạy trốn đi thôi!
- Đừng quấy chú mà !
- Chú nghe thử coi !

Giọng của tôi xúc động quá nên chú Gát-xpa ngừng tay cuộc để nghe ngóng. Vẫn cái tiếng ấy tiếp tục, càng to hơn, càng khủng khiếp hơn. Không còn nghi ngờ gì nữa, đó là tiếng nước xô đến. Chú Gát-xpa thét:

- Chạy nhanh đi, nước vào mỏ rồi !

Vừa thét “nước vào mỏ rồi” chú vừa vớ chiếc đèn vì đó là củ chỉ đầu tiên của người thợ mỏ, và chui tuột xuống đường hầm. Tôi đi chưa được mười bước thì trông thấy cụ giáo cũng xuống đường hầm để tìm hiểu cái tiếng động đã làm cụ chú ý. Chú Gát-xpa kêu:

- Nước ở trong mỏ !
- Sông Di-vôn thủng đáy ! - Tôi nói.
- Mà cứ nói nhảm !
- Chạy đi cháu ! - Cụ giáo thét.

Mực nước trong hầm lên rất mau, lúc đó đã đến đầu gối chúng tôi, cho nên không chạy nhanh được. Cụ giáo cũng chạy theo chúng tôi và cả ba chúng tôi mỗi khi chạy qua một hốc lấy than đều gọi chỗ vào:

- Chạy đi các anh ! Nước vào mỏ rồi !

Nước dâng lên với tốc độ điên cuồng. May sao, chúng tôi ở gần chân thang, nếu không thì không tài

nào tới kịp. Cụ giáo đến chân thang trước, nhưng cụ dừng lại và nói:

- Lên trước đi ! Tôi là người già nhất, vả lại tôi không có gì ân hận.

Ở trong hoàn cảnh đó, nhường nhịn lễ nghĩa lại là không phải lúc, chớ nên chú Gát-xpa lên trước, thứ đến tôi, rồi đến cụ giáo và đằng sau cụ cách một quãng khá xa, có mấy người thợ chạy theo chúng tôi. Không bao giờ người ta vượt cái quãng bốn mươi mét giữa tầng hai và tầng một như vậy. Nhưng trước khi lên đến nấc cuối cùng thì một mảng nước đổ ập xuống đầu chúng tôi và dội tắt mấy cái đèn. Quả là một cái thác lũ.

Chú Gát-xpa thét:

- Cố bám nhé !

Chú ấy, cụ giáo và tôi bám riết vào mấy nấc thang và chống giữ được. Nhưng những người lên sau bị cuốn đi hết. Nếu chúng tôi cũng còn mười bậc thang nữa mới lên tới thì chắc chắn cũng đã bị xô xuống như họ, bởi vì cái thác nước trong nháy mắt đã trở thành như một cơn lũ.

Đến tầng một cũng không phải là đã thoát nạn vì còn phải leo những năm chục mét nữa mới thoát ra khỏi mỏ, mà ở tầng ấy cũng có nước, đèn chúng tôi lại tắt hết, chẳng còn thấy gì. Giọng cụ giáo nói, khá bình tĩnh:

- Nguy mất rồi !

Vừa lúc ấy thì bảy tám ngọn đèn hiện ra trong đường hầm, đi về phía chúng tôi. Nước đã đến gối,

không cần cúi xuống, bàn tay chúng tôi cũng mó phải. Không phải thứ nước lặn mà là một dòng thác lũ gặp vật gì cũng cuốn đi cả và làm cho những thớt gỗ quay cuồng như những chiếc lồng chim. Những người xách đèn đi ngược phía chúng tôi định theo đường hầm để đến thang gần đấy. Nhưng trước một dòng thác lũ như thế thì không thể được: làm sao đẩy nó lùi, làm sao chống lại sức cuốn của nó, làm sao chống lại được những thớt gỗ nó lừa đi?

Cái câu cụ giáo buột miệng kêu, những người này cũng buột miệng kêu: "Nguy mất rồi!".

Họ đã đến chỗ chúng tôi. Cụ giáo là người duy nhất còn ít nhiều tỉnh táo. Cụ thét:

- Đi tới chỗ đó, ừ chỗ công trình cũ là nơi duy nhất ta có thể tránh nạn được.

Khu công trình cũ là một khu vực mỏ đã bỏ từ lâu, không ai tới đó, trừ cụ giáo, cụ thường lui tới để tìm tòi những vật quý lạ. Cụ nói lớn:

- Hãy quay trở lại ngay! Cho tôi một cái đèn, tôi sẽ đưa các người đi.

Ngày thường, khi cụ nói người ta cười phì hoặc nhún vai mà quay lưng lại. Nhưng bây giờ thì những tay khỏe nhất và tự phụ nhất và sức khỏe của mình cũng đã bủn rủn tay chân. Và tất cả đều răm rắp theo lời cái ông già ngây ngô mà năm phút trước họ còn chế diễu. Tự nhiên cả mấy chiếc đèn đều chia lại phía cụ. Cụ vội vàng xách một chiếc, còn tay kia thì kéo tôi, cụ

dẫn đầu đoàn chúng tôi đi lên. Vì xuôi chiều nước nên chúng tôi đi được khá nhanh. Tôi không biết là đi đâu, nhưng tôi đã có hy vọng. Chúng tôi đi dọc theo đường hầm một lúc, trong mấy phút hay mấy giây không biết, vì chúng tôi chẳng có ý niệm gì về thời gian nữa. Rồi cụ giáo dừng lại. Cụ kêu lên:

- Không kịp rồi, nước lên mau quá!

Quả thật nước lên nhanh như vọt, từ đầu gối nó lên hông, rồi đến ngực tôi.

- Chúng ta phải chui vào một ngách ngược - Cụ giáo nói.

- Rồi sau đó?

- Ngách ngược không có lối thoát.

Chui vào một cái ngách ngược thì đúng là chui vào một cái ngõ cụt. Nhưng không phải lúc chờ đợi hay kén chọn: một là phải chui vào ngách ngược và như thế là còn lợi được dăm ba phút nghĩa là còn hy vọng thoát nạn, hay là phải tiếp tục đi dọc theo đường hầm để chắc chắn bị ngập đầu chìm ngấm trong mấy giây nữa.

Vậy nên theo sau cụ giáo, chúng tôi chui vào ngách ngược. Có hai người khác cứ thế tiếp tục đi sâu vào ngách hầm, hai người này về sau không bao giờ chúng tôi gặp lại. Vào đây, hoàn hồn, chúng tôi mới nghe rõ cái tiếng ầm ầm làm choáng tai chúng tôi từ khi bắt đầu chạy trốn. Đó là tiếng đất lở, tiếng nước xoáy, nước đổ, tiếng gỗ chống gãy, tiếng nổ của không khí bị ép. Tất cả làm thành một tiếng náo động khủng khiếp khiến chúng tôi mất vía mất hồn.

- Đúng là cơn hồng thủy!(1)

- Tận thế đến nơi!

- Lạy chúa! Hãy thương lấy chúng con!

Từ khi vào ngách ngược, cụ giáo không nói gì cả, cụ không thêm than thở vô ích. Bây giờ cụ nói:

- Các chú ạ, các chú đừng phí sức. Nếu chúng ta cứ dùng tay chân mà bầu vấu thế này thì chả bao lâu chúng ta sẽ mệt lả đi. Phải khoét đá làm chỗ tựa mới được.

Lời khuyên đúng, nhưng khó thực hiện, vì không ai mang cuộc chìm theo cả. Ai cũng có đèn, không ai có dụng cụ. Cụ giáo tiếp:

- Dùng cái móc đèn mà đào.

Thế là người nào cũng lấy móc đèn mà moi đất. Công việc khó khăn lắm, vì ngách dốc quá và trơn, nhưng biết rằng hễ trượt chân một cái là tụt thẳng đến chỗ chết, nên người ta khễ ra và khéo tay khéo chân hơn. Chỉ trong mấy phút, mỗi chúng tôi đã khoét được một cái hốc để đặt bàn chân. Xong việc đó, chúng tôi nghỉ một chút và nhận mặt nhau. Có bảy người: cụ giáo, đến tôi ở cạnh cụ, rồi chú Gát-xpa, tiếp đó ba người thợ cuốc là Pa-giét, Công-pê-ru, Béc-gu-nu và một thợ đùn xe là Ca-rô-ry. Những người khác đã mất tích trong đường hầm.

(1) Theo truyền thuyết Đông cũng như Tây, ngày xưa có một cơn lụt rất lớn tràn ngập cả mặt đất, người Trung Quốc và ta gọi là nạn hồng thủy - ND.

Tiếng động trong hầm mỏ vẫn vang lên dữ dội chứ không giảm đi chút nào. Âm vang của sự náo động ghê rợn ấy mãnh liệt như thế nào, quả không có chữ gì diễn tả được. Đại bác bắn, sét nổ, núi sạt cùng một lúc e cũng không gây tiếng động lớn như vậy. Đờ đẫn, hoảng hồn vì khiếp sợ, chúng tôi nhìn nhau, mỗi người cố tìm trong mắt người bạn bên cạnh sự giải thích mà mình không tìm ra được. Người này nói:

- Nạn hồng thủy.

Người kia:

- Ngày tận thế.

Rồi:

- Động đất.

- Lụt do nước đọng ở khu công trình cũ.

- Chắc là sông Đi-vôn bị thủng đáy.

Lời ước đoán sau cùng này là của tôi. Tôi không thể từ bỏ ý nghĩ đáy sông Đi-vôn bị thấm lậu một lỗ. Cụ giáo không nói gì cả. Cụ nhìn hết người này đến người khác, nhún vai, bình tĩnh y như là đang thảo luận ở giữa trời, dưới bóng một cây dâu, trong lúc ăn một củ hành. Cuối cùng, khi mỗi người đã phát biểu ý kiến của mình, cụ nói:

- Lụt thì đây hẳn là một trận lụt...

- Do động đất mà ra.

- Ở khu công trình cũ tràn đến.

- Qua một lỗ thủng ở đáy sông Di-vôn.

Mỗi người nhắc lại một điều mình đã nói. Cụ giáo vẫn lặp lại:

- Đây là một trận lụt.

- Rồi sao nữa? Lụt ở đâu đến? - Nhiều người nổi lên hỏi cùng một lúc.

- Tôi không biết. Nếu chỉ riêng có tầng ba bị lụt mà bảo là lụt từ công trình cũ thì còn có thể tin, đằng này cả tầng hai và tầng một cũng bị. Các anh biết rằng nước chảy xuống mãi chứ không bao giờ chảy lên mà!

- Cái lỗ thủng?

- Tự nhiên thì không thể sinh ra những lỗ thủng như vậy!

- Chắc là động đất.

- Tôi không biết.

- Không biết thì đừng nói!

- Tôi biết là lụt, và thế cũng là có biết ít nhiều rồi, lụt từ trên xuống.

- Gớm chữa! Cái đó ai không thấy, nước đuổi theo ta mà!

Từ khi vào chỗ khô ráo, người ta cảm thấy an toàn nên không cần nghe cụ giáo nữa.

- Thôi, đừng có làm bộ thông thái nữa, anh có biết gì hơn chúng tôi đâu!

Trong lúc nguy nan, sự quyết đoán của cụ giáo đã gây nên uy tín cho cụ. Uy tín ấy bây giờ mất rồi. Cụ lặng yên, không cãi lại.

Để cho át tiếng động, chúng tôi nói như gào thét, thế nhưng tiếng chúng tôi cứ như thì thầm. Cụ giáo bảo tôi:

- Cháu thử nói lên xem.

- Nói gì bây giờ?

- Nói gì cũng được, miễn là có nói, nói những tiếng thoát tiên cháu nghĩ đến.

Tôi nói một vài câu.

- Được. Bây giờ nói khê hơn. Được rồi. Tốt.

- Này cụ giáo, cụ loạn óc rồi đấy à? - Pa-giét nói.

- Cụ sợ quá mà hóa điên rồi chẳng?

- Cụ tưởng cụ đã chết rồi phỏng?

- Tôi tưởng rằng nước sẽ không lên đến chỗ chúng ta và nếu phải chết thì chúng ta sẽ không chết đuối.

- Thế nghĩa là thế nào, cụ giáo?

- Anh nhìn đèn của anh xem.

- Thì nó vẫn cháy.

- Có giống như thường ngày không?

- Ngọn đèn sáng chói hơn nhưng ngắn hơn.

- Có gri-du à?

- Không-Cụ giáo nói-Cả cái đó cũng không đáng sợ. Sự nguy hiểm không ở khí gri-du, cũng không ở nước; nước từ bây giờ sẽ không dâng lên tấc nào nữa.

- Thôi đừng có bí mật như làm trò phù thủy.

- Tôi không làm trò phù thủy, chúng ta đang như ở trong một cái chuông không khí⁽¹⁾, và chính không khí bị ép cản nước lại không cho lên. Cái ngách này bịt bùng ở trên có tác dụng như cái chuông của người thợ lặn. Không khí bị nước dồn lại đã tụt cả ở đây và bây giờ nó chống lại nước, ngăn nước không cho lên thêm nữa.

Nghe cụ giáo giải thích rằng chúng tôi đang ở trong một thứ chuông thợ lặn, ở đó nước không lên tới chúng tôi, có người bàn tán, không tin.

- Nhảm chưa! Không phải nước mạnh hơn tất cả à?

- Đúng thế, khi nó tự do ở ngoài trời. Nhưng khi anh áp cái cốc xuống thùng nước, nước có lên đến đáy cốc không? Không chứ? Cứ còn một khoảng trống. Ấy đấy! Có khoảng trống ấy là vì có không khí. Ở đây cũng thế, chúng ta đang ở trong đáy cốc, nước có luôn luôn lên tới chúng ta đâu!

- Cái đó tôi hiểu-chú Gát-xpa nói - Và bây giờ, các bác ạ, tôi thiết tưởng các bác hay chế nhạo cụ giáo là không đúng. Cụ biết những cái chúng mình không biết.

- Thế là chúng ta thoán nạn - Ca-rô-ry kêu.

(1) Công cụ hình chuông thả xuống nước, bơm hơi vào đáy nước ra để cho người thợ lặn ở trong ấy làm việc dưới nước - ND.

- Thoát nạn? Tôi không nói vậy. Ta không chết đuối, đó là điều tôi bảo đảm. Cái nó cứu chúng ta là ở chỗ ngách này bịt bùng, không khí không thoát ra được. Nhưng chính cái cứu ta cũng là cái hại ta. Không khí không thoát ra được, nó bị giam hãm, nhưng chúng ta cũng bị giam hãm, chúng ta không thoát ra được.

- Khi nước xuống...

- Nó có xuống không? Cái đó tôi không biết. Muốn biết cái đó phải biết do đâu mà nó lên, và ai trả lời được?

- Cụ đã bảo là lụt mà?

- Ừ, rồi sao nữa? Lụt thì chắc chắn là lụt rồi. Nhưng do đâu mà lụt? Sông Đi-vôn đã dâng tràn đến giồng mỏ chẳng? Mưa đông chẳng? Một con suối lở bờ? Hay là một trận động đất? Phải ở ngoài mới nói được, khốn thay chúng ta lại ở trong.

- Có lẽ thành phố bị cuốn đi rồi?

- Có lẽ...

Một phút yên lặng và hãi hùng.

Nước không đổ âm âm nữa, duy thỉnh thoảng từ trong lòng đất dội tới những tiếng nổ không âm vang, và người ta cảm thấy hình như đất rung chuyển. Cụ giáo bảo:

- Cả hầm mỏ này chắc là đầy ắp rồi, bởi vì nước không lên nữa.

- Ôi thằng Pi-e! - Bác Pa-giét kêu thất vọng.

Pi-e là con bác ấy, cũng là thợ cuốc như bác. Pi-e làm việc ở tầng ba. Nãy giờ bản năng sinh tồn quá mạnh át đi tất cả, khiến bác không nhớ đến con. Nhưng cái câu “mỏ này đầy ắp rồi” của cụ giáo đã lôi bác tỉnh dậy. Bác kêu lên những tiếng xé ruột: “Pi-e! Pi-e!...Pi-e!”. Không ai đáp, cả tiếng dội lại cũng không có: tiếng gọi trầm đi và tắc lại trong cái chuông kín. Cụ giáo nói:

- Nó cũng tìm được một ngách ngược thôi! Không có lý do nào mà đến trăm rưỡi con người chết đuối một lần! Như thế thì gớm ghiếc quá!

Cụ giáo nói thế, nhưng qua giọng cụ tôi thấy hình như cụ cũng không tin tưởng cho lắm. Sớm nay ít ra là một trăm năm mươi người xuống mỏ. Trong số đó có bao nhiêu đã leo giếng lên khỏi mỏ, bao nhiêu đã tìm được chỗ lánh nạn như chúng tôi? Tất cả những người bạn thợ mỏ của chúng tôi nguy rồi, chìm rồi, chết rồi! Không ai nở mở miệng nói một tiếng.

Tuy nhiên trong tình huống bấy giờ, lòng thương cảm không điều khiển con người. Sau mấy phút im lặng, Béc-gu-nu hỏi:

- Này! Thế thì chúng ta phải làm gì bây giờ?

- Làm gì?

- Chỉ có việc chờ - Cụ giáo nói.

- Chờ gì?

- Chờ thôi. Hay là anh muốn xoi thông cái khoảng cách bốn năm chục mét giữa mặt đất với chúng ta bằng cái móc đèn của anh?

- Thế thì chúng ta đến chết đói mất!

- Đó không phải là một đe dọa lớn nhất!

- Nào nào, cụ giáo, cụ nói đi. Cụ làm chúng tôi sợ quá! Mỗi họa ở đâu, mỗi họa lớn nhất ở đâu mà ra nào?

- Đói còn có thể chịu được. Tôi đã xem sách thấy có những người thợ cũng bị bí trong mỏ vì nước lụt như chúng ta đây, họ nhịn đói đến hai mươi bốn ngày đêm mà không chết. Việc này xảy ra đã lâu lắm, mà dù có xảy ra hôm qua thì cũng chỉ thế thôi! Không, cái đói thì ta không sợ lắm!

- Thế cái gì làm cụ lo ngại nào? Cụ đã nói rằng nước không dễ dâng lên thêm nữa mà?

- Các anh có thấy vầng đầu, ù tai không? Các anh thấy có dễ thở không? Tôi thì không?

- Tôi ấy à, tôi đau đầu.

- Tôi thì thấy người xao xuyến, buồn nôn.

- Thái dương tôi giật giật.

- Tôi thì tôi sờ sờ cả người đi.

- Ấy đấy! Cái nguy cơ lúc này là ở chỗ đó! Ở trong bầu không khí này, chúng ta có thể sống được bao lâu? Tôi không biết. Vì tôi dốt nát, chứ nếu tôi là một nhà bác học thì tôi đã nói được rồi. Ta ở cách mặt đất khoảng bốn chục mét và ở bên dưới có lẽ độ ba mươi lăm hoặc bốn mươi mét nước. Thế có nghĩa là không khí ở đây bị một sức ép khoảng từ bốn đến năm át-mô-

phe. Trong không khí bị ép đó, con người sống như thế nào? Đó là điều cần biết, và chúng ta sắp biết đây, duy phải đánh đổi sự hiểu biết ấy bằng những tổn thương, có lẽ thế!

Tôi không hiểu không khí bị ép là như thế nào hết, chính vì đó mà những lời cụ giáo nói khiến tôi rất rối kinh hãi. Những bạn thợ khác cũng xúc động không kém: họ có hiểu biết gì hơn tôi đâu! Cái điều mình không hiểu là điều làm mình hãi hùng. Còn cụ giáo thì cụ không phút nào quên hoàn cảnh tuyệt vọng của anh em, và tuy nhìn thấy rất rõ cả sự rùng rợn của nó, cụ chỉ nghĩ đến những việc cần làm để chống với tai ương. Cụ bảo:

- Bây giờ thì hãy xếp đặt thế nào cho khỏi lẫn tằm xuống nước.

- Có hốc rồi mà.

- Các anh tưởng cứ đứng mãi một điệu như thế này mà không mỏi rã ra à?

- Thế cụ cho rằng chúng mình còn phải ở đây lâu lắm ư?

- Nào tôi có biết!

- Người ta sẽ đến cứu chúng mình.

- Cái đó đã hẳn, nhưng khi nào cứu được mới cứu chứ? Còn bao nhiêu lâu nữa người ta mới bắt đầu tổ chức cứu ta? Chỉ có những người ở trên kia mới nói được, còn chúng ta ở dưới này thì phải thu xếp thế nào

cho đỡ khốn khổ nhất, bởi vì người nào trượt chân là người ấy đi đứt!

- Chúng mình phải buộc nhau lại làm một khối.

- Dây đâu?

- Hay là nắm chặt tay nhau?

- Tôi nghĩ rằng chúng ta đào thành những bậc như ở một cầu thang là tốt nhất. Chúng ta có bảy người, đào hai bậc là đủ: bốn sẽ ngồi ở bậc trên, ba ở bậc dưới.

- Đào bằng gì?

- Chúng ta không có cuốc chim.

- Ở chỗ đất bở thì lấy móc đèn mà đào, ở chỗ cứng thì dùng dao.

- Không thể nào làm được!

- Đừng nói thế, bác Pa-giét! Ở cảnh ngộ chúng ta, gì mà chúng ta không làm được để thoát chết. Đừng như thế này, ai ngủ gà ngủ gật thì chết toi!

Nhờ bình tĩnh và quyết đoán, uy tín của cụ giáo càng lâu càng lớn lên trước mắt chúng tôi. Cái lớn lao, cái đẹp đẽ của sự dũng cảm là ở đó: nó chinh phục người ta. Tự nhiên tôi cảm thấy cụ đang đem nghị lực của cụ chống chọi với cái tai họa đi làm tinh thần chúng tôi sụp đổ, và chúng tôi trông chờ cái sức mạnh đó giải thoát cho chúng tôi. Việc phải làm trước hết hiển nhiên là khoét hai cái bậc thang đó, cho nên chúng tôi bắt tay vào việc. Phải cho có chỗ ngồi, nếu

không được thoải mái thì ít nhất cũng phải vững vàng, để đừng lẫn tằm xuống cái vực thẳm ở dưới chân. Chúng tôi thắp bốn cây đèn, đủ ánh sáng để làm việc. Cọ giáo bảo:

- Hãy chọn chỗ để đào.

- Này các bạn - Chú Gát-xpa lên tiếng - Tôi có đề nghị này. Giữa chúng ta, chỉ có một người không quần trí là cọ giáo. Khi chúng ta cuống cuống thì cọ vẫn tỉnh táo. Thế mới là một con người. Mà tâm địa cọ cũng tốt nữa. Cọ cũng đã từng là thợ cuốc như chúng ta, và về nhiều mặt, cọ hiểu biết hơn chúng ta nhiều. Tôi đề nghị ta cử cọ làm chỉ huy và nhờ cọ điều khiển công việc.

- Cọ giáo à? - Thành Ca-rô-ry ngắt lời, thằng này là một thằng ngu độn, chỉ có trí khôn vừa đủ để đẩy chiếc goòng - Sao lại không cử tôi? Nếu lấy một tay đẩy goòng thì tôi cũng là tay đẩy goòng như cọ ấy.

- Con bò! Người ta đâu có cần người đẩy goòng, người ta cần một con người, mà giữa chúng ta thì cọ ấy là con người trọn vẹn hơn cả.

- Mấy hôm trước tao cũng ngu như mày và tao cũng nhạo báng cọ giáo như những người khác, nhạo báng để đánh trống lảng cái việc mình dốt hơn người ta. Nào, cọ giáo, cọ cất cho tôi công việc gì đây? Hai tay tôi chắc, cái đó cọ biết rồi. Còn các anh kia, ý kiến các anh như thế nào?

- Ấy, cọ giáo, chúng tôi tuân lệnh cọ.

- Và sẽ còn tuân lệnh cọ.

Cụ giáo nói:

- Nay, các bạn đã muốn tôi chỉ huy thì tôi cũng sẵn lòng làm, nhưng với điều kiện là tôi nói gì thì làm nấy. Có thể chúng ta sẽ phải ở đây lâu, nhiều ngày đấy. Tôi không biết rồi sẽ ra sao. Chúng ta rồi cũng như những hành khách đắm tàu ở trên một cái bè giữa biển khơi. Hơn thế, tình cảnh chúng ta sẽ còn ghê gớm hơn nhiều, bởi vì ở trên bè, người ta còn có khí trời và ánh sáng, người ta thở được và trông nhìn được. Ở đây, nếu tôi là chỉ huy thì bất kì trường hợp nào, các anh cũng phải tuân lời tôi.

- Chúng tôi tuân lệnh cụ - Tất cả đều nói một lượt.

- Khi các anh cho cái điều tôi bảo là đúng thì các anh vâng lời đấy, nhưng khi các anh không tin là đúng thì sao?

- Chúng tôi sẽ tin.

- Ai cũng biết cụ là người trung hậu, cụ giáo ạ!

- Và là người dũng cảm.

- Lại là người hiểu biết nhiều.

- Cụ giáo nên bỏ qua những lời chế nhạo xưa kia cho chúng tôi.

Lúc bấy giờ tôi chưa từng trải việc đời: Trông thấy những người buổi trước đây vừa tuân lên đầu cụ giáo không biết cơ man nào là câu điệu cợt, đến bây giờ lại thừa nhận cụ có những đức tính cao quý, tôi lấy làm lạ lùng hết sức. Tôi có biết đâu là có một số người hể hoàn

cảnh thay đổi thì ý kiến, cảm tình cũng thay đổi. Cụ giáo hỏi:

- Các anh có thể là sẽ vâng lời tôi không?

- Xin thể - Chúng tôi đồng thanh đáp.

Thế rồi chúng tôi bắt tay vào việc. Mọi người đều có dao trong túi áo, những con dao tốt, cán chắc, lưỡi cứng. Cụ giáo ra lệnh:

- Ba người đào đất, ba người khỏe nhất. Những người yếu hơn: Rê-mi, Ca-rô-ry, Pa-giét và tôi thì chúng ta dọn đất vụn đã được đào bởi ra.

Công-pê-ru cao to như một người khổng lồ, nói:

- Cụ dừng. Cụ không nên làm, cụ không đủ sức đâu!

Người ta nhận thấy vai trò điều khiển của cụ giáo rất cần thiết, đến mức sẵn sàng ỷ cụ vào chân bông để tránh cho cụ mọi tai nạn và nguy hiểm. Cụ là người hoa tiêu của chúng tôi.

Giá có công cụ thì công việc của chúng tôi dễ như bỡn, nhưng chỉ có dao không thôi nên vất vả quá và cố nhiên là phải lâu. Cần phải khoét đá "sít" làm thành hai bậc thang để tránh nguy cơ rơi xuống vực, và bậc thang đó phải rộng để đủ chỗ, một bậc cho bốn người, một bậc cho ba người ngồi. Chúng tôi tiến hành công việc đào bởi để đạt kết quả đó. Ở mỗi nơi làm việc, có hai người chuyên đào và một người lo đưa những mảnh đá "sít" xuống. Cụ giáo xách đèn đi lại giữa hai "công

trường". Trong khi đào, chúng tôi tìm thấy một đôi khúc gỗ chống bị vùi lấp dưới đất, những khúc gỗ ấy rất có ích vì chúng giữ đất đá vụn không cho chảy xuống dưới. Sau ba tiếng đồng hồ làm liên miên không nghỉ tay, chúng tôi đã đào được những bậc vừa ngồi. Cụ giáo ra lệnh:

- Trước mắt, thế cũng đủ rồi. Sau này chúng ta sẽ mở rộng để có đủ chỗ nằm được. Không nên phí sức một cách vô ích vì chúng ta sẽ còn cần sức khỏe đấy!

Chúng tôi xếp chỗ ngồi: cụ giáo, chú Gát-xpa, Ca-rô-ry và tôi ngồi ở bậc dưới, ba người thợ cuốc ở bậc trên.

- Phải tiết kiệm đèn dầu - Cụ giáo nói - Các anh tắt hết đi, chỉ để đỏ một ngọn thôi.

Mệnh lệnh truyền ra được thi hành ngay. Anh em sắp tắt hết những cây đèn không cần thiết thì cụ giáo ra hiệu cho họ ngừng tay. Cụ nói:

- Hượm tí đã! Một luồng gió có thể làm tắt chiếc đèn mà chúng ta chong. Điều này có lẽ cũng không xảy ra, nhưng biết đâu đấy, phải đề phòng cả những cái vô lý. Lúc đó thì ai có diêm để thắp đèn lại nào?

Mặc dầu người ta nghiêm cấm việc đánh lửa trong mỏ, hầu hết anh em thợ đều mang diêm trong túi áo. Vì ở đây không có kỹ sư để bắt những sự vi phạm nội quy, cho nên khi nghe hỏi: "Ai có diêm?" thì bốn người trả lời: "Tôi!". Cụ giáo nói tiếp:

- Tôi cũng có nhưng nó ngấm nước hết.

Những người khác cũng bị như thế vì người nào cũng bỏ diêm ở túi quần mà trót dầm nước đến ngực hoặc đến tận vai. Thằng Ca-rô-ry hiểu chậm, trả lời càng chậm, đến lúc ấy mới nói:

- Tôi cũng có diêm đây!
- Ướt!
- Không biết! Tôi để ở trong mũ.
- Thế thì đưa cái mũ đây!

Cái mũ không vành của thằng Ca-rô-ry là một cái mũ da rái, to như cái khăn xếp của một anh Thổ Nhĩ Kỳ ở chợ phiên. Đáng lẽ đưa cái mũ như người ta bảo thì nó lại đưa bao diêm. Bao diêm không thấm nước nhờ ở vị trí đặc biệt của nó trong lúc người chúng tôi ngâm dưới nước.

- Bây giờ thì thổi đèn đi - Cụ giáo ra lệnh.

Thế là chỉ có ngọn đèn le lói, rọi lờ mờ cái chuồng nhốt chúng tôi.

26

TRONG NGÁCH NGƯỢC

Im lặng đã trở lại trong mỏ. Không có tiếng động nhỏ nào vang đến chúng tôi. Dưới chân, nước nằm phẳng lặng, không một tí gợn, không một tiếng rì

rào. Như cụ giáo nói, nước đầy ắp cả mỏ và sau khi tràn ngập các đường hầm từ nền đến nóc, nước vớt chúng tôi lại trong cái nhà tù này, vớt kín hơn, chắc chắn hơn một bức vách đá. Cái im lặng nặng nề, bí hiểm, cái im lặng ở cõi âm này còn ghê gớm, còn kinh hồn hơn cái náo động gớm ghiếc khi nước tràn lên. Giờ đây, chúng tôi bị chôn sống dưới mồ và trên tim chúng tôi có ba bốn mươi thước đất đè xuống nặng trĩu. Khi lao động thì chúng tôi lãng khuây. Bây giờ rồi rồi, chúng tôi thật thấm thía cảnh ngộ của mình. Người nào cũng có lúc rời rã chán chường, kể cả cụ giáo.

Thình lình tôi cảm thấy có những giọt gì nóng nóng rỏ lên bàn tay tôi. Đó là thằng Ca-rô-ry đang khóc thầm. Cùng một lúc có nhiều tiếng thở dài và tiếng rên rỉ ở tầng trên: "Pi-e, Pi-e con ơi!". Đây là tiếng bác Pa-giét nhớ đến con mà than vãn...

Không khí nặng nề khó thở. Tôi thấy tức ngực và ù tai. Cụ giáo thì không có vẻ phờ phạc, rã rời một cách quá đáng như chúng tôi, hoặc là cụ muốn chống trạng thái ấy và tránh không cho chúng tôi buông xuôi trong tuyệt vọng. Cụ lên tiếng nói:

- Bây giờ chúng ta hãy xem còn bao nhiêu lương thực.
 - Cụ cho rằng - Chú Gát-xpa nói - Chúng ta sẽ bị giam lâu dài ở dưới này chăng?
 - Không, nhưng phải đề phòng. Ai có bánh mì?
- Không ai trả lời. Tôi nói:
- Cháu còn một mẩu trong túi.

- Túi nào?

- Túi quần.

- Thế thì bánh của cháu thành cháo rồi. Hằng cứ đưa ra.

Lúc sáng, tôi có cất trong túi một miếng vỏ bánh mì vàng ửng và giòn tan, bây giờ tôi móc túi ra một thứ cháo nhão nhoét. Thất vọng, tôi định vứt đi thì cụ giáo cản tay tôi. Cụ nói:

- Cứ giữ món cháo của cháu lại! Bây giờ thì dở đấy, nhưng ít nữa rồi cháu thấy ngon cho mà coi.

Lời dự đoán ấy đáng làm chúng tôi lo ngại, nhưng chúng tôi không để ý. Sau này, tôi mới nhớ lại và biết rằng ngay từ lúc bấy giờ, cụ giáo đã nhìn thấy đầy đủ tình cảnh nguy khốn của chúng tôi. Nếu cụ không thấy trước một cách chi tiết những nỗi đau khổ ghê gớm mà chúng tôi sẽ phải chịu, thì ít ra cụ cũng không có ảo tưởng là người ta sẽ cứu được chúng tôi một cách dễ dàng.

- Không còn ai còn bánh nữa à? - Cụ hỏi.

Không có ai trả lời. Cụ lại tiếp:

- Thế thì phiên đấy!

- Cụ đói à ? - Công-pê-ru ngắt lời.

- Tôi không hỏi cho tôi, mà cho Rê-mi và Ca-rô-ry. Nếu có bánh mì thì phải để cho chúng nó.

Béc-gu-nu hỏi:

- Sao không chia đều cho tất cả chúng ta? Như vậy là không công bằng! Ai thì cũng đối như nhau cả thôi!

- À, à, ra thế đấy! Giá có bánh mì, thì chắc hẳn đã xảy ra xích mích rồi đấy. Vậy mà các bạn đã hứa nghe theo tôi! Thực ra các bạn chỉ nghe theo tôi sau khi đã cãi vã chán chê và chịu nhận tôi nói đúng!

- Thế tất anh ta phải tuân lệnh thôi!

- Nghĩa là cũng sau khi có lẽ xảy ra xung đột! Vậy thì muốn khỏi có xung đột, tôi xin nói rõ vì sao bánh mì phải dành cho Rê-mi và Ca-rô-ry. Tự tôi không đề ra cái lệ ấy đâu! Đó là luật pháp: luật pháp đã chỉ rõ là khi nhiều người cõ dưới sáu mươi tuổi cùng chết trong một tai nạn nào đó thì người cao tuổi nhất thường là người sống dai nhất. Như thế cũng có nghĩa là Rê-mi và Ca-rô-ry, còn ít tuổi, tất nhiên sức chịu đựng kém hơn so với Pa-giét và Công-pê-ru.

- Thế cụ, cụ giáo, cụ trên sáu mươi rồi.

- Ô, tôi ấy à? Tôi thì kể gì! Vả lại tôi đã có thói quen ăn uống chừng mực.

Sau khi suy nghĩ, thằng Ca-rô-ry nói:

- Thế thì nếu tôi có bánh, bánh ấy phải dành cho tôi.

- Cho cháu và Rê-mi.

- Tôi không muốn chia cho nó thì sao?

- Thì người ta sẽ lấy của mày mà chia. Mày đã không thể là vâng lời hay sao?

Nó lặng thinh một hồi khá lâu rồi đột ngột móc một chiếc bánh từ trong mũ nó ra.

- Này, có một miếng đây!

- Cái mũ của thằng Ca-rô-ry là một cái kho vô tận chẳng?

- Đưa mũ đây! - Cụ giáo nói.

Ca-rô-ry không muốn đưa mũ ra. Anh em giật lấy, trao cho cụ giáo. Cụ bảo đưa đèn cho cụ và cụ vạch viển mũ xem có gì trong ấy. Tuy ở trong hoàn cảnh không vui vẻ gì, lúc bấy giờ chúng tôi cũng đã được một phút giải trí: trong cái mũ của thằng Ca-rô-ry có một cái điều, một ít thuốc lá, một chìa khóa, một chiếc xúc xích, một cái còi làm bằng hạt đào, mấy lóng xương cừu nhỏ làm đồ chơi, ba quả hồ đào tươi, một củ hành. Nghĩa là cái mũ của nó là một cái chạn cất thức ăn, đồng thời là một kho chứa.

- Bánh mì và xúc xích sẽ chia cho Rê-mi và cháu tối nay.

Thằng Ca-rô-ry rên rĩ:

- Nhưng mà tôi đói, tôi đương đói đây.

- Tối nay, mày sẽ còn đói hơn!

- Tiếc sao cái thằng bé này không có đồng hồ trong kho chứa của nó. Nếu có chúng ta đã biết giờ giấc. Đồng hồ của tôi chết mấy rồi.

- Chiếc của tôi cũng thế vì bị ngấm nước.

Câu chuyện đồng hồ nhắc chúng tôi trở về với thực tại. Mấy giờ rồi? Chúng tôi ở trong ngách ngược này

bao lâu rồi nhỉ? Anh em bàn tán nhưng không đi đến nhất trí. Một số anh em cho là mới đúng trưa, một số khác lại bảo là đã sáu giờ chiều. Nghĩa là đối với những người này, chúng tôi bị giam hãm đã hơn mười tiếng liền, đối với những kẻ khác thì chưa đầy năm tiếng. Sự chênh lệch trong ước lượng bắt đầu từ đây: nó còn diễn ra nhiều lần và đưa đến những khoảng cách lớn.

Lúc này không phải lúc nói chuyện phiếm, cho nên khi cuộc bàn cãi về giờ giấc chấm dứt thì mọi người lại lặng im và có vẻ đăm chiêu suy nghĩ. Các bạn khác nghĩ những gì, tôi không biết. Nhưng cứ ý nghĩ của tôi mà suy ra thì ý nghĩ của họ chắc không có gì tươi vui cả. Dù ý kiến của cụ giáo có vẻ chắc như đinh đóng cột, tôi cũng không tin rằng sẽ được cứu thoát. Tôi sợ nước, sợ bóng tối, sợ cái chết. Sự lặng lẽ làm tôi tê dại. Vách đá gồ ghề chen nghẹt tôi y như là nó đổ xuống đè lên người tôi với tất cả sức nặng của nó. Tôi không được thấy mặt Li-dơ nữa ư? Và cũng không thấy chị Ê-chiên-nét, A-lơ-xi, Băng-gia-manh? Tôi chết đi, ai nối đường dây liên lạc cho chị em người ta? Tôi sẽ không được gặp Ác-tơ và bà Mi-li-gơn, Mát-chi-a, và Ca-pi? Làm sao nói cho Li-dơ hiểu được rằng tôi chết vì em đây? Còn má Bác-bơ-ranh, má Bác-bơ-ranh tội nghiệp! Ý nghĩ của tôi nối tiếp nhau, ý nghĩ nọ kéo theo ý nghĩ kia, ý nào cũng đen tối như ý nào. Tôi nhìn qua anh em khác để cho khuây lã, nhưng thấy họ cũng buồn rầu, cũng ủ rũ như tôi thì tôi lại quay về với những suy nghĩ của mình, và lại càng buồn rầu, càng thất vọng hơn. Dẫu sao thì họ cũng đã quen sống trong hầm mỏ, do đó họ không

khô vì thiếu không khí, thiếu ánh mặt trời, thiếu tự do, và đất đá cũng không đè nặng lên trên người họ.

Thình lình, trong im lặng, tiếng chú Gát-xpa cất lên:

- Tôi cho rằng người ta chưa làm gì cả để cứu chúng ta.

- Tại sao anh lại nghĩ như vậy?

- Ta có nghe thấy gì đâu nào!

- Cả thành phố bị phá hủy. Đây là một trận động đất.

- Hay là ở trong thành phố người ta tưởng chúng ta đã chết hết, có làm gì nữa cũng vô ích?

- Thế thì chúng ta bị bỏ mặc ở đây rồi!

Cụ giáo ngắt lời:

- Tại sao các anh lại nghĩ như vậy về các bạn của chúng ta? Buộc tội họ như vậy là không đúng! Các anh thừa biết rằng khi xảy ra tai nạn, người thợ mỏ không bỏ nhau bao giờ, và thà rằng hy sinh hai mươi người, một trăm người, chứ không đành không cứu một người bạn. Các anh biết điều ấy chứ ?

- Quả có thế !

- Đã thế thì tại sao các anh lại bảo là người ta bỏ mặc chúng ta ?

- Tại vì chúng tôi không nghe thấy tăm hơi gì cả.

- Đúng là chúng ta không nghe thấy gì. Nhưng ở chỗ này có thể nghe thấy gì không đã chứ? Ai biết được? Tôi thì không biết rồi đó. Với lại nếu chúng ta nghe

được và biết rõ rằng người ta không làm việc, thì điều đó có đủ chứng tỏ rằng người ta bỏ rơi chúng ta hay không? Chúng mình có biết tai họa đã xảy ra như thế nào không? Nếu là một cuộc động đất thì những kẻ sống sót có bao nhiêu là công việc phải làm trong thành phố. Nếu chỉ là một cơn lụt, như tôi đoán, thì phải biết tình hình ở các giếng thế nào. Giếng có thể lở mất, đường hầm từ kho đến có thể sụp đổ rồi. Phải có thì giờ mới tổ chức việc cứu tế được. Tôi không dám nói rằng chúng mình sẽ được cứu thoát, nhưng tôi tin chắc rằng người ta đương tiến hành công việc giải cứu cho chúng mình.

- Cụ giáo nói những điều đó với giọng quả quyết có thể thuyết phục những người hoài nghi nhất và làm yên lòng những người khiếp sợ nhất. Tuy thế bác Béc-gu-nu còn có ý kiến:

- Nếu người ta tưởng chúng ta đã chết hết rồi thì sao?

- Người ta cũng cứ tổ chức tiếp cứu. Thế nhưng nếu anh lo ngại cái điều ấy thì chúng ta hãy làm cho họ biết rằng chúng ta còn sống. Chúng ta hãy đập vào vách hết sức mạnh. Các anh biết rằng âm vang truyền đi trong đất, nếu người ta nghe thấy, người ta biết rằng cần phải làm nhanh và tiếng gọi của ta lại còn chỉ hướng cho họ tìm đến.

Không chần chừ, bác Béc-gu-nu vốn mang giấy bột rất to, đập mạnh vào vách đá theo cách "gọi thợ mỏ lên khỏi hầm". Cái tiếng động ấy, nhất là những ý nghĩ đó gọi lên đã lôi chúng tôi ra khỏi cơn tê liệt. Anh em có nghe thấy tiếng gọi của chúng mình không? Họ có sắp trả lời cho chúng mình không? Chú Gát-xpa hỏi:

- Này, cụ giáo ơi, nếu anh em nghe thấy thì họ có thể làm gì để cứu chúng ta nhỉ ?

- Chỉ có hai cách, và tôi tin chắc rằng các ông kỹ sư sẽ dùng cả hai cách song song với nhau: một là khoét lối xuống để thông với ngách chúng ta, hai là mức cho vơi nước đi.

- Chao ôi! Khoét lối xuống !

- Ái chà! Mức nước đi !

Những câu nói ấy không làm cụ giáo cuống.

- Ta ở sâu bốn mươi thước phải không? Mỗi ngày đào từ sáu đến tám thước thì bảy tám ngày là tới ta.

- Không thể đào sáu thước mỗi ngày.

- Làm công việc thường ngày thì thế, nhưng khi phải cứu sống những người bạn thợ với nhau thì anh em có thể làm được những việc phi thường.

- Tám ngày thì làm thế nào mà sống nổi! Cụ thử nghĩ xem, những tám ngày!

- Này, còn nước thì sao? Làm thế nào cho vơi?

- Nước thì làm thế nào, tôi không biết. Muốn biết điều đó, trước hết phải biết có bao nhiêu nước đã tràn vào trong mỏ: hai mươi vạn mét khối chẳng? Hay ba mươi vạn? Tôi chịu. Tuy nhiên, để tới chỗ ta, không cần thiết phải mức hết cả khối lượng nước đã đổ vào mỏ, bởi vì chúng ta ở tầng một. Vì người ta tổ chức mức luôn ở cả ba giếng một lúc, mỗi giếng hai gàu cho nên mỗi

chuyển mức được sáu gàu, mỗi gàu chứa hai nghìn năm trăm lít vị chi là mười lăm nghìn tất cả. Như thế cũng là nhanh đấy chứ!

Một cuộc tranh cãi bí beng nổ ra về các biện pháp tốt nhất để cứu sống chúng tôi. Cuộc tranh cãi không đi đến đâu, nhưng riêng tôi thì rút trong ấy ra được cái kết luận là dù có đủ tất cả mọi thuận lợi, chúng tôi cũng phải ở lại ít nhất là tám ngày trong cái nhà mồ ấy.

Tám ngày! Cụ giáo có nói về trường hợp những người thợ bị nghẽn dưới hầm hai mươi bốn ngày. Nhưng đó là truyện, còn chúng tôi đây là sự thực. Khi cái ý nghĩ ấy đã ám ảnh tôi thì tôi không nghe thấy người ta nói gì nữa. Những tám ngày!

Tôi day dứt vì cái ý nghĩ ấy không biết đã được bao lâu thì bỗng thấy người ta thôi không bàn cãi nữa. Thằng Ca-rô-ry bảo:

- Nghe kìa!
- Cái gì chứ?
- Có tiếng gì trong nước...
- Có lẽ mày làm lẫn một hòn đá.
- Không! Cái tiếng này không dối.

Chúng tôi lắng tai nghe. Tai tôi khá thính, nhưng chỉ thính đối với những âm vang của cuộc sống, của đất bằng. Ở đây, tôi không nghe thấy gì cả. Các bạn của tôi vốn quen những tiếng động dưới mỏ nên may mắn hơn tôi.

- Ủ - Cụ giáo nói - Có cái gì động ở dưới nước ấy!

- Cái gì hở cụ giáo?

- Tôi không biết!

- Nước tuôn xuống đó thôi!

- Không phải, tiếng này không liên tục. Nó vang từng lúc và cách quãng đều.

- Từng lúc và cách quãng đều! Thế là chúng ta thoát chết rồi, các cậu ạ! Đó là tiếng của những gàu múc ở giếng!

- Gàu múc...

Tất cả chúng tôi cùng buột miệng cùng một lúc reo lên, lặp lại hai tiếng ấy. Và như điện giật, chúng tôi đều đứng phắt lên.

Chúng tôi không ở cách mặt đất bốn mươi thước, không thở không khí bị ép nữa, vách mỏ không đè chúng tôi, tai không ù, hơi thở thoải mái, tim lại đập trong lồng ngực. Ca-rô-ry nắm tay tôi siết mạnh:

- Mày là một thằng tốt.

- Không, mày ấy chứ!

- Tao bảo là mày.

- Chính mày nghe thấy tiếng gàu múc trước tiên.

Nó cứ khẳng khẳng bảo tôi là một thằng bé tốt. Nó say rồi, say như say rượu. Mà thực ra chúng tôi chả say là gì? Chúng tôi say hy vọng ấy! Tuy nhiên, cái hy vọng

này không thực hiện được chóng vánh, cũng không thực hiện với đủ tất cả mọi người. Trước khi được nhìn lại ánh nắng ấm áp của mặt trời, trước khi được nghe tiếng gió luồn qua khe đá, chúng tôi còn phải sống những ngày dài ác nghiệt ở chỗ này, còn phải chịu đủ mọi nỗi đau đớn dằn vặt và hoang mang tự hỏi không biết mình có được nhìn lại cái ánh sáng ấy, nghe lại cái tiếng gió êm như đàn ấy không?

Nhưng đã kể cho các bạn nghe cái tai nạn khủng khiếp của mỏ Tơ-ruy-e y như nó diễn ra, thì bây giờ cũng phải nói cho các bạn biết nó đã xảy ra như thế nào và các kỹ sư đã làm những gì để cứu chúng tôi.

Sớm thứ hai tuần ấy, khi chúng tôi xuống hầm mỏ thì trời đầy những mây sầm và có hiện tượng của một cơn dông sắp diễn ra. Khoảng bảy giờ sáng thì cơn dông đến thật, kèm theo một cơn mưa xối xả như một trận lụt. Đó là vì những đám mây mù bay là là dưới thấp len vào thung lũng khúc khuỷu của sông Đì-vôn, đã bị chẹt trong vành đồi, không cất lên cao được. Thế là chúng mang được bao nhiêu nước thì cứ việc trút hết bấy nhiêu xuống thung lũng. Đây không phải là một cơn mưa rào mà là một cơn thác từ lưng chừng trời đổ xuống một trận hồng thủy. Trong vòng mấy phút, nước sông Đì-vôn và các chi nhánh lớn phình lên. Điều này dễ hiểu thôi. Trên mặt đất nền đá, nước không thấm xuống được nên cứ theo chiều nghiêng của mặt đất mà chảy ra sông. Bỗng chốc lòng sông Đì-vôn đầy ắp, còn mấy con suối thì tràn bờ. Sông Đì-vôn đầy, nước suối Tơ-ruy-e không chảy xuống được bèn tràn lên đất khu

mỏ. Nước dâng chớp nhoáng, nhưng anh em thợ rửa quặng ở trên mặt đất không hề gì, bởi vì họ đã đi trốn mưa rồi. Khu mỏ Tư-ruy-e này không phải lần đầu bị lụt, nhưng miệng giếng mỏ ở cao, nước không lên tới được, cho nên người ta chỉ lo chạy những đồng gỗ đã đẽo xong để chờ dùng chống hầm. Người kỹ sư đang điều khiển công việc đó bỗng thấy nước xoáy điên cuồng và lao vào một cái vực nó vừa xói nên. Cái vực ấy nằm ngay trên một tảng than cạn ở gần mặt đất.

Viên kỹ sư không cần suy nghĩ nhiều cũng hiểu đầu đuôi sự việc: nước đã ập vào hầm mỏ và chảy theo mạch than cho nên mực nước ở ngoài rút xuống. Mỏ sắp bị lụt, sắp ngập đầy nước. Thợ trong mỏ sắp chết đuối. Viên kỹ sư chạy đến giếng Xanh Giuy-liên, ra lệnh cho người ta dòng ông xuống. Nhưng sắp đặt chân vào thùng goòng để được thả xuống giếng thì ông ngừng lại. Từ trong lòng mỏ vang ra một tiếng náo động kinh khủng: đó là tiếng dòng nước chảy xiết. Những người đứng xung quanh ông kỹ sư bảo: "Ông đừng xuống" và giữ ông lại. Nhưng ông gỡ họ ra, rút chiếc đồng hồ trong túi gi-lê đưa cho một bác thợ và nói:

- Này, nhờ anh đưa chiếc đồng hồ này cho con gái tôi, nếu tôi không trở về.

Rồi quay lại mấy công nhân coi việc dòng thùng, ông bảo: "Cho xuống!". Chiếc thùng bắt đầu xuống. Bây giờ ông kỹ sư ngẩng đầu lên, hướng về bác thợ ông đã trao đồng hồ, dặn:

- Anh nói với nó là cha nó hôn nó.

Chiếc thùng xuống tới hầm mỏ. Ông kỹ sư gọi. Năm công nhân chạy đến. Ông bảo họ vào trong thùng. Trong lúc những người này được kéo lên thì ông lại kêu to gọi thêm nữa. Nhưng không có ích gì. Tiếng gọi của ông bị tiếng nước đổ, tiếng đất sụt át mất đi. Nước đã tràn tới hầm và ngay lúc ấy, ông kỹ sư thấy thấp thoáng có mấy ngọn đèn. Ông lội nước đến gối, chạy xô về phía ấy và đưa về được ba người nữa. Thùng đã trở xuống. Ông bảo ba người ấy vào thùng rồi định quay lại tìm theo những ngọn đèn mà ông mới trông thấy. Nhưng mấy người ông vừa cứu thoát đã dùng sức bẻ thốc ông vào thùng rồi báo hiệu cho ở trên kéo dây. Vừa vặn kịp vì nước đã tràn ngập khắp nơi.

Cái cách tiếp cứu này đã không dùng được nữa. Phải dùng phương pháp khác. Nhưng phương pháp gì? Ông nhìn quanh mình thì vắng vẻ quá! Một trăm năm mươi công nhân đã xuống mỏ bởi vì một trăm năm mươi chiếc đèn đã được phát hồi sáng nay. Nhưng chỉ có ba mươi chiếc được mang về trả ở kho đèn, như thế nghĩa là có một trăm hai mươi người còn mắc nghẽn trong mỏ. Những anh em ấy chết rồi chăng? Hay còn sống? Họ có tìm được chỗ trốn không? Những câu hỏi ấy đã được đặt ra trong đầu óc hoang mang ghê rợn của ông.

Khi ông kỹ sư nghiệm thấy có một trăm hai mươi công nhân bị nghẽn trong mỏ thì ở ngoài tại nhiều nơi đã xảy ra những vụ nổ. Đất, đá bắn tung lên rất cao. Nhà cửa rung rinh như có động đất. Ông kỹ sư hiểu rõ hiện tượng đó: không khí và các chất hơi khác bị nước dồn vào và nén ở các ngách không có lối thoát, khi khối

đất ở trên quá ít, tức là ở những nơi mà ngách lên gần mặt đất, thì các khí bị ép đó làm nổ tung lớp vỏ đất mỏng đó như vỏ nồi súp-de. Như thế cũng có nghĩa là mỏ đã đầy những nước và tai họa đã diễn ra rồi.

Lúc đó cái tin mỏ bị lụt đã truyền đi khắp thành phố. Từ mọi ngả, công chúng đổ về Tơ-ruy-e, từ người dân lao động cho đến bọn tò mò, và vợ con những người thợ bị nghẽn dưới hầm mỏ. Thân nhân của anh em thợ bị nạn đó dò hỏi, tìm kiếm, yêu cầu. Vì người ta không biết thế nào mà trả lời với họ cho nên họ vừa đau thương vừa phẫn nộ. À, ra người ta giấu sự thật.

Ông kỹ sư không để ý đến sự náo động bên ngoài; ông đang cúi rạp xuống tấm bản đồ khu mỏ, nghiên cứu xem anh em thợ trong mỏ có thể lánh mình ở nơi nào và phải bắt đầu tiến hành công cuộc cứu nạn từ chỗ nào.

May thay, các kỹ sư những hầm mỏ lân cận đã dẫn thợ của họ tới, và đi theo những công nhân này, còn có thợ trong thành phố. Thế là có thể ngăn công chúng lại, và nói chuyện với họ. Nhưng nói gì đây cho ổn? Thiếu mất một trăm hai mươi người. Những người này ở đâu?

“Cha tôi thế nào?” “Chồng tôi đâu?” “Trả con tôi cho tôi!”. Giọng người vợ đi trong nước mắt, câu hỏi nghẹn ở cổ vì tiếng nấc. Biết trả lời làm sao với những người con, những người vợ, những người mẹ ấy?

Chỉ một câu thôi, câu trả lời của hội đồng các kỹ sư: “Chúng tôi sẽ tìm, chúng tôi sẽ làm hết cách”.

Và thế là công việc cứu nạn bắt đầu:

Có tìm ra một số người nào sống sót trong số một trăm hai mươi người bị nạn đó không? Nỗi nghi ngại tràn trề mà hy vọng thì chả có mấy. Mặc! Cứ tiến lên!

Công việc cứu nạn được tổ chức như cụ giáo đã đoán. Người ta đặt thùng mức nước ở cả ba giếng và từ đó nó hoạt động ròng rã không kể ngày đêm, mãi cho đến khi giọt nước cuối cùng trong mỏ cũng được vét trút ra sông Đì-vôn mới thôi. Cùng một lúc, người ta bắt đầu đào hầm. Nhằm hướng nào mà đào? Biết sao được! Cũng hú họa thế thôi, nhưng cứ đào. Hội đồng kỹ sư không nhất trí về hiệu quả của những đường hầm đào mò vì không biết chắc chắn chỗ nào là chỗ lánh nạn của những người sống sót. Nhưng ông kỹ sư của mỏ Tơ-ruy-e hy vọng rằng có người đến ẩn núp ở khu công trình cũ, ở đấy lụt không lên tới. Ông định đào một lối thẳng từ mặt đất thông đến khu ấy, vạn nhất không cứu được ai đi nữa thì cũng chẳng tiếc công. Người ta đào chiều ngang hết sức hẹp, để khỏi mất thì giờ. Chỉ có một người thợ cuốc đứng mũi. Anh khao được bao nhiêu than thì những người khác làm dây chuyền dùng giỏ lấy dần đi bấy nhiêu. Người thợ đứng mũi này mệt thì người khác vào thay. Cứ thế, không phút lơ tay, không phút nghỉ, không kể ngày đêm, người ta tiến hành song song hai việc vét nước và khai hầm.

Những anh em làm việc ở ngoài kia để cứu chúng tôi thấy thời giờ đi chậm một phần, thì chúng tôi ở trong này thấy nó đi chậm mười phần: bất lực và tù túng, chúng tôi chỉ biết chờ đợi, chờ đợi mà không biết anh em có đến kịp để cứu sống mình không! Những

tiếng gàu dội xuống về sau không nuôi dưỡng được lâu dài cơn phẫn khởi sôi nổi của chúng tôi như lúc ban đầu mới nghe thấy. Hết suy nghĩ là lại lo buồn. Chúng tôi không bị bỏ rơi, anh em đang lo cứu chúng tôi, đó là niềm hy vọng; nhưng họ có vét ráo nước kịp khi chúng tôi còn sống không, đó lại là nỗi hãi hùng. Hơn nữa, trên những đau khổ tinh thần, giờ đây lại chồng lên những đau đớn xác thịt. Phải ngồi ở bậc thang theo một tư thế nhất định, chúng tôi thấy mệt mỏi rã rời quá đỗi: chúng tôi không thể cử động để cho giãn gân cốt, và càng thấy đầu nhức buốt rất khó chịu.

Trong bọn chúng tôi có thằng Ca-rô-ry là ít bị dày vò hơn cả. Chốc chốc nó lại nhắc:

- Tôi đói. Cụ giáo, tôi muốn ăn bánh.

Mãi rồi cụ giáo cũng chịu đưa cho hai chúng tôi một miếng bánh lấy trong mũ da rái ra.

- Ít quá -Ca-rô-ry nói.

- Phải dè xẻn để dùng được lâu.

Những người khác giá được ăn với chúng tôi thì họ khoái biết bao nhiêu, nhưng họ đã thể tuân theo mệnh lệnh nên họ giữ lời thề. Công-pê-ru nói:

- Chúng mình bị cấm ăn, nhưng được phép uống.

- Cái đó thì anh tha hồ, chúng tôi có đủ nước để dùng tùy thích.

- Cậu cố uống cho cạn hăm đi.

Bác Pa-giét muốn xuống, nhưng cụ giáo không cho:

- Anh sẽ làm sạt đất đi. Rê-mi nhẹ người và nhanh nhẹn hơn, để nó xuống lấy rồi đưa lên cho chúng ta.

- Bằng gì?

- Bằng chiếc ủng của tôi đây!

Tôi nhận chiếc ủng và sắp sửa tụt xuống. Cụ giáo bảo:

- Hãy hướm một tí, để bác đưa tay cho cháu nắm!

- Cụ đừng lo, cháu có ngã xuống nước cũng chẳng hề gì! Cháu biết bơi.

- Bác muốn đưa tay cháu nắm mà!

Không biết có phải cụ giáo đã cúi quá trớn không hay là vì không cử động mà cụ đã hóa tê dại, hoặc là vì than ở dưới chân đã sạt đi dưới sức nặng của người cụ. Chỉ biết rằng khi cụ cúi xuống thì cụ nhào luôn tới trước và đâm đầu vào vục nước đen sì. Chiếc đèn cụ cầm để soi cho tôi cũng lặn theo và chìm ngấm. Nhoáng một cái, chúng tôi đã ở trong đêm dày đặc và tất cả mọi người buột miệng kêu lên một tiếng. Cũng may tôi đã ở tư thế đi xuống, tôi cứ việc nằm ngửa mà tuột và trong khoảnh khắc tôi đã lao xuống nước theo sau cụ giáo. Trong lúc đi đây đó với cụ Vi-ta-li, tôi tập bơi, tập lặn, và đã bơi lặn thạo đến mức xuống nước cũng thoải mái như ở trên cạn. Nhưng ở trong cái hang tối này thì còn biết phương hướng nào? Khi trụt xuống, tôi không nghĩ đến điều đó, tôi chỉ nghĩ rằng cụ giáo sắp chết đuối và tôi lao xuống nước theo bản năng. Tìm

đâu bây giờ? Đưa tay về phía nào? Làm sao mà lặn xuống? Tôi đang phân vân tự hỏi như thế thì thành linh thấy có một bàn tay bấu riết vai tôi và lôi tôi chìm xuống. Tôi đập mạnh và trồi lên mặt nước. Bàn tay kia vẫn bám chặt vai tôi.

- Bám chặt cháu, cụ giáo nhé, và cố ngước đầu lên! Cụ choát chết rồi đó?

Thoát chết ư? Cả cụ lẫn tôi cũng chưa thoát chết đâu, bởi vì tôi không biết phương hướng nào mà bơi cả. Tôi bỗng r ầy ý gọi lên.

- Các bác lên tiếng đi chứ!

- Rê-mi, cháu ở chỗ nào?

Đó là tiếng chú Gát-xpa. Nó chỉ hướng cho tôi. Phải bơi về phía trái.

- Thắp đèn lên cho.

Liên sau đó một ngọn đèn sáng lên. Chỉ cần với tay là tôi níu được bờ, một tay bám vào một tảng than, tay kia tôi kéo cụ giáo. Với cụ, như thế là kịp thời quá, vì cụ đã uống nước và bắt đầu ngạt thở. Tôi nâng đầu cụ lên khỏi mặt nước và cụ hồi tỉnh nhanh chóng. Chú Gát-xpa và Ca-rô-ry cúi xuống đưa tay kéo chúng tôi, còn bác Pa-giét rời bỏ bậc thang bác ngồi, xuống bậc chúng tôi, đưa đèn soi cho chúng tôi lên. Chú Gát-xpa nắm một tay, Ca-rô-ry nắm một tay kéo cụ giáo, còn tôi thì đẩy ở dưới, đưa cụ lên bậc thang. Xong phần cụ đến lượt tôi lên. Bây giờ cụ đã tỉnh hẳn. Cụ nói:

- Lại đây cháu, lại đây với bác, để bác hôn cháu mấy cái! Cháu đã cứu mạng bác !

- Bác đã cứu mạng chúng cháu trước !

Thằng Ca-rô-ry không phải là một đứa dễ cảm xúc, cũng không dễ quên những thiệt thòi vụn vặt, nó cầu nhàu:

- Tại tất cả những cái bí beng này mà tôi mất toi một chiếc giày và cũng chưa được uống nước.

- Giày của mày thì để tao xuống vớt lên!

Nhưng người ta giữ tôi lại. Cụ giáo bảo:

- Bác cấm cháu!

- Thế thì ai cho tôi mượn một chiếc giày khác! Ít ra tôi cũng phải mang nước lên cho các bác uống mới được.

- Tôi không khát nữa - Công-pê-ru nói.

- Uống mừng cụ giáo bình an vô sự.

Tôi tụt xuống lần nữa, nhưng lần này thì chậm hơn và cẩn thận hơn.

Cụ giáo và tôi khỏi chết đuối nhưng bực một nỗi là ướt từ đầu đến chân. Lúc đầu, chúng tôi không nghĩ đến, nhưng lâu dần mới thấy áo quần ướt thấm lạnh vào người. Cụ giáo bảo:

- Phải đưa cho Rê-mi một cái áo!

Không ai trả lời vì lời kêu gọi chung ấy không bắt buộc nhất định một người nào phải thi hành.

- Không ai thừa à?

- Tôi thì tôi thấy rét lắm - Ca-rô-ry nói.

- Thế thì chúng tôi đây ướt hết như thế này, chúng tôi thấy nóng à?

- Ai bảo các người ngã xuống nước làm gì?

Cụ giáo nói:

- Đã thế thì phải rút thăm xem ai phải nhường một phần quần áo của mình. Tôi đã định không dùng cách ấy, nhưng bây giờ thì thấy cần phải công bằng.

Chúng tôi đều ướt cả; tôi thì đến cổ, còn những người cao lớn nhất cũng đến hông, cho nên được thay quần áo của họ cũng không phải là một ân huệ gì ghê gớm lắm. Tuy thế, cụ giáo cứ buộc thay, và nhờ số đỏ, tôi rút trúng cái áo của Công-pê-ru. Riêng cặp chân của Công-pê-ru cũng đã cao bằng người tôi, cho nên áo của anh ta không ướt. Được khoác cái áo ấy, tôi thấy ấm người lại ngay.

Cái việc bức mình vừa xảy ra đó có lay tỉnh chúng tôi trong chốc lát, nhưng sau đó thì chúng tôi lại như người mất hồn lờn vờn mãi với ý nghĩ đen tối về chuyện chết. Chắc hẳn những ý nghĩ ấy dày vò những người khác nặng nề hơn tôi bởi vì họ thì thức mà rã rời ngây dại còn tôi thì dần dần ngủ thiếp đi. Song cái chỗ ngủ này rất không ổn và tôi có cơ lẫn tởm xuống nước. Thấy nguy cơ đó, cụ giáo bèn kẹp đầu tôi vào cánh tay cụ. Cụ không kẹp chặt lắm, nhưng đủ để giữ cho tôi khỏi rơi. Tôi nằm trong tay cụ như đứa trẻ nằm trên gối mẹ. Cụ

là người không những có đầu óc vững mà còn có tấm lòng tốt. Khi tôi chập chờn tỉnh giấc thì cụ chỉ trở cánh tay cho đỡ tê dại, rồi lại ngồi yên ngay và khe khẽ nựng: “Ngủ đi cháu! Đừng sợ, đã có bác giữ cho. Cứ ngủ yên, bé!”.

Thế là tôi nhắm mắt ngủ lại không chút lo sợ, vì tôi cảm thấy không đời nào cụ buông tôi ra.

Thì giờ cứ thế trôi qua, và luôn luôn chúng tôi nghe thấy tiếng gàu đều đều vục xuống nước.

27

CÔNG CUỘC CỨU NẠN

Ngồi lên trên bậc thang quả chật chội không sao chịu nổi, chúng tôi quyết định khoét nối ra và thế là mọi người bắt tay vào việc. Chúng tôi lại dùng dao moi than và đưa than vụn xuống. Đã có chỗ đứng vững chân nên công việc bây giờ dễ dàng hơn trước, nhờ thế chúng tôi khoét được khá nhiều than để mở rộng nhà tù của chúng tôi. Khi không phải ngồi buông thõng chân nữa mà được nằm thì mọi người thấy khoan khoái lạ thường.

Mặc dù chiếc bánh của Ca-rô-ry được chia phát từng tí một, nó cũng phải có lúc hết. Miếng cuối cùng phát vừa đúng lúc nên mới đến được tay chúng tôi: khi cụ giáo đưa miếng bánh ấy thì tôi thấy trong mắt mọi người ánh lên một cái gì khiến cho tôi hiểu ngay rằng

nếu còn bánh để phát lần nữa, thì họ không chịu để yên, họ sẽ đòi phần họ, mà nếu không cho thì họ cũng cứ tự tiện lấy phần.

Lâu dần rồi hầu như người ta không buồn nói năng gì nữa. Trước kia thao thao bao nhiêu thì bây giờ im lặng bấy nhiêu. Có nói thì chỉ nói về hai vấn đề: Người ta dùng phương pháp gì để đến được với chúng tôi và chúng tôi bị giam hãm ở dưới này đã bao lâu rồi.

Nhưng câu chuyện chẳng sôi nổi như lúc đầu. Có ai nói một lời thì nó cũng rơi tõm đi chứ những người khác không buồn đáp lại, hoặc có thì cũng chỉ đáp nhát gừng. Nói trời, nói đất, nói trắng nói đen gì thì cũng không làm cho ai giận dữ, thậm chí cũng không ai cãi lại. Người ta chỉ nói: “Được, rồi sẽ hay”. Chúng ta bị vùi lấp dưới này được hai ngày rồi, hay sáu? Thì cứ để lúc được cứu lên khắc biết.

Nhưng cái “lúc” ấy có đến không đã chứ? Riêng tôi thì tôi bắt đầu lung lay tận. Và cũng không phải chỉ một mình tôi; đôi lúc những người bạn khác thốt ra một vài lời nhận xét chứng tỏ họ cũng không tin tưởng mấy. Chẳng hạn như bác Béc-gu-nu:

- Nếu tôi ở lại dưới này thì cái điều an ủi tôi là công ty mỏ sẽ cũng cấp cho mẹ nó và các cháu một khoản thực lợi. Ít ra chúng khỏi phải vào nhà tế bần.

Là chỉ huy thì không những phải vì anh em chống đỡ tai họa, mà còn phải ngăn ngừa sự suy sụp tâm hồn của chính anh em, hẳn cụ giáo nghĩ thế. Cho nên mỗi

khi có một bạn nào tỏ vẻ ngao ngán thất vọng thì cụ can thiệp ngay bằng một lời cổ vũ:

- Anh cũng như chúng tôi, không ai ở lại dưới này đâu! Gàu múc đều, nước rút dần.

- Rút ở chỗ nào?

- Ở giếng.

- Còn ở đường hầm?

- Rồi cũng sẽ đến. Phải chờ chứ.

Trong khi nói chuyện, mấy người trong bọn nghĩ rằng vì có kẻ phạm tội nặng nên trời phạt. Công-pê-ru tự thú là hắn đã ăn cắp một chiếc đồng hồ, để bạn bị xử năm năm tù oan uổng. Mọi người tẩy chay. Công-pê-ru phát sốt, Ré-mi định đi lấy nước cho uống bị mọi người cản. Công-pê-ru xuống uống, chết đuối.

Nếu mọi việc không tiến hành trôi chảy và chóng vánh thì đó không phải lỗi tại các kỹ sư và anh em thợ đang làm việc để cứu sống chúng tôi. Con đường hầm để thông xuống chỗ chúng tôi mà anh em đào từ đầu thì nay anh em vẫn đào tiếp không một phút nghỉ ngơi. Nhưng công việc quả thật là khó khăn. Tầng than anh em đang đào khoét là một tầng than rắn; vả lại đường hầm hẹp, chỉ đủ chỗ cho một người làm, mà anh em đào hăng lắm nên chóng mệt, cứ phải thay người luôn. Trong lúc đó, việc thông hơi cũng chật vật: đào tới đâu, người ta đặt ống dẫn không khí tới đó và nối các ống với nhau bằng đất sét; mặc dù vậy và mặc dù luôn luôn quạt không khí vào bằng một chiếc quạt tay mạnh, đèn

cũng chỉ cháy ở miệng ống dẫn không khí, xê đi thì tắt. Tất cả những cái ấy làm chậm công việc đào hầm, cho nên đến người thứ bảy anh em mới đào được hai mươi mét. Bình thường thì mất một tháng mới đào được xong con đường hầm như thế, nhưng với tất cả mọi phương tiện và khí thế làm việc lúc này, nhất định thời gian được rút ngắn hơn.

Vả chẳng nếu không có sự kiên trì cao cả của ông kỹ sư thì chắc chắn công việc phải bỏ dở. Dư luận đều cho rằng việc này là vô ích vì những anh em thợ bị chôn vùi trong mỏ đã chết hết rồi, chỉ còn việc dùng gàu múc cho hết nước để một ngày kia nhặt xác mà thôi. Đã thế thì sớm hay muộn vài giờ có nghĩa lý gì? Công chúng nói thế, những người am hiểu cũng nghĩ thế. Cho đến thân nhân của những người bị nạn, cả mẹ họ, vợ họ cũng để tang rồi. Không còn ai sống sót mà lên khỏi mỏ Tơ-ruy-e đâu!

Vừa đẩy mạnh việc vét nước, công việc này chỉ gián đoạn tạm thời khi máy hư hỏng, ông kỹ sư vẫn cho tiếp tục mở con đường hầm xuống, mặc công chúng bàn tán và bạn bè đồng nghiệp bình phẩm. Ông kỹ sư này có cái đức kiên trì và lòng tin cao quý đã giúp cho Cô-lông tìm ra Tân thế giới. Ông nói với anh em thợ mỏ:

- Hãy cố gắng một hôm nữa, các bạn ạ, một hôm nữa thôi! Nếu đến mai mà vẫn không thấy tăm hơi gì thì chúng ta sẽ đình lại. Tôi yêu cầu các anh làm việc vì bạn của các anh, cũng như tôi có thể yêu cầu người ta làm việc vì các anh nếu chẳng may chính các anh bị nạn.

Lòng tin tưởng hừng hực của ông truyền sang anh em thợ, cho nên khi đi thì họ hoang mang vì dư luận của dân thành phố, khi về thì họ tin tưởng vào ông...

Và nhờ vào một sự đồng lòng, một sự hoạt động tuyệt vời, con đường thông cứ sâu xuống mãi.

Mặt khác, ông kỹ sư cho chống lại con đường ngầm từ kho đèn đã bị sập nhiều chỗ. Cứ như thế bằng tất cả mọi phương tiện có thể có, ông quyết tâm giành giật với hầm mỏ cái bí mật khủng khiếp và những nạn nhân của nó nếu trong lòng nó còn giấu những người chưa chết.

Sang ngày thứ bảy, trong khi đổi phiên người thợ mới đến thoáng nghe thấy có tiếng động, như ai gõ nhẹ nhẹ. Anh ta không bỏ cuộc chim mà lại áp tai vào vỉa than. Rồi e mình nhầm, anh gọi lại một người bạn cùng anh nghe ngóng. Cả hai im lặng lắng tai nghe một lúc thì quả thấy có tiếng gõ nhẹ nhẹ, cách quãng đều nhau, vọng lại.

Cái tin này truyền miệng đi rất nhanh. Một số người tin, số đông hơn ngờ vực. Rồi nó bay đến tai ông kỹ sư và lập tức ông nhảy xuống đường hầm. Như vậy là rốt cuộc ông đã nghĩ đúng! Trong mỏ vẫn có những người còn sống sót và sẽ được cứu thoát nhờ ở lòng tin tưởng của ông. Rất nhiều người đi theo ông. Ông bảo những người thợ mỏ giãn ra để ông nghe ngóng. Nhưng ông xúc động quá, ông run lên nên chẳng nghe thấy gì. Ông nói một cách thất vọng:

- Tôi chẳng nghe thấy gì cả!

Nhưng hai người thợ đầu tiên đã nghe tiếng gõ nói quả quyết rằng họ không nhầm và chính tai họ đã nghe tiếng gõ trả lời tiếng gõ của họ. Họ là những người thông thạo, từng làm nghề mỏ lâu năm cho nên lời nói của họ có uy tín.

Ông kỹ sư bảo những người đi theo ông đi ra hết, kể cả những người làm dây chuyền để chuyển than ra ngoài, chỉ giữ lại hai người thợ ấy. Bấy giờ họ lấy cuốc chim bổ vào than nhiều nhất rõ mạnh, cách quãng đều nhau, theo lối gọi bạn của những người thợ mỏ. Xong họ nín thở, áp tai vào vỉa than để nghe ngóng.

Đợi một lúc thì thấy tiếng trả lời yếu ớt, đều đặn. Những tiếng ấy dội mạnh vào tim họ. Ông kỹ sư ra lệnh:

- Cuốc nữa đi, cuốc từng nhát cách quãng nhau xa để cho chắc chắn những tiếng trả lời không phải tiếng vang của những nhát cuốc do các anh bổ xuống.

Hai người thợ bổ cuốc xuống và ngay sau đó lại nghe những tiếng trả lời đều nhịp như họ đã nghe lúc trước, nghĩa là tiếng gõ theo lối “gọi thợ mỏ”. Không nghi ngờ gì nữa, vẫn còn có người sống sót ở dưới ấy và có thể cứu họ.

Tin này lan nhanh khắp thành phố nhanh như làn thuốc súng cháy. Người ta đổ xô tới mỏ Tư-ruy-e đông hơn ngày xảy ra tai nạn và rõ ràng xúc động hơn. Vợ con, bố mẹ những người bị nạn chạy đến, mặc quần áo tang, run run mà mắt ngời ánh hy vọng. Bao nhiêu người còn sống? Chắc là nhiều lắm! Có thể là chồng chị, nhất định là con tôi.

Mọi người muốn ôm hôn ông kỹ sư. Nhưng ông này vẫn điềm tĩnh trước niềm vui cũng như đã điềm tĩnh trước sự nghi ngờ và lời chế diễu. Ông chỉ nghĩ đến việc cấp cứu, và để giãn bớt những kẻ tò mò quấy rối cũng như thân nhân những người bị nạn đổ xô tới, ông đã phải nhờ binh lính đến giữ trật tự, công việc khỏi bị trở ngại.

Những tiếng động vọng ra yếu ớt quá đến nỗi không thể nào định rõ được hướng chỗ phát ra. Tuy thế cũng đã đủ cho mọi người hiểu được rằng những người thợ còn sống sót hiện nay đang mắc nghẽn tại một trong ba ngách ngược chỗ hầm phẳng, nơi công trường cũ. Vậy thì không thể chỉ có một đường thông mà phải đào ba đường thông xuống cả ba ngách ngược. Chừng nào nghe rõ ra được thì sẽ bỏ những con đường vô dụng để tập trung sức vào con đường đúng. Thế là công việc lại tiếp tục khẩn trương hơn, phần lớn cũng nhờ có những công ty láng giềng đã gửi những người thợ cuộc giỏi nhất đến giúp. Song song với hy vọng hoàn thành đường thông còn có hy vọng đi theo đường hầm bởi vì nước trong mấy cái giếng đã thấy rút dần.

Ở trong ngách của chúng tôi, khi nghe tiếng cuộc gọi của ông kỹ sư thì chúng tôi cũng xúc động như khi nghe tiếng gàu múc vục xuống giếng. Cả bọn buột mồm reo lên một tiếng hồ hởi: "Sống rồi!" và tưởng chừng như người ta sắp đưa tay kéo mình lên.

Nhưng cũng như chào mừng tiếng gàu vục nước, sau hy vọng thì lại thất vọng. Tiếng cuộc chìm chứng tỏ những người bạn đào hầm còn cách chúng tôi xa lắm.

Hai mươi mét có dễ, ba mươi mét cũng nên. Còn bao nhiêu ngày nữa mới chộc thùng được khối than này? Ước lượng của chúng tôi không thống nhất: kẻ nói một tháng, người bảo một tuần, hoặc chỉ là sáu hôm thôi. Làm thế nào đợi được một tháng, một tuần, hoặc chỉ sáu hôm thôi? Ai ở đây có thể sống đến ngày thứ bảy? Chúng tôi đã nhịn đói bao nhiêu ngày rồi?

Còn mỗi một mình cụ giáo là nói năng cứng cáp, nhưng lâu dần rồi sự chán nản của chúng tôi cũng lây đến cụ, lâu dần cơ thể suy nhược cũng làm cho nghị lực cụ suy mòn.

Nếu như chúng tôi tha hồ uống nước đến vỡ bụng thì lại chẳng có chút gì ăn cho đỡ đói lòng. Cái đói ngày càng hành hạ da diết đến nỗi đã có lúc chúng tôi nhấm cả gỗ mục mủn ra trong nước.

Thằng Ca-rô-ry háu đói nhất, đã cắt nhỏ chiếc ủng còn lại của nó và luôn miệng nhá những mẩu da ủng.

Nhìn thấy cái đói đã đưa các bạn tôi đến cơ sự đó, xin thú thực có lúc tôi rất khiếp sợ. Sự khiếp sợ này cùng với những nỗi kinh hoàng khác khiến tôi bứt rứt không yên. Chẳng là tôi đã từng nghe cụ Vi-ta-li kể chuyện về những chuyến tàu gặp bão. Cụ cũng đã chu du trên mặt biển rất nhiều, ít nhất cũng ngang với trên mặt đất. Có một câu chuyện cụ kể cứ ám ảnh tôi không rời, từ khi cái đói hành hạ chúng tôi. Trong chuyện đó, những người thủy thủ bị giạt lên một hòn đảo cát hoang vu, không kiếm được gì ăn, đã giết chú bé tập việc để ăn thịt. Mỗi khi nghe các bạn tôi gào đói, tôi lại

kinh hãi lo ngại vớ vẩn số phận ấy sẽ rơi vào tôi. Trên cái đảo than tro troi này, liệu tôi có thể cũng bị giết thịt như chú bé kia không? Đành rằng nhất định cụ giáo và chú Gát-xpa sẽ bảo vệ tôi, nhưng Pa-giét, Béc-gu-nu và Ca-rô-ry, nhất là Ca-rô-ry cứ nhe hai hàm răng trắng nhồn nhồn hoắt mài đi mài lại vào những miếng da ủng thế kia thì làm sao tôi có thể yên lòng được!

Tất nhiên những lo ngại ấy quả là rồ dại. Nhưng trong tình trạng chúng tôi lúc này, rõ ràng không phải là lý trí khôn ngoan và tỉnh táo đã điều khiển suy nghĩ và tưởng tượng.

Bóng tối lại càng làm tăng nỗi hãi hùng. Lần lượt mấy cái đèn cạn dầu. Khi chỉ còn hai chiếc thì cụ giáo quyết định chỉ thắp đèn khi nào thật cần thiết. Bởi thế cho nên giờ đây lúc nào chúng tôi cũng sống trong đêm tối. Âm đạm quá! Không những âm đạm mà lại còn nguy hiểm nữa, bởi vì hễ vụng về sơ suất một tí là lăn tòm xuống nước ngay.

Chốc chốc, chúng tôi lại gõ vào vách để báo cho những bạn đang lo cứu chúng tôi biết là chúng tôi hãy còn sống. Và chúng tôi nghe tiếng cuộc của họ bổ xuống than liên hồi. Nhưng tiếng cuộc của họ cũng không dội mạnh hơn trước là mấy, như thế có nghĩa là họ hãy còn ở xa.

Khi tôi thắp đèn đi lấy nước thì tôi thấy hình như mực nước có xuống được vài phân.

- Nước xuống.

- Ồn trời!

Một lần nữa, chúng tôi khấp khởi hy vọng. Anh em muốn chong đèn để theo dõi mực nước, nhưng cụ giáo không đồng ý. Thế là tôi tưởng như sắp có phản kháng. Nhưng cụ giáo có bao giờ đòi hỏi chúng tôi điều gì mà không kèm theo những lời lẽ xác đáng!

“Chúng ta còn nhiều lúc cần đến đèn! Nếu như động tí là tắt đèn thì làm thế nào khi cần đến có đèn thật sự? Hơn nữa, các bạn tưởng rằng được thấy nước xuống nhưng mà xuống quá chậm, các bạn lại khổ sở vì nóng ruột quá hay sao? Đừng có mong nhìn thấy nước với đi rõ ràng! Hãy vững lòng, nhất định sẽ thoát nạn! Ta còn mười ba que diêm, cần thì sẽ dùng ngay lập tức!”. Chúng tôi ngồi im lìm hàng giờ, có lẽ hàng ngày, không có gì để tin vào mà sống ngoài tiếng cuốc khoét hầm và tiếng gàu múc nước. Những tiếng ấy càng lâu càng vang to dần, tiến triển này rất chậm và khó nhận thấy. Nước xuống, những kẻ cứu nạn cũng đến gần, nhưng liệu họ có đến kịp hay không chứ. Nếu công việc của những người cứu nạn mỗi phút một tiến lên thì sự suy nhược của chúng tôi mỗi phút một tăng dần và dần vật chúng tôi nhiều hơn: thể xác kiệt quệ, tinh thần rã rời.

Từ lúc bắt đầu lụt cho đến nay, các bạn tôi không có chút gì dính bụng. Ghê gớm hơn nữa, chúng tôi chỉ hô hấp một thứ không khí tù hãm cho nên ngày càng uế tạp, càng khó thở. Cũng may là nước càng rút thì áp suất không khí càng giảm đi, chứ nếu nó cứ găng như cũ thì chắc hẳn chúng tôi đã chết ngạt hết. Như vậy rõ ràng là nếu chúng tôi được cứu sống thì cũng do công việc cứu nạn được tổ chức và điều khiển khẩn trương.

Tiếng cuốc bổ và tiếng gàu múc nước đưa đến đều đặn như tiếng quả lắc đồng hồ. Mỗi khi họ dừng tay thay người thì chúng tôi xúc động đến phát sốt lên. Liệu chúng tôi có bị bỏ rơi không? Hay là lại có những khó khăn không vượt nổi! Trong một khoảng dừng như thế, bỗng nổi lên một tiếng động kinh khủng, một tiếng vù, một tiếng thổi rất mạnh.

Ca-rô-ry kêu lên:

- Nước ào xuống mỏ!

Cụ giáo nói:

- Không phải nước!

- Thế thì là cái gì?

- Tôi không rõ, nhưng không phải nước!

Mặc dầu đã nhiều lần cụ giáo tỏ ra sáng suốt và suy đoán vững vàng, chúng tôi vẫn chỉ tin ở cụ khi cụ đưa ra được những lý lẽ rõ ràng xác đáng. Bây giờ cụ đã thú nhận không hiểu nguyên nhân của tiếng động ấy (sau này chúng tôi được biết đó là tiếng quạt máy có bánh xe răng cưa, lắp lên để quạt không khí vào cho những người đào đất), mọi người lại rơi vào trạng thái điên loạn vì nghĩ tới nạn lụt.

- Đốt đèn lên!

- Không cần thiết!

- Đốt đèn lên ngay! Đốt đèn lên ngay!

Cụ giáo phải làm theo vì tất cả mọi người đều lên tiếng ủa vào. Ánh đèn chiếu sáng. Chúng tôi thấy nước không dâng lên mà có lẽ rút xuống.

Cụ giáo bảo:

- Đấy các bạn xem!

- Nước sẽ lên thôi! Lần này thì chết ráo!

- Nếu thế, thà chết ngay đi còn hơn! Tôi không chịu đựng được nữa!

- Cụ giáo, đưa đèn đây! Tôi muốn viết vài dòng cho vợ con.

- Viết hộ tôi nữa!

- Hộ cả tôi nữa!

Chính bác Béc-gu-nu đã đòi lấy đèn để viết thư cho vợ con trước khi chết. Trong túi bác ta còn có một mảnh giấy và một mẫu bút chì. Bác chuẩn bị viết.

- Tôi muốn viết thế này:

“Chúng tôi, Gát-xpa, Pa-giét, cụ giáo, Ca-rô-ry, Rê-mi và Béc-gu-nu bị hãm trong ngách ngược, sắp chết”.

“Tôi, Béc-gu-nu, tôi cầu xin Chúa che chở cho vợ góa và các con côi cút của tôi. Tôi ban phúc cho chúng nó”.

- Thế anh Gát-xpa muốn nói gì?

Chú Gát-xpa để cho cháu A-lơ-xi tất cả tài sản của chú.

Bác Pa-giét cầu Chúa, Đức Mẹ và nhờ công ty cùng che chở giúp đỡ cho vợ con.

- Thế cụ giáo?

- Tôi không có người thân - Cụ giáo buồn rầu trả lời.
- Chẳng ai sẽ khóc tôi cả!

- Thế Ca-rô-ry?

Ca-rô-ry kêu lên:

- Tôi ấy à? Tôi nhờ ai đó bảo hộ cho đồng hạt dẻ trước khi xát vỏ...

- Không thừa giấy để ghi chuyện vợ vắn!

- Có vợ vắn đâu!

- Mà không có ai để gửi lại cái hôn ư? Mẹ mà ư?

- Mẹ tôi ấy à? Mẹ tôi sẽ hưởng tất cả những gì của tôi.

- Thế Rê-mi?

- Tôi, Rê-mi tặng cho Mát-chi-a con Ca-pi và chiếc thụ cầm, tôi hôn A-lơ-xi và nhờ anh tìm gặp em Li-dơ...

- Chúng mình cùng ký tất cả vào đây!

Bác Pa-giét nói:

- Tôi chỉ xin gạch một dấu chữ thập.

Mọi người ký xong, bác Béc-gu-nu nói:

- Thế là xong. Tôi xin mọi người để cho tôi chết yên tĩnh, đừng có nói năng gì với tôi. Vĩnh biệt các bạn!

Từ bậc trên, bác ta bước xuống bậc dưới, ôm hôn tất cả ba chúng tôi, rồi trở lên bậc trên, ôm hôn bác Pa-giét và Ca-rô-ry. Sau đó, bác vun lại một đồng than vụn, gối đầu lên, nằm dài ra và không động đậy nữa. Xúc động vì bức chúc thư và sự chán ngán của bác Béc-gu-nu, chúng tôi lại càng cảm thấy nản lòng.

Tuy nhiên, tiếng cuốc chim nghe đã rõ rệt, chắc hẳn là người ta tới gần chúng tôi lắm rồi, sắp gặp chúng tôi cũng nên. Cụ giáo giải thích điều đó để chúng tôi phấn chấn lên đôi chút.

- Nếu quả họ đã đến gần lắm như cụ tưởng thì chúng mình đã nghe họ kêu! Đằng này mình không nghe thấy tiếng họ gọi cũng như họ không nghe thấy tiếng chúng mình kêu.

- Có khi ở cách mấy thước mà vẫn không nghe thấy tiếng gọi. Cái đó là do chất đá có truyền tiếng đi hay không.

- Hoặc là do khoảng cách!

Tuy vậy, nước vẫn cứ rút xuống và không bao lâu, chúng tôi có bằng chứng rõ ràng là nó không còn tràn ngập hầm đến tận nóc nữa. Chúng tôi nghe có tiếng sột soạt trên đá và tiếng rước óc ách như có những mảnh than nhỏ rơi xuống. Thắp đèn lên thì thấy có mấy con chuột cống ở phía dưới. Cũng như chúng tôi, chúng nó đã tìm được một cái chuồng không khí và khi nước rút xuống thì chúng rời bỏ chỗ trú ẩn để đi kiếm ăn. Chúng đã đến được nơi đây hẳn là vì nước không còn tràn ngập các con đường hầm từ đây đến trần nữa.

Những con chuột ấy đến với cái hầm giam chúng tôi khác nào con bồ câu đến với chiếc thuyền của Nô-ê⁽¹⁾; cơn hồng thủy đã dứt!

(1) Theo truyền thuyết, trong cơn hồng thủy, chỉ có Nô-ê thoát nạn cùng với gia đình trên một chiếc thuyền; khi nước rút thì có một con bồ câu ngậm một cành ô-liu bay đến.

Cụ giáo nhún người lên tới bậc trên, gọi:

- Béc-gu-nu, phần khởi lên!

Và cụ nói rõ cho anh hiểu rằng lũ chuột đến như thế tức là báo trước cho chúng ta biết sẽ được cứu thoát.

Nhưng Béc-gu-nu không hề lay chuyển.

- Nếu rồi lại phải chuyển từ hy vọng trở lại thất vọng thì thà đừng có hy vọng hão huyền còn hơn! Tôi cứ chờ chết! Nếu may mắn thoát nạn thì tạ ơn trời!

Tôi xuống chân ngạch để xem rõ nước rút. Nước quả có rút nhanh đấy và bây giờ đã có một khoảng trống khá lớn giữa mặt nước và nóc hầm.

Thằng Ca-rô-ry gọi với theo tôi:

- Bắt ít con chuột để chúng mình ăn đi mày.

Nhưng muốn bắt chuột thì phải nhanh nhẹn hơn tôi kia! Tuy vậy sự hy vọng cũng làm cho tôi hồi tỉnh lại, và cái khoảng trống trong đường hầm làm nảy sinh trong đầu óc tôi một ý nghĩ cứ khiến tôi suy tính bản khoán.

- Cụ giáo ạ, cháu có ý kiến: chuột sục sạo trong hầm như thế có nghĩa là có thể đi lại được. Cháu sẽ bơi cho đến chỗ thang lên xuống. Đến đây cháu sẽ gọi lên, đánh tiếng cho người ta nghe thấy và giúp cho họ đến cứu chúng ta. Họ sẽ xuống tìm ta, như thế nhanh hơn là cứ khoét đường hầm mà xuống.

- Bác cấm cháu làm việc đó.

- Nhưng cháu bơi lội dưới nước y như cụ đi lại trên bộ. Xuống nước cháu không khác gì con lươn, con chạch.

- Thế còn không khí độc?

- Chuột đi qua được, không khí ấy chúng thở được thì tất cũng không có gì là độc đối với cháu.

Bác Pa-giét to tiếng giục:

- Ừ đi đi, Rê-mi! Tao sẽ thưởng cho mày chiếc đồng hồ.

- Anh Gát-xpa - Cụ giáo hỏi - Ý kiến anh thì thế nào?

- Tôi không có ý kiến. Nếu nó thấy có thể bơi tới cầu thang được thì nó cứ đi, tôi không có quyền cản nó.

- Nhỡ nó chết đuối thì sao?

- Thế may nó thoát ra được, khỏi phải chờ đợi để rồi chết rũ ở dưới này, thì sao?

Cụ giáo suy nghĩ một lát rồi nắm tay tôi, cụ nói:

- Lòng dạ cháu tốt đó, cháu ạ. Thôi thì cháu cứ làm như ý cháu. Phần bác, bác cho rằng cháu đang cố làm một việc không thể làm được. Nhưng việc không thể làm mà người ta làm được xưa nay cũng không phải là không có. Cháu hôn các bác đi.

Tôi hôn cụ, hôn chú Gát-xpa, rồi cởi quần áo, tuột xuống nước. Trước khi bơi, tôi dặn lại: "Các bác cứ kêu lên đều đều. Tiếng các bác sẽ giúp cháu định phương hướng".

Khoảng trống dưới mái hầm là bao nhiêu? Có đủ để tôi khỏi vướng vát trong khi bơi lội không? Điều cốt yếu là ở đó. Bơi đi được mấy sải, tôi thấy rằng nếu cứ bơi từ từ thì không đến nỗi phải đụng đầu vào vách đá, như thế thì cái việc tôi làm không phải là phiêu lưu quá.

Không biết rồi cuối cùng sẽ được giải phóng hay là chết? Tôi ngoảnh lại thì thấy ánh đèn của anh em phản chiếu trên mặt nước đen ngầu: rõ ràng đó là một ngọn hải đăng chỉ đường rọi lối cho tôi. Tôi vẫn nghe tiếng cụ giáo hỏi:

- Vẫn bình thường chứ?

Tôi trả lời: “Vâng” và thận trọng tiến lên. Từ ngách chúng tôi nấp đến chân thang, cái khó là ở phương hướng, vì cách chỗ chúng tôi không xa có một ngã tư, ở đấy các đường hầm gặp nhau. Trong bóng tối phải nhận cho ra lối đi đến chân thang, bằng không thì sẽ lạc đường. Mái hầm, vách hầm không đủ để tôi dựa vào mà tìm lối đi, chỉ có một chỗ dựa đáng tin cậy hơn, đó là đường ray trên mặt đất. Cứ theo đường ray chắc chắn tôi sẽ tìm được thang lên. Chốc chốc, tôi thả cho chân chìm xuống và khi chân đã mò gặp đường sắt rồi thì tôi từ từ trỗi lên và bơi đi. Có đường ray ở dưới, có tiếng gọi của các bạn thợ đằng sau, tôi không ngại lạc hướng. Tiếng gọi đằng sau nhỏ dần, tiếng gàu mức phía trước to dần mách cho tôi biết rằng tôi đương tiến lên. Phải chăng tôi sắp được thấy ánh mặt trời? Phải chăng lát nữa các bạn tôi sẽ được cứu sống, nhờ sự cố gắng của tôi? Cứ nghĩ thế là tôi phấn chấn, tìm thấy đủ sức lực để vượt lên.

Bơi giữa hầm, hễ đứng thẳng người là lại gặp đường ray, và thường thường tôi chỉ quờ chân mò cũng đủ, lần này quờ chân mà không thấy, tôi lặn xuống lấy tay sờ soạng mãi cũng không tìm ra. Tôi mò từ vách

bên này qua vách bên kia cũng không gặp. Tôi nhầm đường rồi. Tôi dừng lại để suy nghĩ và nhận phương hướng. Tiếng gọi của các bạn tôi bây giờ chỉ còn vọng đến như một tiếng thì thầm xa xôi khó nghe thấy.

Thở một lúc đỡ mệt, tôi hít không khí đầy ngực, rồi hụp xuống lần nữa. Lần này cũng không may mắn hơn lần trước: vẫn không tìm thấy đường ray. Tôi đã đi nhầm lối mà không biết, cho nên cần phải quay lại. Nhưng làm sao quay trở lại lối cũ được? Các bạn tôi không kêu gọi nữa, hoặc là họ vẫn gọi mà tôi không nghe thấy thì kết quả cũng thế thôi.

Một lúc, tôi như bị tê liệt đi vì kinh hoàng. Tôi không biết phương hướng nào mà bơi đi cả. Hẳn tôi đành chịu chết giữa cái đen tối mờ mịt ở trong dòng nước lạnh như băng, dưới cái vòm cuốn nặng trĩu trịch này. Nhưng đột nhiên tiếng gọi lại vang lên và thế là tôi biết phải quay lại theo hướng nào.

Bơi lui độ hai mươi sải thì tôi lặn xuống và lại tìm thấy đường ray. Đúng lối rẽ ở nơi này đây. Tôi tìm tám bảng không thấy, tôi tìm các cửa cũng không ra: bên phải, bên trái, tôi đều gặp vách đá. Đường ray đâu rồi? Tôi lại men theo đường ray bơi cho đến khi không còn đường ray nữa: đường ray dứt một cách đột ngột. Bây giờ tôi mới hiểu rằng đường ray đã bị dòng nước cuốn phăng đi và tôi không có gì làm chuẩn để bơi đi nữa. Trong hoàn cảnh này thì dự định của tôi không thể thực hiện, chỉ còn việc quay về mà thôi.

Đường đã đi một lần rồi, tôi biết là không nguy hiểm vì vậy tôi bơi nhanh theo tiếng gọi, để cho mau

đến ngách. Càng đến gần, tôi càng cảm thấy hình như giọng nói của các bạn tôi rắn chắc hơn, tuồng như họ được bồi thêm sức lực. Trong chốc lát, tôi đã đến miệng ngách và đến lượt tôi gọi lên. Cụ giáo bảo:

- Đây nào! Lại đây.

- Cháu không tìm được lối đi đến giếng.

- Không sao! Họ đã xuống gần, họ nghe tiếng ta gọi, ta cũng nghe thấy tiếng họ gọi. Hai bên sắp nói chuyện với nhau đến nơi.

Tôi nhanh nhẹn leo lên bệ và lắng tai nghe ngóng. Quả nhiên tiếng cuộc bỏ dội mạnh hơn trước nhiều và tiếng la tiếng hét của những người thợ đang làm việc ấy vang đến chúng tôi tuy còn yếu ớt nhưng khá rõ ràng. Qua phút mừng rỡ ban đầu, tôi mới nhận thấy người mình lạnh cóng đi. Vì không có quần áo ấm để đưa tôi mặc nên các bác ấy vùi tôi trong than cám đến tận cổ - than cám bao giờ cũng giữ được một chút ít sức ấm - và chú Gát-xpa cùng với cụ giáo áp chặt lấy tôi. Bây giờ tôi kể lại cuộc thám hiểm của tôi và chuyện tôi không tìm thấy đường ray như thế nào cho họ nghe.

- Cháu dám lặn xuống à?

- Sao không? Rủi là cháu chẳng tìm thấy gì hết.

Cũng như cụ giáo đã nói, điều này không có gì là quan trọng nữa: rõ ràng là nếu chúng tôi không được cứu thoát do con đường hầm cũ thì chúng tôi sẽ được cứu thoát qua con đường hầm sắp thông.

Lúc này chúng tôi phân biệt tiếng la hét bên trên đã khá rõ nên có thể hy vọng sắp được nghe nói chuyện đến nơi. Được một lát, quả nhiên chúng tôi nghe ba tiếng nói rành rọt: “Có mấy người?”. Trong chúng tôi, chú Gát-xpa có giọng nói vang dội và rành mạch hơn cả, chúng tôi cử chú trả lời.

- Sáu!

Một phút im lặng. Chắc ở trên ấy người ta chót dự đoán một số đông hơn. Chú Gát-xpa thét:

- Nhanh lên anh em! Chúng tôi kiệt sức rồi.

- Cho biết tên.

Chú bảo tên chúng tôi lên: Béc-gu-nu, Pa-giét, cụ giáo, Ca-rô-ry, Rê-mi, Gát-xpa.

Đối với những người trên mặt đất, phút này là phút hồi hộp nhất. Tất cả những người ruột rà thân thích của các bạn thợ bị chôn vùi dưới đáy mỏ đều đã chạy tới, khi biết tin sắp bắt được liên lạc với chúng tôi. Lính gác phải khó nhọc lắm mới giữ được họ ở miệng hầm. Khi ông giáo sư báo tin chỉ có sáu người thì đám đông thất vọng. Tuy vậy trong sự thất vọng chung, mỗi người còn nuôi hy vọng riêng: trong số sáu người đó tất có người mình mong đợi. Ông kỹ sư nói tên chúng tôi. Hối ôi! Trong số một trăm hai mươi bà mẹ và chị vợ chờ mong, chỉ có bốn người được toại nguyện. Kể làm sao xiết những vật vã đau thương, những dòng nước mắt lã chã!

Về phía chúng tôi, chúng tôi cũng nghĩ đến những người đã được cứu sống. Chú Gát-xpa hỏi:

đến ngách. Càng đến gần, tôi càng cảm thấy hình như giọng nói của các bạn tôi rắn chắc hơn, tuồng như họ được bồi thêm sức lực. Trong chốc lát, tôi đã đến miệng ngách và đến lượt tôi gọi lên. Cụ giáo bảo:

- Đây nào! Lại đây.

- Cháu không tìm được lối đi đến giếng.

- Không sao! Họ đã xuống gần, họ nghe tiếng ta gọi, ta cũng nghe thấy tiếng họ gọi. Hai bên sắp nói chuyện với nhau đến nơi.

Tôi nhanh nhẹn leo lên bệ và lắng tai nghe ngóng. Quả nhiên tiếng cuộc bỏ dội mạnh hơn trước nhiều và tiếng la tiếng hét của những người thợ đang làm việc ấy vang đến chúng tôi tuy còn yếu ớt nhưng khá rõ ràng. Qua phút mừng rỡ ban đầu, tôi mới nhận thấy người mình lạnh cóng đi. Vì không có quần áo ấm để đưa tôi mặc nên các bác ấy vùi tôi trong than cám đến tận cổ - than cám bao giờ cũng giữ được một chút ít sức ấm - và chú Gát-xpa cùng với cụ giáo áp chặt lấy tôi. Bây giờ tôi kể lại cuộc thám hiểm của tôi và chuyện tôi không tìm thấy đường ray như thế nào cho họ nghe.

- Cháu dám lặn xuống à?

- Sao không? Rủi là cháu chẳng tìm thấy gì hết.

Cũng như cụ giáo đã nói, điều này không có gì là quan trọng nữa: rõ ràng là nếu chúng tôi không được cứu thoát do con đường hầm cũ thì chúng tôi sẽ được cứu thoát qua con đường hầm sắp thông.

- Có bao nhiêu anh em thoát chết?

Người ta không đáp. Pa-giét bảo:

- Hỏi xem Pi-e ở đâu?

Câu hỏi được chuyển lên. Cũng như câu hỏi trước, nó không được trả lời.

- Họ không nghe.

- Phải nói rằng họ không muốn trả lời mới đúng.

Có một vấn đề làm tôi bứt rứt. Tôi nói:

- Hỏi xem chúng ta ở dưới đây đã bao lâu rồi.

- Mười bốn hôm!

Mười bốn hôm! Trong sáu chúng tôi, kẻ ước lượng cao nhất cũng chỉ đến năm sáu hôm mà thôi.

- Bây giờ thì anh em không ở lâu dưới đó nữa đâu, hãy yên tâm! Đừng nói chuyện nữa! Chuyện nhiều làm chậm công việc. Chỉ vài giờ nữa thôi.

Những giờ khắc cuối cùng này là những giờ khắc dài nhất trong thời gian chúng tôi bị nghẽn. Ít ra, đó cũng là những giờ đau đớn nhất, đau đớn hơn trước nhiều. Mỗi nhát cuốc bổ xuống cứ tưởng là nhát cuốc cuối cùng, ngờ đâu sau nhát ấy, có nhát nữa. Chốc chốc lại nghe hỏi:

- Anh em có đói không?

- Đói, đói lắm.

- Anh em có đợi được không? Nếu anh em đuối sức quá, chúng tôi sẽ khoan một lỗ chuyển nước thật nhanh xuống, nhưng như thế sẽ làm chậm công việc giải thoát anh em. Nếu anh em chờ được thì sẽ chóng được tự do hơn.

- Chúng tôi sẽ chờ. Các bạn làm nhanh lên.

Các gàu múc không ngừng hoạt động giây phút nào và mực nước cứ xuống đều đều. Cụ giáo bảo:

- Báo lên cho trên kia biết là nước đang xuống.

- Chúng tôi biết. Bằng lối mới thông này hoặc là đường hầm cũ, chúng tôi sắp gặp anh em trong... chốc lát thôi.

Tiếng cuốc bây giờ nghe nhẹ hơn. Chắc là anh em biết sắp thủng tới nơi, và chúng tôi đã báo cho biết vị trí của chúng tôi rồi, nên anh em sợ làm sụt đất: đất kia mà sụt xuống đầu thì có thể làm bị thương hoặc chết, hoặc xô luôn chúng tôi xuống nước lẫn với đất đá vụn. Cụ giáo cũng giải thích cho chúng tôi thấy rằng còn phải sợ một cơn lùa dữ dội của không khí: khi có một lỗ thủng thì không khí sẽ tuôn ra như một viên đạn đại bác và quật ngã tất. Bởi thế, phải cẩn thận, phải đề phòng, cũng như anh em cuốc đất ở bên trên phải đề phòng về phần họ.

Bây giờ mỗi nhát cuốc đã làm chuyển động khối đất trên trần, khiến nhiều mẩu than vụn tách ra lăn theo dốc và rơi xuống nước. Lại thay, càng gần lúc được cứu thoát, chúng tôi lại càng thấy yếu sức. Chính tôi, tôi cũng không đứng vững được nữa! Nằm dài trên đồng

than vụn, tôi không chống tay đứng dậy nổi, tôi run cầm cập mặc dù chẳng rét chút nào. Cuối cùng vài hòn than to hơn rã ra, lăn đến giữa chúng tôi.

Lỗ hổng đã khoét ra trên trần ngách. Ánh sáng đèn vừa làm lóa mắt chúng tôi một thoáng thì vụt tối sầm ngay. Một luồng gió dữ dội, một thứ vòi rồng mang theo bao nhiêu là than và các thứ linh tinh đã thổi đèn tắt phụt.

- Gió lửa đấy, anh em đừng sợ, chúng tôi sẽ đem đèn ra ngoài thả lại. Anh em chờ một tí.

Lại chờ! Lại chờ lần nữa! Nhưng trong lúc đó thì dưới nước có tiếng vang động mạnh. Tôi quay lại thì thấy có ánh đèn rất sáng đang lướt trên mặt nước có tiếng vỗ nhẹ lóc bóc. Và có tiếng người kêu:

- Gắng lên! Gắng lên các bạn.

Cùng lúc đó từ trên lỗ thủng người ta đưa tay kéo các bạn ở bề trên lên thì từ đường hầm người ta cũng đến với chúng tôi, những anh em ở bề dưới. Ông kỹ sư là người đầu tiên leo lên lối ngách. Chưa nói được câu nào, tôi đã nằm gọn trong tay ông. Vừa vịn kịp, tôi sắp ngất đến nơi.

Tuy lả đi, tôi cũng biết rằng người ta mang tôi đi, và khi ra khỏi đường hầm thì người ta bọc tôi trong chăn. Tôi nhắm mắt lại nhưng chỉ giây lát sau thấy như bị quáng đi nên lại mở ra. Đó là ánh sáng ban ngày. Chúng tôi đã ra ngoài trời.

Lúc bấy giờ có một vật gì trắng trắng lao vào người tôi: đó là con Ca-pi, nó nhảy phóc lên tay ông kỹ sư,

liếm mặt tôi. Đồng thời tôi cảm thấy ai nắm tay tôi hôn. Rồi nghe một giọng nói yếu ớt: “Rê-mi!”. Đó là tiếng của Mát-chi-a.

Tôi nhìn ra chung quanh và thấy ngay một đám đông bị chen chúc hai bên, để trống một lối đi ở giữa. Đám đông ấy rất im lặng. Người ta đã căn dặn đừng có ai kêu lên khiến chúng tôi xúc động; nhưng thái độ và ánh mắt của họ cũng nói thay lời.

...

Hai chục cánh tay vươn ra muốn đỡ lấy tôi nhưng ông kỹ sư không có ý nhường tôi cho bất cứ ai. Tự hào về chiến thắng của mình, sung sướng và rạng rỡ, ông bế lấy tôi đem về ngay nhà vực; ở đó đã có những chiếc giường sửa soạn đầy đủ sẵn sàng, chờ đón chúng tôi.

Hai ngày sau, tôi đi dạo giữa các đường phố Vác-xơ cùng với Mát-chi-a, A-lơ-xi và Ca-pi. Đi tới đâu, khách qua đường cũng dừng lại để nhìn.

Có người lại gần tôi, bắt tay tôi, nước mắt giàn giụa. Cũng có người thấy tôi thì ngoảnh mặt đi. Những người này đang nặng tang tóc và đau xót.

A-lơ-xi nói:

- Khi tớ nghĩ rằng vì giúp tớ mà cậu hy sinh thì tớ rụng rời chân tay. Đúng thế, tớ cho rằng cậu đã chết rồi.

- Tớ thì tớ chưa lúc nào tin rằng cậu đã chết - Mát-chi-a nói - Tớ chưa dám chắc người ta có đến kịp để cứu cậu và cậu có còn sống mà ra khỏi mỏ hay không.

Nhưng tớ tin rằng cậu không chịu để chết đuối, và đã thế thì người ta sẽ tìm thấy cậu ở đâu đấy, nếu công việc cứu nạn làm được nhanh chóng. Bởi vậy, trong khi anh A-lơ-xi khóc cậu thì tớ thấy sốt cả ruột và tự nhủ: “Nó còn sống, nhưng có lẽ nó cũng sắp chết”. Và gặp ai tớ cũng hỏi: “Không ăn thì sống được mấy ngày? Lúc nào thì mức hết nước? Đường hầm bao giờ mới mở xong?”. Nhưng không ai trả lời cho tớ được như tớ mong muốn cả. Khi người ta hỏi tên anh em dưới ấy, rồi ông kỹ sư hô lớn tên Rê-mi lên sau thang Ca-rô-ry thì tớ ngã khụy xuống mà khóc. Lúc ấy người ta giẫm bừa lên mình tớ nhưng tớ sung sướng quá nên chẳng hay biết gì cả.

Tôi hết sức tự hào vì rằng Mát-chi-a tin tưởng ở tôi đến nỗi không tin rằng tôi có thể chết.

28

MỘT BÀI HỌC NHẠC

Một số người trong mỏ đã trở thành thân thiết với tôi. Cảnh hoạn nạn cùng chịu đã gắn bó mọi người: cùng đau khổ, cùng ước mong, người ta kết với nhau là một.

Chú Gát-xpa và cụ giáo đều quý mến tôi, đặc biệt là cụ giáo. Còn ông kỹ sư mặc dù không bị mắc nghẽn cùng chúng tôi, ông cũng thương mến tôi vì tôi là một đứa bé mà ông giành giật lại với Thần Chết. Ông mời tôi đến ăn cơm. Theo yêu cầu của con gái ông, tôi phải

kể lại tỉ mỉ tất cả những gì xảy đến trong khi chúng tôi bị chôn sống trong vách cụt.

Ai cũng muốn tôi ở lại Vác-xơ.

- Ta sẽ tìm cho cháu một người thợ cuốc dùng cháu làm tay phụ đẩy goòng - Chú Gát-xpa bảo - Và thế là chú cháu ta sẽ mãi mãi gần gũi nhau.

- Nếu em thích làm việc bàn giấy thì ta sẽ cho em một chân làm việc bàn giấy - Ông kỹ sư nói.

Chú Gát-xpa yên trí rằng tôi sẽ trở xuống làm việc dưới mỏ. Về phần chú, chú đã xuống làm việc dưới mỏ trở lại, thản nhiên như một người dày dạn hiểm nguy.

Nhưng tôi thì tôi không thích trở lại đi đẩy xe goòng chút nào cả. Mỏ thì quả thật là đẹp, là lạ mắt, tôi lấy làm sung sướng đã được trông thấy một cái mỏ. Nhưng trông thấy như thế đã đủ lắm rồi, tôi không còn chút lưu luyến nào nữa, không mảy may ao ước được trở lại một cái vách cụt nào đó lần nữa. Chỉ mới nghĩ tới, tôi đã thấy ngọt nhạt rồi. Rõ ràng là tôi không phải sinh ra để làm việc trong hang tối. Được sống quang đãng, đầu đội trời, dù là trời băng tuyết di nữa, tôi vẫn cảm thấy thích hơn. Tôi đem điều đó bày tỏ với chú Gát-xpa và cụ giáo thì chú Gát-xpa lấy làm lạ lùng khó hiểu, còn cụ giáo thì buồn lòng vì tôi không có cảm tình với nghề mỏ. Thằng Ca-rô-ry gặp tôi bảo tôi là đồ nhút nhát.

Với ông kỹ sư, tôi không thể đơn giản trả lời rằng tôi không còn muốn làm việc dưới hầm sâu nữa: ông bảo tôi làm việc ngay tại công sở với ông. Ông hứa sẽ

dạy bảo tôi nếu tôi muốn học. Tôi muốn nói với ông ấy tất cả sự thật và tôi đã nói như thế. Ông bảo:

- Thế là em yếu cuộc sống ngoài trời, thích đi đây đi đó và được phóng khoáng. Tôi không có quyền làm trái với ý muốn của em. Vậy thì, chú bé của tôi ơi, chú cứ theo con đường của chú!

Đúng là tôi yêu cuộc sống ngoài trời, và chính trong khi bị hãm trong 'ngách ngược' tôi lại càng cảm thấy như thế hơn bao giờ hết! Để gì để có thể quen nếp đã định đi đâu thì đi, đã định làm gì thì làm, luôn luôn chủ động?

Suốt trong thời gian người ta tìm cách giữ tôi lại Vác-xơ thì Mát-chi-a có vẻ buồn bã, ngán ngợ. Tôi hỏi nó: nó bảo là nó vẫn thường, không thấy có gì khác. Đến khi tôi bảo nó sửa soạn để ba hôm sau sẽ lên đường thì nó bá lấy cổ tôi và thú thật vì sao nó buồn. Nó hét:

- Thế là mày không bỏ rơi tao thật à?

Nghe thấy thế, tôi tống cho nó một quả để nó chừa cái tội đã dám nghi ngờ tôi và cũng để che giấu nỗi cảm động của tôi khi nghe tiếng reo tha thiết của tình bạn. Đúng, đó là tiếng reo của tình bạn, chỉ của tình bạn chứ không phải của lòng ích kỷ tự tư. Mát-chi-a không cần có tôi cũng kiếm sống được, nó thừa sức tìm sinh kế một mình.

Nói cho đúng thì về sinh kế, Mát-chi-a có những khả năng bẩm sinh mà tôi kém thua xa. Trước hết, nó hơn tôi ở chỗ có tài chơi đủ mọi thứ đàn địch, lại biết

hát, biết nhảy múa, biết đóng đủ mọi vai trò. Đến cái việc kính thỉnh “chư vị khán giả” mọc hầu bao chi tiền - cụ Vi-ta-li ngày xưa gọi thế - thì nó lại thạo hơn tôi vô kể. Chỉ mỗi cái nụ cười, đôi mắt hiền dịu, hai hàm răng trắng ngà ngọc, cái vẻ mặt cởi mở của nó đủ làm cảm kích những tay keo kiệt nhất. Nó không xin, nhưng trông thấy nó, người ta đã muốn cho rồi, và làm cho nó vui lòng cũng là một cái thú. Những điều này quả đã hai năm rưỡi mười chứ không phải bàn cãi gì nữa, bởi vì trong lúc tôi xuống mở đẩy goòng thì nó mới đi sơ sơ một vòng, đã kiếm được mười tám phờ-răng, mười tám phờ-răng chứ không ít. Tiền quỹ được một trăm hai mươi tám phờ-răng, thêm mười tám phờ-răng do Mát-chi-a làm ra vị chi là một trăm bốn mươi sáu. Thế là chỉ cần có bốn phờ-răng nữa là mua được con bò của hoàng tử.

Mặc dù không muốn làm việc ở mỏ, tôi cũng nao nao buồn khi rời bỏ thị trấn Vác-xơ ra đi, bởi vì tôi phải xa A-lơ-xi, chú Gát-xpa và cụ giáo. Nhưng số kiếp tôi là như vậy đó, là phải xa rời những người mình yêu mến và cũng yêu mến mình. Phải đi lên!

Vai đeo đàn, lưng mang xách, chúng tôi lại ra đi trên đường thiên lý cùng với Ca-pi, con chó sung sướng quá cứ lăn bừa trên cát bụi. Ra khỏi thị trấn Vác-xơ, được nện gót trên đường âm vang, nó dội tiếng lên thật sự chứ không như thứ đất bùn nhão nhoẹt vùng mỏ, tôi cảm thấy cũng khoái chí. Ôi! Cái ánh nắng sáng tươi và những hàng cây xinh đẹp.

Trước khi ra đi, Mát-chi-a và tôi bàn bạc nhiều về hướng đi, bởi vì tôi đã bày cho nó biết xem bản đồ. Bây

giờ nó không còn nghĩ rằng con đường dài đi bằng đôi chân từ thành phố này qua thành phố kia cũng không dài hơn con đường lần theo ngón tay trên bản đồ.

Cần nhắc kĩ chúng tôi quyết định tạt qua Cléc-mông chứ không đi thẳng đến Uýt-xen để về Sa-va-nông-di vòng Cléc-mông cũng không xa hơn là mấy, lại được cái lợi là có thể biểu diễn ở những đô thị có suốt tám dương đông nghịt bệnh nhân. Lúc tôi làm việc dưới mỏ thì Mát-chi-a có gặp một anh xiếc gấu, anh ta đang đi về nẻo suốt tám; anh ta bảo ở đó có thể kiếm tiền được. Mát-chi-a muốn kiếm tiền vì nó cho rằng một trăm rưỡi phờ-răng vẫn chưa đủ để tậu một con bò sữa.

Càng có nhiều tiền, bò càng tốt; bò càng tốt, má Bác-bơ-ranh càng đẹp lòng; má càng đẹp lòng chúng tôi càng hồi dạ.

Vậy thì, cần phải tạt qua Cléc-mông.

Trên con đường Pa-ri đi Vác-xơ, tôi đã bắt đầu dạy cho Mát-chi-a học, học chữ đồng thời học những điều nhập môn về nhạc lý. Từ Vác-xơ đi Cléc-mông, tôi lại bày tiếp. Không biết tại tôi là một thầy giáo tồi - có lẽ như thế cũng nên - hay tại Mát-chi-a là một cậu bé học trò kém - cũng có thể như thế - mà nó học chữ chậm chạp và khó khăn quá. Nó có cặm cụi bao nhiêu, có dán mắt trên trang sách bao nhiêu cũng chỉ đọc thấy vô khối những trò kỳ quặc chứng tỏ nó giàu tưởng tượng hơn là biết chăm học. Bởi thế, mà đôi khi tôi mất bình tĩnh, đập tay lên sách, giận dữ hét lên rằng cái đầu nó rần quá chừng quá đổi, không nhét chữ nghĩa vào được.

Những lúc ấy, nó không hề hờn dỗi, nó nhìn tôi với đôi mắt dịu hiền, mỉm cười mà nói:

- Cậu nói đúng đấy, cái đầu tớ chỉ mềm ra khi có người choảng lên đó. Cái thằng cha Ga-rô-phô-li nó cũng khá ranh, nó đã tìm thấy điều ấy.

Nghe nói thế thì còn giận làm sao được nữa? Tôi bật cười và hai đứa lại bày, lại học.

Về âm nhạc thì chúng tôi không gặp những khó khăn đó và ngay từ đầu, Mát-chi-a đã đạt những bước tiến lạ lùng, hết sức đáng chú ý. Chẳng bao lâu, nó hỏi tôi những điều khiến tôi ngạc nhiên. Làm tôi ngạc nhiên chán, nó tiến lên làm tôi lúng túng và cuối cùng có nhiều lúc nó khiến tôi bí không trả lời được.

Thú thật quả là cái điều này là cho tôi bẽ mặt và tự ái. Tôi coi trọng vai trò thầy giáo của tôi và tôi cho rằng không trả lời được những câu hỏi của học trò là nhục. Không trả lời là trốn nhiệm vụ, mà cái chú học trò của tôi đó, chú chẳng hề tiếc câu hỏi:

“Tại sao người ta không viết nhạc theo một khóa duy nhất?”

“Tại sao khi lên giọng người ta lại dùng dấu thăng, và khi hạ giọng, người ta lại dùng dấu giáng?”.

“Tại sao nhịp đầu và nhịp cuối của một bản nhạc có lúc lại không giữ đúng số phách đều của các nhịp khác trong bản?”

“Tại sao người ta lên dây vĩ cầm theo một số nốt nhất định mà không theo những nốt khác?”

Đối với câu hỏi sau này, tôi trình trọng trả lời rằng tôi không chuyên vĩ cầm, tôi không hề nghiên cứu xem người ta phải lên dây cho nó thế này hoặc thế khác. Mát-chi-a đành chịu. Nhưng lối thoát ấy không thích hợp với những câu hỏi về khóa nhạc và các dấu thăng giáng. Đó là âm nhạc, là nhạc lý. Tôi là thầy dạy nhạc, là thầy dạy âm pháp, tôi phải giải đáp, nếu không thì mất uy tín, tôi cảm thấy thế. Mà tôi thì tôi lại rất cần giữ cho được cái uy tín đó.

Nghĩ thế cho nên khi không biết giải đáp như thế nào thì tôi tránh trở theo lối trả lời của chú Gát-xpa. Tôi còn nhớ khi hỏi chú: “Than đá là gì?” - chú nghiêm nhiên đáp: “Đó là than người ta tìm thấy ở dưới đất”.

Khi tôi không biết giải đáp như thế nào cho đúng thì tôi cũng lấy cái tư thế vững vàng kiểu ấy mà nói:

“Cái đó là thế bởi vì phải là như thế mới được. Luật nhạc là thế đấy”.

Mát-chi-a vốn không phải là người hay phản kháng luật lệ. Duy nó có một cách nhìn thế nào ấy, vừa nhìn, vừa giương mắt, há mồm, làm tôi chẳng vừa lòng với mình tí nào.

Chúng tôi vừa đi khỏi Vác-xơ ba hôm thì nó hỏi tôi một câu hỏi đúng kiểu đó. Đáng lý phải trả lời: “Mình không biết”, tôi ngang nhiên bảo: “Bởi lẽ nó là như thế đó”.

Từ đó, nó sinh dăm chiêu, và suốt ngày tôi không tài nào bắt nó trò chuyện. Việc này lạ vì ai chứ Mát-chi-a thì bao giờ cũng ưa trò chuyện, cười cợt. Tôi bức bách nó quá nên cuối cùng nó phải nói:

- Cậu là một ông giáo cừ, tớ tin rằng không ai bày vẽ cho tớ những điều tớ đã học được như cậu. Nhưng...

Nó không nói nữa.

- Thế nào, nhưng... thế nào?

- Nhưng có lẽ có những điều cậu không biết, những người thông thái nhất cũng có những điều mà họ không biết, có phải không nào? Chẳng hạn khi trả lời tớ: "Cái đó là như thế bởi vì nó là như thế", thì có thể có những lý lẽ mà cậu không giảng được bởi cậu không hề được nghe giảng. Ấy, suy nghĩ như vậy cho nên tớ tự chủ rằng nếu cậu vui lòng thì chúng ta sẽ tìm mua một quyển sách.Ồ, không mất nhiều tiền đâu - một quyển sách dạy những nguyên lý về khoa âm nhạc.

- Đúng đấy!

- Có phải không? Tớ cũng đã nghĩ rằng chắc cậu tán thành, bởi vì cậu làm thế nào mà biết hết những gì có trong sách, cậu có học trong sách vở đâu!

- Một ông thầy tốt còn hơn gấp mấy lần một quyển sách hay nhất!

- Cái điều cậu vừa nói đó khiến tớ muốn bày tỏ với cậu một việc nữa: nếu cậu vui lòng thì tớ tìm tới ông thầy chính cống mà học một bài. Một bài thôi, như thế bắt buộc ông ta phải nói cho tớ biết tất cả những cái gì tớ bí.

- Tại sao cậu không tìm thầy chính tông mà học cái bài ấy trong thời gian cậu đi biểu diễn một mình?

- Tại vì hễ đã là thầy chuyên nghiệp thì họ đòi công, mà tớ thì không muốn lấy tiền của cậu để trả.

Nghe Mát-chi-a nói đến thầy chính tông, tôi lấy làm phật ý. Nhưng câu cuối cùng của nó làm tiêu tan bệnh hiếu danh ngu muội của tôi. Tôi nói:

- Cậu tốt quá! Tiền của tớ là tiền của cậu, vì cậu cũng làm ra như tớ, nhiều khi còn dôi dào hơn tớ nữa. Cậu học bao nhiêu bài cũng được, tùy cậu và tớ sẽ học cùng cậu.

Rồi tôi dừng cảm thú nhận sự dốt nát của tôi: “Như thế, về phần tớ, tớ cũng sẽ được học hỏi những điều tớ không biết”.

Ông thầy, ông thầy chính tông mà chúng tôi cần không phải là một nhạc công vườn mà phải là một nhạc sĩ, một nhạc sĩ lớn chỉ ở các đô thị quan trọng mới tìm thấy. Bản đồ mách cho tôi biết, từ nơi này đến Cléc-mông, đô thị quan trọng nhất là Măng-đơ. Măng-đơ có thật là một đô thị quan trọng hay không, tôi không rõ, nhưng vì trên bản đồ tên đó in chữ to nên tôi mới tin như thế. Chúng tôi quyết định đến Măng-đơ thì sẽ thực hiện cái khoản chi lớn cho một bài học âm nhạc. Mặc dù qua các làng mạc thưa thớt và nghèo nàn trong vùng núi buồn tẻ của tỉnh Lô-de, chúng tôi thu thập được rất ít, tôi cũng muốn nhanh chóng làm vừa lòng Mát-chi-a để nó khỏi phải mong đợi nhiều.

Đi hết cao nguyên Mê-giăng khô cằn, vắng vẻ, tiêu điều, chúng tôi đến Măng-đơ. Đêm đã khuya, không

thể đi học nhạc ngay được. Và lại chúng tôi cũng đã mệt phờ đi. Tuy vậy, Mát-chi-a thấy Măng-đơ không có vẻ gì là một đô thị quan trọng như tôi nói nên nôn nóng muốn biết ở đây có một nhạc sư chính tông hay không. Vừa ăn bữa tối tôi vừa hỏi bà chủ quán xem trong thành phố có một nhạc sư nào giỏi, chuyên dạy âm nhạc hay không. Bà ta trả lời rằng bà ta hết sức ngạc nhiên về câu hỏi của chúng tôi: hóa ra chúng tôi không nghe tiếng ông Êt-xpi-nát-xu hay sao?

- Chúng tôi từ xa đến - Tôi nói.
- Hẳn là xa lắm?
- Từ nước I-ta-li-a - Mát-chi-a đáp.

Nghe thế, bà ta không lấy làm lạ nữa. Hình như bà ta thừa nhận rằng ở quá xa như vậy cho nên không nghe tiếng ông Êt-xpi-nát-xu cũng phải. Chứ còn ở Ly-ông hay Mác-xây mà vô ý thức đến nỗi không hay biết gì về ông Êt-xpi-nát-xu thì bà ta có mà còn nói chuyện với.

Tôi nói với Mát-chi-a, bằng tiếng I-ta-li-a:

- Tổ tin rằng chúng mình gặp may rồi đó!

Đôi mắt của Mát-chi-a ngồi lên. Chắc chắn là ông Êt-xpi-nát-xu sẽ giải đáp dễ dàng tất cả mọi câu hỏi của nó. Để giải thích vì sao người ta dùng dấu giáng khi hạ giọng và dấu thăng khi lên giọng, tất nhiên là ông không lúng túng đâu! Bỗng nhiên tôi đâm lo ngại. Một nhạc sĩ có danh vọng như thế có chịu dạy cho những đứa trẻ khốn khổ như chúng tôi hay không? Tôi hỏi:

- Ông Êt-xpi-nát-xu hẳn là bạn lắm?

- Ô! Hẳn chứ! Hẳn là ông ta bạn lắm! Ông ta không bạn thế nào được?

- Theo ý bà thì ngày mai, ông ta có vui lòng tiếp chúng tôi không?

- Có chứ! Ai ông ta cũng tiếp miễn là tiền có trong túi, đành rồi.

Chúng tôi nghĩ như vậy cho nên yên lòng. Dù là một mối, trước khi ngủ, chúng tôi cũng thảo luận với nhau rất nhiều về những điều mà hôm sau chúng tôi sẽ đặt ra cho vị giáo sư lừng lẫy tiếng tăm ấy giải đáp.

Hôm sau đây, hai anh em tôi sửa sang người ngợm hết sức cẩn thận. Nghĩa là chúng tôi rửa mặt mũi chân tay sạch sẽ, chỉ thế thôi, chứ còn áo quần thì vẫn nguyên những thứ mang trên người, không có cách nào khác hơn. Rồi Mát-chi-a xách vĩ cầm, tôi mang thụ cầm lên đường đi tìm ông Êt-xpi-nát-xu. Con Ca-pi định đi theo chúng tôi như lệ thường. Chúng tôi phải buộc nó lại trong chuồng ngựa của bà chủ quán vì mang chó đến nhà nhạc sĩ nổi tiếng thị trấn Măng-đơ e có khiếm lễ.

Người ta chỉ chỗ ở của giáo sư cho chúng tôi. Đến đấy, chúng tôi ngỡ là nhầm, vì trước cửa thấy treo lưng lảng hai cái đĩa thợ cạo bằng đồng thau, không bao giờ bằng hiệu của một nhạc sư, lại như thế. Chúng tôi đang ngơ ngác nhìn cái bằng hiệu có vẻ là một bác phó cạo ấy, thì gặp một người qua đường. Chúng tôi hỏi ông Êt-xpi-nát-xu ở đâu. Người ấy chỉ hiệu thợ cạo mà bảo:

“Đấy!”. Ừ, chẳng có gì là lạ: tại sao một giáo sư âm nhạc lại không ở trong một nhà bác phó cạo được?

Chúng tôi bước vào. Hiệu thợ cạo ngăn ra làm hai: bên phải, trên những tấm ván nhỏ, có bày bàn chải, lược, xà phòng và những lọ sáp, mỡ; bên trái, hoặc đặt ở bàn hoặc treo trên tường, có những nhạc cụ như vĩ cầm, kèn dầy, kèn loa. Mát-chi-a hỏi:

- Chúng tôi muốn gặp ngài Ết-xpi-nát-xu.

Một người nhỏ bé, nhanh nhẩu và lanh lẹ như một con chim, đang cạo mặt cho bác nông dân ngồi trên ghế bành. Người ấy trả lời giọng trầm:

- Tôi đây.

Tôi đưa mắt ra hiệu bảo Mát-chi-a rằng bác thợ cạo kiêm nhạc sĩ này không phải là người đáng làm thầy chúng tôi, nhờ bác ta dạy cũng bằng vút tiến qua cửa sổ. Nhưng Mát-chi-a lại không hiểu, không phục tùng. Nó ngồi vào ghế và thản nhiên hỏi:

- Cạo mặt cho ông ấy xong ông có vui lòng hớt tóc cho tôi không?

- Hẳn chứ, ông bạn trẻ ạ! Tôi cạo mặt cho cả ông bạn nữa, nếu ông bạn muốn.

- Cảm ơn ông, hôm nay tôi không cạo, để bạn sau.

Vẻ mặt điềm tĩnh của Mát-chi-a khiến tôi kinh ngạc. Nó ngằm đưa mắt bảo tôi chờ một lát rồi hãy bực mình. Giây phút sau, ông Ết-xpi-nát-xu cạo xong cho người nông dân và mang khăn đến cắt tóc cho Mát-chi-a. Trong khi ông buộc khăn vào cổ nó, nó nói:

- Thưa ông, hai anh em chúng tôi vừa tranh cãi với nhau. Biết ông là một nhạc sĩ lừng danh, chúng tôi nghĩ chắc rằng ông vui lòng chỉ giáo về vấn đề đang làm chúng tôi lúng túng.

- Nào, vấn đề gì làm các anh bạn trẻ lúng túng, hãy nói ta xem, thử sao!

Bây giờ tôi mới hiểu Mát-chi-a muốn đi đến đâu! Trước hết nó muốn thử tài anh chàng thợ cạo kiêm nhạc sĩ này xem có trả lời nổi những câu hỏi của nó không, trường hợp anh ta thỏa mãn nó thì tiền công hớt tóc cũng đồng thời sẽ là tiền công học nhạc, không mất gì cả. Cái thằng bé láu cá thật! Mát-chi-a hỏi:

- Tại sao người ta lại lên dây vĩ cầm theo một số nốt nhất định mà không theo những nốt khác?

Lúc ấy, bác phó cạo đang xốc chiếc lược vào mớ tóc dài của Mát-chi-a, Ngỡ bác ta sẽ trả lời bằng một câu theo kiểu của tôi, tôi đã cười thầm đắc chí. Bác nói:

- Dây thứ hai bên trái vĩ cầm phải buông nốt *la* theo thanh mẫu bình thường, vậy thì phải lên những dây khác như thế nào cho cách nhau từng quãng năm, nghĩa là dây thứ tư phải buông *son*, dây thứ ba: *rê*, dây thứ hai: *la*, dây thứ nhất: *mi*.

Cái người cười toáng lên không phải là tôi mà lại là Mát-chi-a. Nó chế nhạo bộ mặt của tôi chẳng? Hay nó chỉ vui thích vì được biết cái mà nó muốn biết? Dẫu sao, nó cũng cười oang oang.

Tóc chưa cắt hết thì Mát-chi-a cũng chưa hết hỏi. Hỏi gì, ông thợ cạo cũng giải đáp một cách dễ dàng và

chắc chắn như giải đáp câu hỏi về vĩ cầm. Trả lời xong chính ông lại hỏi, và chẳng mấy chốc ông ta biết rõ chúng tôi tìm tới ông với ý định gì. Ông cười khanh khách nói:

- Những chú nhóc này khá, khá lắm. Các chú đến là ngộ!

Thế rồi ông muốn Mát-chi-a chơi cho ông nghe một bài: rõ ràng là Mát-chi-a “ngộ” hơn tôi nhiều. Nó mạnh dạn cầm cây vĩ cầm của nó lên, kéo một bài van-xơ.

“Mày không biết lấy một nốt quèn âm nhạc mà thế đấy!”. Ông thợ cạo reo lên như thế và vỗ tay. Ông gọi Mát-chi-a là “mày” như đã thân với nó từ lâu lắm rồi.

Tôi đã nói có nhiều loại nhạc cụ đặt trên bàn hoặc treo trên vách. Xong bản vĩ cầm, Mát-chi-a với chiếc kèn Cla-ri-nét và nói:

- Tôi cũng biết chơi Cla-ri-nét và cả kèn đấy nữa.

- Ủ thì chơi đi thử xem - Êt-xpi-nát-xu nói.

Mỗi nhạc cụ, Mát-chi-a chơi một bài.

- Cái chú ranh này là một kỳ tài - Êt-xpi-nát-xu thét lớn - Nếu chú mình bằng lòng ở lại đây với ta, ta sẽ đào tạo chú mình thành một nhạc sĩ vĩ đại. Buổi sớm, chú cạo râu cho khách hàng cùng với ta, rồi thì cả ngày, có bao nhiêu thì giờ ta sẽ vẽ cho chú học. Đừng có tưởng rằng ta không có đủ tài năng dạy bảo cho chú vì ta là thợ cạo! Không đâu! Cứ phải ăn uống, phải ngủ,

phải sống, cho nên phải cầm con dao cạo. Giát-xmanh⁽¹⁾ cũng cạo râu cắt tóc cho người ta đấy, nhưng Giát-xmanh vẫn là đệ nhất thi sĩ của nước Pháp, thành A-giăng có Giát-xmanh, thành Măng-đơ có Ét-xpi-nát-xu.

Khi nghe mấy lời cuối của người thợ cạo, tôi nhìn Mát-chi-a. Nó trả lời sao đây? Tôi sắp mất người bạn thân, người đồng nghiệp, người anh em, cũng như tôi đã lần lượt mất những người thân trước chẳng? Tim tôi đau quặn. Tuy thế, tôi không buông mình để cho thứ tình cảm ấy lôi cuốn. Tình huống Mát-chi-a có phần giống tình huống tôi, khi bà Mi-li-gơn nói với cụ Vi-ta-li xin cho tôi ở lại. Tôi nói, giọng cảm động:

- Cậu hãy nên nghĩ đến tương lai của cậu thôi, Mát-chi-a ạ.

Nhưng Mát-chi-a đã bước nhanh lại phía tôi, cầm tay tôi mà nói:

- Xa bạn tôi sao? Không đời nào tôi làm thế! Thưa ông, tôi cảm ơn ông.

Ông Ét-xpi-nát-xu nài nỉ bảo rằng khi Mát-chi-a đã học qua bước đầu rồi thì sẽ tìm cách gửi nó đi học ở Tu-lu-dơ, xong sẽ cho đi Pa-ri để vào Nhạc viện. Nhưng Mát-chi-a cứ khẳng khẳng đáp:

- Không bao giờ tôi rời bỏ Rê-mi.

(1) Thi sĩ ở miền nam nước Pháp, sống vào thế kỷ XIX, làm thơ bằng tiếng địa phương. Lúc sống, ông làm nghề thợ cạo - ND.

- Đã thế thì ta cũng phải làm một cái gì có ích cho chú mới được, chú nhóc ạ. Ta muốn tặng chú một quyển sách để chú học những gì chú không biết.

Thế là ông lục tìm các ngăn kéo. Lục một lúc khá lâu, ông mới tìm được cái quyển sách mang nhan đề: *Nhạc lý*. Sách cũ, sờn gáy, nhàu nát cả! Nhưng hể gì! Ông cầm bút, lật trang đầu viết:

"Tặng chú bé, sau này trở nên nghệ sĩ, sẽ nhớ đến anh thợ cạo thành Măng-đơ".

Tôi không biết ở Măng-đơ còn có giáo sư âm nhạc nào ngoài ông thợ cạo É-t-x-pi-nát-xu hay không, nhưng vị giáo sư mà tôi biết là ông ấy, và cả Mát-chi-a lẫn tôi không bao giờ quên ông.

29

CON BÒ CỦA HOÀNG TỬ

Đến Măng-đơ, tôi đã yêu quý Mát-chi-a lắm rồi, nhưng từ Măng-đơ ra đi tôi càng yêu quý nó hơn nữa. Còn gì sung sướng hơn, còn gì êm dịu hơn trong tình bạn khi cảm thấy chắc chắn rằng người mình yêu quý lại cũng rất yêu quý mình? Và còn bằng chứng nào rõ ràng hơn để biết là Mát-chi-a yêu quý tôi bằng cái việc nó đã từ chối đề nghị của ông É-t-x-pi-nát-xu, nghĩa là từ chối sự yên tĩnh, cuộc sống đầy đủ, học

vấn cho lúc này và giàu sang cho mai sau, để chia sẻ với tôi cuộc sống lang thang và bấp bênh, không tương lai và cũng có thể không có cả ngày mai nữa!

Trước mặt ông Êt-xpi-nát-xu, tôi không thể để lộ xúc cảm của mình khi nghe nó kêu lên: “Xa bạn tôi sao?”, nhưng khi chúng tôi đã ra ngoài đường, tôi nắm chặt tay nó mà nói:

- Mày nhớ nhé! Chúng ta cùng sống cùng chết với nhau đấy nhé.

Nó mỉm cười và mở to mắt nhìn tôi, trả lời:

- Tôi biết điều đó từ trước rồi!

Mát-chi-a lâu nay không ham đọc sách mấy, thế mà khi được đọc quyển “Nhạc lý” của Kun thì nó tiến nhanh một cách phi thường. Khốn thay, tôi không bao giờ chỉ bảo cho nó được như chúng tôi mong muốn: chúng tôi phải đi liên miên từ sớm đến tối trải qua những chặng đường dài để vượt qua khỏi mấy tỉnh Lô-de và Ô-véc-nơ cho nhanh chóng, vì những nơi này không quen niếm nở đối với bọn đàn hát rong chúng tôi.

Được đào tạo ở trường của Ga-rô-phô-li, chỉ lo khai thác cho hết mức lòng thương người của kẻ khác, nó đã nhập tâm tất cả những mảnh khoe của cái nghệ thuật vô cùng khó khăn là kích động lòng nhân từ hoặc thiện cảm của mọi người. Ngay từ lần thứ nhất, gặp nó trên gác xếp phố Luốc-xin, tôi đã vô cùng ngạc nhiên khi nghe nó giải thích những lý do khiến khách qua đường phải thò tay vào túi. Bây giờ tôi lại càng ngạc nhiên hơn khi thấy nó bắt tay vào việc.

Chỉ đến các thành phố dưỡng bệnh, Mát-chi-a mới trở hết tài năng của nó ra, trở tài trước những người Pa-ri, cái công chúng quen thuộc từ trước của nó mà giờ đây gặp lại. Chẳng hạn khi thấy một thiếu phụ mặc đồ tang đi đến, thì Mát-chi-a bảo tôi: “Chú ý nhé! Phải đánh những điệu sâu. Phải cố gắng làm cho bà ta cảm động nghĩ đến người đã khuất. Nếu bà ta khóc thì ăn tiền!”. Và thế là chúng tôi đánh những điệu u hoài, khoan thai, thống thiết, não ruột, nghe như xé ruột xé lòng.

Trong những nơi người ta đi dạo mát quanh vùng Mông-dơ, có những chỗ người ta gọi là “Phòng khách”. Đó là những lùm cây trồng rợp bóng mát, mấy người bệnh đi tắm suối thường ra đó nghỉ ngơi đôi chút ngoài trời. Mát-chi-a tìm hiểu những thói giả trong những “Phòng khách” đó và dựa theo nhận xét của nó, chúng tôi xếp đặt chương trình. Khi thấy một người bệnh xanh xao vàng vọt ngồi tư lự trên ghế tựa, mắt mờ má hóp, chúng tôi không đường đột đến trước mặt họ, khiến họ phải rời bỏ những tư tưởng u buồn. Chúng tôi dừng lại ở xa, đánh đàn như để cho tự mình nghe thôi, và hết sức chăm chú vào việc đó. Chúng tôi liếc mắt trông trộm người bệnh: nếu anh ta nhìn chúng tôi một cách bức bối thì chúng tôi cuốn gói, nếu ngược lại, anh ta có vẻ thích thú thì chúng tôi nhích lại gần và Ca-pi có thể mạnh dạn đưa âu xin tiền mà không sợ bị mấy cái đá tống đi.

Nhưng phải nói rằng với trẻ con thì Mát-chi-a đạt kết quả tốt đẹp nhất. Cái cung vĩ cầm của Mát-chi-a chọc cho những đôi chân trẻ nháy nhót, nụ cười của

Mát-chi-a khiến lũ trẻ nô cười cả những khi chúng bị cụt. Nó làm cách nào mà được vậy, tôi không biết, nhưng hai năm rưỡi như thế: người ta ưa thích nó, người ta mến nó.

Kết quả chúng tôi thu được thật là mỹ mãn: trong một thời gian ngắn, trừ chi phí xong, chúng tôi có sáu mươi tám phở-răng. Sáu mươi tám phở-răng cộng với một trăm bốn mươi sáu sắn có trong quỹ, vị chỉ hai trăm mười bốn. Thế là chúng tôi lên đường đi Sa-va-nông được rồi, không phải chờ đợi gì nữa. Trên đường đi, chúng tôi sẽ ghé lại Uýt-xen, ở đó có phiên chợ gia súc to, theo như người ta nói. Phiên chợ gia súc ấy chính là cái chúng tôi cần! Ở đây chúng tôi sẽ tậu được con bò sữa oai vệ, vì nó mà lâu nay chúng tôi luôn mồm bàn tán và thất vọng bụng không nề hà. Tối nay, chúng tôi chỉ mới hưởng cái thú mơ ước một ước ao và tô vẽ cho nó tốt đẹp theo trí tưởng tượng của mình. Mát-chi-a thì ước một con bò trắng; tôi thì ước một con bò màu hung, tưởng nhớ con Rút-xét tội nghiệp của chúng tôi xưa kia; con bò sẽ rất hiền lành, sẽ có lắm sữa. Tất cả những cái ấy quả là rục rịch, mê ly.

Bây giờ thì phải thực hiện cái ước mơ ấy, và cái khó bắt đầu từ đây. Làm thế nào chọn được một con bò cái chắc chắn có những đức tính mà chúng tôi hằng mơ ước? Cái này quả là trọng đại, và trách nhiệm của người mua bò nặng nề lắm sao! Tôi không biết một con bò sữa tốt có những dấu hiệu gì, lông, xoáy ra sao. Mát-chi-a thì cũng mù tịt như tôi.

Chúng tôi càng lo tợn vì có nghe nhiều chuyện lạ lùng trong các quán trọ, từ khi ôm cái mộng mua bò. Quả vậy, nói lái bò, lái ngựa cũng tức là nói bợm bãi, ba que. Bao nhiêu những chuyện lừa đảo, xỏ lá của bọn đó lớn vồn trong đầu óc chúng tôi, làm chúng tôi khiếp sợ! Một bác nông dân đến phiên chợ mua một con bò sữa có cái đuôi đẹp nhất tự cổ chí kim; có cái đuôi như thế, nó có thể đuổi ruồi, muỗi đến tận chóp mũi, ai cũng biết như thế là lợi lắm; bác mua được con bò khác thường đó với giá phải chăng nên hý hửng dắt bò về.

Sáng hôm sau bác ra thăm bò thì thấy con bò không có đuôi nữa; cái đuôi hiên ngang hôm trước chỉ là một cái đuôi giả, một túm lông dán vào cái đuôi cụt của con bò. Một bác nông dân khác mua phải một con bò sừng giả. Một bác nữa khi định vắt sữa con bò mới tậu thì thấy vú nó bị bơm lên chứ thực ra vú ấy thì mỗi ngày đêm chỉ tiết ra hai cốc là hết nhẵn. Phải làm sao tránh những cái xúi quẩy ấy.

Về khoản đuôi giả thì Mát-chi-a không ngại: nó sẽ đánh đu lên đuôi của tất cả những con bò mà chúng tôi định mua và nhún hết sức, để nếu là đuôi dán thì sẽ rơi ra. Còn vú bơm thì cũng có cách trị, hiệu nghiệm không kém. Nó sẽ dùng chiếc đánh ghim dài, to và châm vào vú bò xem sao. Cách thử ấy thì bách phát bách trúng nếu quả có đuôi giả và vú bơm hơi. Nhưng nếu là đuôi thật thì cũng dè chừng người kéo đuôi bò ăn phải một cú đá ra trò vào bụng, vào đầu chứ! Và khi bị kim châm vào thịt, e nó cũng làm thế chứ không chơi.

Nghĩ đến việc có thể ăn một cái đá của bò thì đầu óc Mát-chi-a cũng nguôi đi phần nào, cho nên chúng tôi lại cứ bản khoăn, lo lắng. Nếu mang biểu má Bác-bơ-ranh một con bò không có sữa hoặc không có sừng thì sẽ buồn biết bao nhiêu!

Trong những câu chuyện chúng tôi được nghe, có một chuyện trong đó một viên thú y đã chơi cho tên lái bò một vô đầu điếng. Ví thử chúng tôi nhờ một viên thú y giúp, cái đó hẳn là mất tiền mà yên bụng biết bao nhiêu! Luẩn quẩn mãi cuối cùng chúng tôi nhất định giải quyết theo cách đó. Cân nhắc mọi mặt thì thấy đó là cách khôn ngoan nhất, vì thế chúng tôi vui vẻ đi.

Đường từ Mông-dơ đến Uýt-xen không xa, chúng tôi đi hai hôm đã tới, mà khi tới trời hãy còn sớm nữa là khác. Đến Uýt-xen thì cũng như là đến quê tôi: tại đây tôi đã ra mắt công chúng lần đầu trong vở kịch “Kẻ dẫn độn nhất không phải là kẻ mà người ta tưởng”. Và cũng tại Uýt-xen này, cụ Vi-ta-li đã mua cho tôi đôi giày đầu tiên trong đời, đôi giày đinh đã làm tôi khôn xiết sung sướng.

Tội nghiệp con Giô-li-cơ! Nó không còn đây với bộ quân phục tướng Anh màu đỏ. Và con Déc-bi-nô, con Đôn-xơ đáng yêu cũng vắng mặt. Cụ Vi-ta-li đáng thương, tôi đã mất cụ rồi, tôi không còn nhìn thấy cụ đi vào thị trấn, đầu ngẩng cao, ngực ưỡn, đi đều bước và thổi một điệu van-xơ véo von trên ống sáo. Trong số sáu nhân vật lúc bấy giờ, hiện nay chỉ còn hai: Ca-pi và tôi, sống sót trên đời. Những kỉ niệm làm tôi ử dột. Tôi có muốn thế đâu, nhưng sao cứ mường tượng sắp thấy cái

mũ dạ của cụ Vi-ta-li hiện ra ở đầu phố và sắp nghe tiếng gọi lên đường đã bao lần thúc giục bên tai.

Cái hiệu bán quần áo hồi trước cụ Vi-ta-li dẫn tôi đến sắm bộ quần áo nghệ sĩ, may mắn đã xua đuổi giúp tôi những ý nghĩ u ám. Nó vẫn như hồi tôi đặt chân lên bậc tam cấp trơn tuột của nó. Trước cửa vẫn lủng lẳng chiếc áo dính đầy quần hiệu mà tôi đã mê mẩn ngắm nghĩa mãi, và bên trong chiếc đồng hồ vẫn là những khẩu súng cũ ngày ấy cùng với chiếc đèn cũ ngày ấy.

Tôi cũng muốn giới thiệu cái bãi rộng ở đó tôi bắt đầu bước chân vào nghề trong vai người hầu của ngài Giô-li-cơ, tức là “kẻ dân đen nhất”. Ca-pi đã nhận ra và phe phẩy đuôi.

Chúng tôi ghe vào cái quán cụ Vi-ta-li và tôi trọ ngày xưa. Cởi bỏ hành lý và nhạc cụ ra, rồi tìm tới một ông thú y. Khi nghe chúng tôi trình bày xong, ông cười chế nhạo và nói:

- Trong vùng này không có bò thông thái⁽¹⁾ đâu.

- Không, chúng cháu không tìm bò biết diễn trò, chúng cháu cần một con bò tốt sữa.

- Và có đuôi thật.

Mát-chi-a nói thêm như thế vì câu chuyện đuôi giả ám ảnh nó.

(1) Nguyên văn tiếng này nghĩa đen là thông thái, áp dụng cho một số thú vật thì có nghĩa là biết diễn trò, biết nhiều trò. Người ta cũng thường đùa đùa với nghĩa đen - ND.

- Thưa ông thú y, tóm lại, chúng cháu đến nhờ ông đem sự hiểu biết của ông giúp chúng cháu khỏi bị cảnh lái bò lừa gạt.

Khi nói câu ấy, tôi cố bắt chước cái vẻ trang trọng của cụ Vi-ta-li khi cụ muốn thuyết phục người khác. Ông thú y nói:

- Nhưng các em tậu bò làm gì kia?

Tôi nói vắn tắt mục đích mua bò của tôi.

- Các em là những đứa trẻ ngoan - Ông nói - Sớm ngày mai, ta sẽ đi với các em đến chợ phiên, và ta hứa rằng con bò sữa ta chọn cho các em sẽ không mang đuôi giả.

- Cũng không có sừng giả? - Mát-chi-a hỏi.

- Vú sữa cũng không bị bơm lên?

- Con bò đó sẽ là con bò đẹp và tốt. Nhưng muốn mua, phải có tiền trả.

Tôi không đáp, chỉ mở chiếc khăn tay gói vốn liếng của chúng tôi.

- Tốt lắm! Sáng mai, bảy giờ các em lại đón ta.

- Thưa ông thú y, thế còn công ông, cháu phải trả hầu ông bao nhiêu?

- Không phải trả gì hết! Đời nào ta lại lấy tiền của những đứa bé ngoan như các em.

Tôi chẳng biết làm thế nào để tỏ lòng biết ơn đối với con người hào hiệp đó, nhưng Mát-chi-a nảy ra một sáng kiến. Nó hỏi:

- Thưa ông, ông có thích âm nhạc không ạ?

- Thích lắm, em ạ.

- Và ông ngủ sớm chứ?

Nó hỏi như cóc nhảy, nhưng ông thú y vẫn vui lòng trả lời:

- Khi đồng hồ đánh chín giờ.

- Cảm ơn ông. Thế đến mai, bảy giờ, chúng cháu lại.

Tôi đã hiểu ý Mát-chi-a. Tôi hỏi:

- Mà muốn hiến ông thú y một buổi hợp tấu?

- Đúng thế. Một buổi dạ tấu khi ông ấy đi ngủ. Người ta làm thế đối với người mà người ta yêu quý.

- Ý của mài hay đấy. Ta hãy trở về quán trọ lo tập dượt những bản tấu sắp tới. Đạo nhạc cho công chúng nghe để lấy tiền thì có sơ suất một chút cũng chả sao, đằng này đánh đàn để đền ơn người ta thì phải có gắng hết sức mình.

Bảy giờ kém vài phút thì chúng tôi đến trước nhà ông thú y. Mát-chi-a mang vĩ cầm, tôi mang thụ cầm. Đường phố tối tăm vì người ta không đốt đèn đường, để chờ chín giờ đã có sáng trăng. Các hiệu buôn đều đóng cửa, người đi lại thưa thớt. Đến chín giờ khi đồng hồ bắt đầu buông tiếng chuông thứ nhất thì chúng tôi cũng bắt đầu hợp tấu. Trong đường phố chật hẹp vắng vẻ ấy tiếng đàn chúng tôi vang lên như ở trong gian phòng ấm tiếng nhất. Các cửa sổ đều mở. Và những cái

đầu nhô ra, những cái đầu đội mũ chụp đêm hoặc trùm khăn; người ta ngạc nhiên, gọi nhau ý ới từ cửa này qua cửa nọ.

Ông bạn thú y của chúng tôi ở một nhà có cái phòng con xinh xắn nhô ra ở góc nhà. Cửa sổ phòng ấy mở, ông thò đầu ra xem ai đánh đàn. Hẳn ông nhận ra chúng tôi và hiểu dụng ý của chúng tôi vì thấy ông khoát tay bảo chúng tôi đừng đánh đàn nữa. Ông nói:

- Ta đi mở cổng cho các em đây. Các em vào vườn mà đánh.

Ngay sau đó, cổng vườn mở ra đón chúng tôi. Ông thú y bắt chặt tay hai đứa chúng tôi và nói:

- Các em là những chú bé tốt, nhưng các em đại lăm: các em không để ý rằng các em có thể bị cảnh sát bắt vì tội làm náo động đường phố ban đêm.

Chúng tôi lại bắt đầu cuộc hợp tấu trong vườn. Vườn không rộng nhưng rất xinh: trong vườn có một vỏ cua⁽¹⁾ mái phủ đầy dây leo. Ông thú y có vợ và đông con, cho nên trong chốc lát chúng tôi cũng có cả một công chúng thính giả. Người ta thấp nển dưới vỏ cua và chúng tôi đánh đàn đến gần mười giờ. Hết xong một bản thì công chúng vỗ tay và yêu cầu đánh cho bản nữa. Giá như ông thú y không bắt buộc chúng tôi về thì có dễ, theo yêu cầu của lũ nhỏ, chúng tôi dần đánh đàn đến quá nửa đêm. Ông ta bảo:

(1) Giàn hình khom khom, người ta cho các thứ dây leo bò lên để làm chỗ ngồi mát.

- Phải để cho các anh ấy đi ngủ với chứ! Sáng mai, các anh ấy cần đến đây lúc bảy giờ mà!

Tuy nói vậy, ông vẫn giữ chúng tôi lại ăn khuya chứ không cho về ngay. Bữa bánh khuya ấy rất thú vị. Để tạ ơn, Ca-pi diễn vài tiết mục ngộ nghĩnh nhất của nó, làm cho lũ trẻ nhỏ hết sức vui thích. Khi chúng tôi ra về thì đã gần nửa đêm.

Thị trấn Uýt-xen ban đêm yên tĩnh là thế mà sáng hôm sau thì náo nhiệt lạ thường. Trời chưa sáng đã nghe tiếng xe tải lăn liên miên trên đường, xen lẫn với tiếng ngựa hí, tiếng bò rống, tiếng cừu be và tiếng la hét của các bác nông dân đi chợ. Khi chúng tôi xuống sân quán trọ thì thấy ở đây chật ních những xe tải vướng vào nhau chằng chịt; các bác nông dân diện quần áo ngày lễ từ trên mấy chiếc xe ngựa mới đến, nhảy xuống; rồi họ ôm xóc vợ đặt xuống đất. Xong, ai cũng co tay đuổi chân cho đỡ mỏi, các chị phụ nữ thì vuốt lại váy cho khỏi nhàu nát. Vì mới sáu giờ thôi, nên chúng tôi muốn đi duyệt qua các con bò sữa một lượt để thử chọn trước.

Ôi chao! Những con bò đẹp làm sao! Đủ mọi màu lông, đủ mọi vóc dáng, con béo, con gầy, con kèm bê, con kéo lê thê những chiếc vú dài mọng sữa. Trong chợ cũng có ngựa nữa, ngựa đực hí ran, ngựa cái liếm lông cho con, lại còn lợn, lợn béo khoét hốc dưới đất mà nằm, lợn con kêu như bị lột da sống, rồi cừu, gà, ngỗng... nhưng cần quái gì những thứ ấy! Chúng tôi chỉ mê bò mà thôi. Lũ bò nheo mắt nhìn chúng tôi, quan sát

chúng tôi và bình thần đưa đẩy hàm dưới một cách chậm chạp để nhai lại bữa ăn đêm qua; chúng không hề ngờ rồi đây chúng có thể không còn được ăn ngọn cỏ ở làng quê.

Đi dạo xem nửa giờ, chúng tôi đã tìm ra mười bảy con hoàn toàn vừa ý, con thì vì đức tính này, con thì vì đức tính khác, ba con vì lông màu hung, hai con vì lông trắng; cái chuyện màu lông hung, màu lông trắng này dĩ nhiên đã làm Mát-chi-a và tôi tranh cãi với nhau lần nữa.

Bảy giờ, chúng tôi đến đón ông thú y đang chờ chúng tôi ở nhà, rồi cùng đi với ông đến chợ. Đi đường, chúng tôi lại một lần nữa trình bày cho ông rõ chúng tôi cần mua con bò có những đức tính gì. Những đức tính ấy tóm tắt trong mấy chữ: tiết sữa nhiều, ăn ít.

Mát-chi-a chỉ một con bò trắng:

- Con này chắc tốt.

- Tôi thấy con này hơn.

Tôi chỉ con màu hung mà nói thế. Ông thú y hòa giải chúng tôi bằng cách không dừng lại ở con nào trong hai con đó cả. Ông đi thẳng đến một con thứ ba, một con bò cái nhỏ, chân mảnh khảnh, tai và má nâu đen, mắt viền đen, mõm viền trắng. Ông nói:

- Đây là một con bò sữa thuộc giống xứ Tu-éc, đúng loại các em cần.

Một nông dân gầy còm nắm dây thừng giữ bò. Ông thú y hỏi người đó bán giá bao nhiêu.

- Ba trăm phờ-răng.

Con bò nhỏ vóc, thanh mảnh, nhanh nhẹn, linh lợi ấy đã chinh phục chúng tôi rồi. Nhưng nghe đến giá thì tay chúng tôi buông xuôi. Những ba trăm phờ-răng thì chúng tôi mua làm sao nổi! Tôi ra hiệu cho ông thú y đi xem con khác. Ông ra hiệu cho tôi bảo phải kiên trì. Ông trao đổi giá cả với người nông dân. Ông trả một trăm năm mươi phờ-răng. Bác nông dân bớt đi mười phờ-răng. Ông thú y giả lên trăm bảy; bác nông dân hạ xuống hai trăm tám.

Sự việc diễn ra lúc ban đầu như vậy, đã đem lại cho chúng tôi nhiều hy vọng, nhưng đến đây thì nó xoay chiều. Đáng lẽ trả thêm thì ông thú y dừng lại, bắt đầu xem xét kỹ con bò; chân nó yếu quá, cổ thì quá ngắn, sừng lại quá dài; ngực lép, vú không nở. Bác nông dân bảo vì chúng tôi thông thạo như vậy cho nên bác vui lòng bán với giá hai trăm năm mươi phờ-răng để cho con bò về tay những ông chủ biết chăm sóc. Bấy giờ Mát-chi-a và tôi đâm hoảng, tưởng con bò xấu thật. Tôi nói:

- Thưa ông, chúng ta đi xem con khác.

Nghe thế bác nông dân miễn cưỡng hạ cho một chục nữa. Bớt lần bớt hồi, cuối cùng bác hạ giá xuống còn hai trăm mười và nhất định giữ giá đó. Ông thú y cũng đã huých khuỷu tay ra hiệu cho chúng tôi biết rằng cái chuyện ông nói đó là chuyện vớ vẩn, thật ra con bò ấy không phải là bò xấu, trái lại đó là một con bò rất tốt. Tuy thế hai trăm mười phờ-răng vẫn là một số tiền khá lớn đối với chúng tôi.

Lúc này Mát-chi-a vòng ra sau con bò, dứt của nó một cái lông đuôi dài và bị nó đá cho một cái. Điều này khiến tôi hết do dự:

- Thôi, hai trăm một thì hai trăm một vậy!

Và tôi chìa tay ra để cầm lấy dây thừng buộc bò. Nhưng người chủ bò không trao cho tôi. Bác ta nói:

- Thế còn cái món tiền kim băng cặp tóc của bà xã nhà tôi?

Thế là lại phải mặc cả và cuối cùng phải thỏa thuận đưa thêm hai mươi xu về khoản kim băng cặp tóc.

Chúng tôi chỉ còn có ba phờ-răng. Tôi chìa tay ra. Bác nông dân nắm lấy tay tôi bắt thật chặt như bạn chí thân. Đúng là bạn chí thân, và đã là bạn chí thân thì tôi không được quên cốc rượu nho cho cô con gái bác. Rượu nho của cô con gái xén dứt mười xu.

Lần thứ ba, tôi định cầm thừng. Nhưng ông bạn lái bò của tôi ngăn lại:

- Thế anh bạn có đem theo vòng cổ bò không đấy? Tôi bán bò nhưng có bán vòng cổ đâu!

Tuy vậy, vì đã là bạn thân, bác ta cũng phải vui lòng nhường lại cái vòng cổ bò cho tôi lấy ba mươi xu, chẳng đắt đâu!

Tất nhiên phải có vòng cổ để buộc dây dắt bò; tôi đành xỉa ra ba mươi xu, nhằm tính cũng còn được hai mươi xu. Thế là tôi đếm đủ hai trăm mười ba phờ-răng và lần thứ tư tôi chìa tay ra, bác ta hỏi: "Thế thì đây

thùng của anh bạn đâu nhỉ? Tôi nhường vòng cổ, nhưng tôi đã bán dây thùng cho anh đâu”.

Phải trả hai mươi xu nữa để lấy dây thùng, hai mươi xu vét túi.

Trả tiền đủ, chúng tôi mới được nhận con bò với đủ lệ bộ vòng cổ, dây thùng. Chúng tôi có một con bò sữa, nhưng không có lấy một xu dính túi, một đồng xu để nuôi nó và để nuôi sống cả chúng tôi.

Mát-chi-a bảo:

- Chúng ta lại biểu diễn! Các quán nước rất đông khách. Mỗi đứa một ngả, chúng ta sẽ biểu diễn được ở khắp các quán và chiều nay chắc sẽ thu được khá đấy!

Sau khi dắt bò vào chuồng ở quán trọ và buộc cẩn thận ba bốn nút thùng, chúng tôi mỗi đứa đi biểu diễn một ngả. Chiều về gom tiền lại, Mát-chi-a được bốn phờ-răng năm mươi xăng-tim, còn tôi được ba phờ-răng.

Với bảy phờ-răng mười xu chúng tôi lại giàu rồi! Tuy vậy, thu được bảy phờ-răng mười xu ấy, niềm vui của tôi xem ra rất nhỏ nhoi bên cạnh niềm vui đã tiêu xài hai trăm mười bốn phờ-răng kia.

Về quán trọ, chúng tôi năn nỉ chị bếp vắt hộ sữa bò và chúng tôi đem ăn bữa sáng: chưa bao giờ chúng tôi được uống thứ sữa ngon như vậy. Mát-chi-a tuyên bố rằng sữa nó ngọt lịm như đường và thơm mùi hoa cam, giống như thứ sữa nó uống ở bệnh viện, nhưng ngon hơn nhiều. Trong cơn hào hứng, chúng tôi ôm con bò, hôn cái mõm đen của nó. Có lẽ nó cũng cảm động vì sự

vuốt ve đó nên thè cái lưỡi nhám sì liếm mặt chúng tôi.
Mát-chi-a phấn khởi reo lên:

- Nó hôn đó, mày biết không?

Muốn biết khi hôn con bò và được nó hôn lại, chúng tôi sung sướng ngần nào thì xin các bạn nhớ rằng hai chúng tôi không phải là những đứa được vuốt ve hôn hít quá nhiều. Chúng tôi khác với những đứa con cưng, chúng phải chống đỡ sự vuốt ve môn trớn của mẹ, còn chúng tôi thì thêm khát được môn trớn, vuốt ve.

Hôm sau, chúng tôi dậy thật sớm và lên đường đi Sa-va-nông ngay. Để đến ơn Mát-chi-a, bởi vì không có nó chắc không đời nào tôi kiếm được món tiền kếch sù trên hai trăm phờ-răng ấy, tôi nhường cho nó cái thú dắt bò. Được nắm dây dắt con bò đi, Mát-chi-a khoái lắm, còn tôi thì lẻo đẻo theo sau. Ra khỏi thị trấn, tôi mới đi lên ngang hàng với nó, để chuyện trò với nhau như thường lệ, nhất là để nhìn con bò từ phía trước. Tôi chưa bao giờ thấy con bò nào đẹp như thế! Quả vậy, dáng dấp của nó đã nên trang nhã, nó bước đi nhún nhảy, chậm rãi, đủng đỉnh như một con vật tự biết giá trị của mình.

Bây giờ thì mỗi lúc chẳng còn phải giở bản đồ tìm đường như hồi mới từ Pa-ri ra đi. Tôi biết rõ mình sẽ đi đâu và mặc dù từ khi qua chốn này với cụ Vi-ta-li đến nay đã nhiều năm rồi, tôi vẫn nhận ra những đặc điểm rải rác trên đường.

Để cho con bò cái đỡ mệt, nhưng cũng đừng có đến Sa-va-nông quá muộn, tôi quyết định sẽ ngủ lại ở cái

làng trước kia, tôi đã trọ đêm đầu tiên trong cuộc đời
giang hồ với cụ Vi-ta-li.

Cái đêm ấy, trong đêm cỏ, con Ca-pi tốt bụng hiểu
được nỗi buồn của tôi, đã đến nằm bên cạnh tôi và đặt
chân nó vào lòng bàn tay tôi để tỏ cho tôi biết rằng nó
sẽ là bạn thân thiết của tôi.

Tảng sáng hôm sau, chúng tôi sẽ lên đường về nhà
má Bác-bơ-ranh cho được sớm.

Nhưng số mệnh cho tới nay vẫn phù hộ chúng tôi
bồng trở tráo và đảo lộn tất cả những sự sắp đặt ấy.

Chúng tôi quyết định đi mỗi ngày hai đợt, giữa hai
đợt nghỉ để ăn trưa, trước hết là cho bò ăn. Thức ăn của
nó là cỏ ở bờ rào hai bên đường. Hôm đó vào khoảng
mười giờ sáng, gặp nơi có cỏ dày, xanh mướt, chúng tôi
cởi bỏ xác và dắt bò xuống vệ đường. Thoạt đầu, tôi
nắm dây thừng giữ nó, nhưng được giây lát, thấy nó
hiền lành bình tĩnh, chỉ chăm gặm cỏ, tôi quán dây lên
sừng nó và ngồi xuống bên cạnh để ăn bánh.

Dĩ nhiên là chúng tôi ăn xong trước nó nhiều. Thế
là chúng tôi ngồi ngắm nó say sưa. Ngắm khá lâu, rồi
không có chuyện gì để làm nữa, chúng tôi rủ nhau chơi
bì. Đừng tưởng chúng tôi là hai ông cụ non khác khổ,
nghiêm nghị, chỉ biết kiếm tiền. Cuộc sống của chúng
tôi không giống cuộc sống của những đứa trẻ khác cùng
tuổi, quả có vậy, nhưng chúng tôi cũng có những sở
thích, những ý nghĩ của lứa tuổi chúng tôi. Nghĩa là
chúng tôi thích những trò chơi của trẻ con và không
ngày nào là chúng tôi không chơi bì, chơi bóng hoặc

nhảy cừu một lần. Không cần duyên cớ gì hết, đột ngột Mát-chi-a rủ: “Chơi chứ?” thế là trở tay một cái, chúng tôi cõ bỏ hết đàn, xác và nhào ra chơi ở giữa đường. Nhiều khi chúng tôi mãi mê suốt tối mất, nếu không có cái đồng hồ nhắc nhở giờ giấc. Nó nhắc cho tôi nhớ rằng tôi là chủ gánh, cần phải làm việc, phải kiếm tiền để sinh sống, thế là tôi lại quàng quai đàn lên cái vai đau tấy, và lên đường!

Chúng tôi chơi xong mà con bò vẫn chưa ăn xong. Khi thấy chúng tôi nó lại ngoạm những miếng cỏ lớn, dường như để bảo rằng nó còn đói. Mát-chi-a nói:

- Hăng đợi tí đã!
- Mà không biết rằng giống bò ăn suốt ngày ư?
- Tí thôi mà!

Chúng tôi vừa đợi vừa quàng đàn, xác lên vai. Mát-chi-a chẳng bao giờ chịu đứng yên, nó nói:

- Hay là tớ thổi cho nó nghe một bài kèn ngắn ngắn nhỉ? Gánh xiếc Gát-xô có một con bò cái ưa âm nhạc lắm.

Thế là không một hai gì nữa, Mát-chi-a thổi ngay một khúc kèn điệu binh.

Thoạt nghe những tiếng kèn, con bò ngẩng cổ. Rồi bất thành linh nó vụt chạy, khiến tôi không kịp chớp lấy dây thừng ở cổ nó. Tức khắc chúng tôi phóng theo, vừa phì nước đại vừa gọi. Tôi thét bảo con Ca-pi chặn nó lại. Nhưng làm sao đòi hỏi Ca-pi đủ mọi tài! Giá là chó của người chăn nuôi thì hẳn nó đã nhảy tới đón đầu

con bò lại. Nhưng Ca-pi chỉ là con chó thông thái, nó cứ chạy sau cần theo chân con bò. Dĩ nhiên là cái ấy không làm cho con bò dừng lại, ngược thế, bò càng vọt mạnh. Tôi vừa đuổi theo bò vừa mắng Mát-chi-a: “Thằng ngốc này!”. Nó cũng vừa chạy vừa hỗn hển: “Rồi mày cứ việc choảng. Đáng đời lắm!”.

Chỗ chúng tôi dừng lại ăn trưa ở cách hai cây số một cái làng lớn trên đường cái. Bấy giờ con bò nhằm hướng làng ấy mà chạy và nó vào làng trước chúng tôi. Vì đường thẳng cho nên dù còn xa, chúng tôi vẫn thấy có nhiều người chặn nó và bắt nó. Thế là chúng tôi chạy chậm lại. Con bò sữa của chúng tôi không mất được, chỉ cần hỏi những người dân lành đã bắt nó, khắc họ trả lại. Chúng tôi càng đến gần thì số người vây quanh con bò càng đông thêm lên, cho đến khi chúng tôi tới bên cạnh nó thì đã có vài chục đàn ông, đàn bà, trẻ con vừa bàn tán, vừa nhìn chúng tôi đi đến.

Tôi cứ tưởng rằng chỉ cần hỏi xin con bò lại là xong cả. Không ngờ họ không giao bò, mà còn vây quanh chúng tôi hỏi hết câu này đến câu khác, nào là chúng tôi từ đâu đến, nào là chúng tôi tậu con bò đó ở đâu. Chúng tôi trả lời dễ dàng, đơn giản. Nhưng họ không tin và có vài ba người lên tiếng bảo rằng chúng tôi đã bắt trộm con bò sống đó, phải bỏ tù chúng tôi cho đến khi điều tra rõ trắng đen.

Hai tiếng “bỏ tù” làm tôi kinh hoảng quá, đâm cuống ra và thế là hồng bét. Tôi tái mặt, tôi ăn nói lắp bắp. Vừa chạy một thôi xong, đang thở dốc, tôi không thể tự bào chữa được. Giữa lúc ấy thì một viên cảnh sát

tới. Người ta kể vắn tắt sự việc lại cho ông ta nghe. Thấy câu chuyện mập mờ khả nghi, ông ta tuyên bố giữ con bò và giam chúng tôi lại, sau sẽ hay. Tôi muốn phản kháng, Mát-chi-a định trình bày, nhưng viên cảnh sát khắc nghiệt bảo chúng tôi im mồm. Tôi sức nhớ cái việc xảy ra giữa cụ Vi-ta-li với tên cảnh sát thành Tu-lu-dơ nên tôi bảo Mát-chi-a im đi và đi theo ông ta.

Toàn xã hộ tổng chúng tôi cho đến tòa xã trưởng, ở đó có nhà giam. Người ta vây bọc chúng tôi, ầy chúng tôi, xô đẩy chúng tôi, mắng chửi chúng tôi. Giá không có người cảnh sát bênh vực thì chắc hẳn người ta đã ném đá chúng tôi như những tên trọng phạm, những tên giết người, những tên đốt nhà.

Lúc mới tới nhà giam, tôi có chút ít hy vọng: viên gác trụ sở xã kiêm cai ngục và tuần phiên không chịu nhận chúng tôi. Tôi tự nhủ anh chàng này là người tốt. Nhưng viên cảnh sát nài nỉ, nên viên cai ngục nhượng bộ. Bước lên trước chúng tôi, ông ta mở một cánh cửa khóa ngoài, có ổ khóa to và hai chốt. Bấy giờ tôi mới hiểu vì sao lúc đầu ông ta không chịu nhận tù: Thì ra ông ta đã bày những cử hành để dành lại của ông ta lên sàn ván phòng giam để hong cho khô. Người ta lục soát chúng tôi, người ta thu tiền bạc, dao, diêm, trong khi viên cai ngục dẫn hành vào một góc. Rồi thì họ đi ra và cánh cổng đóng lại với tiếng sắt rít rợn người.

Thế là chúng tôi ở tù. Ở đến bao giờ đây? Tôi đương tự hỏi như vậy thì Mát-chi-a đến đứng trước mặt tôi đưa đầu ra nói:

- Cậu choảng tớ đi, cứ việc nhằm đầu mà nện. Choảng mạnh mấy cũng chưa vừa cái ngu ngốc của tớ.

- Mày làm một việc ngốc mà tao không ngăn lại thì tao cũng ngốc không kém gì mày!

- Thà rằng cậu choảng mà lại hơn đấy! Như thế sẽ bớt khổ hơn...Chao ôi! Con bò tội nghiệp, con bò của hoàng tử!

Mát-chi-a bật khóc. Bây giờ thì tôi phải an ủi nó. Tôi phân trần cho nó thấy cảnh ngộ chúng tôi không có gì ngạt nghèo lắm, có khó gì mà không chứng minh được rằng con bò đó là của mình mua. Ông thú y quý hóa ở Uýt-xen sẽ làm chứng cho mình.

- Thế nhưng họ buộc tội rằng cái khoản tiền dùng mua bò đó là do chúng tôi ăn cắp thì ăn nói làm sao?

Mát-chi-a nói thế mà có lý. Nó vừa khóc, vừa kể lể thêm:

- Rồi đây, khi chúng ta ra tù, dù họ có trả lại con bò thì chắc gì ta gặp được má Bác-bơ-ranh?

- Sao không gặp?

- Từ ngày mày rời bỏ má cho đến nay, má cũng có thể chết đi chứ!

Mối lo ngại của Mát-chi-a xuyên thẳng vào tim tôi. Đúng là má Bác-bơ-ranh có thể đã chết mất rồi. Tuy còn ở tuổi mà người ta không dễ dàng nghĩ đến cái chết nhưng do cảnh ngộ của mình, tôi vẫn biết rằng người thân của mình có thể bị thân chết cướp mất lắm. Tôi chẳng đã mất cụ Vi-ta-li đó sao? Thế thì tại sao tôi không nghĩ như Mát-chi-a nhỉ? Tôi hỏi:

- Tại sao mày không bảo cho tao biết sớm hơn?

- Tại vì khi tổ sung sướng thì trong đầu óc dần dần của tổ chỉ có những ý nghĩ vui tươi, còn khi cực khổ thì tổ chỉ có những ý nghĩ đen tối. Mà khi tổ nghĩ đến cái việc trao tặng con bò sữa của cậu cho má Bác-bơ-ranh thì tổ sung sướng khôn xiết kể, tổ chỉ thấy má vui thích, chúng mình vui thích, và tổ lóa mắt, tổ say sữa.

- Đầu óc của cậu cũng không dần dần hơn đầu óc của tổ đâu, Mát-chi-a ạ! Tổ cũng chỉ có những ý nghĩ như cậu. Cũng như cậu, tổ lóa mắt, tổ say sữa.

- Ôi, chao ôi! Con bò của hoàng tử! -Mát-chi-a gào khóc- Hoàng tử đẹp quá mà!

Bất thành linh nó đứng dậy vung tay:

- Nếu má Bác-bơ-ranh thì chết mà thằng cha Bác-bơ-ranh gồm ghiếc ấy lại sống và nó bắt mất con bò của chúng mình, nó bắt luôn cả mày nữa thì sao?

Rõ ràng là cảnh ở tù đã xui chúng tôi nghĩ ra những chuyện não nùng ấy, cảnh ở tù và những tiếng hò hét của công chúng, và tên cảnh sát, rồi thì tiếng rít của cái ổ khóa và hai cái chốt sắt khi người ta đóng cửa nhốt chúng tôi. Mát-chi-a không những nghĩ đến tình cảnh hai chúng tôi, nó còn nghĩ đến cả con bò nữa: "Ai cho nó ăn bây giờ? Ai vắt sữa cho nó?"

Tuy nhiên tôi cũng cố gắng vỗ về Mát-chi-a, tôi bảo cho nó biết người ta sắp đến hỏi cung rồi.

- Ừ! Thế thì chúng mình khai thế nào?

- Sự thật.

- Để rồi họ giao cậu cho lão Bác-bơ-ranh à? Hoặc là nếu chỉ có má ở nhà thì người ta cũng sẽ xét hỏi má để xem thử chúng mình có nói dối không, và thế là cái trò bất ngờ của chúng ta đi tong.

Cuối cùng, cái cửa mở ra với tiếng sắt khua kinh khủng, rồi một ông tóc bạc đi vào. Về mặt hiền từ cởi mở của ông ta khiến chúng tôi lạc quan ngay.

Viên cai ngục thét:

- Nào, lũ ranh kia, đứng lên và trả lời quan dự thẩm.

- Được rồi, được rồi - Ông dự thẩm vừa nói vừa ra hiệu cho viên cai ngục hãy để một mình ông ta ở lại. Để tôi hỏi cung tên này. Ông chỉ tôi. Còn ông đưa tên kia đi chỗ khác và giữ lấy nó. Tôi sẽ hỏi nó sau.

Tôi nghĩ rằng trong điều kiện thế này, cần phải làm sao cho Mát-chi-a biết nó nên khai cái gì. Tôi nói:

- Thưa ông dự thẩm, nó cũng như tôi thôi, nó sẽ khai với ông tất cả sự thật, tất cả.

- Được, được. Ông dự thẩm vội vã nói hốt như muốn cắt ngang lời tôi.

Trước khi ra cửa Mát-chi-a còn kịp nheo mắt nháy tôi để tỏ cho tôi biết rằng nó đã hiểu. Ông dự thẩm nhìn thẳng vào mặt tôi, nói:

- Người ta tố cáo anh ăn trộm một con bò sữa.

Tôi trả lời rằng hai chúng tôi đã mua con bò ấy ở phiên chợ Uýt-xen và tôi nói tên viên thú y đã giúp chúng tôi mua bò.

- Cái đó sẽ được xác minh.

- Tôi cũng mong thế vì sự xác minh đó sẽ làm rõ rằng chúng tôi vô tội.

- Thế các anh mua bò cái để làm gì?

- Để đưa tới Sa-va-nông biếu bà má đã nuôi tôi bằng dòng sữa của bà, gọi là trả nghĩa cho bà và ghi lại lòng yêu mến của tôi.

- Người đàn bà ấy tên gì?

- Má Bác-bơ-ranh.

- Có phải vợ một người thợ nề cách đây mấy năm đã bị nạn què chân ở Pa-ri hay không?

- Thưa ông, phải.

- Việc này cũng sẽ được xác minh.

Nhưng tôi không trả lời câu hỏi này như tôi đã trả lời câu nói về ông thú y. Thấy tôi lúng túng, ông dự thẩm hỏi dồn tôi nhiều câu khác, làm tôi phải nói rằng nếu ông hỏi má Bác-bơ-ranh thì mục đích của chúng tôi sẽ không đạt, trò bắt ngờ không thành.

Tuy nhiên trong nỗi băn khoăn của tôi lại lẫn lộn một niềm vui sướng lớn: Ông dự thẩm đã biết má Bác-bơ-ranh, và định đến hỏi má xem tôi nói có thật không, thì tất nhiên là má tôi vẫn còn sống. Lát sau tôi lại càng

vui mừng hơn nữa: trong khi hỏi những điều kia nọ, ông dự thẩm cho biết rằng gần đây, lão Bác-bơ-ranh đã đi Pa-ri. Tôi phấn khởi quá nên tìm được những lời lẽ thuyết phục ông dự thẩm, khiến ông ta tin rằng chỉ lời chứng của ông thú y thôi cũng đủ xác minh rằng không phải chúng tôi đã bắt trộm con bò sữa.

- Vậy thì các anh lấy tiền ở đâu mà tậu bò?

Đó là câu hỏi làm cho Mát-chi-a sợ hãi nhất khi nó đoán rằng người ta sẽ hỏi câu đó. Tôi đáp:

- Chúng tôi kiếm ra.

- Kiếm ở đâu? Bằng cách gì?

Tôi trình bày chúng tôi đã làm ra và dành dụm từng đồng xu trên đường đi từ Pa-ri đến Vác-xơ rồi từ Vác-xơ đến Mông-dờ-rơ như thế nào.

- Thế các anh đến Vác-xơ để làm gì?

Câu hỏi đó buộc tôi phải kể kể một thôi nữa. Khi ông dự thẩm nghe nói tôi bị vùi lấp trong mỏ Tơ-ruy-e thì ông không cho tôi nói nữa và hỏi, giọng dịu hân đi, gần như thân ái:

- Trong hai người, ai là Rê-mi?

- Tôi đây, thưa ông dự thẩm.

- Ai làm chứng? Viên sen đầm nói rằng em không có giấy tờ.

- Thưa ông, không có.

- Thôi, em hãy kể cho ta nghe tai nạn ở Vác-xơ đã xảy ra như thế nào, ta có đọc bài tường thuật trên báo, nếu em không phải là Rê-mi thì không lừa ta được. Ta nghe đây, phải coi chừng.

Việc ông dự thẩm đã gọi tôi bằng em đã làm cho tôi yên lòng; tôi thấy rằng đối với chúng tôi, ông không có ác ý. Tôi kể xong câu chuyện thì ông nhìn tôi rất lâu, với đôi mắt dịu hiền, trù mến. Tôi cứ tưởng ông ta sẽ tuyên bố trả lại tự do cho chúng tôi. Nhưng chẳng phải thế! Ông đi ra không nói gì hết. Chắc ông ta đi hỏi Mát-chi-a để xem những điều chúng tôi kể có giống nhau không. Tôi đứng một lúc khá lâu, dăm chiêu suy nghĩ. Cuối cùng thì ông dự thẩm trở lại cùng với Mát-chi-a. Ông nói:

- Ta sẽ cho điều tra ở Uýt-xen. Nếu kết quả điều tra xác nhận những điều các em khai, ta mong thế, thì đến mai các em sẽ được tự do.

- Còn con bò sữa của chúng tôi? - Mát-chi-a hỏi.

- Người ta sẽ trả lại cho các em.

- Tôi không định hỏi cái đó, thưa ông dự thẩm, tôi chỉ muốn biết có ai cho nó ăn không? Ai vắt sữa cho nó?

- Chú nhóc cứ yên lòng!

- Người ta vắt sữa con bò của chúng tôi thì người ta có thể cho chúng tôi sữa ấy không nhỉ? Có sữa mà ăn tôi thì thích quá!

Ông dự thẩm vừa quay lưng ra thì tôi báo cho Mát-chi-a biết cái tin lớn đã khiến tôi quên khuấy đi rằng

chúng tôi đang ở tù: đó là tin má Bác-bơ-ranh vẫn còn sống và lão Bác-bơ-ranh thì lên Pa-ri. Mát-chi-a kêu lên: “Con bò sữa của hoàng tử sẽ đi vào nhà một cách vinh quang”. Nó vui sướng quá, vừa nhảy vừa hát. Bị lôi cuốn theo, tôi cũng nắm tay nó múa hát. Còn Ca-pi từ đầu vẫn ngồi một xó, buồn bã lo âu, bây giờ cũng chạy đến đứng thẳng lên trên hai chân sau, giữa hai chúng tôi. Thế là chúng tôi nhảy múa âm ỉ, khiến người cai ngục lo sợ-có lẽ vì mớ hành của ông ta - chạy đến xem có phải chúng tôi nổi loạn hay không.

Người cai ngục bảo chúng tôi im đi. Nhưng lần này ông ta không ăn nói cục cằn như khi cùng đến với ông dự thăm. Nhờ thế, chúng tôi biết rằng tình hình không đến nỗi xấu và chỉ lát sau thì chúng tôi biết rõ mình đoán không sai: ông ta đã trở lại với một chậu sữa đầy, sữa con bò của chúng tôi. Đã hết đầu, ông ta còn cho chúng tôi một chiếc bánh mì trắng to và một miếng thịt bê luộc; ông ta nói thịt bê là của ông dự thăm gửi đến. Xưa nay có lẽ không có tên tù nào được hậu đãi như thế.

Thế là vừa ăn thịt bê và uống sữa, tôi vừa xét lại ý niệm của tôi về nhà tù. Quả có khá hơn cái cảnh mà tôi tưởng tượng, và đó cũng là cảm tưởng của Mát-chi-a. Nó vừa cười vừa nói:

- Ăn ngủ không mất tiền, quả là dịp may hiếm có!

Tôi dọa nó:

- Nếu ông thú y chết bất thành linh thì lấy ai làm chứng cho chúng mình?

Mát-chi-a không chút nao núng, bình tĩnh nói:

- Chỉ khi nào người ta khổ, người ta mới có những ý nghĩ đen tối như thế, nay thì quả là không phải lúc.

30

MÁ BÁC-BƠ-RANH

Nằm trên sàn gỗ, chúng tôi ngủ cũng khá ngon. Chúng tôi đã từng nhiều đêm ngủ giữa trời khó chịu hơn. Sáng ra, Mát-chi-a nói:

- Tổ mơ thấy đám rước bò.

- Tổ cũng thế.

Tám giờ sáng cửa mở, ông dự thẩm bước vào, có ông bạn thú y của chúng tôi theo sau; ông ta muốn đích thân đến giải phóng cho chúng tôi. Về phần ông dự thẩm thì không phải ông chỉ ân cần với chúng tôi ở bữa ăn hôm qua, ông còn trao cho tôi một tờ giấy đẹp có đóng dấu. Ông thân mật bảo:

- Các em tay không mà đi tứ xứ như thế thì thật là liều lĩnh. Ta đã nói với ông xã trưởng cấp cho các em tờ giấy thông hành này, nó sẽ là bùa hộ mệnh của các em. Chúc các em lên đường bình yên.

Ông dự thẩm bắt tay chúng tôi, còn ông thú y thì ôm hôn chúng tôi.

Chúng tôi vào làng khốn khổ, nay chúng tôi ra đi vinh quang, tay nắm thùng dắt bò, đầu ngẩng cao. Những người nông dân đứng ở ngưỡng cửa nhìn chúng tôi với đôi mắt cảm mến. Mát-chi-a nói:

- Tao chỉ tiếc có một điều là tại sao cái lão cảnh sát đã bắt chúng mình hôm nay không có mặt ở đây để nhìn chúng mình đi qua.

- Lão cảnh sát đó làm sai. Nhưng chúng ta cũng không đứng ở chỗ không bao giờ nghĩ đến việc xin đủ giấy chứng minh lý lịch của mình, để cho người ta biết. Ở Pa-ri thì việc ấy dễ thôi.

Chúng tôi đã nhận được một bài học quá đích đáng, đến mức không bao giờ còn tơ tưởng đến thả dây buộc bò nữa. Con bò cái của chúng tôi thì hiền lành đấy nhưng phải cái cũng nhút nhát.

Không bao lâu chúng tôi đã tới cái làng tôi ngủ trọ cùng cụ Vi-ta-li ngày xưa. Từ đây đến cái dốc đổ xuống làng Sa-va-nông chỉ còn phải qua một cánh đồng hoang lớn. Đi vào làng, ngay trước cửa hiệu mà Déc-bi-nô đã đánh cắp chiếc bánh, tôi bỗng nảy một ý kiến và vội vàng trao đổi với Mát-chi-a:

- Cậu có nhớ rằng tớ có hứa đãi cậu ăn bánh kẹp ở nhà má Bác-bơ-ranh không? Muốn làm bánh kẹp, phải có bơ, bột, trứng.

- Chắc là ngon lắm.

- Còn phải nói! Để rồi cậu xem. Cái món ấy cuộn lại và ta cứ việc tọng đầy mồm. Nhưng có lẽ má Bác-bơ-

ranh không có bơ, cũng không có bột, vì má nghèo. Hay là ta mang đến cho má?

- Ý kiến đó hay đấy!

- Thế thì cậu coi bò, nhất là đừng buông thùng ra nhé! Tổ vào hiệu này mua bơ, bột. Còn trứng, nếu má không có thì má sẽ đi vay tạm, chứ chúng mình mang trứng đi e dọc đường vỡ mất.

Tôi vào ngay hiệu ấy mua một cân bơ, hai cân bột rồi tiếp tục đi. Tôi không muốn thúc con bò đi nhanh, nhưng vì nôn nóng đến nhà, tôi sai những bước dài mà không biết. Còn mười cây số nữa, còn tám. Rồi còn sáu. Lại chữa! Về đến gần má Bác-bơ-ranh, con đường như càng dài ra, dài hơn cái ngày mà tôi đi xa má, mặc dù hôm ấy trời mưa rét đến nỗi bây giờ tôi vẫn còn như thấy thấm da thịt. Tôi hết sức xúc động, hết sức xốn xang, cứ chốc chốc lại nhìn đồng hồ. Tôi nói với Mát-chi-a:

- Cậu thấy cảnh có đẹp không?

- Cây cối có làm vương tằm mắt đâu!

- Khi chúng mình xuống dốc Sa-va-nông thì cậu sẽ thấy cây cối, cây to, đẹp, cây sồi này, cây dẻ này.

- Có quả dẻ chứ?

- Sao lại không? Và ở sân nhà má Bác-bơ-ranh thì có cây lê với cái cành uốn cong, mình thường leo lên cưỡi ngựa. Nó ra quả to như thế này này, và ngon nữa, rồi cậu xem.

Tả cái gì, tôi cũng nói "rồi cậu xem" như một điệp khúc. Tôi thành thật tin rằng tôi đưa Mát-chi-a đi vào

cõi tiên. Suy cho cùng thì đối với tôi, đó không phải là cảnh tiên hay sao? Ở đó, mắt tôi được mở ra nhìn ánh sáng, ở đó tôi mới có cảm giác là được sống, ở đó tôi được sung sướng, được mến yêu. Những kỷ niệm đau khổ trong cuộc sống phiêu lưu sau này làm cho những niềm vui ban đầu ấy càng thêm thấm thiết. Tôi càng đi đến gần làng quê thì những cảm giác ngây thơ càng như đổ xô về xô xo, dồn dập trong tim, trong trí. Tuồng như trong bầu trời quê hương có một mùi hương làm tôi ngây ngất: cái gì tôi cũng thấy đẹp cả. Lây cái say sưa ấy, Mát-chi-a cũng quay về quê hương, nhưng tội nghiệp, chỉ bằng tưởng tượng. Nó nói:

- Nếu cậu đến Lúc-ca thì tớ cũng sẽ chỉ cho cậu bao cái đẹp. Rồi cậu xem!

- Ừ thì chúng mình sẽ về Lúc-ca sau khi gặp Ê-chiên-nét, Li-dơ, và Bằng-gia-manh.

- Cậu cũng vui lòng đi Lúc-ca chứ?

- Cậu cùng đi với tớ về nhà má Bác-bơ-ranh thì tớ sẽ cùng đi với cậu về thăm mẹ và em Crít-xti-na của cậu. Nếu nó không quá lớn thì tớ sẽ bế nó. Nó cũng là em tớ.

- Ô! Rê-mi!

Nó chỉ nói được bấy nhiêu vì xúc động quá.

Vừa nói chuyện, vừa rảo bước đi nhanh, chúng tôi đã đến đỉnh đồi, nơi bắt đầu cái dốc ngoằn ngoèo dẫn đến thôn Sa-va-nông, cái dốc đi qua trước nhà má Bác-bơ-ranh. Đi mấy bước nữa, chúng tôi đến cái lũy mà tôi

xin phép cុ Vi-ta-li ngồi lại để nhìn về nhà má, ngôi nhà mà tôi tưởng như không bao giờ được trông thấy nữa. Tôi bảo Mát-chi-a: "Cầm hộ thùng cho tao!" rồi tôi nhảy phắt lên lũy cỏ: cái thùng lưng của tôi vẫn giữ dáng cũ, không có gì thay đổi; giữa hai lùm cây, mái nhà má Bác-bơ-ranh hiện ra.

- Cậu làm sao thế? Mát-chi-a hỏi?

- Xem kìa, xem.

Nó đến bên tôi nhưng không leo lên lũy, con con bò thì gặm cỏ ở bờ lũy. Tôi nói:

- Nhìn theo tay tổ đây. Đây là nhà má Bác-bơ-ranh, kia là cây lê, và chỗ này là mảnh vườn của tổ.

Mát-chi-a chỉ nhìn với con mắt trần, không có ký ức giúp đỡ như tôi, nên không thấy gì lắm, nhưng nó không nói. Lúc bấy giờ, một cuộn khói nhỏ màu vàng thoát lên từ ống khói. Trời lặng gió, cuộn khói bay thẳng lên men theo triền đồi. Tôi nói: "Má Bác-bơ-ranh ở nhà!"

Một luồng gió nhẹ thổi qua hàng cây, bẻ gãy cuộn khói và phả khói vào mặt chúng tôi. Trong khói có mùi lá sồi. Bỗng chốc, tôi cảm thấy nước mắt trào ra và tôi nhảy xuống, ôm hôn Mát-chi-a. Ca-p: nhảy lên lòng tôi, tôi đưa tay ôm nó và cũng hôn nó. Còn Mát-chi-a thì đến hôn trán con bò. Tôi bảo:

- Ta đi xuống mau đi.

- Nếu má Bác-bơ-ranh ở nhà thì làm sao chúng tôi bố trí cái chuyện bắt ngò được?

- Cậu đi vào một mình: cậu bảo là cậu nhân danh hoàng tử, mang bò đến cho má, và khi má hỏi hoàng tử nào, thì tố hiện ra.

- Rõ tiếc là ta không tổ chức được một đám rước có nhạc tấu!

- Mát-chi-a, chớ có vớ vẩn!

- Cậu yên trí, tớ không buồn diễn lại cái trò ấy đâu! Giá như cô gái hoang dã này mà ưa âm nhạc để ta tấu một khúc quân nhạc thì hay biết bao nhiêu!

Chúng tôi vừa đến một khúc ngoặt ngang tầm nhà má Bác-bơ-ranh thì thấy một cái khăn trùm trắng hiện ra trong sân: Đó là má Bác-bơ-ranh. Má mở cổng, ra đường và đi về phía thôn xóm. Chúng tôi dừng lại và tôi chỉ cho Mát-chi-a. Nó nói:

- Má đi thì làm sao thực hiện được cái trò bất ngờ của chúng ta.

- Ta sẽ bày một trò khác.

- Trò gì?

- Tớ chưa nghĩ ra.

- Hay là cậu gọi má?

Tôi rất muốn gọi, nhưng rồi nén được. Đã bao lâu nay, tôi say sưa với cái ý nghĩ chơi một trò bất ngờ, bây giờ không dễ gì trong khoảnh khắc mà từ bỏ được ý định ấy.

Lát sau, đã đến cổng nhà, chúng tôi đi vào tự nhiên như xưa kia tôi vẫn ra vào. Tôi biết má Bác-bơ-ranh có

thói quen chỉ kéo chốt ngoài, cho nên chúng tôi có thể vào nhà ngay được, nhưng trước hết phải nhốt con bò vào chuồng cái dĩa. Tôi đi xem chuồng, thấy nó vẫn như cũ, duy vương những củi. Tôi gọi Mát-chi-a lại. Buộc con bò trước máng xong, chúng tôi xếp củi vào một xó. Công việc này làm không mất nhiều thì giờ lắm vì chỗ củi dự trữ của má cũng chả là bao. Tôi bảo Mát-chi-a:

- Bây giờ thì chúng mình vào nhà đi! Tổ ngồi vào xó bếp để cho má bắt gặp tổ ở đấy. Còn cậu, vì cái cổng kêu cọt két khi má đẩy, cho nên cậu sẽ có đủ thì giờ để trốn ra sau giường với con Ca-pi. Như thế, má chỉ bắt gặp mỗi mình tổ. Cậu tưởng tượng xem má sẽ ngạc nhiên chừng nào!

Công việc được xếp đặt như tôi nói. Chúng tôi đi vào nhà, tôi đến bên lò sưởi, ở chỗ tôi đã ngồi những mùa đông năm xưa. Không thể hớt mớ tóc dài, tôi bỏ nó vào trong cổ áo, tôi thu hình lại, cho giống Rê-mi, bé Rê-mi của má Bác-bơ-ranh ngày trước. Từ chỗ ấy, tôi nhìn thấy cổng, không sợ gì má hiện về đột ngột. Ngồi ở chỗ đó, tôi nhìn ra chung quanh. Dường như tôi mới rời nhà ngày hôm qua thôi, bởi vì không có cái gì thay đổi cả. Mọi vật đều ở nguyên chỗ cũ cho đến miếng giấy dán tấm kính mà tôi đánh vỡ đã ám khói vàng cả đi mà cũng không được thay. Nếu đứng dậy mà đi đi lại lại để nhìn tận mắt từng vật thì thú đấy, nhưng má có thể về bất thành linh, cho nên tôi đành phải ngồi mà quan sát. Bỗng tôi thấy chiếc khăn trùm trắng hiện ra, đồng thời cánh cổng rít lên. Tôi nói:

- Mát-chi-a, mau mau trốn đi!

Và tôi càng thu mình lại. Cửa mở. Từ ngưỡng cửa, má Bác-bơ-ranh trông thấy tôi. Má hỏi:

- Ai đấy?

Tôi nhìn má, không đáp. Má cũng nhìn tôi. Đột nhiên hai tay má run lẩy bẩy, má kêu khê:

- Trời ơi! Trời ơi! Thật thế sao? Rê-mi đó sao?

Tôi đứng lên, chạy xô đến ôm má:

- Má!

- Con! Con tôi đây mà!

Mãi chúng tôi mới nén được xúc cảm và lau nước mắt. Má hỏi:

- Hẳn thế, nếu má không ngày đêm nhớ con thì có đâu mà nhận ra con ngay: con đã thay đổi nhiều, lớn thối lên, khỏe ra!

Một tiếng khịt mũi nén lại nhắc tôi nhớ rằng có Mát-chi-a núp đằng sau giường. Tôi gọi nó, nó đứng lên.

- Đây là Mát-chi-a, em con.

- Ô - Má reo lên - Con đã tìm ra bố mẹ ư?

- Không. Con muốn nói đó là bạn nghề nghiệp của con, bạn chí thiết của con. Và đây là Ca-pi, cũng là bạn nghề nghiệp, là bạn chí thiết của con. Ca-pi, chào bà mẹ của chủ mày đi.

Ca-pi đứng lên trên hai chân sau, đặt một chân trước ngực và cúi chào trịnh trọng, làm má Bác-bơ-ranh cười và ráo cả nước mắt. Mát-chi-a không bị một lý do nào làm cho quên cái trò bất ngờ như tôi, cho nên nó ra hiệu nhắc tôi. Tôi bảo má:

- Nếu má vui lòng thì má con ta ra sân một lát. Con muốn xem cây lê quý mà đã nhiều lần con khoe với Mát-chi-a.

- Ta cũng nên đi xem mảnh vườn của con, vì má vẫn giữ nguyên như con xếp đặt, để khi con trở về thì sẽ tìm thấy cảnh xưa. Bao giờ má cũng tin rằng con sẽ trở về, mặc dù thiên hạ nói này nói nọ.

- Những củ cúc vu con trồng, má có thấy ngon không?

- Hóa ra cái bất ngờ là của con đấy à? Má cũng đoán như vậy. Lúc nào con cũng ứng chơi trò bất ngờ.

Đã đến lúc rồi! Tôi nói:

- Còn cái chuồng bò, từ khi vắng con Rút-xét tội nghiệp thì có gì thay đổi không? Con Rút-xét, cũng như con, nó chả muốn đi.

- Không có gì thay đổi, hản thế. Má chất củi ở đó.

Lúc bấy giờ chúng tôi vừa đến đứng trước chuồng bò. Má Bác-bơ-ranh đẩy cửa. Con bò đang đói, chắc nghĩ người ta đến cho ăn, nên rống lên tức khắc. Má Bác-bơ-ranh hét:

- Bò! Chao ôi! Trong chuồng có bò!

Không nén được nữa, Mát-chi-a và tôi cười vang. Má Bác-bơ-ranh kinh ngạc nhìn chúng tôi. Nhưng chuyện con bò bị nhốt sẵn trong chuồng này là chuyện quá hoang đường, chúng tôi có reo cười bao nhiêu, má cũng không vỡ lẽ. Tôi nói:

- Đây là một điều bất ngờ chúng con biểu má, nó cũng xứng với củ cục vụ má không ước mà có, phải không má.

- Một trò bất ngờ, một trò bất ngờ! - Má lặp đi lặp lại.

- Con không muốn trở về nhà má Bác-bơ-ranh hai tay không, bà má đã tốt đến thế với bé Rê-mi cù bơ cù bất. Nghĩ mãi xem món quà gì có ích cho má hơn hết con thấy không gì hay hơn là có một con bò sữa má nuôi thay con Rút-xét. Chúng con mua con bò này ở chợ phiên Uýt-xen với số tiền anh em chúng con kiếm được!

Má Bác-bơ-ranh ôm tôi vào lòng, kêu lên:

- Ôi, thằng con quý hóa, thằng bé mến yêu!

Thế rồi chúng tôi vào chuồng bò để má nhìn cho kỹ con bò sữa đã trở thành bò của má. Mỗi khi tìm thấy một dấu hiệu gì tốt trên con bò, má reo lên sung sướng, khâm phục: "Con bò tốt làm sao!". Bỗng má ngưng lại, nhìn tôi:

- Này! Thế là con đã trở nên giàu có chẳng?

- Có lẽ thế! - Mát-chi-a vừa cười vừa nói - Anh em chúng con còn những năm mươi tám xu.

Má Bác-bơ-ranh lặp lại điệp khúc trước, nhưng có thay đổi: "Hai thằng bé mến yêu!". Tôi sung sướng thấy

má nghĩ đến Mát-chi-a và gộp cả hai đứa vào một mối tình yêu mến.

Con bò vẫn kêu rống lên. Mát-chi-a nói:

- Nó đòi người ta vắt sữa cho nó đấy.

Không để ý nghe ngóng gì nữa, tôi chạy vào trong nhà tìm cái thùng thiếc đem kỳ cọ thật sạch. Cái thùng này trước kia vẫn dùng để vắt sữa con Rút-xét và vẫn treo ở chỗ cũ, mặc dầu đã từ lâu chẳng còn bóng dáng bò dê gì trong chuồng của má Bác-bơ-ranh cả. Tôi múc đầy thùng nước rửa sạch vú bò bám đầy bụi đường.

Thấy đến ba phần tư thùng đầy một thứ sữa đẹp mỡ màng, má Bác-bơ-ranh vui sướng vô cùng. Má nhận xét:

- Có lẽ nó mọng sữa hơn con Rút-xét!

Mát-chi-a nói:

- Lại còn ngon nữa chứ! Ngửi như mùi hoa cam.

Má Bác-bơ-ranh ngạc nhiên nhìn Mát-chi-a; hẳn là má đương nghiệm xem cái mùi hoa cam là mùi gì⁽¹⁾.

Mát-chi-a không bao giờ giữ riêng cho mình những điều hiểu biết. Nó nói tiếp:

- Đó là món sữa tuyệt ngon cháu được uống ở bệnh viện khi ốm phải nằm ở đó.

Vắt sữa xong, sau khi thả bò giữa sân để cho nó ăn cỏ, chúng tôi trở vào nhà. Trên chiếc bàn giữa nhà,

(1) Mát-chi-a quê ở I-ta-li-a, có nhiều cam. Bà Bác-bơ-ranh ở một làng quê hẻo lánh nước Pháp thời ấy, không biết cam là gì.

trong khi vào lấy thùng đựng sữa, tôi đã bày biện bơ và bột ra. Khi má Bác-bơ-ranh trông thấy những món không ước mà có này nữa, thì má lại kêu lên. Nhưng lòng thành thật buộc tôi phải ngăn má:

- Chỗ quà này sắm ra là để cả cho chúng con nữa chứ không phải dành riêng cho má. Chúng con đói đến suýt chết đây và chúng con muốn ăn bánh kẹp. Má có nhớ cái ngày thứ ba ngả mặt cuối cùng mà con còn ở nhà này không? Cái ngày ấy, má con ta bị cản trở, chỗ bơ má vay để làm bánh kẹp cho con lại bị dùng để phi hành trong chảo. Lần này thì chúng ta không bị quấy rầy đâu.

- Con biết ông Bác-bơ-ranh hiện ở Pa-ri à?

- Vâng.

- Thế con có biết ông ấy đi Pa-ri làm gì không?

- Không, má ạ.

- Cái này quan hệ đến con đó, con ạ.

- Quan hệ đến con? - Tôi kêu lên, sợ hãi.

Trước khi trả lời, má nhìn Mát-chi-a như có ý e ngại. Tôi nói:

- Ô ! Má cứ nói trước mặt Mát-chi-a đi ! Con đã bảo nó là anh em với con mà, cái gì quan hệ đến con thì cũng quan hệ đến nó.

- Ấy, cái việc này nói ra thì cũng dài lắm...

- Ông Bác-bơ-ranh sắp về chăng?

- Ô! Không.

- Thế thì không việc gì phải vội, ta hãy lo cái khoản bánh kẹp cái đã, rồi sau má hãy bảo cho con biết việc ông Bác-bơ-ranh đi Pa-ri có lý thú gì đối với con. Không sợ ông ta về phi hành trong chảo của mình nữa thì không vội gì. Má có trứng không?

- Không, má không còn gà.

- Chúng con không mua trứng về cho má vì sợ mang di võ. Má có thể đi vay không?

Má có vẻ lúng túng. Tôi mới vỗ lẽ rằng má vay quá nhiều bận rồi, bây giờ khó nói vay thêm. Tôi nói:

- Thôi, để con đi mua thì hơn, còn má ở nhà nhào bột với sữa. Mua trứng đằng lão Xô-kê phải không má? Con chạy đi đây. Má bảo Mát-chi-a bổ củi, nó bổ giỏi lắm.

Đến quán lão Xô-kê, tôi mua một tá trứng, lại mua thêm một thẻo mỡ. Về nhà thì bột đã nhào sữa, chỉ còn có việc đánh trứng vào mà thôi. Đành rằng bột sẽ không kịp dậy, nhưng chúng tôi đói quá, chờ sao được. Dù bánh làm như thế ăn có hơi nặng bụng, hai cái dạ dày khá khỏe của chúng tôi cũng phốt đều.

Má Bác-bơ-ranh vừa đánh bột vừa nói:

- Này, con ngoan như vậy mà cứ sao chẳng bao giờ con nhắn tin về cho má cả? Con có biết rằng nhiều khi má tưởng con chết rồi không, vì má tự nhủ: nếu Rê-mi còn sống thì chắc thế nào nó cũng viết thư về cho má Bác-bơ-ranh của nó chứ?

- Nhưng má Bác-bơ-ranh của con không ở một mình. Con biết má sẽ không tự đọc được những bức thư con viết mà bên cạnh má có ông bố Bác-bơ-ranh mà con rất sợ. Ông ấy là ông chủ duy nhất trong nhà, ông đã tở quyền hành của ông ta khi bán con với giá bốn mươi phờ-răng cho một ông cụ nhạc sĩ.

- Rê-mi, đừng có nhắc làm gì những chuyện ấy con!

- Con nhắc không phải để mà ca thán, mà để cho má hiểu vì sao con không dám viết thư cho má thôi. Con sợ để người ta tìm thấy thì sẽ bị bán đi lần nữa, mà con thì chẳng muốn bán đi tí nào. Chính vì thế mà khi con mất ông chủ già của con, ông ấy là một người tốt, con cũng không viết thư cho má.

- Ô! Ông nhạc sĩ già ấy chết rồi à?

- Vâng, và con khóc ông cụ rất nhiều, bởi vì con biết những gì ngày nay và con tự kiếm sống được là nhờ ông ấy. Sau khi ông cụ qua đời, con cũng được những người tốt cứu mang và con làm với họ. Nhưng nếu con viết thư nói với má: "Con làm vườn ở khu Gla-xi-e" thì e ông Bác-bơ-ranh đến bắt con mất! Hoặc là ông sẽ đến đòi tiền công ở những người tốt bụng ấy. Cả hai việc ấy con đều không muốn.

- Ừ, má hiểu rồi.

- Dù thế nào, con vẫn nhớ má và một đôi khi gặp chuyện buồn khổ, con vẫn thầm kêu cứu má. Đến khi con được tự do muốn làm gì thì làm thì con về hôn má

đây. Không về ngay, đành thế, vì có phải muốn cái gì là người ta làm được cái đấy đâu, vả lại con có một ý định không dễ gì thực hiện. Phải kiếm đủ tiền tậu bò thì mới có bò đem về cho má chứ, mà tiền thì nó không rơi lọt bộp vào túi chúng con thành những đồng năm phờ-răng tươi tốt. Phải đánh bao nhiêu bản đàn dọc đường, bản vui có, bản buồn có, phải đi nhiều, phải đổ mồ hôi, chịu thương chịu khó, chịu thiếu thốn mọi bề! Nhưng càng vất vả bao nhiêu lại càng sung sướng bấy nhiêu, phải thế không Mát-chi-a?

- Mỗi tối lại đem tiền ra đếm, không những đếm chỗ làm ra ngày hôm đó, lại đếm cả số đã có từ trước để xem nó gấp đôi chưa!

- Chao ôi! Hai thằng con quý hóa! Hai thằng bé mới ngoan làm sao!

Má Bác-bơ-ranh quấy bột để làm bánh, Mát-chi-a bổ củi, còn tôi vừa kể chuyện vừa bày cốc đĩa trên bàn. Rồi tôi ra giếng múc nước. Lúc trở vào thì chậu đã đầy một thứ bột sền sệt, màu vàng óng ả, còn má thì đang cọ chảo bằng một nùi rơm. Mát-chi-a bỏ từng que củi vào bếp để nuôi ngọn lửa hồng rất dượm trong lò. Ngồi xồm bên bếp, con Ca-pi theo dõi mọi việc với đôi mắt cảm kích; nó bị nóng quá, thỉnh thoảng giơ một chân lên, rồi lại đổi chân khác, mồm kêu khe khẽ. Ánh lửa chói chang len vào những xó tối, mấy hình nhân in trên vải màn nổi lên nháy múa, những hình nhân xưa kia bao lần làm tôi khiếp sợ những khi tỉnh giấc dưới ánh trăng.

Má Bác-bơ-ranh đặt chảo lên bếp, lấy dao xén một lát bơ gầy vào chảo, bơ tan ngay. Mát-chi-a bất chấp nóng bỏng cúi sát trên chảo, reo: “Thơm quá!”. Bơ reo lúu rúu, Mát-chi-a hét: “Nó hát kìa! Chao ôi! Tổ phải đem đàn cho nó mới được”.

Đối với Mát-chi-a thì làm cái gì cũng phải có nhạc. Nó lấy chiếc vĩ cầm rá và nhẹ nhàng, tỉ tê nó đem đàn cho khúc ca của cái chảo, khiến má Bác-bơ-ranh cười vang. Tuy nhiên giây phút này nghiêm trọng quá, không phải là lúc vui đùa. Má Bác-bơ-ranh vục chiếc môi vào chậu bột, múc một môi: bột tràn chảy xuống thành những sợi chỉ bạc. Má đổ bột vào chảo; bột loang thành một vạt trắng, còn bơ thì tản ra chung quanh viền một đường màu hung. Đến lượt tôi chồm tới. Má Bác-bơ-ranh vỗ vào cán chảo rồi trở tay một cái, má đã hất cái bánh lên cao, làm Mát-chi-a hoảng hốt. Nhưng không can gì! Ngao du trên không trung một thoáng, cái bánh lại rơi vào chảo, lật trái lại, phơi mặt vàng lên trên. Tôi vừa kịp cầm cái đĩa lên thì bánh đã trượt vào đĩa. Chiếc này dành cho Mát-chi-a. Nó bị nóng bỏng cả tay, môi, lưỡi, họng, nhưng hề gì! Nó chẳng thèm nghĩ tới chuyện bỏng. Bánh đầy cả mồm, nó nói: “Chao ôi! Ngon quá!”.

Đến lượt tôi chia đĩa ra, rồi cũng bị nóng bỏng mồm bỏng miệng. Nhưng cũng giống như Mát-chi-a tôi phớt lạnh.

Cái bánh thứ ba đã vàng và Mát-chi-a chia tay ra, nhưng con Ca-pi sủa một tiếng dữ dội: nó đòi phần nó.

Thế là công bằng, cho nên Mát-chi-a trao bánh cho nó, khiến má Bác-bơ-ranh không bằng lòng, vì sao lại cho chó ăn như người?... Để an ủi má, tôi giải thích cho má rõ con Ca-pi là một con chó biết diễn trò, vả lại nó cũng có đóng góp vào số tiền mua bò. Ngoài ra, nó là bạn nghề nghiệp của chúng tôi, nó phải ăn như chúng tôi, cùng với chúng tôi mới hợp lẽ. Vả lại má đã nói rằng má không động tới bánh kẹp chừng nào cơn đói của chúng tôi chưa dịu đi.

Phải lâu lắm con đói nhất là sự háu ăn của chúng tôi, mới dịu đi. Nhưng mãi rồi cũng đến lúc hai chúng tôi đồng thanh tuyên bố nếu má không ăn vài miếng thì chúng tôi cũng kiên quyết không ăn thêm một chiếc nào. Và thế là đến lượt tôi, rồi Mát-chi-a muốn tự mình làm bánh kẹp. Bỏ bơ, đổ bột vào chảo không khó, chỉ có cái khoản hắt chảo để cho bánh nhảy lên thì chúng tôi vụng tay quá. Tôi đưa một chiếc vào tro, còn Mát-chi-a hắt một chiếc nóng bỏng lên tay nó.

Cuối cùng, khi đã vét hết chậu bột thì Mát-chi-a muốn ra sân xem con bò ăn uống ra sao. Và thế là không nghe bàn tới bàn lui gì hết, nó đi ra, để má Bác-bơ-ranh và tôi ở lại với nhau: nó đã nhận thấy má Bác-bơ-ranh không muốn nói đến “cái việc có quan hệ với tôi” ở trước mặt nó.

Còn tôi, chờ được đến lúc này, không phải là không nóng ruột, và đúng là cái việc làm bánh kẹp nó hấp dẫn quá nên tôi mới gác được chuyện kia.

Nếu lão Bác-bơ-ranh đang ở Pa-ri thì, theo tôi đoán, là để tìm cụ Vi-ta-li đòi tiền thuê tôi những năm

quá hạn. Tôi thì chẳng dính dáng gì vào chuyện ấy. Cụ Vi-ta-li chết rồi, còn trả được gì cho lão ta. Còn tôi thì lão đâu có quyền đòi gì ở tôi. Nhưng nếu không thể moi được tiền ở tôi thì lão có thể đòi tôi phải trả cái con người tôi cho lão. Tóm được tôi, lão lại đem cho mướn, ai mướn cũng được, miễn cứ trả cho lão một món tiền. Chính là tôi phải quan tâm đến điều đó và có thể phải quan tâm rất nhiều bởi vì tôi quyết tâm làm đủ mọi cách cho đến cùng mới chịu khuất phục uy quyền lão Bác-bơ-ranh ghê tởm! Nếu cần, tôi sẽ đi ra khỏi đất Pháp, tôi có thể sang I-ta-li-a với Mát-chi-a, mà cũng có thể sang châu Mỹ, đi đến tận cùng thế giới!

Suy nghĩ như thế tôi tự dặn mình phải thận trọng với má Bác-bơ-ranh. Không phải là tôi nghi ngờ má, má thân yêu. Tôi biết rằng má yêu quý tôi biết bao nhiêu, má hết lòng với tôi bao nhiêu! Nhưng má vốn sợ ông chồng, tôi đã rõ! Nếu tôi thổ lộ quá đà với má, tất vô tình má có thể nhắc lại với lão Bác-bơ-ranh, khiến lão có thể đuổi theo tôi và tóm cổ tôi. Nếu xảy ra như vậy thì rõ ràng là cũng vì tôi một phần! Bởi thế, tôi phải giữ ý.

Mát-chi-a đi khỏi rồi, tôi hỏi má Bác-bơ-ranh:

- Bây giờ chỉ còn má với con, má hãy cho con biết việc ông Bác-bơ-ranh đi Pa-ri vì sao lại liên quan đến con?

- Hửn chứ, má vui lòng nói lắm.

- Vui lòng nói? - Tôi thẳng thắn hỏi.

Má không nói tiếp mà ra cửa nhìn. Khi đã yên lòng, má trở lại và nụ cười trên môi, má hạ giọng:

- Hình như gia đình con tìm con!

- Gia đình con!

- Ừ, gia đình con, Rê-mi ạ.

- Con có gia đình ư? Con có gia đình, má ơi, con, cái thằng bị bỏ rơi này mà cũng có gia đình?

- Chắc người ta không cố ý bỏ con đâu, vì giờ đây người ta đi tìm con mà lị!

- Ai tìm con? Ôi! Má Bác-bơ-ranh ơi! Má nói đi nói đi, con van má!...

Nhưng không, không có thể như thế. Chỉ có ông Bác-bơ-ranh ông ấy tìm con mà thôi.

- Ừ, đúng là ông Bác-bơ-ranh đi tìm đấy, nhưng tìm cho gia đình con.

- Không, ông ấy tìm cho ông ấy đấy, tìm để bắt con lại, để bán con lần nữa. Nhưng ông ta không bắt con được đâu.

- Chao ôi! Rê-mi con, sao con nỡ nghĩ là má nhúng tay vào công việc ấy?

- Ông ta muốn đánh lừa má đấy!

- Nào Rê-mi, hãy tỏ ra biết điều đi con! Con nghe những điều má nói con đây và đừng có sợ bóng sợ gió như vậy.

- Con đâu có quên được!

- Con hãy nghe má kể những điều chính tai má nghe thấy đây và chắc con sẽ tin, phải không? Tính tới

ngày thứ hai tới đây là vừa tròn một tháng, hôm ấy má đương lục đục trong bếp thì một ngài tử tế vào nhà, lúc đó có ông Bác-bơ-ranh ở nhà. Ông khách hỏi với giọng một người có lẽ không ở vùng ta: “Ông phải chẳng là ông Bác-bơ-ranh? - Phải, chính tôi - Có phải ông đã bắt được một đứa trẻ ở Pa-ri, phố Bơ-tơ, và ông đã nhận nuôi nó? - Phải - Thế bây giờ đứa bé ở đâu, mong ông cho biết - Ngài cần biết để làm gì thưa ngài?”.

Giá tôi có nghi má Bác-bơ-ranh nói dối thì đến đây, nghe câu trả lời sốt sắng của lão Bác-bơ-ranh, tất tôi cũng tỉnh ngộ rằng má nghe cái gì thì kể nguyên lại cái ấy. Má nói tiếp:

- Con biết rằng ở trong bếp, có thể nghe hết những gì người ta nói với nhau ngoài nhà. Vả lại vì là việc của con nên má muốn lắng tai nghe. Lúc bấy giờ, má nhích lại gần và giẫm phải một cành củi làm nó gãy rắc. Ông khách hỏi: “Thế không phải chỉ có hai ta? - Đó là vợ tôi - Ở đây bức quá! Nếu ông vui lòng thì chúng ta đi chơi để nói chuyện”. Cả hai ông đi ra và đến ba bốn tiếng đồng hồ sau, ông Bác-bơ-ranh mới trở về một mình. Con tưởng tượng xem má tò mò muốn biết đến thế nào câu chuyện ông Bác-bơ-ranh và cái ngài, có lẽ là bố con đã nói với nhau. Nhưng ông Bác-bơ-ranh không chịu nói hết. Ông chỉ bảo ông kia không phải là bố con, nhưng ông ta tìm con vì gia đình con.

- Thế gia đình con ở đâu? Nó thế nào? Con có bố không? Có mẹ không?

Cũng như con, má hỏi ông Bác-bơ-ranh những điều đó. Ông ấy bảo ông không biết gì sất. Rồi ông nói tiếp

là ông sẽ đi Pa-ri để tìm cái ông nghệ sĩ đã mượn con, ông này để địa chỉ ở phố Luốc-xin, tại nhà một nghệ sĩ khác tên là Ga-rô-phô-li. Má nhớ rõ cái tên ấy, con cũng phải nhớ lấy!

- Con đã biết, má cứ yên lòng. Từ ngày ra đi đến nay, ông Bác-bơ-ranh không tin cho má biết gì thêm nữa sao?

- Không, chắc là ông ấy còn đang tìm. Ông khách đã cho ông ấy năm đồng Lu-i vàng, tức là một trăm phờ-răng. Món tiền đó, cùng với những tã xinh đẹp trùm bọc con lúc bắt được con, chứng tỏ cha mẹ con giàu sang. Khi má thấy con ngồi ở chỗ kia, bên cạnh bộ sưỡi, má ngỡ rằng con đã gặp cha mẹ, vì thế mà tưởng chú bạn của con đây là em con.

Vừa lúc ấy, Mát-chi-a đi qua trước cửa, tôi gọi nó:

- Mát-chi-a! Bố mẹ tao đi tìm tao. Tao có gia đình, một gia đình thực sự, mày ạ!

Nhưng, lạ chưa! Mát-chi-a không có vẻ gì tỏ ra chia nỗi vui sướng về niềm phấn khởi của tôi cả. Bởi vậy, tôi thuật cho nó nghe câu chuyện má Bác-bơ-ranh đã kể với tôi.

31

GIÁ ĐÌNH CŨ VÀ GIÁ ĐÌNH MỚI

Đêm hôm ấy tôi ngủ ít. Vậy mà trong những năm gần đây, biết bao lần tôi đã sướng rơn

lên mỗi khi nghĩ tới được ngủ trên cái giường hồi nhỏ của mình. Trước kia tôi đã được nằm trên đó bao nhiêu tối, nép vào một góc, đánh một giấc dài đến sáng, chăn phủ tận cằm. Và cũng đã biết bao phen bắt buộc phải ngủ ngoài trời (mà than ôi! Có phải lúc nào trời cũng tốt đâu). Biết bao phen co quắp vì rét công ban đêm hoặc lạnh buốt trong sương sớm, tôi đã nhớ tiếc tấm chăn ấm áp ấy!

Đặt lưng xuống, tôi ngủ ngay, thấm mệt sau ngày đi đường và cả sau cái đêm trong nhà giam nữa! Nhưng chẳng mấy chốc tôi đã thức giấc và thế là chong mắt suốt sáng: tôi bồn chồn quá, tôi nôn nóng quá. Ôi! Gia đình tôi!

Trong giấc ngủ, tôi cũng nghĩ đến cái gia đình ấy của tôi. Khoảnh khắc ngắn được yên giấc, tôi đã nằm mơ thấy gia đình, bố mẹ, anh chị em. Vèn vèn mấy phút đồng hồ, tôi đã thấy mình cùng sống với những người mình chưa từng biết, bây giờ mới gặp lần đầu. Một điều lạ, Mát-chi-a, Li-dơ, má Bác-bơ-ranh, bà Mi-li-gon, Ác-tơ, đều là trong gia đình tôi, mà bố tôi là cụ Vi-ta-li, cụ đã sống lại và rất giàu có. Trong thời gian xa cách, cụ đã tìm thấy con Déc-bi-nô và con Đôn-xơ, chứ không phải chúng đã vào miệng sói. Tôi nghĩ rằng chẳng ai lại không có lần thấy những ảo ảnh qua đó chỉ trong khoảnh khắc mình đã sống hàng năm trời và đi hàng vạn dặm. Ai ai cũng nhận thấy rằng sau khi tỉnh dậy, những cảm giác trong giấc mơ vẫn được giữ mãnh liệt và nồng nàn. Tôi tỉnh giấc... và thế là tôi không ngủ lại được nữa. Rồi những cảm giác của ảo

ảnh cũng mờ nhạt dần; thực tại lại xâm chiếm tâm trí tôi và khiến tôi càng khắc khoải thao thức.

Gia đình tôi tìm tôi. Nhưng muốn gặp gia đình, tôi phải tìm tới chính cái lão Bác-bơ-ranh mà hỏi! Chỉ một ý nghĩ đó cũng đủ giảm niềm vui của tôi. Tôi thì cứ muốn rằng lão Bác-bơ-ranh đừng có can dự vào hạnh phúc của tôi. Tôi có bao giờ quên những lời lão bảo cụ Vi-ta-li khi lão bán đứng tôi cho cụ. Và tôi luôn luôn nhắc lại cho mình cái câu: “Những kẻ nào nuôi thẳng bé này nhất định được hưởng một món bổng lớn. Nếu tôi không tính toán điều đó thì đại gì giữ lấy nó”. Điều đó, từ dạo ấy, đã làm cho tôi thêm ghét lão Bác-bơ-ranh.

Đâu có phải vì từ tâm mà lão Bác-bơ-ranh đã nhặt tôi ngoài đường phố. Cũng lại không phải vì từ tâm mà lão nhận nuôi tôi, mà đơn giản chỉ vì tôi được bọc trong những tấm tã đẹp, chỉ vì một ngày nào đó lão sẽ được hưởng lợi khi lão trả tôi cho bố mẹ tôi. Cái ngày ấy lại không đến sớm như lão mong, lão bèn bán tôi cho cụ Vi-ta-li. Bây giờ lão lại muốn đem tôi cho bố tôi chuộc. Vợ chồng sao khác nhau thế! Má Bác-bơ-ranh đâu phải vì tiền của mà yêu quý tôi! Ôi! Tôi chỉ muốn tìm được cách nào để chính má, chứ không phải lão Bác-bơ-ranh, được hưởng lợi!

Nhưng trần trở mãi vẫn chẳng nghĩ ra được cách nào, tôi cứ luôn luôn luẩn quẩn với cái ý nghĩ tuyệt vọng là rồi đây chính cái lão Bác-bơ-ranh ấy sẽ dẫn tôi đến với bố mẹ tôi, chính lão ta sẽ được cảm ơn, tặng thưởng! Nhưng cũng đành phải qua con đường ấy thôi!

Chẳng còn cách nào khác! Chỉ còn là ở chính tôi, sau này, khi đã giàu có, tôi sẽ tỏ rõ tình cảm của mình đối với người vợ và người chồng đó khác nhau như thế nào. Rồi đây chính tôi sẽ đích thân trả ơn má Bác-bơ-ranh.

Giờ đây thì tôi cứ phải nghĩ đến lão Bác-bơ-ranh, nghĩa là phải đi tìm lão và kiếm cho ra lão! Lão không thuộc vào loại những ông chồng mỗi bước ra khỏi nhà cũng nói cho vợ biết mình đi đâu và nếu cần có thể tìm ở đâu. Má Bác-bơ-ranh chỉ biết là chồng bà hiện nay đang ở Pa-ri. Từ ngày lão ra đi, lão chưa hề gửi một chữ, cũng chưa hề nhắn nhủ gì qua một vài người thợ nề quay về làng. Lão đâu có quen giữ nghĩa tình như thế!

Lão ở đâu! Lão trú ngụ nơi nào? Má chẳng biết chút gì để có thể gửi thư cho lão. Tuy nhiên cũng chỉ cần tìm đến vài ba quán trọ ở khu phố Mu-tơ-pha mà má nhớ rõ tên, không quán này thì quán kia, là có thể gặp được lão.

Vậy thì tôi phải đi ngay Pa-ri và tự tôi tìm lấy con người đang đi tìm tôi. Tất nhiên gia đình quả là một niềm vui lớn, nhưng trong những điều kiện và hoàn cảnh mà nó đến với tôi, niềm vui ấy đâu đã trọn vẹn.

Tưởng rằng chúng tôi sẽ được sống một thời gian yên tĩnh vui sướng bên cạnh má Bác-bơ-ranh, cùng Mát-chi-a chơi những trò chơi hồi thơ ấu, thế mà ngay sáng mai, chúng tôi đã phải lên đường!

Từ nhà má Bác-bơ-ranh, đáng ra tôi đi về phía bờ biển, tới Ét-năng-xơ thăm chị Ê-chiên-nét. Bây giờ đành hoãn chuyến đi ấy và không còn được ôm hôn chị

Ê-chiên-nét tội nghiệp trước kia tốt với tôi và trù mến tôi biết bao!

Và lẽ ra sau khi gặp chị Ê-chiên-nét, tôi phải đến Đơ-dy, trong vùng Ni-e-vơ-rơ, để nói cho Li-dơ biết tin anh và chị của em rồi. Bây giờ cũng đành hoãn việc đến Li-dơ cũng như hoãn việc đến thăm chị Ê-chiên-nét.

Tôi thao thức gần suốt đêm, loay hoay với tất cả những ý nghĩ trên, lúc thì lòng tự nhủ không thể mặc kệ chị Ê-chiên-nét và em Li-dơ, lúc trái lại nghĩ rằng mình phải đi gấp đến Pa-ri, càng sớm càng tốt, để tìm gia đình. Cuối cùng thì tôi ngủ thiếp đi, chẳng dứt khoát được gì.

Cái đêm ấy, lẽ ra là một đêm sướng nhất, thì lại là một đêm trần trọc nhất, kém vui nhất trong hồi ức của mình.

Sáng hôm sau, cả ba chúng tôi, má Bác-bơ-ranh, Mát-chi-a và tôi, ngồi bàn công việc bên lò sưởi quanh ngọn lửa trong sáng trên đó chúng tôi hâm sữa bò. Tôi phải làm thế nào bây giờ đây? Thế là tôi kể lại những nỗi thấp thỏm, những niềm băn khoăn tối hôm qua.

Má Bác-bơ-ranh nói:

- Con phải đi Pa-ri ngay. Cha mẹ con đang tìm con. Con đừng nên bắt người ta nay chờ mai đợi, phải mau mau mang niềm vui về cho cha mẹ con.

Má trở đi trở lại với ý kiến ấy, đưa ra nhiều lý lẽ để bênh vực nó. Nghe má giải thích, tôi thấy lý lẽ nào cũng xác đáng như lý lẽ nào. Tôi nói:

- Thế thì chúng con đi Pa-ri, đồng ý như vậy.

Nhưng mà ngược lại Mát-chi-a không tán thành cách giải quyết đó tí nào cả. Tôi bảo nó:

- Cậu cho là chúng mình không nên đi Pa-ri, thế sao cậu không đưa ra lý lẽ, như má Bác-bơ-ranh?

Nó lắc đầu. Tôi tiếp:

- Cậu thấy mình khổ tâm thế này thì còn do dự gì nữa mà không giúp đỡ mình?

Mãi rồi nó mới nói:

- Mình nhận thấy rằng có mối nói cũ là không nên. Cho tới nay, gia đình của cậu là Li-dơ, Ê-chiên-nét, A-lơ-xi và Băng-gia-manh. Chúng nó đều là anh chị em của cậu và yêu thương cậu. Thế rồi một gia đình mà cậu chưa biết bao giờ, một gia đình mới xuất hiện. Gia đình đó chưa làm được cái gì cho cậu, trừ cái việc vứt bỏ cậu ở ngoài đường phố. Thế mà đột nhiên cậu lại bỏ những người đã ăn ở tốt với cậu để chạy theo những người chưa có vẻ gì là tốt với cậu cả. Mình thấy như vậy không công bằng!

- Không nên nói rằng bố mẹ Rê-mi đã bỏ nó - Má Bác-bơ-ranh ngắt lời Mát-chi-a - Có lẽ người ta đã bắt mất con của họ, họ vẫn thương nhớ nó, chờ đợi nó và tìm kiếm nó lâu nay thì đúng hơn.

- Cháu không biết cái đó! Cháu chỉ biết rằng ông A-canh đã nhặt được Rê-mi gác ngoài ở xó cửa nhà ông. Rồi ông đã chăm nom nó như con đẻ. Và A-lơ-xi, Băng-

gia-manh, Ê-chiên-nét, Li-dơ đã thương yêu nó như anh em ruột thịt. Cháu cho rằng những người đón nó về nuôi cũng có quyền được nó quyến luyến như những người dù hữu ý hay vô tình đã để mất nó. Ở ông A-canh và các con ông, tình quyến cố là do tự lòng họ. Họ chẳng hề chịu ơn gì của Rê-mi cả.

Mát-chi-a nói những câu ấy mà không nhìn tôi, không nhìn má Bác-bơ-ranh, như có vẻ giận tôi. Tôi khổ tâm. Nhưng dù có buồn lòng vì bị chê trách đi nữa, tôi vẫn cảm thấy lý lẽ của nó vững chắc. Vả lại, tôi đang ở vào tình trạng những người thiếu quyết đoán, thường ngã về phía ai nói sau cùng. Tôi đáp:

- Mát-chi-a nói phải đấy! Chưa gặp được chị Ê-chiên-nét và Li-dơ mà đã định đi Pa-ri thì lòng con không khỏi áy náy.

- Thế còn bố mẹ con! - Má Bác-bơ-ranh năn nỉ.

Phải quyết định thôi! Tôi cố điều hòa mọi việc:

- Chúng ta sẽ không đến thăm chị Ê-chiên-nét, vì đường vòng như thế xa quá! Vả lại chị Ê-chiên-nét biết đọc và biết viết, chúng ta có thể viết thư cho chị ấy. Nhưng trước khi đi Pa-ri chúng ta sẽ tạt qua Đơ-dy thăm Li-dơ. Như thế có chậm đi một chút ít, nhưng không là bao. Vả lại em Li-dơ không biết viết và chính là vì em trước hết mà hồi nọ mình đã vạch hành trình này. Mình sẽ nói chuyện A-lơ-xi với em. Còn chị Ê-chiên-nét thì mình sẽ bảo chị gửi thư về Đơ-dy cho mình. Nhận được thư, mình sẽ đọc cho Li-dơ nghe.

- Tốt lắm - Mát-chi-a mỉm cười đáp lại.

Chúng tôi quyết định sáng ngày mai sẽ lên đường và tôi đã dành gần một buổi trọn viết bức thư dài cho chị Ê-chiên-nét nói rõ vì sao không thể đến thăm chị như đã dự định.

Và hôm sau, lại một lần nữa tôi phải chịu đựng những nỗi buồn của buổi chia ly. Tuy nhiên, lần này tôi không từ giã Sa-va-nông như lần trước, hồi đi theo cụ Vi-ta-li. Tôi được ôm hôn má Bác-bơ-ranh đang hoàng và hẹn sẽ trở lại thăm má cùng với bố mẹ tôi...

Chúng tôi cũng phải từ giã cả con bò cái đáng yêu. Mát-chi-a ôm cổ nó, hôn vào cái mõm nó đến mười lần chứ không ít. Có lẽ con bò thích lắm: mỗi lần được hôn, nó lại thè cái lưỡi dài của nó ra.

Thế là chúng tôi lại ra đi trên con đường vạn dặm, lưng đeo xác, con Ca-pi chạy trước lon ton. Chúng tôi rảo bước thật nhanh, hay nói cho đúng thì riêng tôi nhiều khi sải những bước dài, không nghĩ rằng chính vì mình quá mong muốn chóng tới Pa-ri. Theo tôi được một lúc, Mát-chi-a bảo nếu cứ đà ấy thì chẳng mấy chốc sẽ kiệt sức. Tôi bèn đi chậm lại. Nhưng chẳng bao lâu chân tôi lại thoăn thoắt bước dồn.

- Sao cậu vội thế?

- Đúng đấy! Đáng lẽ ra cậu cũng phải vội lên chứ, vì gia đình mình cũng là gia đình cậu thôi!

Nó lắc đầu. Tôi tủi giận và buồn rầu trước cái cử chỉ ấy mà tôi đã nhận thấy nhiều lần từ khi nói đến gia đình tôi.

- Thế chúng mình không phải là anh em ruột thịt sao?

- Ô, giữa chúng mình với nhau thì nhất định là thế rồi! Mình không nghi ngờ gì cậu hết! Mình là anh em ruột của cậu ngày hôm nay cũng như ngày mai. Điều đó mình tin, mình cảm thấy rõ.

- Thế thì còn gì nữa?

- Này nhé, tại sao cậu lại muốn tớ là anh em với anh em của cậu, nếu cậu có anh em? Tại sao cậu muốn tớ cũng là con của bố mẹ cậu?

- Giả sử chúng ta về Lúc-ca thì tớ chẳng phải là anh của Cơ-rít-xi-na, em gái của cậu hay sao?

- Ô, cái đó thì hẳn rồi.

- Vậy sao cậu lại không có thể là anh em của những anh chị em của tớ, nếu tớ có anh chị em?

- Vì sự việc không giống nhau! Nhất định không phải như nhau!

- Không phải như nhau ở chỗ nào?

- Tớ không được bọc trong những chiếc tã sang trọng!

- Cái đó có làm sao!

- Làm sao lắm chứ! Nó quyết định tất cả, cậu cũng hiểu như tớ thôi! Bây giờ thì tớ dám chắc không bao giờ cậu đến Lúc-ca, nhưng giá lúc này mà cậu đến đó thì cậu sẽ được bố mẹ tớ là dân nghèo đón tiếp. Bố mẹ tớ sẽ không có điều gì phiền trách cậu vì bố mẹ tớ có lẽ còn

nghèo hơn cậu. Nhưng nếu những chiếc tã sang trọng nói đúng, như má Bác-bơ-ranh nghĩ và chắc hẳn là thế, thì bố mẹ cậu là người giàu có, có lẽ là người quyền quý cũng nên! Đã thế thì làm sao họ rước một đứa trẻ khốn khổ như tớ được!

- Thế bản thân tớ là gì nếu chẳng phải là một thằng khốn khổ?

- Bây giờ thì thế, nhưng mai đây cậu sẽ là con của bố mẹ cậu! Còn tớ mãi mãi vẫn chỉ là thằng khốn khổ như ngày hôm nay thôi! Bố mẹ cậu sẽ cho cậu đi học, sẽ tìm thầy cho cậu. Còn tớ thì chỉ còn biết một mình một bóng lủi thủi trên đường và nhớ tới cậu cũng như cậu sẽ không quên tớ, tớ mong thế!

- Chao ôi! Mát-chi-a thương mến ơi, sao cậu lại nói như vậy được nhỉ?

- Tớ nghĩ sao nói vậy, anh bạn ạ! Do đó tớ không thể vui trọn vẹn với niềm vui của cậu được. Vì thế này và cũng chỉ thế này mà thôi, là chúng mình sắp phải xa lìa nhau, mà tớ thì trước đây tớ cứ nghĩ, cứ hình dung, hơn nữa, cứ mơ thấy rằng chúng mình luôn luôn ở bên nhau, bao giờ cũng như bao giờ. Ô! Không phải trong tình cảnh như hiện nay là những nhạc sĩ đầu đường xó chợ đâu, mà hai đứa chúng ta sẽ cùng học tập, sẽ trở thành những nghệ sĩ thực sự, biểu diễn trước một công chúng đàn ông hoàng, không bao giờ phải rời nhau.

- Việc đó sẽ thực hiện được, Mát-chi-a ạ! Nếu bố mẹ tớ giàu thì bố mẹ tớ sẽ giàu cả cho cậu cũng như cho tớ. Bố mẹ tớ sẽ cho tớ vào trường trung học thì cậu sẽ đi

với tớ. Chúng ta sẽ không xa rời nhau, chúng ta cùng học với nhau; chúng ta sẽ cùng sống với nhau như cậu mong muốn, mong muốn thiết tha không kém cậu, cậu nên tin thế!

- Tớ biết cậu mong muốn thế, nhưng lúc đó cậu sẽ không quyết định được công việc của cậu như bây giờ!

- Nay hãy nghe tớ nói đây: bố mẹ tớ tìm kiếm tớ có nghĩa là bố mẹ tớ quan tâm đến tớ, có phải không? Như thế là bố mẹ tớ sẽ thương yêu tớ hoặc rồi sẽ thương yêu tớ. Đã thương yêu tớ thì tất không từ chối những điều tớ xin, và sẽ làm cho những người ăn ở tốt với tớ được sung sướng, những người đã thương yêu tớ khi tớ bơ vơ trên đường đời, như má Bác-bơ-ranh, ông A-canh - chúng ta sẽ lo liệu cho ông ra khỏi nhà lao - mẹ tớ sẽ đem Li-dơ về, cho đi học, chữa khỏi bệnh. Còn cậu, cậu sẽ vào trường trung học với tớ, nếu bố mẹ tớ cho tớ vào đấy học. Mọi việc sẽ diễn ra như thế đấy nếu bố mẹ giàu có. Cậu nên hiểu là vì cả hai đứa chúng mình mà tớ sẽ rất vui sướng nếu được bố mẹ giàu sang.

- Còn tớ thì tớ rất vui mừng nếu bố mẹ cậu nghèo!

- Cậu ngốc lắm!

- Có lẽ thế!

Không nói gì thêm nữa, Mát-chi-a gọi Ca-pi. Đã đến giờ chúng tôi nghỉ chân để ăn sáng. Nó ôm con chó và nói như nói với một người có thể hiểu nó và trả lời nó:

- Nay bạn Ca-pi ơi, có phải là bạn cũng mong cho bố mẹ Rê-mi nghèo, phải không?

Nghe thấy tên tôi, như thường lệ, con Ca-pi sủa mấy tiếng vui vẻ và đặt chân lên ngực.

- Với bố mẹ nghèo thì cả ba chúng ta lại tiếp tục tự do, muốn đi đâu thì đi. Chẳng có mối lo âu gì khác ngoài việc làm hài lòng “chủ vị khán giả”.

- Gâu, gâu!

- Với bố mẹ giàu thì ngược lại, Ca-pi sẽ bị xua đuổi ra khỏi sân, ở cũi, có lẽ còn bị xích nữa. Xích rất đẹp bằng thép, nhưng vẫn là xích, vì chó không được vào trong các phòng lịch sự.

Tôi cả giận Mát-chi-a chút ít vì nó đã mong cho bố mẹ tôi nghèo, nó không tán thành cái điều mơ ước mà má Bác-bơ-ranh đã kêu gọi cho tôi và tôi đã hứng lấy vôi vàng, quá trọn vẹn. Nhưng mặt khác, tôi sung sướng nhận ra và hiểu rõ cái điều đã làm cho nó buồn: Vì tình bạn bè, vì sợ phải xa nhau, chỉ có thể thôi.

Giá không cần phải kiếm ăn hàng ngày thì dù có trái với ý muốn của Mát-chi-a, tôi vẫn tiếp tục đi mau. Nhưng phải biểu diễn ở những làng lớn trên đường đi để có cái ăn! Trong khi chờ đợi những người cha mẹ giàu sang chia của cho thì hãy bằng lòng với những đồng xu nhỏ cộp nhặt đây đó tùy may rủi! Bởi thế, chúng tôi đã mất nhiều thì giờ hơn là tôi mong muốn, để đi từ sông Cờ-dơ đến sông Ni-e-vơ-rơ, tức là từ Sa-va-nông đến Đơ-rơ-dy.

Vả chăng, ngoài cái ăn ra, còn có một lý do khác bắt buộc chúng tôi phải kiếm được càng nhiều tiền càng

tốt. Tôi không quên lời má Bác-bơ-ranh, khi má đình ninh rằng dù sau này giàu sang tôi có đem bao nhiêu của cải làm cho má sung sướng đi nữa, cũng không thể khiến má sung sướng cho bằng cái việc tôi làm vừa qua, trong cảnh nghèo nàn. Tôi muốn em Li-dơ cũng được vui lòng như má Bác-bơ-ranh vậy. Chắc chắn là tôi sẽ chia cảnh giàu sang với Li-dơ, điều đó không nghi ngờ gì nữa. Nhưng trước khi giàu sang, tôi muốn biếu Li-dơ một món quà bằng tiền tôi làm ra, một món quà của bạn nghèo.

Tôi đã mua một con búp bê và một bộ đồ làm bếp. May sao những thứ này không tốn nhiều tiền quà như con bò sữa biếu má Bác-bơ-ranh.

Từ Đơ-xi-dơ đến Đơ-rơ-dy, chỉ còn việc rảo chân bước mà thôi. Và chúng tôi đã rảo chân bước, bởi vì, trừ thị trấn Sa-ti-ông, chúng tôi chỉ có đi qua những thôn xóm nghèo, ở đó người dân quê không thể bớt miệng để chiếu cố tới những nhạc công không cần để ý tới.

Từ Sa-ti-ông chúng tôi đi dọc kênh đào. Bờ cây xanh tốt, dòng nước lững lờ, những chiếc tam bản có ngựa kéo từ từ lướt nhẹ trên mặt nước. Tất cả những cái đó gợi lại cho tôi cái thời sung sướng hồi xưa, khi cùng bà Mi-li-gơn và Ác-tơ trên chiếc thuyền Thiên Nga, tôi cũng đã dạo trên một con kênh như vậy. Thuyền Thiên Nga hiện nay ở đâu? Biết bao lần, mỗi khi đi qua hoặc đi dọc một con kênh, tôi đều hỏi thăm xem có ai gặp một chiếc du thuyền có cái mái hiên đặc biệt, do sự sắp xếp rất lịch sự của nó, không thể nhầm với bất cứ chiếc thuyền nào khác. Rất có thể bà Mi-li-

gọn đã trở về nước Anh cùng với chú bé Ác-tơ đã khỏi bệnh. Đó là điều chắc chắn, đó là điều đáng tin cậy hơn cả, vậy mà vẫn cứ mỗi lần, men theo bờ kênh Ni-e-vơ-rơ này, hễ thấy từ xa thấp thoáng bóng một con thuyền có ngựa kéo, tôi lại lòng hởi phải chăng là thuyền Thiên Nga đương tiến về phía chúng tôi.

Trời dương tiết thu, ngày đi đường của chúng tôi không đến nỗi dài lắm như về hè. Chúng tôi thường tính toán để kịp đến những xóm làng có chỗ ăn chỗ ngủ trước khi trời tối hẳn. Tuy thế, và mặc dù chúng tôi rảo bước đi gấp, nhất là vào cuối độ đường, khi chúng tôi đến Đơ-đi thì trời đã tối mịt.

Để đến nhà bà cô của Li-dơ, chúng tôi chỉ việc đi theo con sông đào. Vì ông chồng cô Ca-tơ-rin làm nghề coi cống nên ông ở nếp nhà ngay cạnh cống. Như vậy chúng tôi không phải mất thì giờ tìm kiếm. Chẳng mấy chốc, chúng tôi đã tìm thấy nếp nhà ấy ở cuối làng, giữa cánh đồng cỏ có những cây cao, đứng xa trông lơ lửng trong sương mù. Đi đến gần nhà thì tim tôi đập mạnh. Ngọn lửa rực trong lò sưởi soi sáng cái cửa sổ và thỉnh thoảng lại bùng lên, ném từng mảnh ánh hồng ra ngoài, chiếu sáng đường đi.

Đến sát ngôi nhà thì thấy cửa ra vào và cửa sổ đều đóng. Nhưng qua khung cửa sổ không có cánh gỗ, cũng không có rèm, tôi nhìn thấy Li-dơ ngồi bên bàn ăn, bên cạnh cô em. Trước mặt em một người đàn ông, chắc là chú em, ngồi quay lưng lại phía chúng tôi. Mát-chi-a nói:

- Người ta ăn bữa tối, mình đến đúng lúc quá!

Tôi không nói, chỉ lấy tay cản nó, còn tay kia thì khoát bảo Ca-pi đứng im lặng đằng sau tôi. Rồi tôi cởi cây thụ cầm ra, sửa soạn đánh. Mát-chi-a thăm thì:

- Ừ, ừ ! Một bản dạ tấu, ý kiến hay đấy!

- Không mảy dưng...! Để mình tao!

Thế rồi tôi bật lên những nốt đầu tiên của bài dân ca vùng Na-plơ, nhưng không hát, để cho khỏi lộ. Tôi vừa đánh đàn vừa nhìn Li-dơ. Nghe đàn, Li-dơ ngẩng phất đầu lên, mắt em sáng quắc. Tôi cất tiếng hát.

Tức thời Li-dơ từ trên ghế nhảy xuống và chạy bỏ ra cửa. Tôi vừa kịp trao cây đàn cho Mát-chi-a thì Li-dơ đã nằm gọn trong tay tôi.

Vợ chồng cô Ca-tơ-rin đón chúng tôi vào nhà. Cô ôm hôn tôi rồi đặt hai bộ thìa đĩa lên bàn. Tôi yêu cầu cô sửa soạn thêm một bộ nữa:

- Nếu cô cho phép thì còn một cô bạn gái nhỏ cùng đi với chúng cháu...

Nói xong tôi mở xác lấy con búp bê ra, đặt ngồi trên chiếc ghế cạnh ghế Li-dơ. Li-dơ đưa mắt nhìn tôi, cái nhìn lúc ấy, tôi không bao giờ quên và bây giờ vẫn còn trông thấy.

32

LÃO BÁC-BƠ-RANH

Nếu tôi không vội đi Pa-ri thì tôi đã ở lại lâu, thật lâu với Li-dơ rồi. Chúng tôi có bao nhiêu

chuyện để nói với nhau nhưng cái ngôn ngữ chúng tôi dùng thì quả là nói với nhau được quá ít.

Li-dơ cần kể cho tôi nghe chuyện em về ở Đơ-rơ-dy và về sự triu mến của cô em và chú em; cô em đã sinh đẻ năm bạn và bây giờ chẳng còn được mụn con nào. Đó là cái nạn chung của các gia đình tỉnh Ni-e-vơ-rơ; ở đó người mẹ phải bỏ con mình lại nhà để lên Pa-ri ở vú. Li-dơ nói cho tôi biết cô, chú em coi em như con đẻ, và tả cách em ăn ở trong nhà cùng với công việc của em, trò chơi và thú vui của em. Chỉ những đi câu cá, bơi thuyền và chạy nhón trong rừng mà hết thì giờ, vì em không đi học được.

Về phần tôi, tôi cần hỏi em có tin tức gì của bố không và tôi phải kể cho em nghe những gì xảy đến cho tôi từ lúc chia tay nhau. Tôi kể chuyện tôi suýt chết trong hầm mỏ chỗ A-lơ-xi làm việc, chuyện khi về nhà tìm mẹ nuôi thì nghe nói gia đình đang tìm tôi và vì thế mà tôi không đi thăm chị Ê-chiên-nét được như mong muốn.

Dĩ nhiên là tôi nói nhiều hơn hết về gia đình tôi, cái gia đình giàu sang của tôi. Tôi nhắc lại với Li-dơ những điều tôi đã nói với Mát-chi-a, nhấn mạnh về cái triển vọng giàu sang của tôi: cái triển vọng ấy mà thực hiện thì mọi người sẽ sung sướng, bố em, các anh em và em - nhất là em - sẽ được sung sướng.

Li-dơ đâu đã được sớm từng trải việc đời như Mát-chi-a, và cũng là may mắn cho em, cũng không xuất thân từ cái trường học Ga-rô-phô-li. Em rất sẵn sàng tin rằng những kẻ giàu sang thì chỉ có mỗi việc là sống

sung sướng, và tiền bạc là một lá bùa, giống như trong truyện thần tiên, có phép làm ngay ra những gì người ta ao ước. Chẳng phải là vì nghèo thiếu mà bố em đã phải nằm ở nhà giam và gia đình em đã tan tác đó sao! Dù tôi giàu hay em giàu, điều đó có quan hệ gì! Cuối cùng thì cũng như nhau thôi! Tất cả chúng ta sẽ được sung sướng, và em cũng chỉ mong muốn như vậy! Mọi người đoàn tụ, tất cả sung sướng.

Ngoài những buổi chuyện trò trên cống, giữa tiếng nước chảy xiết qua các cửa tháo nước, ba chúng tôi - Li-dơ, Mát-chi-a và tôi - còn đi dạo chơi đây đó. Nói cho đúng thì năm chứ không phải ba vì ông Ca-pi và cô búp bê lúc nào cũng có mặt.

Chu du nước Pháp mấy năm trời với cụ Vi-ta-li và mấy tháng gần đây với Mát-chi-a, tôi đã đặt chân đến nhiều quê xa cảnh lạ, nhưng tôi chưa hề trông thấy cảnh vật nào lạ mắt như cảnh vật đang bày ra trước mắt chúng tôi. Những cánh rừng bao la, những đồng cỏ xanh rợn chân trời, rồi những núi đá, những đồi, những hang động, những thác tung bọt, những đầm nước phẳng lý và, trong thung lũng chật hẹp, con sông đào uốn lượn chảy đi êm ả giữa hai dãy đồi dựng dốc. Thật là đẹp đẽ. Chỉ có tiếng nước chảy rì rầm, tiếng chim hót và tiếng gió than vãn trên cành lá. Thực ra thì mấy năm trước đây, tôi cũng cho thung lũng sông Ni-e-vơ-rơ là đẹp. Kể ra cũng không nên tin tôi một cách máy móc. Tôi chỉ muốn nói rằng ở đâu mà có Li-dơ cùng đi với tôi, cùng nô đùa với tôi thì ở đó có những nét đẹp, những vẻ quyến rũ mà tôi không nhận thấy ở nơi khác, dù những nơi này có được thiên nhiên tô vẽ hơn nhiều.

Tối đến, nếu trời khô ráo thì chúng tôi ngồi trước nhà, hoặc bên lò sưởi nếu sa mù dày đặc, và tôi gảy thụ cầm cho Li-dơ nghe. Em thích thú lắm. Mát-chi-a cũng kéo vĩ cầm hoặc thổi kèn dầy. Nhưng Li-dơ ưa thụ cầm hơn, điều này làm tôi đắc ý không phải là ít. Trước khi chia tay đi ngủ, Li-dơ đòi nghe bài dân ca vùng Na-plơ, và tôi hát cho em nghe.

Nhưng, dù sao tôi cũng phải từ giã Li-dơ và phong cảnh nơi này để lên đường. Cảnh biệt ly đối với tôi lần này không đến nỗi buồn quá. Luôn luôn say sưa với mộng giàu sang, tôi hầu như không còn tin là mình sẽ giàu mà cứ tưởng rằng mình đã giàu rồi, ước gì được vậy, không nay thì mai là có thể giàu ngay tức khắc.

Câu nói cuối cùng của tôi với Li-dơ trước khi chia tay, hơn là nghìn lời giải thích, chứng tỏ tôi thật thà sống trong ảo mộng. Tôi nói:

- Anh sẽ đến đón em trên cỗ xe tứ mã!

Và Li-dơ tin tôi đến nỗi em vẫy tay ra hiệu vung roi quát ngựa. Chắc hẳn em trông thấy cỗ xe, cũng như tôi vậy.

Tuy nhiên, trước khi xe tứ mã từ Pa-ri đi Đơ-ly thì phải lết bộ từ Đơ-ly đến Pa-ri cái đã. Nếu không có Mát-chi-a thì tôi chỉ có mỗi một mối lo là vượt đường cho mau tới, ngoài ra, kiếm đủ bữa thì thôi. Bây giờ thì cần gì phải vất vả nữa! Bò mua rồi, búp bê cũng sắm rồi, miễn kiếm ăn qua ngày là được chứ bố mẹ tôi cần gì tôi mang của về ! Nhưng, những lý lẽ tôi đưa ra chẳng lay chuyển được Mát-chi-a tí nào. Nó bắt tôi cứ phải đánh thụ cầm và nói:

- Kiểm được chừng nào thì hãy cứ kiểm! Chắc đâu ta đã tìm thấy lão Bác-bơ-ranh ngay!

- Trưa không tìm thấy thì xế chiều cũng tìm thấy! Phố Mu-phơ-ta có phải là vô tận đâu!

- Thế ngộ lão không ở phố Mu-phơ-ta nữa?

- Thì ta đến chỗ ở mới của lão!

- Ngộ nhớ lão trở về Sa-va-nông thì sao? Tất phải viết thư cho lão và chờ lão trả lời. Trong lúc đó thì chúng ta lấy gì mà ăn nếu không có đồng nào trong túi? Đúng là cậu chưa hiểu biết Pa-ri.

- Đến nhà bố mẹ tớ rồi thì chúng mình sẽ ăn tối tươi hơn.

- Không phải mình không màng ăn tối khi đã ăn sáng đủ. Nhưng khi không ăn sáng và cũng không được ăn tối thì mình không chịu được, mình không thích thế. Thôi hãy cứ làm việc đi, y như là phải mua một con bò sữa cho bố mẹ cậu.

Ý kiến của Mát-chi-a khôn ngoan đáo để! Tuy vậy, phải thú nhận rằng tôi vẫn không ca hát nhiệt tình như khi cần nhặt nhạnh từng xu để mua bò cho má Bác-bơ-ranh hay búp bê cho Li-dơ. Mát-chi-a than thở: "Sau này giàu sang thì mày lười phải biết!".

Đến Coóc-bây thì chúng tôi gặp lại con đường mà chúng tôi đã đi sáu tháng trước, khi từ Pa-ri chúng tôi cất bước về Sa-va-nông. Chúng tôi vào cái nông trang mà gánh chúng tôi đã diễn buổi hợp tấu đầu tiên cho

khách dự lễ cưới khiêu vũ. Đôi vợ chồng mới cưới nhận ra chúng tôi và yêu cầu chúng tôi đánh đàn cho họ khiêu vũ lần nữa. Họ mời chúng tôi ăn tối và cho ngủ lại. Sáng hôm sau, chúng tôi khởi hành từ đó để trở về Pa-ri. Tính ra, kể từ khi ở Pa-ri ra đi cho đến nay vừa đúng sáu tháng mười bốn ngày.

Nhưng ngày trở về chẳng giống ngày ra đi tí nào. Trời hôm nay u ám và lạnh ngắt. Trên cao không có mặt trời, hai bên lề đường không hoa, không lá. Mặt trời mùa hạ đã làm xong nhiệm vụ và sương mù mùa thu bắt đầu kéo về; từ trên chóp tường hoa đỉnh hương không rơi lên đầu chúng tôi nữa, chỉ có lá khô trên cây úa vàng lìa cành rụng xuống. Nhưng có hề gì cái cảnh đất trời ảm đạm! Chúng tôi có một niềm vui sướng bên trong không cần ngoại cảnh kích thích. Nói chúng tôi thì không đúng, thật ra chỉ có mỗi mình tôi là có sự hoan hỉ trong lòng. Nghĩ đến cảnh được ngã vào lòng một bà mẹ, đích là mẹ đẻ của mình, và một ông cha gọi mình bằng con, tôi sung sướng đến phát sốt lên.

Về phần Mát-chi-a, thì càng tiến gần đến Pa-ri, nó càng có vẻ âu sầu, nhiều khi lùi lùi đi hàng giờ không hé răng nói nửa tiếng. Nó không nói vì sao nó buồn, cho nên tôi cứ ngỡ là chỉ vì nó sợ phải xa nhau. Bởi thế, tôi không muốn nhắc lại lần nữa cái điều mà tôi đã nhiều lần giải thích, nghĩa là cha mẹ tôi không thể nào có ý định chia rẽ hai đứa tôi. Cho đến khi gần tới vùng những pháo đài ngoại vi, dừng lại ăn trưa, nó mới thổ lộ nỗi lo âu của nó. Nó ngồi trên một tảng đá, vừa ăn bánh mì vừa nói:

- Sắp đặt chân vào Pa-ri, cậu có biết tớ nghĩ đến ai không?

- Đến ai à?

- Ừ, đến ai? Đến Ga-rô-phô-li! Lão đã mãn hạn tù thì mới rắc rối! Khi người ta bảo lão đi tù, tớ quên không hỏi là tù bao lâu. Cho nên giờ phút này, có thể là lão được tự do rồi, và lão đã trở về chỗ trọ của lão ở phố Luốc-xin rồi cũng nên. Chúng mình cần tìm Bác-bơ-ranh ở phố Mu-phơ-ta, nghĩa là ở chính khu phố của Ga-rô-phô-li, ngay cạnh nhà lão. Gì sẽ xảy đến nếu tình cờ lão gặp chúng mình? Lão là chủ tớ, là cậu tớ, lão có quyền bắt tớ lại mà tớ thì không có cách nào thoát tay lão. Cậu đã từng sợ rơi trở vào tay lão Bác-bơ-ranh, hẳn cậu hiểu tớ cũng sợ rơi trở vào tay Ga-rô-phô-li dường nào. Chao ôi! Thương hại cho cái đầu của tớ! Ấy nhưng đau đầu thì đã thấm vào đâu bên cạnh cái đau ly biệt. Anh em ta sẽ không được gặp nhau. Sự chia rẽ vì gia đình tớ sẽ còn tàn nhẫn hơn sự chia rẽ bởi gia đình cậu biết mấy! Chắc hẳn Ga-rô-phô-li cũng muốn giữ cậu và giáo dục cậu theo kiểu lão dạy học trò lão, nghĩa là có kèm roi vọt. Nhưng chắc cậu không ở, mà tớ, tớ cũng không muốn cậu làm bạn với tớ trong cảnh ấy. Cậu có bị đánh đập bao giờ đâu!

Lao theo ước vọng của mình, tôi chưa hề nghĩ đến Ga-rô-phô-li. Nhưng mấy điều Mát-chi-a vừa nói có thể xảy ra được quá! Không cần giải thích, tôi cũng hiểu chúng tôi bị đe dọa như thế nào. Tôi hỏi:

- Thế cậu muốn thế nào? Hay là cậu dừng vào Pa-ri vậy?

- Tổ tưởng rằng nếu tổ không đi đến phố Mu-phơ-ta thì cũng đủ tránh được cái rủi ro bị lão Ga-rô-phô-li bắt gặp.

- Ô, thế thì cậu đừng đến phố Mu-phơ-ta, để tổ đi một mình thôi. Chúng mình hẹn bảy giờ tối sẽ lại gặp nhau ở một nơi nào đó!

Cái nơi chúng tôi hẹn nhau là ở đầu cầu Đại giám mục, về phía Nhà thờ Đức Bà. Xếp đặt xong, chúng tôi lại lên đường vào thành phố.

Đến quảng trường I-ta-li-a, chúng tôi chia tay nhau, bùi ngùi như thể sẽ không bao giờ gặp nhau nữa. Mát-chi-a và Ca-pi đi về phía vườn Bách Thảo, còn tôi thì xăm xăm đến phố Mu-phơ-ta, không cách quảng trường là mấy. Từ sáu tháng nay, lần đầu tiên đi một mình, không có Mát-chi-a và Ca-pi bên cạnh, tôi thấy lòng nao nao khó chịu. Tôi tự nhủ không nên để cho cảm giác ấy làm nản lòng nhụt chí. Không phải tôi đang đi tìm Bác-bơ-ranh, để rồi qua lão, tìm thấy gia đình của tôi là gì?

Tôi đã ghi tên và chỗ ở những chủ trọ của lão Bác-bơ-ranh vào một mảnh giấy. Kể ra cũng là thừa! Tôi không quên chút nào, tên cũng như chỗ ở, và tôi cũng chẳng phải ngó vào giấy: Pa-giô, Ba-ra-bô và Sô-pi-nê. Vào phố Mu-phơ-ta, người đầu tiên tôi gặp là Pa-giô, trong cái quán khổ chiếm tầng dưới một ngôi nhà kho thuê. Tôi vào quán khá mạnh dạn nhưng lại hỏi thăm ông Bác-bơ-ranh với giọng run run.

- Bác-bơ-ranh nào? - Chủ quán hỏi.

- Ông Bác-bơ-ranh người ở Sa-va-nông.

Tôi tả hình dáng Bác-bơ-ranh, nói cho đúng hơn, hình dáng mà tôi trông thấy khi lão mới ở Pa-ri về: mặt mũi cộc cằn, vẻ người khắc nghiệt, đầu vẹo trên vai phải.

- Không biết! Ở đây không có cái của ấy!

Tôi cảm ơn y và đi thêm một quãng nữa, đến nhà Ba-ra-bô. Ngoài nghề chứa trọ, anh này còn kiêm nghề bán hoa quả. Tôi cũng hỏi như trước. Vất vả lắm họ mới chịu để ý nghe tôi. Hai vợ chồng đều bận. Chồng thì đang dùng một cái gì như cái bay thợ nề xén bột dọn cho khách, một thứ bột nhão màu xanh, mà anh ta gọi là “rau diếp”. Vợ thì mãi cãi cọ với khách hàng về một đồng xu trả thiếu. Tôi hỏi đi hỏi lại ba lần cuối cùng họ mới trả lời:

- À phải! Bác-bơ-ranh... Hắn ở đây ngày trước, lâu rồi, cách đây bốn năm là ít!

- Năm chứ! - Chị vợ ngắt lời - Tôi nhớ cả hắn còn nợ ta một tuần tiền trọ. Cái lão chết tiệt ấy bây giờ ở đâu?

Thì tôi cũng chỉ hỏi có thế! Tôi đi ra, ngán ngẩm và có phần nào lo ngại. Chỉ có Sô-pi-nê nữa thôi. Nếu hắn ta không biết gì ráo thì hỏi ai bây giờ? Tìm Bác-bơ-ranh ở đâu?

Cũng như Pa-giô, Sô-pi-nê là chủ quán. Khi tôi bước chân vào gian phòng ở đấy ông ta nấu nướng và dọn ăn cho khách thì có nhiều người ngồi ở bàn ăn. Sô-

pi-nê đang cầm môi chan xúp vào bánh mì cho khách hàng. Tôi hỏi ông ta.

- Bác-bơ-ranh-Ông ta đáp-Hắn không ở đây nữa!

Tôi run rẩy hỏi tiếp:

- Thế ông ấy ở đâu?

- Ô, cái đó ta không biết!

Mắt tôi hoa lên thấy xoong chảo nhảy múa trên bếp.

- Bây giờ cháu phải tìm ông ta nơi nào?

- Lão ta không để địa chỉ lại!

Chắc là rồi thất vọng đã hiện lên trên mặt tôi một cách rõ ràng và cảm động đến nỗi có một ông khách đang ăn ở bàn cạnh bếp gọi tôi hỏi:

- Cháu bé hỏi Bác-bơ-ranh làm gì?

Tôi không nói thật, không thể kể câu chuyện của tôi:

- Cháu ở làng bên, làng ông ta, Sa-va-nông ấy! Cháu mang tin của bà Bác-bơ-ranh lên cho ông ta. Bà ấy bảo cháu đến gặp ông ta ở đây.

Ông chủ quán nói với người vừa hỏi tên tôi:

- Nếu ông bạn biết Bác-bơ-ranh ở đâu thì hãy mách hộ thằng bé. Chắc là nó không có ý gì làm hại lão ta đâu, phải không chú bé?

- Ô, thưa ông, không ạ!

Tôi lại hy vọng.

- Bác-bơ-ranh, hiện giờ hấn đang trọ ở khách sạn Căng-tan, ở ngõ Ôt-xtéc-líc. Cách đây ba tuần lão còn ở đó.

Tôi cảm ơn và ra đi. Trước khi đến ngõ Ôt-xtéc-líc, tôi muốn biết tin tức Ga-rô-phô-li để về thuật lại với Mát-chi-a. Chỗ này ở ngay phố Luốc-xin. Chỉ cần đi mấy bước là đến cái nhà tôi đã đến với cụ Vi-ta-li. Cũng như lần đầu tôi đến, một cụ già, vẫn cụ già ngày nọ, đang mắc những tã rách lên bức tường xanh bẩn trong sân. Hấn là từ độ ấy đến này, ông không ngừng mắc tã kia lên tường nọ.

- Ông Ga-rô-phô-li đã về chưa, thưa cụ? - Tôi hỏi.

Ông lão nhìn tôi không trả lời và bắt đầu ho. Tôi thấy phải tỏ ra là mình biết Ga-rô-phô-li ở đâu rồi, chứ không thì chả moi được gì ở cái ông lão nhặt giẻ ấy. Tôi lấy vẻ thông thạo, hỏi:

- Hấn ta vẫn còn ở đấy chứ? Chắc là hấn ta chán ngấy ra rồi!

- Có lẽ, nhưng rồi ngày giờ cũng trôi qua thôi!

- Trôi thế nào hấn cũng cứ thấy chậm, chứ không thấy nhanh như ta!

Câu bông đùa làm ông cụ cười, và thế là lại nổi một cơn ho dữ dội. Chờ ông cụ hết ho, tôi hỏi:

- Cụ có biết bao giờ hấn ta về không?

- Ba tháng nữa.

Ga-rô-phô-li còn ở tù ba tháng, Mát-chi-a có thể thở phào! Trong vòng ba tháng, thế nào bố mẹ tôi cũng tìm

được cách không cho lão bầu ghê gớm này có hành động gì hại đến cháu lão...

Nếu tôi đã bị thất vọng cay đắng ở nhà Sô-phi-nê thì bây giờ tôi lại tràn trề hy vọng, tôi đi tìm ngay lão Bác-bơ-ranh tại khách sạn Căng-tan.

Không thể chậm một phút, tôi xăm xăm đi về hướng ngõ Ôt-xtéc-líc, lòng tràn đầy hân hoan và hy vọng. Có lẽ vì tin, vì vui mà tôi trở nên khoan dung đối với Bác-bơ-ranh.

Suy cho cùng thì có lẽ lão ta cũng không đến nỗi độc ác như người ta tưởng! Không có lão, nhất định tôi sẽ chết vì đói rét ở phố Brơ-tơi. Ừ thì đúng là lão ta đã cướp sống tôi trên tay má Bác-bơ-ranh đem bán cho cụ Vi-ta-li nhưng thật tình lão có biết tôi đâu. Thế thì làm sao lão có thể triu mến một đứa trẻ mà tới lúc đó lão chưa hề nhìn thấy, và lão lại rơi vào cảnh túng thiếu nó thường dễ khuyên người ta làm vậy! Lão đương tìm tôi, lão chú ý đến tôi, và nếu tôi được gặp bố mẹ thì chính cũng là nhờ lão! Điều đó đáng được tính đến hơn là cái nỗi oán hờn nuôi mãi trong lòng tôi từ ngày từ biệt Sa-va-nông, cổ tay bị bàn tay cụ Vi-ta-li nắm chặt. Thế thì tôi vẫn phải biết ơn lão: nếu không thể quý yêu triu mến như đối với má Bác-bơ-ranh thì ít ra cũng phải coi như một trách nhiệm theo lương tâm chứ!

Đi băng qua vườn Bách thảo thì từ phố Luốc-xin đến ngõ Ôt-xtéc-líc cũng nhanh thôi.

Chẳng mấy chốc tôi đã đến trước khách sạn mà thực ra chỉ là một cái nhà trọ tồi tàn. Chủ nhà là một

bà cụ, đầu lắc lư, tai nghễnh ngãng. Tôi hỏi câu hỏi quen thuộc. Bà cụ lấy tay loa ra sau tai và bảo tôi nhắc lại. Bà nói khē:

- Già hơi nặng tai.

- Cháu tìm ông Bác-bơ-ranh, ông Bác-bơ-ranh người Sa-va-nông ấy mà! Ông ấy trọ ở nhà cụ, có phải không?

Bà cụ không đáp, đột ngột đưa hai tay lên trời, khiến con mèo đang ngủ trong lòng bà ta kinh hãi nhảy choàng xuống đất. Bà kêu: “Ôi thôi! Ôi thôi”, rồi nhìn tôi, đầu càng lắc lư tợn. Bà hỏi:

- Anh là thằng bé chẳng?

- Thằng bé nào?

- Thằng bé xưa ông ta tìm.

Thằng bé xưa ông ta tìm. Nghe tiếng ấy, tim tôi đau thắt. Tôi kêu to lên:

- Ông Bác-bơ-ranh!

- Mồ ma ông Bác-bơ-ranh, phải nói mồ ma ông Bác-bơ-ranh.

Tôi tựa vào cây thụ cầm cho khỏi ngã.

Tôi nói to lên cho bà cụ nghe thấy nhưng giọng tôi đã nghẹn đi vì xúc động:

- Vậy ra ông ấy chết rồi ư?

- Đã tám hôm rồi, ở bệnh viện Xanh Ấng-toan.

Tôi chết điếng người. Bác-bơ-ranh chết rồi! Thế thì gia đình tôi, bây giờ tôi làm sao tìm ra được? Mà tìm kiếm ở đâu chứ? Bà cụ lại hỏi tiếp:

- Thế anh là thằng bé? Thằng bé mà ông ta tìm để trao trả lại gia đình giàu có của nó?

Tôi lại thấy có hy vọng. Tôi bám riết câu ấy. Tôi hỏi:

- Thế ra cụ biết?

- Già biết những cái mà mồ ma ông ấy hồi còn sống kể cho già nghe: ông ta bắt được một thằng bé và nuôi nấng nó, bây giờ cái gia đình mất con muốn tìm con, và ông ta đi Pa-ri là để lòng kiếm nó.

- Nhưng còn cái gia đình đó bây giờ ở đâu rồi? Cái gia đình của tôi đó?

- Thế ra đúng anh là thằng ấy rồi, có phải không? Ừ! Đúng là anh rồi! Đích thị là anh!

Vừa lắc lư cái đầu, bà cụ vừa nhìn tôi, tận mắt. Tôi không thể để cho bà cụ nhìn ngắm nữa.

- Van cụ, xin cụ nói hết cho cháu nghe.

- Thì già còn biết gì nữa ngoài những cái già đã nói với anh... à, với cậu.

- Cụ nói cho cháu nghe những gì ông Bác-bơ-ranh nói với cụ về gia đình cháu. Thưa cụ, cụ đã thấy cháu buồn, cháu lo, cháu bối rối như thế đấy, cụ hãy thương cháu!

Bà không đáp lại và lại đưa tay lên trời lần nữa. Bà kêu: "Rõ oái oăm chưa!"

Lúc ấy có một người đàn bà, có vẻ là người giúp việc, đi vào phòng. Tức thời bà chủ khách sạn bỏ tôi để kể lể với người ấy:

- Rõ oái oăm chưa! Cái anh bé này, cái cậu mà chị thấy đó, là người mà mỗ ma ông Bác-bơ-ranh nói chuyện. Cậu ấy đến mà Bác-bơ-ranh thì lại không còn nữa. Rõ oái oăm chưa!

- Ông Bác-bơ-ranh không hề nói gì với cụ về gia đình cháu ư?

- Nói nhiều, hàng chục lần, hàng trăm lần ấy chứ! Một gia đình giàu có.

- Gia đình ấy ở đâu? Tên họ là gì?

- Ấy đấy! Bác-bơ-ranh không hề nói những cái ấy với tôi. Cậu hiểu chứ, ông ta giữ bí mật. Ông ta muốn một mình lĩnh thưởng, cái đó đúng thôi. Chả ông ta là một anh láu cá mà!

Chao ôi! Phải, tôi hiểu lắm, tôi hiểu cái điều bà cụ nói quá đi chứ! Tôi hiểu rằng sống để dạ chết mang đi, Bác-bơ-ranh đã mang theo xuống mỗ cái điều bí mật về gia đình dòng họ tôi. Tôi đi gần tới đích như thế chỉ để mà hồng tuột. Hối ôi, những mộng đẹp, những niềm tin! Tôi lại hỏi bà cụ:

- Thế cụ có biết có người nào được Bác-bơ-ranh nói cho biết nhiều hơn cụ không?

- Bác-bơ-ranh có đại gì mà thổ lộ với ai! Ông ta đa nghi lắm.

- Cụ có thấy người nào trong nhà cháu đến tìm ông ấy không?

- Không hề thấy!

- Hoặc cụ có biết một vài ông bạn thân của ông ta được nghe ông ta kể chuyện gia đình cháu không?

- Ông ta không có bạn bè!

Tôi ôm đầu suy nghĩ. Nhưng nghĩ mãi cũng không thấy có dấu hiệu gì có thể mách bảo cho mình. Vả chăng tôi xúc động quá, bối rối quá nên không thể nào suy nghĩ có mạch lạc. Bà cụ cũng nghĩ ngợi một hồi lâu rồi nói:

- Có lần ông ta nhận được một phong thư bảo đảm.

- Thư từ đâu đến, thưa cụ?

- Tôi không biết! Người phát thư trao thẳng cho ông ấy, tôi không trông thấy con dấu!

- Chắc chúng ta có thể tìm lại được bức thư ấy chứ nhỉ?

- Sau khi ông ta chết, chúng tôi có lục trong đồ đạc ông ta để lại. Ô! Không phải vì tọc mạch đâu, mà chỉ cốt để báo tin cho bà vợ. Chúng tôi không tìm thấy gì cả. Ở bệnh viện cũng vậy, người ta không tìm thấy giấy tờ gì trong áo quần của ông ta cả! Giá mà trước kia ông ta không nói mình ở Sa-va-nông thì hẳn người ta không thể báo tin cho bà vợ ông ta biết.

- Thế má Bác-bơ-ranh đã được biết?

- Hẳn thế!

Tôi đứng lặng hồi lâu, không nói năng gì. Nói gì, hỏi gì bây giờ? Có biết cái gì, họ đều nói cả với tôi rồi. Mà họ có biết gì đâu! Lẽ thường, họ đã làm đủ mọi cách để tìm hiểu cái điều mà Bác-bơ-ranh cố giấu họ. Tôi chào bà cụ rồi tiến ra cửa. Bà cụ hỏi:

- Thế cậu đi đâu đấy?

- Đi về với bạn cháu.

- À, Cậu có một người bạn à?

- Vâng.

- Cậu ấy ở Pa-ri?

- Chúng cháu mới đến Pa-ri sáng nay.

- Thế thì, này cậu, nếu cậu chưa giữ chỗ ở khách sạn nào thì cậu cứ việc lại đây. Cậu ở đây rất tốt, tôi có thể nói khoe như vậy không ngoa. Cái nhà trọ này là một nhà lương thiện. Nên chú ý là thân nhân cậu đang tìm cậu, cho nên khi chờ mãi không được tin tức gì của Bác-bơ-ranh, tất thế nào họ cũng đến hỏi ở đây chứ còn chạy đâu! Như vậy thì cậu sẽ có mặt ở đây để đón tiếp gia đình cậu. Tiện như thế đấy! Còn nếu cậu không ở đây thì người ta biết tìm đâu cho ra cậu! Tôi nói thế là vì cậu thôi! Bạn cậu bao nhiêu tuổi?

- Nó bé hơn cháu chút ít!

- Thử nghĩ xem! Hai thiếu niên như thế đấy lạc lõng giữa Pa-ri đô hội. Tránh sao khỏi gặp nhiều người

xấu! Có những khách sạn có nhiều người không tốt lui tới! Không phải như ở đây đâu, ở đây thì thật yên tĩnh! Cái khu phố này bó buộc phải thế!

Tôi cũng chẳng tin hẳn là khu phố này ưa yên tĩnh. Dù sao thì khách sạn Căng-tan cũng là một khách sạn thuộc loại bẩn nhất và tồi nhất trần gian. Tuy vậy, đề nghị này của bà cụ cũng đáng chú ý. Vả lại kén chọn lúc này là không phải lúc... Ở khách sạn Căng-tan thì không phải trả nhiều tiền mà hiện nay chính chúng tôi cần ăn tiêu dè xẻn. Ô! Cái thằng Mát-chi-a thế mà nó nói chí phải! Nó muốn kiếm tiền trên con đường Đơ-dy đi Pa-ri. Nếu không có mười bảy phờ-răng trong lưng thì nay biết xoay xở ra sao! Tôi hỏi:

- Cho hai anh em chúng cháu thuê một cái phòng, cụ lấy bao nhiêu?

- Mỗi ngày mười xu. Có đắt không nào?

- Thế thì tối nay chúng cháu sẽ trở lại!

- Hãy về sớm nhé, Pa-ri ban đêm nguy hiểm đấy!

Trước khi trở về, tôi phải đến nơi hẹn để gặp Mát-chi-a nhưng còn lâu mới đến giờ hẹn. Không có việc gì làm, tôi buồn rầu đi về phía vườn Bách thảo, tìm một cái ghế ở nơi vắng vẻ mà ngồi! Phải chăng cứ hết nạn nọ đến nạn kia, tôi phải nếm cho đủ mùi đau khổ? Phải chăng mỗi khi tôi vừa với tay nắm cành cây để có thể ngồi vững chãi thì cành cây gãy rắc dưới tay, làm cho tôi ngã xuống? Cứ mãi như thế! Lão Bác-bơ-ranh chết đúng cái lúc tôi cần đến lão thì quả là do cái số kiếp của

tôi nó xui nên. Và cũng do số kiếp của tôi xui khiến cho nên gặp phải lão là con người hám lợi, lão giấu biệt tên họ và chỗ ở của người đã ủy thác cho lão lòng kiếm tôi, người đó có lẽ là cha tôi.

Tôi đang ngồi ở một xó dưới bóng mát của một cây xanh tốt, ứa nước mắt mà suy nghĩ như vậy, thì có một gia đình nhỏ đi đến: một ông và một bà, theo sau là một thằng bé kéo chiếc xe con, đến ngồi ở một chiếc ghế trước mặt tôi. Họ gọi đứa bé. Đứa bé bỏ xe ra, dang hai tay chạy đến với bố mẹ. Người cha ôm nó vào lòng, đặt những cái hôn rất kêu lên tóc nó. Xong ông trao nó qua cho bà mẹ, bà cũng hôn nó nhiều lần, cùng hôn ở một chỗ. Đứa bé cười giòn tan, khum khum đôi bàn tay xinh xẻo bụ bẫm vỗ vỗ vào má bố mẹ nó.

Trước cảnh hạnh phúc gia đình ấy, bất giác nước mắt tôi tuôn rơi. Tôi chưa được hôn hít như thế bao giờ và liệu tôi có hy vọng được hôn hít như thế bao giờ không?

Tôi bỗng nảy ra ý định. Tôi lấy thụ cầm gảy nhẹ một bài “van” cho thằng bé nghe. Nó nhịp nhịp đôi chân bé xiu của nó. Người bố đến bên tôi, đưa cho tôi một đồng bạc. Tôi lễ phép từ chối:

- Thưa ông, không, cháu không lấy, xin ông vui lòng. Ông để cho cháu cái thú được làm vui gây lát cho em bé con ông, em kháu quá!

Ông khách chăm chú nhìn tôi. Nhưng giữa lúc ấy một người gác vườn đến. Mặc những lời phản kháng của ông khách, người gác vườn ra lệnh cho tôi đi ra ngay, nếu không muốn ngồi tù vì tội chơi nhạc trong công

viên. Tôi quàng quai đàn lên vai rồi ra đi, thỉnh thoảng lại ngoái cổ nhìn hai ông bà ấy. Họ trông theo tôi, bùi ngùi. Cũng vẫn chưa tới giờ hẹn đến cầu Đại giám mục để gặp Mát-chi-a, tôi thần thờ trên bờ sông, ngắm dòng nước chảy.

Đêm đến, đèn khi sáng lên. Bấy giờ tôi mới đi về phía Nhà thờ Đức Bà có hai ngọn tháp in bóng sẫm trên nền trời đỏ rực đằng Tây. Đến đó, tôi tìm được một chỗ và ngồi xuống khoan khoái, vì hai chân tôi rời rã như đã đi một độ đường quá xa, và tôi trở lại với những suy nghĩ phiền não. Chưa bao giờ tôi cảm thấy mình rã rời, mệt mỏi như thế này. Ở tôi, chung quanh tôi, thấy đều ảm đạm. Trong cái đô thành Pa-ri bát ngát, sáng trưng, ồn ào và hối hả này, tôi lại càng cảm thấy bơ vơ hơn bất cứ lúc nào ngay giữa đông không mông quạnh hoặc trong rừng rậm âm u.

Khách qua đường thỉnh thoảng ngoảnh lại nhìn tôi. Nhưng đối với tôi, sự tò mò hoặc lòng thương cảm của họ nào có nghĩa lý gì! Tôi đâu có trông chờ sự cảm cảnh của những kẻ bàng quan!

Chỉ còn một cách giải phiền là nhắm đếm những tiếng chuông buông rơi quanh tôi. Thế là tôi lại tính toán xem còn phải chờ đợi bao lâu nữa mới lấy lại sức lực và dũng khí từ tình bạn của Mát-chi-a! Nghĩ rằng mình sắp được gặp đôi mắt dễ thương, dịu hiền và tươi vui của nó, tôi phấn chấn lên nhiều.

Vào khoảng gần bảy giờ, tôi nghe thấy một tiếng sủa mừng rỡ. Ngay sau đó một vật trắng từ trong bóng

tôi lao đến phía tôi. Tôi chưa kịp nghĩ ra thì con Ca-pi đã nhảy lên đùi tôi, liếm lấy liếm để hai bàn tay tôi. Tôi ôm nó, hôn lên mũi nó. Phút sau, Mát-chi-a xuất hiện. Từ xa, nó đã kêu lên:

- Thế nào?

- Bác-bơ-ranh chết rồi!

Nó rào chân chạy lên để chóng đến bên tôi. Bằng mấy lời vội vã, tôi kể cho nó nghe tôi đã làm gì và biết được những gì. Nó buồn lắm, điều đó khiến tôi cảm thấy dễ chịu: tôi nghiệm rằng mặc dù Mát-chi-a lo nếu tôi tìm thấy gia đình tôi thì nó chẳng gặp hay gì cả, mặc dù thế, nó vẫn thành tâm mong muốn cho tôi tìm gặp được bố mẹ. Ấu yếm và triu mến, nó cố an ủi tôi, nhất là thuyết phục tôi không nên nản chí:

- Bố mẹ cậu đã tìm được ra Bác-bơ-ranh thì nay sẽ lo ngại khi không thấy tin tức gì về lão ta nữa. Cho nên họ sẽ tìm hiểu xem có việc gì xảy đến với lão và tất nhiên là họ sẽ đến khách sạn Căng-tan. Thôi, ta tới khách sạn Căng-tan đi thôi. Bất quá chậm mấy ngày, thế thôi!

Bà cụ có cái đầu lắc lư cũng nói với tôi như thế, nhưng cũng vẫn những lời ấy mà Mát-chi-a nói thì tác dụng khác hẳn. Hiển nhiên đây chỉ là vấn đề chậm trễ chút ít thôi. Thế mà mình đã đâm phiền muộn và chán nản, thật là trẻ con! Thấy trong người bình tĩnh hơn, tôi bèn thuật cho Mát-chi-a nghe điều tôi biết được về Ga-rô-phô-li. Nó reo lên:

- Còn ba tháng nữa!

Thế là nó nhảy một điệu vũ ở giữa phố, vừa nhảy vừa hát. Bỗng dừng nó dừng lại và đến bên tôi:

- Rõ thật là gia đình đảng này và gia đình đảng ấy khác nhau quá lắm! Cậu mất gia đình, cậu râu rĩ; Mình mất gia đình, mình hát vang.

- Một ông cậu, đâu đã là gia đình! Ý mình muốn nói một ông cậu như Ga-rô-phô-li. Chứ giả thử cậu mất em Crít-xti-na của cậu thì cậu có nhảy múa không nào?

- Chao ôi! Đừng nói đại!

- Đấy, thấy chưa!

Chúng tôi men theo bờ sông để đi đến phố Ốt-xtéc-líc. Không mờ mắt vì xúc động nữa, bây giờ tôi mới thấy sông Xen ban đêm có ánh trăng thật là đẹp: trăng rằm rọi ánh sáng xuống mặt nước sáng rõ như một tấm gương menh mông và di động, rắc những vẩy bạc sóng sánh đó đây.

Khách sạn Căng-tan là một khách sạn lương thiện, nhưng không phải là một khách sạn đẹp. Chúng tôi được xếp vào một buồng con áp mái, chật đến nỗi khi một đứa đứng thì một đứa phải ngồi lên giường. Tôi không thể không nghĩ rằng đâu phải trong một gian phòng thế này mà tôi hy vọng được ngả lưng! Và những tấm chăn trải giường bằng vải thô đã ngả màu cháo lòng, sánh sao được những tấm tã đẹp, biết bao lần má Bác-bơ-ranh đã tả cho tôi biết! Miếng bánh mì trát pho-mát I-ta-li-a, mà người ta dọn cho chúng tôi ăn tối, thật

khác xa với bữa tiệc thịnh soạn tôi dự định thiết Mát-chi-a. Nhưng đã mất đi đâu! Chỉ cần chờ ít lâu thôi. Tôi ngủ thiếp đi với ý nghĩ ấy.

33

TÌM KIẾM

Sáng hôm sau, việc đầu tiên của tôi là viết thư cho má Bác-bơ-ranh tin cho má rõ những điều tôi mới được biết. Đối với sức của tôi, đây không phải là một công việc nhỏ. Ai đành lòng nói cộc lốc với má rằng chồng má đã qua đời. Má yêu mến “anh Giê-rôm” của má. Má với ông ấy đã ăn ở với nhau mấy chục năm nay, nếu mình không chia sẻ nỗi đau buồn với má thì sẽ phiền lòng má.

Hì hục mãi, cuối cùng tôi cũng viết xong lá thư. Suốt thư, tôi cứ nhắc đi nhắc lại là tôi thương má. Tất nhiên tôi có kể cho má nghe sự thất vọng vừa qua và những hy vọng hiện nay của tôi. Nói cho đúng thì chỉ việc này là tôi nói đến nhiều nhất. Tôi nhờ má tin ngay cho tôi biết nếu má được thư của gia đình tôi gửi hỏi tin tức ông Bác-bơ-ranh, nhất là cần nhớ gửi địa chỉ đến cho tôi: gửi đến khách sạn Căng-tan, ở Pa-ri.

Xong nhiệm vụ ấy, còn một nhiệm vụ thứ hai nữa đối với ông bố Li-dơ. Nhiệm vụ này cũng khó khăn không kém. Khi ở Đơ-ry, tôi nói với Li-dơ rằng hễ đến Pa-ri, lần đi phố đầu tiên của tôi là đi thăm ông bố em

ở nhà lao. Tôi giải thích là nếu cha mẹ tôi mà giàu có như tôi tin tưởng, thì tôi sẽ xin tiền trả nợ cho bác A-canh; như vậy, tôi đến nhà lao chỉ để giải phóng cho bác và đưa bác đi với tôi thôi. Việc này nằm trong chương trình những niềm vui tôi đã vạch sẵn cho mình. Trước tiên là bác A-canh, sau đến má Bắc-bơ-ranh, rồi lần lượt đến Li-dơ, Ê-chiên-nét, A-lơ-xi, Băng-gia-manh. Về phần Mát-chi-a thì tất nhiên tôi được cái gì, nó được cái ấy, và hạnh phúc của tôi sẽ làm nên hạnh phúc của nó. Thế mà nay phải tay không mà đến nhà lao mới chán nản làm sao! Đến gặp bác A-canh mà vẫn bó tay như ngày từ già bác, không giúp được gì, không đến ơn đáp nghĩa.

Cũng may là tôi có những lời âu yếm và những cái hôn mà Li-dơ và A-lơ-xi trao gửi để mang đến cho bác. Niềm vui sướng của người cha chắc sẽ xoa dịu nỗi ân hận trong lòng tôi và tôi cũng được hỏi dạ vì đã giúp ông được nhiều ít, trong khi chờ cơ hội làm hơn. Mát-chi-a thích xem nhà tù quá nên đi theo tôi. Vả lại tôi cũng muốn cho nó biết mặt người trong hai năm trời đã coi tôi như con. Bây giờ tôi đã biết cái mẹo làm thế nào để vào nhà lao Cli-sy, nên chúng tôi không phải đứng chờ ra và chờ đợi rất lâu trước cổng lớn như lần trước nữa.

Người ta cho chúng tôi vào phòng đợi và lát sau thì bác A-canh đến. Từ bậc cửa, bác đã dang tay ra đón tôi. Bác vừa ôm vừa nói:

- Ôi! Cái thằng bé ngoan! Thằng cháu Rê-mi trung hậu!

Tôi báo tin về Li-dơ và A-lơ-xi ngay. Rồi khi tôi muốn bày tỏ vì sao tôi không thể đến chị Ê-chiên-nét thì ông nói:

- Thế bố mẹ cháu?

- Bác biết chuyện rồi sao?

Bác nói rằng cách đây nửa tháng, Bác-bơ-ranh có tìm đến bác.

- Lão ta chết rồi - Tôi nói.

- Tai hại chưa!

Bác nói cho tôi biết vì sao Bác-bơ-ranh đến tìm bác để hỏi tin tức tôi: đến Pa-ri thì Bác-bơ-ranh tới nhà Ga-rô-phô-li và tất nhiên là không gặp hấn ta. Lão bèn đi rất xa, về tận tỉnh có cái nhà lao đang giam hấn, để hỏi về tôi. Tên này cho lão biết sau khi cụ Vi-ta-li mất đi, thì tôi được một người trồng vườn tên là A-canh đem về nuôi. Bác-bơ-ranh bèn trở về Pa-ri đến khu Gla-xi-e, ở đấy người ta cho lão biết người trồng vườn ấy hiện đang bị giam giữ ở Cli-sy. Lão đến nhà lao và bác A-canh nói cho lão biết tôi đi chu du nước Pháp như thế nào, cho nên, dù bây giờ không biết rõ tôi ở đâu, nhưng đến một lúc nào đó, nhất định tôi sẽ ghé lại thăm một trong những đứa con bác ấy. Bởi thế, chính tay bác A-canh đã viết mấy lá thư cho tôi và gửi đến Đơ-dy, Vác-xơ, Êt-xnăng-đơ và Xanh Căng-tăng cùng một lúc. Tôi không nhận được thư bác gửi đến Đơ-dy chắc là vì tôi đi rồi thư mới đến. Tôi hỏi:

- Thế Bác-bơ-ranh có nói gì với bác về cha mẹ cháu không?

- Không! Chỉ nói tí chút, chả có ích lợi mấy. Lão nói cha mẹ cháu đã dò hỏi phòng cảnh sát khu Anh Va-li-

đơ và biết rằng đứa bé bị vứt bỏ ở phố Bơ-rơ-tơ đã được một người thợ nề nhặt về nuôi. Họ đến tìm cháu ở nhà lão Bác-bơ-ranh. Không thấy cháu họ đã nhờ lão lòng kiếm giúp họ.

- Lão không nói tên của cha mẹ cháu, không nói gì về quê quán cháu hay sao?

- Bác hỏi thì lão bảo để rồi sẽ nói chuyện. Bác chẳng buồn nhắc lại. Bác hiểu rằng lão ta giấu kỹ tên tuổi bố mẹ cháu chỉ vì lão sợ không được hưởng một mình tất cả món thù lao lớn như lão mong muốn: chẳng là bác cũng có nuôi nấng cháu nên cái lão Bác-bơ-ranh ấy tưởng là bác muốn được đền công. Vì thế, bác tiễn lão ra ngay và từ đó không thấy tăm hơi lão đâu nữa. Bác không ngờ lão đã qua đời. Hóa ra có cha mẹ mà vì sự tính toán của lão keo bần ấy thành ra cháu chẳng biết cha mẹ cháu là ai, ở đâu!

Tôi bày tỏ niềm rầy róng của chúng tôi. Bác cho rằng tin tưởng như thế là phải và viện ra nhiều lý lẽ xác đáng để khuyến khích tôi:

- Bố mẹ cháu đã moi lão Bác-bơ-ranh ở tận Sa-va-nông ra, rồi Bác-bơ-ranh lại truy ra Ga-rô-phô-li và tìm ra được cả bác ở đây nữa, thì tất người ta sẽ tìm thấy cháu ở khách sạn Căng-tan thôi! Hãy ở đấy mà chờ!

Những lời lẽ ấy khiến tôi cảm thấy dễ chịu và trở lại vui vẻ. Tôi nói chuyện Li-dơ, A-lơ-xi và chuyện tôi bị vùi trong hầm mỏ. Khi tôi kể hết, bác than thở:

- Cái nghề sao mà hiểm nghèo thế! Mà thằng A-lơ-xi lại làm cái nghề ấy mới tội chứ! Chà! Hồi nó trông yên chí thì sung sướng hơn biết bao nhiêu.

- Thời ấy rồi sẽ trở lại, bác ạ!

- On trời mà được như cháu nói, cháu Rê-mi yêu mến ạ!

Lưỡi tôi ngo nguậy muốn nói rằng không lâu nữa bố mẹ tôi sẽ vận động cho bác ra tù. Nhưng tôi kịp nghĩ rằng không nên khoe trước những điều tốt mình định mang lại cho người ta. Tôi chỉ nói không bao lâu nữa bác sẽ ra khỏi nhà tù và con cái sẽ quây quần bên bác. Khi ra đường, Mát-chi-a nói:

- Trong khi chờ đợi cái giờ phút tốt đẹp ấy, mình có ý kiến là chúng ta không nên bỏ phí thời gian. Phải kiếm tiền đi!

- Giá thủ mấy hôm trước, dọc đường chúng ta không dành nhiều thì giờ kiếm tiền như thế thì hẳn chúng ta đã đến Pa-ri kịp cho gặp lão Iác-bơ-ranh.

- Cái đó đúng! Làm cho cậu đến chậm, tớ đã tự trách mình bao nhiêu rồi, cậu đừng trách tớ nữa!

- Tớ có trách móc gì cậu đâu, Mát-chi-a thân mến ạ! Tớ cam đoan với cậu như thế. Không có cậu, làm sao tớ mua được con búp-bê cho Li-dơ? Không có cậu, hẳn lúc này chúng mình phải vất vưởng trên vỉa hè thành phố Pa-ri, không có một đồng xu nào để nuôi miệng.

- Đã thế thì thế này nhé: cậu đã cho cái việc tớ muốn làm cho có tiền là phải thì giờ đây ta hãy cứ coi

là phải. Vả chăng, chúng mình có việc gì đáng làm hơn là ca hát và biểu diễn cái chương trình của đoàn ta. Còn như dạo chơi đây đó, thì ta hãy chờ khi cậu có xe ngựa, đỡ mệt hơn. Gì chứ, ở Pa-ri thì tớ coi như ở nhà vậy, tớ biết rõ chỗ nào là chỗ hời.

Mát-chi-a quả biết rõ những chỗ kiếm ra tiền, những quảng trường, những sân họp đặc biệt, những hiệu cà phê, cho nên tối hôm đó, trước khi đi ngủ chúng tôi đếm lại số tiền thu được thì thấy những mười bốn phờ-răng. Thế là khi sắp đi ngủ, tôi nhớ lại một câu quen thuộc của cụ Vi-ta-li nói rằng của cải chỉ đến với người không cần đến nó. Thu được khá thế này hẳn là dấu hiệu bố mẹ tôi sắp đến, chỉ ngày một ngày hai, vì chính tôi không cần tiền nữa, tiền mới đổ xô về như vậy.

Tôi tin chắc ở linh tính của tôi nên hôm sau, tôi sẵn sàng nằm ý ở khách sạn, nếu Mát-chi-a không thúc ép tôi dậy đi. Nó lại bắt tôi đàn, tôi hát, và ngày hôm đó, chúng tôi lại thu mười một phờ-răng, Mát-chi-a vừa cười, vừa nói:

- Ta không trở nên giàu có nhờ của cải của bố mẹ cậu thì tự tay ta, với sức ta, ta cũng sẽ làm nên giàu có được đấy! Mà như thế thì tuyệt!

Ba ngày trôi qua như thế mà vẫn không có gì mới lạ xảy đến. Ngày nào chị giúp việc ở khách sạn cũng chỉ trả lời tôi một câu, như một điệp khúc bất diệt: "Không có ai hỏi ông Bác-bơ-ranh cả và tôi cũng không nhận được thư nào gửi cho cậu hoặc cho ông ta". Mãi đến ngày thứ tư chị ta mới đưa cho tôi một phong thư. Đó

là thư trả lời của má Bác-bơ-ranh do má nhờ người ta viết. Thư má nói rằng má đã được báo tin chồng má mất và trước đó ít lâu, má có nhận được thư của ông ấy. Cái thư đó có nói đến tung tích gia đình tôi, má nghĩ rằng nó có thể giúp ích cho tôi nên mới chuyển theo tôi. Mát-chi-a reo:

- Mau lên, mau lên. Mau xem thư của lão Bác-bơ-ranh đi!

Tôi mở phong bì, tay run run, lòng như thất lại:

"Tôi đang nằm bệnh viện, ốm nặng lắm, có lẽ không qua khỏi. Giá tôi có đủ sức thì tôi kể cho u nó nghe tôi lâm bệnh như thế nào. Nhưng kể cũng chẳng ích gì, tốt hơn là đi ngay vào công việc gấp rút này. Tôi viết thư cho u nó cốt để dặn dò u nó, nếu chẳng may tôi có mệnh hệ nào thì u nó phải viết thư cho các ông Gơ-rét và Gơ-li, công viên Grin, quán trọ Linh-côn, ở Lơ-đơn. Họ là những người thừa biện được ủy nhiệm lùng tìm Rê-mi. U nó nói với họ rằng chỉ có u nó là biết tung tích thằng bé và u nó nhớ đòi tiền công cho xứng đáng để u nó có chút dư dật mà sống no ấm trong lúc tuổi già. Muốn biết Rê-mi bây giờ thế nào thì u nó cứ việc gửi thư hỏi lão A-canh, trước làm nghề trồng vườn, bây giờ bị tù tại nhà lao Cli-sy, ở Pa-ri. Thư từ, u nó nhờ cha xứ viết tắt, chữ trong công việc này đừng có tin ai. Khi nào u nó biết chắc tôi đã chết rồi thì chừng đó, làm gì hãy làm.

Tôi hôn u nó lần cuối cùng đây.

Bác-bơ-ranh"

Tôi chưa đọc hết câu cuối thì Mát-chi-a đã nhảy choàng lên, hét:

- Đi Lơn-đơn đi thôi!

Tôi đang còn ngạc nhiên về những điều tôi vừa đọc nên chỉ đưa mắt nhìn Mát-chi-a, không hiểu nó nói gì. Nó tiếp:

- Trong thư, lão Bác-bơ-ranh chẳng bảo rằng những người thừa biện người Anh được ủy nhiệm lùng tìm cậu là gì! Cái đó có nghĩa là bố mẹ cậu cũng là người Anh, phải không nào?

- Cậu không thích là người Anh à?

- Giá tớ là người Pháp, cùng một Tổ quốc với Li-dơ và lữ trẻ nhà ấy thì thích hơn.

- Tớ thì lại muốn cho cậu là người I-ta-li-a kia!

- Nếu tớ là người Anh thì tớ sẽ là đồng bào của Ác-tơ và bà Mi-li-gon.

- Thế nào? Nếu cậu là người Anh à? Cái đó chắc chắn rồi chứ còn nếu niếc gì nữa! Nếu bố mẹ cậu là người Pháp thì có đâu lại đi nhờ cậy bọn thừa biện Anh lùng kiếm đứa con đánh mất, ở nước Pháp? Cậu đã là người Anh thì phải sang Anh đi. Đó là cách tốt nhất để cậu nhích gần đến bố mẹ. Hay là ta viết thư cho các lão thừa biện ấy?

- Viết làm gì? Gặp nhau nói thẳng với nhau dễ ăn ý hơn là dùng thư từ. Khi chúng mình đến Pa-ri, chúng mình còn mười bảy phờ-răng. Một hôm sau chúng mình

kiếm được mười bốn, hôm khác mười một, hôm sau nữa chín, thế là cộng được năm mươi một phờ-răng. Chúng mình đã tiêu hết tám, thế là còn bốn mươi ba. Đi Lơ-đơn thừa đi ấy chứ! Chúng mình đến Bu-lô-nơ xuống tàu đi Lơ-đơn, chả tốn là bao!

- Cậu chưa ở thành phố Lơ-đơn chứ?

- Cậu thừa biết là chưa. Thế nhưng ở gánh xiếc Gát-xô có hai anh hề người Anh. Họ hay nói chuyện thành phố Lơ-đơn với tớ. Họ còn dạy tớ một số tiếng Anh đủ để trò chuyện với nhau thế nào cho bà lão Gát-xô, tò mò như một con vọ, không nghe ra gì hết. Tớ sẽ đưa cậu đi Lơ-đơn.

- Tớ cũng vậy, tớ có học tiếng Anh với cụ Vi-ta-li.

- Ừ, nhưng đã ba năm rồi, chắc cậu quên hết, chứ còn tớ thì tớ nhớ. Rồi cậu xem. Với lại tớ ưng đi Lơ-đơn không phải chỉ vì muốn giúp cậu mà thôi. Nói thật với nhau, tớ còn một lí do nữa.

- Lý do gì?

- Nếu bố mẹ cậu đến đón cậu ở Pa-ri thì có thể người ta không mang tớ đi với cậu. Còn như tớ mà sang Anh thì người ta không nỡ đuổi tớ về.

Phỏng đoán như vậy có phần xúc phạm đến bố mẹ tôi đấy nhưng xét cho cùng thì cũng không hẳn là không có lý. Dù muôn một điều gì đó có thể xảy ra đi nữa thì tôi cũng phải ngăn chặn, tức là phải đồng ý đi Lơ-đơn ngay với Mát-chi-a. Tôi nói:

- Ta đi chứ?

- Cậu bằng lòng chứ?

Trong dăm phút, chúng tôi đã soạn xong xác và xuống dưới nhà, sẵn sàng để ra đi. Trông thấy chúng tôi đóng bộ như thế, bà chủ khách sạn Căng-tan phản kháng:

- Cõi cái cậu cả kìa! (cậu cả là tôi) Cậu không đợi ông bà nhà ta à? Đợi lại thì hơn đấy, cậu ạ! Với lại, để cho ông bà nhà ta đến sẽ thấy cậu quý tử được chăm sóc tử tế như thế nào chứ!

Nhưng cái tài hùng biện ấy không giữ chân tôi được. Trả tiền trọ xong, tôi đi ra đường. Mát-chi-a và Ca-pi đã ra trước, đứng đó đợi tôi. Bà cụ hỏi:

- Thế thì cậu nên để địa chỉ lại đây!

Phải rồi, để địa chỉ lại có lẽ cũng hay. Tôi viết vào quyển sổ của bà.

- Ô Lơ-nơ! Bà cụ kêu - Hai thiếu niên thế này mà vào giữa Lơ-nơ! Lại băng đường trường! Lại vượt biển khơi nữa chứ!

Trước khi lên đường đi Bu-lô-nhơ, phải đến chào tạm biệt ông bố đã chứ!

Nhưng buổi chào tạm biệt này không buồn thảm! Bố A-canh sung sướng được biết là tôi sắp gặp gia đình, và tôi cũng rất vui mừng được nhắc lại với ông rằng nhất định tôi sẽ cùng bố mẹ trở lại ngay đây để cảm ơn ông.

- Thôi, chào con, chúc con may mắn, ta sẽ gặp nhau! Nếu vì một lý do nào đó mà con chưa trở lại được như ý muốn, con cứ viết thư cho ta cũng được!

- Nhất định con sẽ trở lại!

Ngày hôm ấy, chúng tôi đi một mạch đến Moát-xen và xin ngủ nhờ ở một trang trại vì cần phải ăn tiêu dè xẻn để dành tiền mua vé tàu vượt biển. Mát-chi-a nói chả tốn bao nhiêu, nhưng chả tốn “bao nhiêu” là từng nào mới được chứ?

Vừa đi đường, tôi vừa học tiếng Anh với Mát-chi-a.

Tôi hết sức băn khoăn về một ý nghĩ nó làm cho tôi mất tươi vui hỉ hả: chẳng hay bố mẹ tôi có nghe được tiếng Pháp hay tiếng I-ta-li-a không nhỉ? Làm thế nào trò chuyện với nhau nếu như bố mẹ tôi chỉ nói tiếng Anh thôi? Nếu mà thế thì bất tiện biết bao nhiêu! Nếu có anh chị em thì tôi sẽ nói gì với họ cho được? Chưa nói chuyện được với anh chị em thì chắc anh chị em coi như người ngoài thôi! Từ khi ở Sa-va-nông ra đi, tôi đã nhiều lần hình dung trước cái cảnh đoàn tụ, và chưa bao giờ tôi thoáng nghĩ rằng mình có thể bị cụt hứng như thế này. Chắc là còn lâu nữa tôi mới học thông được tiếng Anh, chừng như nó cũng khó học thật!

Từ Pa-ri đến Bu-lô-nơ, chúng tôi đi mất tám ngày vì phải dừng lại ở các thị trấn lớn trên đường đi để biểu diễn gây lại vốn. Tới Bu-lô-nơ, chúng tôi vẫn còn được ba mươi hai phờ-răng thừa mua vé tàu. Đến Bu-lô-nơ, trước hết chúng tôi đi dạo xem cái đập ở cảng, vì Mát-

chi-a chưa bao giờ trông thấy biển bao giờ. Nó đứng sững mấy phút, mắt nhìn đắm vào cỏi mù mù, tăm tăm, ở chân trời xa tắp rồi tặc lưỡi bảo là xấu lắm, buồn lắm và bẩn nữa.

Thế là chúng tôi tranh luận. Ngày thường chúng tôi vẫn hay nói đến biển và bao giờ tôi cũng nói với nó rằng cảnh biển là cảnh đẹp nhất trên đời. Cho nên tôi bênh vực ý kiến ấy. Mát-chi-a nói:

- Có lẽ cậu nói có lý khi mặt biển xanh biếc như cậu trông thấy ở Xét-tơ và thuật lại với tớ. Nhưng mà khi biển như biển này, vàng kạch và xanh lục, bên trên là trời xám xịt với những đám mây lớn âm u thì biển xấu, xấu lắm, tớ chẳng thích đi trên ấy tí nào...

Thường thường, Mát-chi-a với tôi, chúng tôi vẫn dễ dàng nhất trí với nhau: hoặc là nó đồng ý với tôi hoặc là tôi cũng tỏ ra hợp ý với nó. Nhưng lần này tôi cứ khư khư giữ ý mình và tôi cho rằng mặc dầu một màu xanh lục, nhìn xuống thì mờ mờ, nhìn lên thì mây kéo ùn ùn theo gió thổi loạn xạ, vùng biển này vẫn vô cùng đẹp hơn một cái biển xanh biếc dưới một bầu trời xanh lam.

Mát-chi-a đáp lại: "Chỉ vì cậu là người Anh cho nên mới nói như vậy và cậu yêu thích cái biển tối tệ này chẳng qua vì nó là biển của xứ sở quê hương đấy thôi!"

Tàu đi Lớn-dơn sẽ nhổ neo vào bốn giờ sáng hôm sau. Mới ba giờ rưỡi, chúng tôi đã lên tàu, cố tìm lấy một chỗ tốt. Chúng tôi nấp sau một đồng thùng gỗ để che bớt ngọn gió bắc lạnh và ẩm ướt. Dưới ánh sáng của

mấy chiếc đèn lồng um khói, người ta bốc hàng xuống tàu, rờn rọc rít, những kết hàng thả xuống hầm tàu kêu rảng rắc, thủy thủ chốc chốc lại thét lên vài tiếng với giọng ồ ồ. Ất cả mọi tiếng huyền não là tiếng xì xụp của hơi nước, từ máy bốc lên thành những cuộn trắng. Một hồi chuông réo, dây cáp buông xuống nước và thế là chúng tôi lên đường. Lên đường về quê hương tôi.

Tôi thường nói với Mát-chi-a rằng không có gì lý thú bằng đi chơi trên tàu thủy. Mình lướt êm ru trên mặt nước, không hề biết đã đi mấy đổi đường. Thật là mê ly - như một giấc mơ.

Nói như vậy là tôi nghĩ đến thuyền Thiên Nga và cuộc du hành trên kênh Nam. Nhưng biển không giống sông đào. Vừa đi khỏi đập thì con tàu hình như đâm sâu xuống rốn nước lẫn nữa, cứ thế liên tục bốn năm bận, chẳng khác những chuyển động ấy, hơi nước từ ống khói thoát ra với tiếng rít chát tai rồi đột ngột lặng im. Bây giờ chỉ còn nghe tiếng guồng gạt nước⁽¹⁾ lúc ở mạn bên này, lúc ở mạn bên kia tùy con tàu nghiêng bên nào. Mát-chi-a nói: "Lướt lướt êm quá nhỉ!" Tôi không biết đáp thế nào vì lúc bây giờ tôi có biết sóng ngang⁽²⁾ ở cửa biển là thế nào đâu!

(1) Ngày trước tàu thủy không chạy bằng chân vịt, mà chạy bằng những guồng lắp hai bên mạn tàu. Máy hơi nước quay guồng chạy và guồng gạt nước đẩy con tàu đi tới -ND.

(2) Ở hải cảng, ở cửa sông thường có những đợt sóng dài và lớn giăng ngang từ ngoài khơi chạy vào, tàu bè qua lại bị trùng trùng, có khi rất nguy hiểm -ND.

Thật ra thì không phải chỉ có sóng ngang làm cho tàu trông tránh; hôm ấy ngoài khơi, biển cũng động nữa.

Mát-chi-a lặng thinh đã lâu bỗng nhiên vùng dậy. Tôi hỏi:

- Cậu làm sao thế?

- Tớ thấy nó nhảy nhót nhiều quá, ruột gan tớ lộn lên đây!

- Say sóng đấy!

- Hửn rồi! Mình cảm thấy rõ quá!

Mấy phút sau, nó chạy lên mạn tàu vịn vào be. Tội nghiệp! Nó mệt quá! Tôi cố ôm nó vào lòng, áp đầu nó trong ngực tôi, nó cũng không khỏi. Nó rên rĩ và chốc chốc nó vùng dậy, khập khiễng đi lại chống tay chồm qua be tàu. Máy phút sau nó mới trở lại nép vào người tôi. Cứ mỗi lần trở về nó lại giơ quả dấm ra với tôi và nửa cười cợt, nửa cau gắt, nó bảo:

- Chà! Cái bọn Ăng-lê⁽¹⁾ này, chúng không có ruột gan!

- Cũng may đấy.

Trời hửng sáng thì chúng tôi nhìn thấy những ghềnh đá trắng cao ở bờ biển và đây đó vài chiếc tàu im lìm, không kéo buồm. Dần dần tàu bớt trông tránh rồi lướt đi trên mặt nước phẳng lặng, nhẹ nhàng không kém gì đi trên kênh. Bây giờ tàu không ở biển khơi nữa, và chúng tôi nhìn thấy - nói cho đúng hơn là đoán

(1) Chỉ người nước Anh (Người Pháp gọi là Anglais).

thấy - qua màn sương sớm, bóng cây thấp thoáng ở hai bên bờ xa, xa tít. Chúng tôi đã đi vào sông Ta-mi-dơ. Tôi bảo Mát-chi-a:

- Chúng mình đến đất Anh rồi!

Mát-chi-a không hoan nghênh cái tin mừng này. Nó nằm dài trên boong, đáp:

- Để yên cho tao ngủ!

Tôi không bị say sóng khi vượt biển nên không buồn ngủ. Tôi sắp xếp cho Mát-chi-a nằm thoải mái chừng nào hay chừng ấy, rồi tôi leo lên đồng thùng gỗ, chọn chỗ cao nhất để ngồi và đặt con Ca-pi ở giữa hai chân. Con Ca-pi đã vượt sóng gió một cách can đảm. Biết đâu! Biết đâu Ca-pi không là một dân biển lão luyện! Ở với cụ Vi-ta-li, cái gì mà nó không biết!

Từ chỗ ngồi cao ấy, mắt tôi bao quát con sông, tôi nhìn thấy được dòng sông chảy ở hai bên bờ, nhìn ngược dòng, lại nhìn được cả về xuôi, đằng sau lái. Bên phải chạy dài một cồn cát lớn, mép viền bọt trắng. Bên trái xanh mù như lại sắp đi vào biển nữa. Nhưng không, đó chỉ là ảo giác: chẳng mấy chốc bờ sông xanh xanh dịch lại gần rồi hiện lên rõ là những bãi lầy lội, màu sắc vàng.

Cả một hạm đội thả neo đỗ ở giữa sông. Len giữa đám tàu ấy, những tàu chạy hơi nước, tàu kéo đi đi lại lại. Và biết cơ man nào là buồn! Tôi chưa hề nghĩ rằng một con sông lại có thể đông đúc đến thế. Sông Ga-ron đã khiến tôi ngạc nhiên, thì sông Ta-mi-dơ giờ đây

khiến tôi thán phục. Nhiều tàu sửa soạn để nhổ neo. Trên giàn buồm, các thủy thủ chạy đây chạy đó trên những chiếc thang dây trông xa mỏng mảnh như tơ nhện.

Con tàu của chúng tôi để lại sau lái một làn bọt trắng trên mặt nước vàng. Vô khối những thứ rêu rác trôi nổi lênh bênh trên mặt sông: nào là ván, nào là đầu dầm gỗ, nào là vỏ rác, nút chai, nào là xác súc vật trương sinh lên. Chốc chốc một con chim có đôi cánh lớn sà xuống đám rác rêu ấy để rồi tức khắc kêu lên một tiếng xé tai mà bay lên, mỏ đã quắp mồi rồi.

Sao Mát-chi-a lại muốn ngủ nhỉ? Nó thức dậy có hơn không? Cảnh tượng này kỳ thú, đáng xem lắm mà! Tàu còng ngược sông, lại càng kỳ thú, càng đẹp. Bây giờ, cái đáng xem không chỉ có thuyền buồm hay tàu chạy hơi nước, hoặc những chiếc tàu ba buồm to lớn, những thuyền đi biển khổng lồ từ phương xa về, những tàu than đen dũi, những thuyền chất rạ và vỏ khô trông như những đụn rơm cuốn theo dòng nước, những phao nổi to tướng sơn đen, trắng, đỏ bị dòng nước xô quay tròn. Còn đáng chú ý nữa là những việc xảy ra, những điều ta trông thấy ở hai bên bờ bây giờ hiện rõ mồn một. Những ngôi nhà quét sơn màu duyên dáng, những đám cỏ xanh, những cây sum suê cành lá chưa hề chạm lưỡi dao tiện⁽¹⁾, và đây đó những chiếc cầu tàu nhô ra giữa bãi bùn đen, những tín hiệu thủy triều, những cọc xanh xanh, nhơn nhớt.

(1) Người Anh không cắt xén cây cối như người Pháp - ND.

Tôi ngồi như thế lâu lắm, đôi mắt mở to chỉ để mà trông, mà phục.

Nhưng đến đây thì bỗng nhiên nhà ở hai bên bờ sông dồn đóng lại, chen chúc thành từng hàng dài đồ ngòm. Trời trở nên mù mịt. Khói và sương mù quện lại với nhau, khó mà nói được sương dày hơn hay khói. Rồi thì giữa các đồng cỏ, đáng lẽ có cây cối và gia súc thì đột nhiên xuất hiện một rừng cột buồm: tàu bè đỗ trên đồng cỏ.

Không nhịn được nữa, tôi tụt từ “đài quan sát” xuống đi tìm Mát-chi-a. Nó đã thức giấc. Hết say sồng rồi, nó không cúi kính nữa và vui lòng leo lên đóng thùng gỗ với tôi. Nó cũng thấy choáng và đưa tay dụi mắt. Đây đó, từ các đồng cỏ, có những con sông đào chảy ra sông lớn, các sông ấy cũng đầy tàu bè.

Khốn thay, sương mù và khói cứ càng lâu càng dày đặc. Chúng tôi thì chỉ nhìn thấy cảnh vật quanh mình từng quãng và cứ càng đi sâu vào nội địa càng mờ.

Cuối cùng, con tàu đi chậm lại, tắt máy, và thủy thủ ném dây cáp lên bờ. Thế là chúng tôi đã ở thành phố Lơ-đơn. Chúng tôi bước chân lên bờ giữa đám người chỉ nhìn chúng tôi mà không nói gì với chúng tôi. “Này, Mát-chi-a thân mến, lúc này là lúc cậu cần gỡ cái vốn liếng Anh của cậu ra mà dùng đấy!”. Không chút e ngại, Mát-chi-a đến gần một ông to béo, có chòm râu màu hung, và cầm mũ ở tay, nó lễ phép hỏi đường đi công viên Gờ-rin. Hình như Mát-chi-a phải mất nhiều thì giờ lắm mới làm cho người đó hiểu mình và

người đó đã bắt hấn nhắc đi nhắc lại mãi mấy tiếng. Nhưng tôi không muốn tỏ vẻ hoài nghi sự thông thái của bạn tôi. Mãi rồi nó cũng trở về chỗ. Nó nói:

- Dễ lắm! Cứ việc đi dọc sông Ta-mi-dơ. Chúng mình sẽ lần theo bờ kè mà đi.

Nhưng ở Lơ-đơn hồi đó không có bờ kè, nhà cửa cứ việc nhô ra tận sông. Cho nên chúng tôi phải đi theo những đường phố đoán chừng là chạy dọc theo dòng sông. Những đường phố đó tối tăm lầy lội quá sức và ngổn ngang những xe cộ, những hòm xiểng, những kiện hàng, gói bọc đủ loại. Những thứ ấy, hết đây lại đó, cứ vướng chân vướng cẳng, chúng tôi len lỏi đi lên cho được rất khó khăn. Tôi buộc con Ca-pi vào một sợi dây thừng và kéo nó theo sát bên tôi. Mới một giờ trưa mà đèn khí đã thấp trong các cửa hàng.

Nhìn thấy Lơ-đơn như vậy, chúng tôi không có cảm tình như đối với sông Ta-mi-dơ.

Chúng tôi cứ đi lên và chốc chốc Mát-chi-a lại hỏi thăm xem chúng tôi còn cách quán trọ Linh-côn bao xa. Rồi chúng tôi không còn đi trên đường phố ồn ào, nhộn nhịp nữa. Chúng tôi vào những con phố vắng vẻ, chẳng chịt, ở đây chúng tôi có cảm giác là cứ đi quẩn đi quanh tại chỗ như trong một trận đồ bát quái⁽¹⁾ chứ không tiến lên được bước nào.

Bỗng nhiên, giữa lúc tưởng đã lạc đường thì chúng tôi đến một nghĩa địa nhỏ đầy mồ mả, bia mộ đen sì

(1) Một thế trận bố trí để cho quân địch đánh vào là bị bao vây chẳng chịt, không sao tìm được đường thoát - ND.

như thể quét bồ hóng hay đánh xi đen: đó là công viên Grin. Trong lúc Mát-chi-a đón một bóng người qua đường để hỏi han thì tôi đứng lại để tìm khối đập mạnh. Tôi không thở được nữa, người tôi run lên. Rồi tôi bước theo Mát-chi-a và dừng lại trước một tấm biển đồng đọc thấy mấy chữ: Gơ-rét và Gơ-li. Mát-chi-a bước lên định kéo chuông thì tôi ngăn tay nó. Nó hỏi:

- Cậu làm sao thế? Mặt tái đi thế kia!

- Hợm tí đã, đợi mình bớt hồi hộp!

Mát-chi-a giật chuông và chúng tôi bước vào nhà. Tôi bối rối quá, không trông rõ quanh mình: chừng như đây là một phòng giấy, có hai người đang gò lưng viết trên bàn, dưới mấy ngọn đèn khí vừa cháy, vừa reo sè sè.

Mát-chi-a đến nói với một trong mấy người đó vì dĩ nhiên là tôi đã cạy nó đỡ lời. Trong khi nó nói, tôi nghe mấy tiếng family, boy⁽¹⁾, Bác-bơ-ranh trở đi trở lại; tôi hiểu là nó trình bày rằng tôi là chú bé mà gia đình đã cạy Bác-bơ-ranh tìm kiếm. Cái tên Bác-bơ-ranh có tác dụng: mọi người nhìn chúng tôi và người kia đứng lên mở cửa cho chúng tôi vào một căn phòng đầy giấy tờ, sách vở. Một ông đang ngồi trước bàn giấy, một ông khác mặc áo dài, đầu chụp tóc giả, tay xách nhiều túi vải xanh, đang nói chuyện với ông kia.

Người đưa chúng tôi vào báo cáo vấn tắt chúng tôi là ai, tức thời hai ông ấy nhìn chúng tôi từ đầu đến chân. Cái ông ngồi bàn giấy hỏi bằng tiếng Pháp:

(1) Chữ Anh trong nguyên bản: family: gia đình, boy: con trai - ND.

- Anh nào là đứa bé Bác-bơ-ranh nuôi?

Nghe thấy nói tiếng Pháp, tôi yên lòng bước lên một bước:

- Thưa ông, tôi đây!

- Bác-bơ-ranh đâu?

- Ông ta chết rồi?

Hai ông nhìn nhau một lát rồi ông có tóc giả xách mấy chiếc túi đi ra. Ông vừa hỏi tôi lại tiếp:

- Thế anh đến đây bằng cách nào?

- Đi bộ đến Bu-lô-nhơ, rồi từ Bu-lô-nhơ, đáp tàu thủy đi Lon-đon. Chúng tôi vừa lên bộ xong.

- Bác-bơ-ranh có cấp tiền cho anh chứ?

- Chúng tôi không gặp ông Bác-bơ-ranh.

- Thế thì làm sao các anh biết tìm đến đây?

Tôi thuật lại rất vắn tắt câu chuyện mà ông ấy hỏi. Tôi nôn nóng muốn đến lượt mình hỏi một đôi câu, trước hết là một câu cháy lưỡi. Nhưng tôi không kịp hỏi. Người ta cứ bắt tôi kể vì sao mà tôi được Bác-bơ-ranh nuôi, vì sao mà lão bán tôi cho cụ Vi-ta-li; rồi khi cụ chủ tôi chết, tôi được gia đình bác A-canh cứu mạng như thế nào và cuối cùng, khi bác A-canh bị bỏ tù vì thiếu nợ, tôi trở lại làm nghề nhạc sĩ lang thang như thế nào. Tôi nói đến đâu thì ông ta ghi lại đến đó và nhìn tôi với con mắt thế nào ấy, nó làm tôi khó chịu. Quả là ông ta có vẻ khắc nghiệt và nụ cười có ẩn cái gì man trá.

- Thế còn chú bé này là ai? - Ông ta vừa hỏi vừa đưa cây bút sắt chỉ vào Mát-chi-a như muốn bắn một mũi tên vào người nó.

- Là bạn thân, bạn nghề nghiệp, một người anh em ruột thịt của tôi.

- Tốt lắm! Chỗ quen biết gặp nhau trên bước giang hồ, chắc thế?

- Một người anh em ruột thịt âu yếm và thân tình nhất!

- Ô! Ta có nói khác đâu!

Tôi nghĩ đã đến lúc đặt cái câu hỏi làm tôi ám ức trong lòng từ khi bắt đầu câu chuyện:

- Thưa ông, có phải gia đình tôi ở nước Anh không?

- Hẳn là ở Anh rồi, ít nhất là trong lúc này!

- Thế tôi sắp được gặp chưa?

- Lát nữa anh sẽ về gia đình anh. Tôi sẽ bảo người đưa anh đi.

Ông bấm chuông gọi. Khó khăn lắm tôi mới thoát được mấy tiếng sau đây:

- Ông cho phép tôi hỏi một câu nữa thôi! Tôi có bố không?

- Không những bố, anh có một bà mẹ và nhiều anh chị em nữa.

- Chao ôi! Ông ơi!

Cánh cửa mở ra chặn đứng sự cảm khái của tôi. Tôi chỉ biết đưa mắt trào lệ nhìn Mát-chi-a. Ông kia nói

tiếng Anh với người mới vào. Tôi hiểu chừng như ông ấy bảo người ấy đưa chúng tôi đi. Tôi đứng dậy. Ông nói tiếp:

- Ô! Tí nữa thì quên. Tên họ anh là Đơ-ri-xơn. Đó là tên bố anh.

Mặc dù với vẻ mặt bất lương của ông ta, tôi cũng muốn nhảy lên ôm cổ ông ta mà hôn, nếu ông để cho tôi đủ thì giờ. Nhưng ông ta đưa tay trở ra phía cửa và chúng tôi đi ra.

34

GIA ĐÌNH ĐƠ-RI-XƠN

Viên thư lại đưa tôi đi tìm gia đình là một lão già nhỏ bé, củ rú cù rù, cứng đờ, da dẻ nhăn nheo, mặc áo dài đen đã bợt và bóng, cổ đeo cà vạt trắng. Ra đến ngoài đường, lão ta xoa rồi rít hai bàn tay, bẻ ngón tay và cườm tay “cục cục”, đá đá chân như muốn hất tung ra xa đôi ủng đã vệt gót và ghéech mũi lên trời, lão hít mạnh sương mù luôn mấy nhịp, bộ điệu khoái trá của một người đã tù cẳng trong phòng.

Mát-chi-a bảo tôi bằng tiếng I-ta-li-a: “Lão ta hít hít có vẻ thích thú lắm nhỉ?”

Lão già nhìn chúng tôi và không nói một lời, lão chỉ “sịt, sịt” như là xuýt chó, như thế có nghĩa là chúng tôi phải bám sát gót lão, đừng có để bị lạc.

Chẳng mấy chốc chúng tôi đã lọt vào một dãy phố nườm nượp xe cộ. Lão ta chặn một chiếc xe lại. Đây là một thứ xe lạ kiểu ở chỗ người đánh xe đáng lẽ ngồi trên ghế ngay sau ngựa thì lại vắt vẻo trên cao sau một thứ mui vải.

Lão già bảo chúng tôi lên xe, phía trước thì trống hoác. Lão trờ qua một lỗ hổng nói chuyện với người đánh xe. Nhiều lần tiếng “Bét-nơn Gờ-rin” được nhắc đến và tôi đã ngỡ rằng đó là tên cái khu phố bố mẹ tôi ở. Tôi cũng hiểu rằng “Gờ-rin” tiếng Anh có nghĩa là “xanh” và nó gợi cho tôi nghĩ rằng ở đó chắc là trồng nhiều cây cối xanh tươi, điều này xưa nay tôi rất thích thú. Như thế thì khác hẳn những phố xá tồi tàn ở Lơ-đơn, vừa tối tăm vừa buồn tẻ mà chúng tôi đã đi qua khi mới đến. Hẳn là một ngôi nhà rất xinh trong đô thành lớn, chung quanh trồng cây.

Câu chuyện trao đổi khá lâu giữa hai người, khi thì người ngồi bên dưới phải dướn người lên tới lỗ hổng để giải thích cho người ngồi trên, khi thì bác đánh xe muốn từ trên cao tụt xuống qua lỗ hổng để nói cho rõ rằng mình chẳng biết chút gì về điều mà người khách đang nói.

Mát-chi-a và tôi ngồi dõn vào một góc, con Ca-pi ngồi giữa hai chân tôi. Nghe cái cọ thế ấy, tôi ngạc nhiên có sao một người đánh xe chở thuê như vậy lại có thể không biết cái nơi tươi mát như là “Bét-nơn Gờ-rin” ấy? Ở Lơ-đơn có nhiều khu phố xanh tươi chẳng? Cũng khá lạ đấy! Cứ như chúng tôi đã thấy, có lẽ nhiều

bồ hóng hơn thì phải! Chúng tôi đi khá nhanh trong những đường phố rộng, rồi vào những phố hẹp, rồi đến những phố rộng nhưng hầu như chẳng thấy rõ gì chung quanh mình, sương mù dày đặc che phủ tất cả. Trời đã chuyển lạnh, vậy mà chúng tôi cảm thấy khó thở như bị nghẹt. Đó là Mát-chi-a với tôi thôi, còn viên thư lại dẫn đường thì trái lại lão tỏ ra rất khoan khoái. Rõ ràng lão ta hít mạnh khí trời, miệng há to, mũi phồng lên hít lấy hít để. Dường như lão ta cố sống cố chết tích lấy một khối lượng lớn khí trời vào trong phổi. Thế rồi, thỉnh thoảng lão lại tiếp tục bẻ tay cục cục và duỗi chân duỗi cẳng; cứ như lão ta phải ngồi yên hàng bao nhiêu năm trời, không được cử động và không được thở!

Cứ nghĩ rằng chỉ trong chốc lát, vài giây đồng hồ chưa chừng, tôi sẽ được ôm hôn bố mẹ tôi, anh chị tôi, mối xúc cảm lại khiến tôi phát điên lên được! Thế nhưng tôi vẫn rất muốn được nhìn cái thành phố chúng tôi đi qua. Chẳng phải là thành phố của tôi, quê cha đất tổ của tôi ư?

Nhưng dù đã hoài công mở to đôi mắt, tôi vẫn chẳng thấy gì hoặc hầu như chẳng thấy được chút gì ngoài mấy đốm lửa đỏ của ngọn đèn khí lập lòe trong sương mù tựa như trong một đám khói dày đặc. Ngay những chiếc đèn lơ ở xe cộ qua lại cũng thấy rất mờ. Thỉnh thoảng xe chúng tôi dừng đứng ngay lại để khỏi vướng phải, hoặc cán phải những người qua lại rất đông trên đường phố.

Xe vẫn chạy. Chúng tôi rời nhà Gơ-rét và Gơ-li đã rất lâu rồi; như thế, theo suy nghĩ của tôi, lại càng rõ

là bố mẹ tôi ở tại miền thôn quê. Nhất định chỉ trong khoảng khắc, chúng tôi sẽ đi ra khỏi đường phố chật chội để đi vào miền đồng nội.

Mát-chi-a và tôi vẫn nắm tay nhau. Niềm tin sắp được gặp gia đình khiến tôi nắm tay nó thật chặt. Hình như chính trong lúc này, hơn tất cả lúc nào hết, tôi cần tỏ rõ cho nó biết rằng tôi là bạn chí thân, bạn suốt đời của nó. Nhưng đáng lẽ phải tới miền đồng quê, chúng tôi lại lọt vào những đường phố chật hẹp hơn, và nghe có cả tiếng còi xe lửa.

Thế là tôi nhờ Mát-chi-a hỏi hộ người đưa đường xem chúng tôi đã sắp đến chỗ bố mẹ tôi chưa? Câu trả lời của Mát-chi-a thật là ngán ngấm: nó nghĩ rằng viên thư lại nhà Gơ-rét và Gơ-li đáp là lão chưa hề đặt chân đến khu tụ tập của quân trộm cắp. Chắc là Mát-chi-a nghe nhầm; nó không hiểu rõ câu trả lời của lão ấy. Nhưng nó vẫn khẳng khái cái từ *thi-e-ves*, từ Anh mà viên thư lại dùng để trả lời nó, rõ ràng có nghĩa là quân trộm cắp, chắc chắn thế. Tôi bàng hoàng một chút nhưng rồi lại nghĩ thầm rằng viên thư lại kia sợ quân trộm cắp, chính vì chúng tôi đi vào miền đồng quê vắng vẻ và cái từ Gờ-rin đặt sau từ Bét-nơn, có nghĩa rõ ràng là cây cối hoặc nội cỏ. Tôi nói ý nghĩ ấy với Mát-chi-a và thế là cái điều lo sợ của lão cứ khiến chúng tôi cười mãi. Những kẻ không bao giờ ra khỏi thành phố đúng là gốc gác.

Nhưng vẫn chưa có vẻ nông thôn tí nào! Phải chăng cái nước Anh chỉ là một thành phố đầy những đá và

bùn tên gọi Lợn-đơn? Cái thứ bùn này nó tràn ngập cả vào trong xe, nó bắn lên tận chúng tôi từng mảng đen ngòm; một mùi nhạt thếch bao quanh chúng tôi đã khá lâu rồi! Tất cả những cái đó chứng tỏ rằng chúng tôi hiện đang ở trong khu phố tồi tàn, có lẽ là khu phố cuối cùng, trước khi tới những nội cỏ của Bét-nơn Gờ-rin.

Tôi cảm thấy như chúng tôi đang xoay quanh và thỉnh thoảng người lái xe lại cho xe đi chậm lại, hình như anh ta cũng ngập ngừng, không hiểu là đang ở nơi nào! Thình lình, anh ta dừng ngay xe lại và cái lỗ cửa phía trên chúng tôi mở ra.

Thế là một cuộc trao đổi, đúng hơn là một cuộc đôi co, nổ ra. Mát-chi-a bảo tôi rằng theo như nó nghe được thì hình như người đánh xe không muốn đi xa hơn nữa vì anh ta không biết đường nữa rồi. Anh ta đòi phải chỉ dẫn kỹ hơn. Còn viên thư lại của Gờ-rét và Gờ-li vẫn trả lời một mực rằng chưa bao giờ lão ta đặt chân tới khu phố của bọn trộm cắp. Tôi nghe rõ cái từ *thi-e-ves*. Nhất định nơi đó không phải là Bét-nơn Gờ-rin được. Vậy thì điều gì đã xảy ra? Cuộc đấu khẩu lại tiếp tục qua lỗ cửa nhỏ và hai bên đều phát câu ngang nhau trong lời qua tiếng lại qua cái lỗ cửa ấy.

Cuối cùng, viên thư lại trả tiền cho người đánh xe đương lắm bà lắm bầm, rồi bây giờ xuống xe, và lại “sịt, sịt, sịt” với chúng tôi. Rõ ràng chúng tôi phải xuống xe theo lão. Bây giờ thì chúng tôi đi trong một đường phố lầy lội. Một cửa hàng thấp đèn sáng choang; từ những tấm gương lớn, những mảng thiếp vàng và những cái

chai vuông mặt, ánh sáng đèn khi phản chiếu sáng lò ra ngoài đường phố, rồi xuyên qua đám sương dày ra tận con ngõ. Đó là một tiệm rượu mạnh, một ngôi nhà lâu trong đó bán rượu mạnh đủ loại, chế biến bằng chất rượu cất từ các thứ hạt hoặc từ củ cải đỏ.

Người đưa đường lại "sịt sịt". Chúng tôi theo lão ta vào hiệu. Đúng là chúng tôi đã nhầm mà ngỡ rằng mình đang ở trong một khu phố tồi tàn; tôi chưa bao giờ được thấy một chốn nào lịch sự hơn: đâu đâu cũng là những tấm gương và những mảng thiếp vàng; quầy hàng thì dát bạc. Ấy vậy mà những người đứng trước quầy hàng, hoặc tựa vai vào tường hay là vào những thùng rượu, thì lại ăn mặc rách rưới. Có thể không đi giày, và cặp chân trần của họ, vì lộ trong những bãi phân nhão nhoẹt, cũng đen xỉn như thể bôi xi đánh giày chưa kịp để cho khô. Trên cái quầy dát bạc ấy, người đưa đường chúng tôi mua một cốc nước trắng trắng thơm thơm, khoái trá uống cạn một hơi cũng như trước đó một chút, lão ta đã hít lấy hít để sương mù. Sau đó, lão nói chuyện với người bán hàng mặc áo xăn tay đến khuỷu. Nhất định lão ta hỏi đường, và tôi cũng không cần phải hỏi đến Mát-chi-a nữa.

Chúng tôi lại ra đi, bám gót lão ta.

Đến đây đường phố hẹp lắm, cho nên dù có sương mù, chúng tôi vẫn trông thấy nhà cửa hai bên. Nhiều dây thừng chằng từ nhà nọ qua nhà kia, trên đó áo quần và tả rách vắt lòng thòng, chắc là không phải để phơi. Mình đi đâu đây? Tôi bắt đầu băn khoăn. Chốc chốc Mát-chi-a liếc nhìn tôi, nhưng nó không hỏi chuyện.

Từ đường phố, chúng tôi đi vào một ngõ hẹp, qua một cái sân lại đến một ngõ phố nữa. Nhà cửa quanh này tồi tàn quá, tồi hơn cả những làng tồi tàn nhất bên nước Pháp. Một số lớn làm bằng ván gỗ như nhà xe hay chuồng bò vậy, nhưng chính lại là nhà ở. Ở các thêm nhà lổ nhố những người đàn bà để đầu trần và trẻ con.

Khi có chút ít ánh sáng để nom rõ quanh mình thì tôi nhận thấy những người đàn bà này nước da tái, tóc vàng nhạt buông xõa xuống vai; trẻ con hầu như trần truồng, có chút ít quần áo gì trên người thì đều rách bươm. Ở ngõ phố nọ, lộn ỉn trong một rãnh nước đọng lại hôi thối. Người đưa đường cho chúng tôi dừng lại. Chắc là ông ta mất phương hướng rồi. May lúc ấy có một người đi tới chỗ chúng tôi. Ông ta mặc áo khoác xanh, đội mũ da bóng; tay ông ta đeo lon nửa đen, nửa trắng, bao súng nịt ở thắt lưng. Đó là một viên cảnh sát của Thành phố Lớn-đơn.

Hai người nói chuyện với nhau, sau đó, chúng tôi lại đi qua nhiều góc ngách, sân nhà, đường phố khúc khuỷu. Hình như đây đó, có những nhà đổ nát. Cuối cùng, chúng tôi đến một cái sân, giữa có ao nước nhỏ. Người cảnh sát nói: “Sân Sư tử đỏ!”

Sao lại dừng lại ở đây? Ở đây không thể là Bét-nơ Gờ-rin. Bố mẹ ta đâu lại ở cái sân này cơ chứ! Thế thì tại sao?

Tôi không có thì giờ suy nghĩ về những nỗi băn khoăn ấy. Viên cảnh sát gõ cửa một thứ nhà xe bằng gỗ ván và người đưa đường cho chúng tôi cảm ơn ông ta. Chúng tôi đến nơi rồi sao?

Mát-chi-a siết tay tôi-nó vẫn giữ tay tôi từ đầu - và tôi siết tay nó. Chúng tôi cảm thông với nhau. Nỗi khắc khoải trong lòng tôi cũng bóp thắt trái tim nó.

Quá xúc động, tôi không biết người ta mở cửa đón chúng tôi như thế nào sau khi viên cảnh sát gõ cửa. Chỉ từ khi vào cái buồng lớn có ánh đèn, có lửa sưởi đốt bằng than đá sau tấm lưới sắt, chỉ từ khi ấy, sự việc mới được tôi ghi nhớ. Trước bếp lửa, trong một chiếc ghế bành rơm, trông như cái bệ thờ thánh khoét lõm vào tường, có một ông cụ già ngồi im lìm như một pho tượng, râu bạc trắng, đầu đội mũ chup đen. Một người đàn ông và một người đàn bà ngồi đối diện nhau, ở hai bên một chiếc bàn. Người đàn ông trạc bốn mươi, mặc quần áo bằng nhung màu xám, vẻ mặt thông minh nhưng khắc nghiệt; người đàn bà trẻ hơn chừng năm sáu tuổi, tóc vàng rủ xuống chiếc khăn kẻ ô đen trắng choàng qua trước ngực. Mắt bà mơ màng vô định, và trên gương mặt, ngày xưa chắc là đẹp, cũng như trên cử chỉ uể oải người ta thấy dáng của một người hồ hững, vô tình. Trong phòng còn có bốn đứa trẻ, hai trai, hai gái, đều tóc vàng, một màu vàng nhạt như mẹ. Đứa lớn nhất khoảng mười một, mười hai, hai đứa sau là trai, đứa bé nhất chưa đầy ba tuổi, nó lê la dưới đất.

Thoảng một cái, tôi đã thấy hết tất cả cảnh đó, trước khi viên thư lại của Gơ-rét và Gơ-li nói chuyện với tôi.

Lão ta nói cái gì? Tôi chỉ nghe loảng thoảng và chẳng hiểu gì hết, trừ cái tên Đơ-ri-xơn, cái tên của tôi mà người chức việc đã bảo cho biết là tôi nghe được mà thôi.

Tất cả các con mắt đều quay nhìn về phía Mát-chi-a và tôi, kể cả mắt của cụ già ngồi im. Chỉ có đứa bé gái là chú ý đến Ca-pi. Người đàn ông mặc đồ nhung xám hỏi bằng tiếng Pháp

- Trong hai chú, chú nào là Rê-mi?

Tôi bước lên một bước nói :

- Tôi!

- Thế thì lại hôn cha đi, con!

Trước đây, khi nghĩ tới phút đoàn viên này, tôi cứ hình dung rằng tôi sẽ cảm thấy có một sức bật bên trong nó đẩy tôi vào lòng bố tôi. Nhưng bây giờ tôi không cảm thấy sự phấn chấn đó. Tuy vậy tôi vẫn bước đến ôm hôn bố tôi. Bố tôi nói:

- Và đây là ông con và kia là mẹ con và các em con.

Trước hết tôi đến bên mẹ tôi và ôm mẹ. Mẹ tôi để cho tôi ôm hôn nhưng không hôn trả; mẹ chỉ nói vài câu mà tôi không hiểu. Bố bảo tôi:

- Bắt tay ông đi con, và nhẹ nhẹ đó! Ông bị bại liệt.

Tôi lại bắt tay hai em trai và em gái lớn. Tôi định bế em bé, nhưng vì mãi vuốt ve con Capi, em xô tôi ra. Tôi vừa đi từ người này qua người khác như thế, vừa lấy làm bất mãn với mình. Sao thế chứ? Sao mà được trở về giữa cha mẹ anh em như thế này, tôi không cảm thấy vui sướng hơn trước? Tôi có cha, có mẹ, có em trai, em gái, lại có ông, tôi được đoàn tụ với người thân thế này mà sao tôi lạnh nhạt! Tôi đã chờ mong cái phút này

thiếu điều phát sốt lên; tôi sung sướng như điên như dại khi nghĩ rằng tôi cũng sắp có một gia đình như ai, cũng có cha mẹ để yêu thương và được yêu thương. Thế mà giờ đây tôi lúng ta lúng túng, ngấm nhìn cha mẹ tôi một cách tò mò, không tìm thấy trong lòng mình một chút gì, một lời triu mến chẳng hạn, để bày tỏ với người thân. Tôi là một con yêu, con quái chẳng? Tôi không xứng đáng có gia đình chẳng?

Ví thử tôi tìm thấy cha mẹ tôi ở trong một tòa lâu đài chứ không phải ở một nhà chứa xe như thế này thì những niềm triu mến yêu thương đã dậy lên trong lòng tôi chẳng? Ý nghĩ ấy làm cho tôi ghen ngào vì xấu hổ. Tôi lại đến trước mẹ tôi, ôm hôn mẹ lần nữa, hôn bằng cả hai môi không dè dặt. Chắc là mẹ tôi không hiểu nguyên do gì khiến tôi trở nên cuồng nhiệt như thế, cho nên đáng lẽ ra hôn lại tôi thì bà nhìn tôi cũng với cái vẻ hững hờ uể oải lúc trước. Rồi bà nhún vai nhẹ nhẹ, nói với bố tôi mấy câu làm cho bố tôi cười mà tôi không hiểu. Thái độ ghẻ lạnh của mẹ và tiếng cười của cha làm tôi nát lòng. Tôi cho rằng đối xử như thế đáp lại sự bộc lộ tình cảm của tôi là không thỏa đáng. Nhưng tôi không có thì giờ suy tưởng miên man vì bố tôi đã trở tay vào Mát-chi-a mà hỏi:

- Còn chú này là ai?

Tôi bày tỏ những mối liên hệ đã buộc tôi với Mát-chi-a ; tôi cố đưa tình bạn của tôi vào lời lẽ và cố nói lên cái ơn của nó đối với tôi.

- Ừ, nó muốn đi cho biết đó biết đây!

Tôi toan trả lời thì Mát-chi-a nói hốt:

- Thưa ông, đúng đấy!

- Thế còn lão Bác-bơ-ranh? - Bố tôi hỏi - Sao lão không đến?

Tôi nói Bác-bơ-ranh đã chết rồi và đó là điều thất vọng lớn nhất của tôi lúc đến Pa-ri khi được nghe má Bác-bơ-ranh bảo cho biết bố mẹ tìm tôi. Bố tôi dịch lại cho mẹ nghe. Tôi thấy chừng như mẹ tôi đáp là hay lắm hoặc tốt lắm gì đó. Điều chắc chắn là mẹ tôi nói đi nói lại nhiều lần những tiếng "*well*" và "*good*" mà tôi biết. Tại sao Bác-bơ-ranh chết đi lại là hay, là tốt nhỉ? Đó là điều tôi tự hỏi mà không trả lời được. Bố tôi lại hỏi:

- Con không biết tiếng Anh?

- Không. Con chỉ biết tiếng Pháp và cũng biết tiếng I-ta-li-a nữa vì có học với ông chủ đã mượn con nơi ông Bác-bơ-ranh.

- Ông Vi-ta-li.

- Bố đã biết...

- Bác-bơ-ranh nói cho bố biết tên ông ta, cách đây ít lâu bố sang Pháp để tìm con. Chắc con cũng tò mò muốn biết vì sao đã mười ba năm, bố mẹ không lùng kiếm con mà dùng một cái lại nảy ra cái ý đi tìm Bác-bơ-ranh!

- Chao ôi ! Vâng, tò mò lắm! Thật tình là con muốn được biết lắm!

- Ừ thì lại bên bếp lửa đây, bố sẽ thuật lại cho con nghe.

Khi vào nhà thì tôi đã cởi dàn dựng tựa vách. Bây giờ thì cởi xác ra và ngồi vào chỗ bố tôi chỉ. Nhưng khi tôi duỗi chân lấm ướt ra trước bếp lửa thì ông tôi không nói năng gì cả, phun khạc về phía tôi như một con mèo già nổi nóng. Tôi biết là tôi quấy ông cụ, nên co chân lại. Bố tôi nói:

- Con chẳng cần bận lòng! Ông cụ không thích người ta đến sưởi lửa của ông cụ, nhưng nếu con thấy rét thì cứ việc sưởi, không cần phải nể nang gì ông cả.

Tôi lấy kinh ngạc khi nghe nói như thế về ông già râu trắng phau phau kia. Tôi tưởng rằng nếu có một người cần được nể nang thì chính là ông cụ. Vì thế, tôi cứ để chân dưới ghế. Bố tôi nói:

- Con là con lớn của bố mẹ. Lúc bố cưới mẹ thì có một người con gái trước đó cứ tưởng rằng bố sẽ lấy cô ta. Bởi vậy cô ta coi mẹ là người tình địch và căm thù mẹ dữ dội. Để báo thù, đúng cái ngày con được sáu tháng, cô ấy đánh cắp con, mang con sang Pháp, đến Pa-ri vứt con ở đường phố. Bố mẹ đã hết sức tìm kiếm, nhưng không đến tận Pa-ri vì không ngờ rằng người ta mang con đi xa như thế. Bố mẹ không tìm thấy con, đã tưởng con chết rồi và mất hẳn, thì cách đây ba tháng, người đàn bà ấy lâm bệnh ngặt nghèo đã thổ lộ hết sự thật trước khi nhắm mắt. Lúc bấy giờ, bố tức tốc sang Pháp, tìm đến ông cấm ở khu phố mà người ta vứt con. Ở đấy người ta cho biết rằng một người thợ nề tỉnh Cơ-

rơ-dơ đã nhận con về nuôi, và đó chính là người đã nhặt được con. Tức thời bố đi Sa-va-nông hỏi Bác-bơ-ranh. Lão nói lão đã cho Vi-ta-li thuê con, Vi-ta-li là một nhạc sĩ rong, cho nên con đang dạo nước Pháp với ông già ấy. Vì bố không thể ở lại bên Pháp để đuổi theo Vi-ta-li nên bố cậy Bác-bơ-ranh và đưa tiền cho lão ta để khi tìm được con thì cho những người thừa biện lo việc cho bố biết. Bố không để địa chỉ ở đây cho lão là vì chúng ta chỉ ở Lơ-nơ trong mùa đông thôi. Mùa nóng ấm thì chúng ta đi khắp nơi trên đất Anh và đất Ê-cốt-xơ để bán hàng rong, mang theo xe cộ và cả gia đình. Thế đấy, con ạ, ta đã tìm lại được con và sau mười ba năm cách biệt, con đã trở về vị trí của con trong gia đình như thế đấy. Bố biết rằng tất thế nào con cũng còn sợ sệt khó gần, vì con chưa hề biết những người thân trong nhà ta và hai bên lại chưa hiểu được tiếng nhau. Nhưng bố hy vọng rằng con sẽ chóng sống quen trong nhà này.

Đúng, tôi sẽ chóng quen thôi. Cái đó dĩ nhiên quá bởi vì tôi trở về giữa gia đình tôi, và những người chung sống với tôi là cha tôi, mẹ tôi, các em trai, em gái tôi.

Những chiếc tã đẹp rách bảo sai rồi. Đối với má Bác-bơ-ranh, em Li-dơ và bác A-canh, đối với những ai chở che đùm bọc tôi thì đây là điều không may. Tôi không thể giúp đỡ họ như tôi mơ ước. Bán hàng rong, mà lại ở trong cái nhà chứa xe như thế này thì có đâu phải là người lăm tiền nhiều của! Nhưng đối với tôi thì nghĩ cho kỹ, chẳng có hề gì! Tôi có gia đình, thế là đủ, còn cái việc tưởng tượng rằng mình là con nhà giàu thì

chẳng qua là một giấc mơ con trẻ, có xá gì. Tình ở bên trên tiền, tôi không cần tiền bạc, tôi chỉ cần triu mến yêu thương.

Trong khi tôi chăm chăm chú chú nghe chuyện bố tôi thì bữa cơm tối đã dọn lên: những chiếc đĩa nhỏ hoa xanh bày quanh một đĩa sắt lớn đựng một tảng thịt bò bỏ lò, chung quanh xếp đầy khoai tây.

Bố tôi hướng về Mát-chi-a và tôi mà hỏi:

- Hai đứa nhỏ có đói không?

Mát-chi-a không đáp, nhe hàm răng trắng nõn ra.

- Thế thì chúng ta dùng bữa đi thôi - Bố tôi nói.

Trước khi ngồi vào bàn ăn, bố tôi đẩy chiếc ghế bành của ông tôi đến bên bàn. Rồi bố ngồi xuống, quay lưng lại bếp và bắt đầu cắt miếng thịt thăn bò quay; ông xé cho chúng tôi mỗi người một lát lớn, kèm với khoai tây. Tôi không nuôi dạy theo phép lịch sự xã giao, nói cho đúng thì tôi không được giáo dục gì cả. Nhưng tôi cũng nhận thấy rằng các em tôi thường thường lấy tay bốc thức ăn, nhúng cả ngón tay vào nước xốt rồi đưa lên miệng liếm mà hình như bố mẹ tôi không để ý. Còn ông tôi thì chỉ chăm chú vào cái đĩa của mình: bàn tay duy nhất dùng được của ông cụ cứ luôn luôn đưa từ đĩa lên mồm. Khi những ngón tay run rẩy làm sảy ra một miếng thì mấy em trai tôi chế nhạo ông cụ.

Bữa tối xong, tôi nghĩ gia đình sẽ quây quần chung quanh ngọn lửa. Nhưng bố tôi bảo sắp phải tiếp mấy

người bạn cho nên chúng tôi phải đi ngủ. Rồi ông cầm một cây nến đưa chúng tôi đến một buồng xếp tiếp với buồng ăn. Ở đây có hai cỗ xe lớn thuộc loại những người buôn bán rong thường dùng. Bố tôi mở cửa một chiếc xe, trên ấy có hai cái giường đặt chồng lên nhau. Ông nói:

- Giường của các anh đây. Ngủ ngon giấc nhé!

Tôi được gia đình tôi - gia đình Đơ-ri-xơn - đón tiếp như thế đấy!

35

THỜ CHA KÍNH MẸ

Khi lui ra, bố tôi không mang nến đi. Nhưng ông đã đóng cửa kéo chốt ngoài. Như thế thì chỉ còn có việc đi ngủ thôi. Chúng tôi lên giường ngay, không chuyện vãn với nhau như bình thường chúng tôi có thói quen trước khi đi ngủ, cũng không kể lể với nhau những cảm tưởng trong cái ngày lảm việc này.

- Rê-mi ngủ ngon nhé!- Mát-chi-a nói.

- Chúc Mát-chi-a ngủ ngon!

Mát-chi-a không thích trò chuyện, cũng như tôi không thích. Sự im lặng của Mát-chi-a làm tôi nhẹ người. Nhưng không thích nói chuyện không có nghĩa là thích ngủ. Nến tắt rồi mà tôi vẫn không chợp mắt, cứ trằn trọc trên chiếc giường nhỏ hẹp mà nghĩ ngợi về

những việc đã xảy ra. Nghĩ ngợi phần mình đã đành, tôi lại nghe thấy Mát-chi-a nằm ở giường trên cũng động đậy, cũng trăn trở, nghĩa là nó cũng thao thức như tôi. Tôi hỏi khe khẽ:

- Cậu không ngủ sao?

- Không, chưa ngủ được!

- Chỗ nằm không tốt à?

- Cảm ơn! Không đâu! Trái lại chỗ tốt lắm! Có điều là quanh tớ, cái gì cũng quay quay, y như là còn ở giữa biển và cái xe này thì cứ nhô lên hụp xuống và tròn trành bốn phía hai bên.

Có phải chỉ vì say sóng mà Mát-chi-a trăn trở không ngủ? Hay nó cũng mãi nghĩ ngợi về những điều như tôi? Nó yêu mến tôi, tâm hồn trí óc chúng tôi hòa hợp với nhau đến mức tôi cảm thấy thế nào thì nó cảm thấy thế ấy.

Giấc ngủ vẫn không đến và đêm càng về khuya càng làm tôi sợ sệt thêm, sợ sệt vô cớ. Sợ gì? Tôi không biết, nhưng rõ ràng là tôi sợ. Không phải sợ vì nằm trong chiếc xe này ở giữa cái khu phố Bét-nơ-n Gờ-rin nghèo khổ này. Đã bao nhiêu lần trong quãng đời lưu lạc, tôi phải ngủ đêm với màn trời chiếu đất chứ đâu được yên ổn như chỗ này! Tôi biết rằng ở đây không có gì nguy hiểm hết mà sao tôi vẫn hãi hùng. Càng cố làm gan trấn tĩnh, tôi lại càng hoang mang tợn.

Thời khắc trôi qua nhưng tôi không biết đêm đã khuya chừng nào vì chung quanh không có đồng hồ

điểm canh. Thình lình tôi nghe có tiếng động khá mạnh ở cửa buồng xép, cái cửa này trông ra một đường phố khác chứ không ở phía sân Sư tử đỏ. Rồi sau nhiều tiếng gõ gọi cách quãng đều đều thì có ánh đèn lọt vào trong xe. Tôi lấy làm lạ, vội nhìn quanh mình, còn con Ca-pi ngủ bên cạnh thì choàng dậy định sửa. Tôi thấy ánh đèn lọt vào chỗ tôi qua một cửa sổ nhỏ trên thành xe. Giường của chúng tôi kê sát thành xe ấy, nhưng lúc đi nằm chúng tôi không để ý đến cái cửa sổ vì có màn che cửa lại. Nửa trên cửa sổ nằm đúng ngang giường Mát-chi-a, nửa dưới trông vào giường tôi. Tôi để tay lên mồm con Ca-pi để cho nó khỏi sửa vang làm thức giấc mọi người trong nhà và tôi nhìn ra ngoài.

Bố tôi đã vào trong buồng xép; nhanh chóng và lặng lẽ, ông mở cái cửa trông ra đường. Hai người đàn ông vác những bịch nặng bước vào và bố tôi lại nhanh chóng và lặng lẽ đóng cửa lại. Rồi ông đặt một ngón tay lên môi và đưa tay kia đang xách đèn lên chỉ cái xe có chúng tôi nằm. Cái đèn của ông là một thứ đèn lồng có nắp, có thể che ánh sáng tùy ý. Và cái cử chỉ của ông tỏ ý bảo người ta không nên gây tiếng động làm chúng tôi thức giấc.

Sự quan tâm của bố tôi khiến tôi cảm động. Tôi toan kêu lên bảo bố cứ mặc tôi vì tôi vẫn thức giấc. Nhưng rồi tôi lặng thình vì sợ gọi toáng lên thì làm mất giấc ngủ của Mát-chi-a. Bố tôi đỡ cho hai người đàn ông đặt các bịch đồ xuống. Rồi ông đi một lát và trở lại cùng với mẹ tôi. Trong lúc vắng bố tôi, hai người đàn ông đã mở các bịch hàng. Một bao đựng đầy những súc vải, bít

tất, gắng tay. Lúc đó tôi mới hiểu cái việc thoát đầu làm cho tôi ngạc nhiên: những người này đến bán hàng cho bố mẹ tôi.

Bố tôi cầm từng món đồ hàng lên, đưa ra ánh đèn xem xét rồi trao cho mẹ tôi. Mẹ tôi cầm chiếc kéo con cắt nhãn hiệu bỏ vào túi. Cái việc này kỳ quặc, cũng như việc mua bán giữa đêm khuya thế này xem ra cũng thật lạ lùng.

Bố tôi vừa xem hàng vừa nói khe khẽ mấy câu với hai người đưa hàng tới. Nếu tôi biết tiếng Anh thì hẳn tôi đã nghe đủ, nhưng không hiểu tiếng thì nghe rõ làm sao được. Chỉ có hai tiếng *bob* và *po-li-ce-man*⁽¹⁾ thì lặp lại nhiều lần là tôi nghe rõ.

Khi đã xem xét cẩn thận tất cả những món hàng chứa trong mấy cái bao, bố mẹ tôi và hai người khách ra khỏi buồng xếp đồ vào nhà. Buồng lại tối. Rõ ràng là họ đi tính toán tiền nong. Tôi muốn tự bảo rằng những việc mắt thấy vừa rồi là bình thường thôi, không có gì lạ. Nhưng dù cố gắng bao nhiêu, tôi cũng không tự mình tin được. Những người đó đến nhà bố mẹ tôi sao không đi qua sân Sư tử đỏ? Tại sao khi nói về cảnh sát, họ lại thì thầm với nhau như tưởng sợ người ngoài nghe thấy. Tại sao mẹ tôi cắt các nhãn hiệu dính vào các thứ hàng bà mua?

Mãi loay hoay với những câu hỏi đó, tôi không ngủ được và tôi cố xua đuổi chúng nó vì không tìm ra lời giải

(1) *Policeman*: Tiếng Anh, chỉ người cảnh sát thành phố. *Bob* là tiếng lóng để gọi cảnh sát - N.D

đáp. Nhưng không tài nào xua đuổi được. Lát sau lại có ánh sáng rọi vào xe tôi và tôi lại nhìn qua khe màn. Lần này tôi không muốn nhìn mà cứ phải nhìn, khác với lần trước, tôi nhìn một cách tự nhiên để thấy, để biết. Bây giờ thì tôi tự nhủ không nên nhìn ra, vậy mà tôi vẫn cứ nhìn ra. Tôi cũng tự nhủ rằng có lẽ tốt hơn hết là không nên biết, vậy mà tôi vẫn cứ muốn biết.

Bây giờ chỉ có bố mẹ tôi thôi. Trong khi mẹ tôi nhanh chóng gói các món hàng thành hai kiện, thì bố tôi quét một góc buồng. Dưới lớp cát khô mà ông quét bạt đi, hiện ra một nắp hầm. Ông nhấc nắp và đưa xuống hầm hai kiện hàng mẹ tôi vừa gói xong. Mẹ tôi cầm đèn soi cho bố tôi. Cái hầm sâu bao nhiêu, tôi không nhìn thấy. Làm xong, bố tôi leo lên, đập nắp hầm lại và lấy chổi quét cát phủ lên. Trên mặt cát, bố mẹ tôi rắc mấy cọng rơm cho giống các nơi khác trên nền buồng. Công việc xong xuôi, bây giờ không tài nào trông thấy chỗ nắp hầm được. Rồi bố mẹ tôi đi ra.

Khi bố mẹ tôi nhẹ tay đóng cửa lại thì tôi nghe thấy Mát-chi-a động dậy trên giường, tuồng như nó kê đầu lên gối thì phải! Nó đã nhìn thấy sự việc xảy ra chẳng? Tôi không dám hỏi. Bây giờ có một cái gì còn nghiêm trọng hơn là một sự lo sợ mơ hồ đang đè nặng ngực tôi. Tôi biết vì sao tôi sợ rồi. Từ đầu đến chân, cơ thể tôi dẫm mồ hôi lạnh toát. Suốt đêm tôi cứ như thế. Một con gà ở nhà bên gáy lên, báo hiệu trời sắp sáng. Bấy giờ tôi mới thiếp đi, thiếp đi trong một giấc ngủ nặng nhọc, chập chờn, đầy những mộng mị hãi hùng làm tôi ngột thở.

Tiếng ổ khóa cọt két làm tôi tỉnh giấc và cửa buồng mở ra. Tưởng bố tôi gọi chúng tôi dậy, tôi nhắm mắt lại để đừng nhìn thấy ông. Mát-chi-a nói:

- Em cậu đến mở cửa cho chúng ta đó! Nó đi rồi.

Chúng tôi đứng lên. Mát-chi-a không hỏi tôi có ngủ ngon không và tôi cũng không nói gì với nó hết. Có một lúc nào đó, nó nhìn tôi thì tôi quay nhìn chỗ khác. Chúng tôi đi vào nhà bếp, ở đây không có bố tôi, cũng không có mẹ tôi. Ông tôi thì vẫn ngồi trong ghế trước lò sưởi y như là từ tối hôm qua ông không hề rời khỏi chỗ. Em gái lớn của tôi là An-ni đang lau bàn, còn em trai lớn là A-lơn thì quét rác. Tôi đến bắt tay chúng, nhưng chúng không đáp. Tôi bèn đến ông tôi. Ông tôi không để cho tôi lại gần và cũng như tối hôm qua, ông khạc nhổ về phía tôi. Cử chỉ đó làm tôi cụt hứng. Tôi bảo Mát-chi-a:

- Cậu hỏi giúp tớ xem trong buổi sớm nay, lúc nào thì tớ gặp được bố mẹ tớ?

Mát-chi-a hỏi.

Nghe nói tiếng Anh, mặt ông cụ có co giãn ra một chút, bớt cái vẻ bất động đáng khiếp đi. Ông chịu khó trả lời. Tôi hỏi:

- Ông cụ nói gì?

- Nói bố cậu đi vắng suốt cả ngày hôm nay, mẹ cậu ngủ, anh em chúng mình có thể đi dạo chơi được.

- Ông cụ chỉ nói thế thôi à?- Tôi hỏi như vậy vì thấy lời dịch của Mát-chi-a ngắn quá.

Mát-chi-a có vẻ lúng túng, nó nói:

- Tổ không biết đoạn sau tổ hiểu có đúng hay không?

- Thì cứ thử nói câu hiểu như thế nào để xem!

- Hình như ông cụ nói nếu chúng ta đi ra phố mà gặp cơ hội tốt thì không nên bỏ lỡ. Rồi ông cụ nói thêm, và câu này thì tổ tin chắc là tổ hiểu rõ: “Hãy nhớ lấy lời tao, phải biết sống trên lưng những đứa đại”.

Chắc là ông cụ đoán Mát-chi-a đang giải nghĩa những lời ông cụ nói cho tôi hiểu, vì nghe đến câu sau cùng này, thì ông dùng cái bàn tay không bị bại của ông làm cái cử chỉ bỏ một vật gì vào túi. Cùng lúc ấy, ông nheo mắt lại.

- Chúng ta đi chơi đi- Tôi bảo Mát-chi-a.

Trong hai hay ba tiếng đồng hồ, hai đứa tôi đi dạo quanh quần gần sân Sư tử đỏ. Chúng tôi không dám đi xa ra vì sợ lạc đường. Ban ngày khu Bét-nơn Gờ-rin này hiện ra còn xấu xí tồi tệ hơn ban đêm nữa. Cảnh bản cùng bày ra khắp nơi; từ nhà cửa đến người ngòm, ở đâu cũng thấy sự nghèo khổ nào lòng nhất. Mát-chi-a và tôi chỉ trông thấy, chứ không nói năng gì cả.

Quay trở lại thì vừa đến đầu sân, chúng tôi đi vào nhà.

Mẹ tôi đã ra khỏi buồng ngủ. Từ cửa, tôi đã nhìn thấy mẹ áp đầu trên mặt bàn. Ngỡ mẹ ốm, tôi chạy đến để hôn mẹ, vì tôi không nói chuyện với mẹ được. Tôi đưa tay ôm mẹ. Mẹ tôi ngẩng đầu lên, cái đầu cứ lắc lư, rồi mẹ nhìn tôi nhưng chắc là không trông thấy. Lúc ấy

từ hơi thở nóng hổi của mẹ tôi toát ra mùi rượu mạnh. Tôi lùi lại. Mẹ tôi lại gục đầu bên hai cánh tay duỗi thẳng trên mặt bàn. Ông tôi nói “gin”⁽¹⁾ rồi nhìn tôi mà cười gằn và nói mấy tiếng gì nữa tôi không hiểu. Lúc đầu, tôi đứng sững như mất hồn. Giây phút sau, tôi nhìn Mát-chi-a, Mát-chi-a cũng nhìn tôi, ứa nước mắt. Tôi ra hiệu cho nó, rồi hai đứa tôi trở ra.

Vai kề vai, tay nắm tay, chúng tôi đi mãi, không nói với nhau một lời, cứ nhìn thẳng trước mặt mà đi tới, không biết là đi đâu. Mát-chi-a có hơi lo ngại, hỏi:

- Chúng mình đi đâu thế này?

- Không biết, đi chỗ nào nói chuyện với nhau được thì đi. Mình cần nói với cậu điều này, nhưng ở đây, giữa đám đông này, mình không nói được.

Chính như thế đấy! Trong cuộc đời nay đây mai đó, qua nội qua rừng, theo kiểu cụ Vi-ta-li, tôi đã có thói quen không bao giờ nói chuyện quan trọng giữa đường phố, hoặc trong làng, và khi nói có người qua lại là tôi quên ngay những ý định nói. Vậy mà lúc này tôi lại muốn nói chuyện quan trọng với Mát-chi-a và tôi hiểu rõ là tôi sẽ nói gì với nó.

Lúc ấy, chúng tôi đã vượt qua những ngõ hẹp đến một đường phố rộng hơn, ở cuối đường hình như có cây cối. Có lẽ ở đầu ấy là thôn quê rồi, chúng tôi đi theo hướng ấy. Nhưng không phải là thôn quê mà là một công viên bao la, có những bồn cỏ rộng xanh mướt và

(1) Rượu mạnh

những lùm cây tơ dây đó. Chỗ này quả là chỗ lý tưởng để tâm sự. Tôi đã có chủ định, tôi biết rõ tôi muốn gì. Khi đã ngồi yên ở một xó cách bức và kín đáo, tôi nói với bạn tôi:

- Mát-chi-a thân mến, cậu biết là mình yêu thương cậu và chắc cậu cũng biết là chỉ vì tình bạn mà mình bảo cậu đi theo mình về nhà bố mẹ mình chứ? Bây giờ mình yêu cầu cậu làm gì thì cậu cũng chả nghi ngờ gì cái tình bạn của mình, phải không ?

- Cậu ngu lạ! - Mát-chi-a đáp và gượng cười.

- Cậu cười để cho mình khỏi tủi lòng. Nhưng tủi lòng cũng chả việc gì. Mình còn khóc được với ai nếu không là với cậu?

Nói đến đây, tôi ngã vào lòng Mát-chi-a khóc òa lên. Những lúc một thân một bóng, thất thủ trên mặt đường mệnh mông, tôi cũng chưa bao giờ thấy khổ sở như hôm nay. Tôi nấc lên một hồi rồi cố trấn tĩnh: tôi đưa Mát-chi-a đến vườn này có phải để cho nó than thở vì tôi đâu! Không phải vì tôi, chỉ vì nó! Tôi nói:

- Mát-chi-a ơi, cậu phải đi thôi. Cậu trở về Pháp đi!

- Lìa cậu à? Không đời nào!

- Mình biết trước thế nào cậu cũng trả lời mình như vậy, và cậu hãy tin rằng mình lấy làm sung sướng, rất sung sướng được nghe cậu nói không đời nào cậu rời mình. Tuy vậy, cậu phải rời bỏ mình đi, cậu trở về Pháp hay đi I-ta-li-a tùy cậu, về đâu không quan trọng, miễn là cậu không ở trên đất nước Anh nữa.

- Thế còn cậu, cậu định đi đâu? Cậu tính cho chúng ta đi đâu đây?

- Mình ấy à? Mình thì phải ở lại đây, ở Lớn-đơn đây với gia đình mình chứ! Bốn phận của mình không phải ở bên cạnh bố mẹ mình thì là gì? Còn lại bao nhiêu tiền, cậu lấy mà đi đi!

- Đừng nói thế, Rê-mi! Nếu có một người cần đi thì người ấy là cậu mới đúng!

- Tại sao?

- Tại vì...

Mát-chi-a không nói hết. Tôi đưa mắt hỏi, nó nhìn tránh đi.

- Mát-chi-a này, cậu hãy trả lời tớ thẳng thắn, thành thực, không nể nang, không e sợ, tối hôm qua, cậu thức? Và cậu có trông thấy, phải không?

Mát-chi-a không ngược mắt lên, đáp khe khẽ:

- Mình thức.

- Cậu thấy gì?

- Tất cả.

- Và cậu hiểu?

- Là những món hàng bọn kia đem tới bán không phải là hàng buôn. Bố cậu rầy chúng sao không gõ cửa trước mà lại gõ cửa buồng xép. Chúng bảo chúng bị cảnh sát rình mò, theo dõi.

- Đã thế thì cậu phải thấy cậu đi là đúng.

- Nếu tớ cần phải đi thì cậu cũng phải đi. Chả ai cần hơn ai.

- Khi mình yêu cậu cậu đi với mình thì mình ngỡ là gia đình mình sẽ cho cả hai đứa đi học và chúng ta sẽ ở gần nhau. Sở dĩ mình tin thế vì nghe má Bác-bơ-ranh nói và cũng vì mình mơ tưởng thế. Nhưng sự việc đã không như thế và chiêm bao vẫn hoàn là chiêm bao. Cho nên chúng ta phải chia tay nhau.

- Không khi nào.

- Hãy nghe mình cho kỹ, hãy thông cảm với mình đi, Mát-chi-a! Đừng làm mình buồn bực thêm mà! Ví như chúng mình gặp lão Ga-rô-phô-li ở Pa-ri và lão bắt cậu về thì có phải là cậu không muốn cho mình ở lại với cậu, phải không nào? Ấy đấy, cái điều mình nói với cậu bây giờ đây, tất cậu cũng nói với mình nếu gặp trường hợp ấy.

- Có đúng thế không? Cậu hãy nói cho mình biết có đúng thế không?

Mát-chi-a suy nghĩ một lát, rồi nói:

- Bây giờ đến lượt cậu phải nghe tớ nói, cậu nghe cho rõ đây. Khi ở Sa-va-nông, nghe cậu bảo gia đình cậu đi tìm cậu thì mình buồn lắm. Đáng lẽ phải vui thì mình lại bực mình. Mình đã không nghĩ tới hạnh phúc của cậu, mình chỉ nghĩ tới mình. Mình tự nhủ là cậu sẽ có anh chị em trai gái mà cậu sẽ yêu thương như yêu thương mình, có lẽ còn hơn mình nữa. Những người ấy

là những người giàu sang, thông thái, lịch sự, những cậu ấm, cô chiêu xinh trai đẹp gái. Mình nghĩ thế rồi hóa ra ghen tị. Đó là điều cậu cần biết, đó là sự thật mà mình cần thú nhận với cậu để cậu tha thứ cho mình, nếu cậu có thể tha thứ cái loại tình cảm xấu xa như vậy.

- Chao ôi! Mát-chi-a!

- Nói đi, nói là cậu tha thứ cho mình đi!

- Sẵn lòng! Mình có thấy nổi buồn phiền của cậu. Mình có bao giờ thù hằn cậu đâu!

- Bởi vì cậu là con bò. Và là con bò lành quá! Còn mình thì ác. Cậu tha thứ cho mình vì cậu tốt bụng, chứ mình thì mình không tự tha thứ đâu, vì mình không lành như cậu. Cậu chưa biết hết đâu! Mình tự bảo: Ta đi với hần sang Anh để xem sao; rồi khi hần đã sung sướng, thật sung sướng rồi, khi hần không có thì giờ nghĩ đến ta nữa thì ta cắt, và cắt thẳng; ta sẽ đi một mạch về Lúc-ca hôn em Crit-xti-na của ta. Nhưng đáng lẽ giàu sang và sung sướng như chúng mình tưởng thì cậu không giàu và cậu...nghĩa là cậu không như chúng mình tưởng trước đâu. Bởi vậy, mình không nên xéo, và cái người cần ôm vào lòng không phải là Crit-xti-na, em gái mình; cái người cần ôm vào lòng là người bạn nghề nghiệp, người bạn thiết cốt, người anh em của mình, cái người đó là Rê-mi.

Mát-chi-a nói thế và cầm lấy tay tôi mà hôn. Bấy giờ nước mắt tôi tuôn trào, nhưng nước mắt này không đắng cay, không nóng bỏng như trước nữa.

Tuy hết sức cảm động, tôi vẫn không từ bỏ ý định:

- Cậu phải đi đi! Cậu phải trở về Pháp, phải gặp Li-dơ, bác A-canh, má Bác-bơ-ranh, gặp tất cả những người thân của tớ và nói cho họ biết vì sao tớ không giúp được họ như tớ mong muốn, tớ mơ tưởng và hứa hẹn. Cậu sẽ phân trần là bố mẹ tớ không giàu có như chúng mình tưởng, thế cũng đủ để họ tha thứ cho mình. Cậu hiểu chứ? Gia đình tớ nghèo, cái đó giải thích tất! Nghèo khó không phải là điều đáng xấu hổ!

- Không phải vì nghèo mà cậu muốn cho mình xéo. Bởi vậy mình không đi.

- Mát-chi-a ơi, mình van cậu. Cậu đừng làm cho mình khổ thêm. Cậu thấy mình đã khổ quá rồi mà!

- Ô! Tớ không muốn ép cậu nói cái điều mà cậu sợ xấu hổ không nói trắng ra. Tớ không linh lợi, không tinh ý, không hiểu hết những cái dối vào đây. Nó đập đập trên đầu - Nhưng tớ cảm thấy hết những cái xói vào chỗ này. Nó đặt tay lên ngực - Không phải vì cha mẹ cậu nghèo mà cậu muốn cho tớ bước! Không phải vì họ không nuôi nổi tớ, vì tớ có ăn báo cô người ta đâu, tớ sẽ làm lụng cho người ta chứ! Cậu muốn mình đi nơi khác bởi cậu đã thấy những việc đem qua và cậu sợ cho mình.

- Đừng nói thế, Mát-chi-a!

- Cậu sợ rồi đến lúc mình phải cắt nhãn hiệu những món hàng không mua mà có!

- Ôi chao ôi! Mát-chi-a, Mát-chi-a thân mến ơi, cậu im đi mà!

- Lấy cái gì dám chắc rằng không thể có hai đứa bé bị vứt bỏ ở đại lộ Brơ-tơi cùng một hôm? Và tại sao viên cảnh lại không có thể nhầm lẫn khi chỉ cho ông Đơ-ri-xơn về Sa-va-nông? Có thể lắm chứ!

- Cái đó thì phi lý quá.

- Cũng có lẽ! Điều tố nói, tố giải thích nghe ra phi lý. Chẳng qua là tố nói kếm, tố giải thích không ra trò, bởi cái đầu óc khốn nạn của tố. Người khác sẽ giải thích hay hơn, và nó sẽ trở nên có lý. Chỉ có tố mới là phi lý, thế thôi!

- Chao ôi, không! Chưa phải thế là thôi đâu!

- Cuối cùng, cậu phải chú ý rằng cậu không giống bố cậu, cũng không giống mẹ cậu, và cậu không có mái tóc vàng như các em cậu. Tóc tất cả lũ chúng - tất cả, cậu nghe rõ chưa?- đều một màu vàng như nhau. Nếu là anh em thì sao tóc cậu lại không thế? Mặt khác, có điều này cũng lạ, rất lạ: tại sao người ta nghèo như thế mà bỏ ra được nhiều tiền như thế để tìm lại một đứa con? Vì các lẽ ấy, theo tố thì cậu không phải là một người họ Đơ-ri-xơn. Tố biết rằng tố chỉ là một con bò thôi, người ta luôn luôn mắng tố như vậy, lỗi ở cái đầu óc kém thông minh này. Nhưng tố cũng cứ tin chắc rằng cậu không phải là một chú bé Đơ-ri-xơn và cậu không nên ở gia đình Đơ-ri-xơn. Nếu bất chấp tất cả, cậu muốn ở lại thì mình cũng ở lại với cậu. Nhưng cậu cũng phải cố gắng viết cho má Bác-bơ-ranh một lá thư để hỏi thật rõ xem những tã lót và áo xống của cậu lúc bấy giờ như thế nào! Khi được thư trả lời, cậu sẽ hỏi thử

người mà cậu gọi là bố, và lúc ấy có lẽ chúng ta sẽ hiểu rõ hơn ít nhiều. Từ nay đến đó, mình sẽ không đi đâu hết, mình ở đây với cậu, ra sao thì ra! Cần làm việc thì chúng mình cùng làm với nhau.

- Nhưng nếu rủi một ngày kia, người ta choảng lên đầu chú Mát-chi-a?

Nó mỉm cười buồn bã:

- Cái đó không phải là cái khổ nhất: vì bạn mà nhận đòn thì đòn có đau đâu!

36

CÁ-PI HƯ NẾT

Đến đêm chúng tôi mới về đến sân Sư tử đỏ. Suốt ngày, chúng tôi chỉ đi dạo trong công viên xinh đẹp vừa đi vừa trò chuyện, sau khi mua một miếng bánh mì ăn lót dạ. Lúc bảy giờ bố tôi đã về và mẹ tôi cũng tỉnh rượu rồi. Cả bố lẫn mẹ không trách mắng chúng tôi về việc đi chơi quá lâu. Sau bữa tối, bố tôi bảo cần nói chuyện với hai đứa tôi. Bố đưa chúng tôi đến trước lò sưởi khiến ông tôi buông một tiếng gầm gừ: quả là ông tôi bảo vệ chỗ sưởi của mình một cách dữ tợn thật. Bố tôi hỏi:

- Ở bên Pháp, các anh sinh nhai như thế nào, nói cho tôi nghe thử xem.

Tôi kể lại công việc làm ăn của chúng tôi, như ông đã bảo.

- Như thế thì các anh không bao giờ lo chết đói, có phải không ?

- Không bao giờ-Mát-chi-a đầy tự tin-Chẳng những chúng tôi sinh sống được, mà chúng tôi còn kiếm ra tiền để tậu một con bò sữa nữa.

Và đến lượt Mát-chi-a thuật lại chuyện mua bò.

- Thế thì các anh cũng lắm tài đấy! Hãy cho tôi xem các anh làm được những gì nào!

Tôi lấy thụ cầm làm một bản, nhưng không phải là bài dân ca xứ Na-plơ của tôi.

- Khá đấy, khá đấy- Bố tôi nói-còn Mát-chi-a thì làm được gì ?

Mát-chi-a chơi một bài vĩ cầm và một bài kèn dầy. Bản sau này làm cho lũ nhỏ vỗ tay rầm rộ; chúng đứng thành vòng tròn chung quanh chúng tôi để nghe.

- Còn con Ca-pi? Nó biết làm trò gì? Thiết tưởng các anh mang con chó theo không phải để cho vui mà thôi. Chắc ít nhất nó cũng kiếm đủ ăn phần nó chứ!

Tôi tự hào về tài nghệ của con Ca-pi. Thật ra không phải vì nó mà thôi, mà còn vì cụ Vi-ta-li nữa. Tôi muốn nó diễn một đôi tiết mục trong pho trò của nó. Ca-pi được lũ nhỏ hoan nghênh nhiệt liệt, như thường lệ. Bố tôi nói:

- Ô ! Con chó này là cả một gia tài đây!

Tôi đáp lời khen đó bằng những lời ca tụng con Ca-pi. Tôi cam đoan rằng nó có thể học tập nhanh chóng tất cả những gì người ta vui lòng dạy nó, kể cả những ngón mà thường thường chó không làm được.

Bố tôi dịch những lời tôi nói ra tiếng Anh. Hình như ông có thêm thắt đôi câu mà tôi không hiểu nhưng làm mọi người cười âm. Ông tôi cũng cười và nheo mắt nhiều lần kêu *fine dog*, nghĩa là chó đẹp. Con Ca-pi không lấy thế làm vinh hạnh. Bố tôi lại nói:

- Đã thế thì ta đề nghị với hai anh thế này... Nhưng trước hết Mát-chi-a phải cho biết chú ở trên đất Anh có tiện không và chú có muốn ở đây với chúng tôi không ?

- Tôi muốn ở lại với Rê-mi. -Mát-chi-a đáp. -Rê-mi đi đâu thì tôi đi đó.

Mát-chi-a tự cho là ngu, nhưng thật ra là nó láu, nó tinh ý hơn nó nói ra nhiều, hơn cả là nó tưởng. Bố tôi lấy làm vừa lòng về câu trả lời của nó vì không hiểu ẩn ý trong đó. Ông nói:

- Đã thế thì tôi trở lại với đề nghị của tôi: Nhà ta nghèo cho nên ai cũng phải làm việc cả mới có cái sống. Mùa hè, ta đi rong trên đất Anh và các con ta đưa hàng tới bán tận nhà những người không chịu bỏ công đi mua. Mùa đông, ta không có việc gì làm cho lắm. Chừng nào chúng ta còn ở Lớn-đơn thì Rê-mi và Mát-chi-a có thể đi đánh đàn ở các phố. Chắc chắn là hai chú sẽ đạt những khoản thu hàng ngày khá lắm, nhất là vào

khoảng gần đến ngày lễ Nô-en. Nhưng ở đời không nên phung phí, cho nên con Ca-pi thì phải để cho nó đi diễn trò với thằng A-lơn, và thằng Nét.

Tôi vội vã nói:

- Chỉ có đi với con thì con Ca-pi mới diễn trò tốt. Bắt con rời nó thì không tiện cho con.

- Nó sẽ tập làm việc với A-lơn và Nét. Con cứ yên lòng. Chia toán của con ra như vậy sẽ thu được nhiều tiền hơn.

- Nhưng mà nó đi riêng thì chẳng làm nên cơm cháo gì, con cam đoan là thế! Và lại số thu của Mát-chi-a và con sẽ sụt đi. Biểu diễn với con Ca-pi, chúng con sẽ thu nhiều hơn.

- Chuyện! Thế là đủ rồi. -Bố tôi nói-Khi ta đã quyết định một điều thì ta muốn điều đó phải được thực hiện, và thực hiện tức khắc. Đó là gia pháp ở nhà này. Ta muốn anh phục tùng gia pháp đó, như mọi người.

Biết không thể rằng một rằng hai gì được, tôi không nói nữa. Nhưng tôi nghĩ thầm rằng những điều tôi mơ ước cho con Ca-pi cũng diễn ra một cách đen tối như những mơ ước của bản thân tôi. Thế là chúng tôi sắp xa nhau. Nó sẽ buồn và tôi cũng buồn biết bao nhiêu!

Chúng tôi trở về chiếc xe hôm qua đi ngủ. Hôm nay bố tôi không đẩy chốt cửa nhốt chúng tôi.

Tôi vừa nằm xuống thì Mát-chi-a chưa cởi áo xong đã lại ghé tai tôi nói thầm:

- Mày thấy không, cái người mà mày gọi là bố đó không những bắt con làm việc cho ông ta, lại bắt cả chó cũng phải làm. Cái việc này đã làm sáng mắt mày ra rồi chứ? Đến mai chúng mình viết thư cho má Bác-bơ-ranh nhé!

Nhưng sáng hôm sau thì phải dặn bảo con Ca-pi đã. Tôi ôm nó trên tay. Vừa hôn lên mũi nó nhiều lần, tôi vừa nhẹ nhàng, êm ái giải thích cho nó hiểu tôi muốn nó làm gì. Tội nghiệp con chó! Nó nhìn tôi quẩn luyến, nó nghe tôi chăm chú làm sao! Khi tôi trao chiếc dây dắt cho A-lơn, tôi giải thích với nó lần nữa. Con chó mới thông minh, dễ bảo làm sao! Nó đi theo hai em tôi, đáng buồn rầu, nhưng không phản kháng.

Về phần Mát-chi-a và tôi thì bố tôi đã hạ cố đưa chúng tôi đến một khu phố, ở đấy có cơ kiếm được nhiều tiền. Chúng tôi đi xuyên qua thành phố Lơ-đơn để đến những ngôi nhà trắng lệt với những cổng nguy nga trong những đường phố đồ sộ hai bên có vườn tược. Ở mấy con đường đẹp dễ rộng lẽ ấy, không có những người nghèo khổ rách rưới và đói xó; chỉ có những bà phu nhân xinh đẹp, áo xiêm sặc sỡ, những cỗ xe ván cửa bóng loáng như gương, những người xà ích to béo, tóc rắc phấn thơm, dong những con ngựa quý giá. Đường đi khá dài, chúng tôi trở về sân Sư tử đỏ hơi chậm. Tôi rất sung sướng lại được thấy con Ca-pi, lấm lem nhưng hí hửng.

Tôi sung sướng được gặp lại nó đến nỗi sau khi lấy rơm khô kỹ cọ thật sạch cho nó, tôi bọc nó trong tấm da

cừu và ủ nó trên giường tôi. Trong hai đứa, nó và tôi, đứa nào sung sướng hơn, kẻ cũng khó nói.

Mọi việc cứ qua đi như thế trong nhiều hôm liền.

Chúng tôi đi từ sáng, diễn hết pho trò ở khu phố này thì đi đến khu phố khác, mãi đến tối mới về nhà. Trong lúc đó thì A-lơn và Nét dẫn con Ca-pi đi biểu diễn. Nhưng một hôm, bố tôi bảo hôm sau tôi có thể mang con Ca-pi theo bởi vì ông giữ A-lơn và Nét ở nhà. Chúng tôi thích quá. Chúng tôi quyết nỗ lực thu một món tiền lớn với Ca-pi, sao cho từ nay về sau người giao hũn nó cho chúng tôi. Vấn đề là phải thu hồi con Ca-pi, cho nên cả Mát-chi-a lẫn tôi đều không tiếc công sức.

Thế là sáng hôm đó, chúng tôi chăm chút tắm rửa, chải chuốt cho nó thật kỹ. Rồi chúng tôi lên đường, tìm đến khu phố mà kinh nghiệm cho chúng tôi biết là “chư vị khán giả” ở đây móc túi chi tiền một cách dễ dàng. Muốn vậy, chúng tôi phải đi suốt Lơn-đơn từ Đông sang Tây. Không may cho kế hoạch chúng tôi dự định là từ hai hôm rồi sương mù không tan. Trời lúc này là một tầng mây màu da cam và trong các đường phố lừng lờ một màn khói xám xám cách ít bước đã không còn trông rõ hình người. Thế này thì người ta ít đi ra đường đây, và từ sau các cửa sổ, người ta nghe chúng tôi đàn hát chứ không nhìn thấy con Ca-pi, đó là một điều không lợi cho khoản thu nhập. Bởi thế Mát-chi-a cứ nguyên rửa cái màn sương chết tiệt, không ngờ rằng lát sau nó giúp ích cho cả ba chúng tôi.

Chúng tôi rảo bước đi nhanh; để giữ con Ca-pi bên gót, chốc chốc tôi bảo nó một câu, đối với nó câu nói đó có tác dụng hơn một cái xích chắc nhất. Chúng tôi đi qua một phố đông đúc nhất và buôn bán thịnh vượng nhất của thành phố Lớn-đơn. Thành linh tôi thấy vắng con Ca-pi. Nó ra sao rồi? Lạ thật! Tôi rẽ vào đầu một ngõ phố, đứng lại chờ nó. Tôi huyết sáo khe khe vì tôi không trông được xa. Tôi bắt đầu lo có kẻ bắt trộm nó, thì thấy nó phi đến, mồm ngoạm một đôi tất len, đuôi ve vẩy mừng rỡ. Nó chồm lên, đặt hai chân trước lên người tôi và đưa đôi tất để tôi cầm lấy. Trông dáng nó đắc ý lắm như những khi vừa hoàn thành một tiết mục khó khăn nhất, nó đến đòi tôi ban khen. Sự việc xảy ra trong nháy mắt. Tôi còn đương kinh ngạc thì đột nhiên Mát-chi-a một tay chụp đôi tất, một tay lôi tôi đi sâu vào trong ngõ. Nó nói:

- Đi nhanh lên, nhưng mà đừng chạy!

Mấy phút sau, nó mới giải thích cho tôi rõ vì sao phải chạy trốn:

- Tôi cũng như cậu, đang ngẩn ngơ tự hỏi đôi tất này từ đâu ra thì tớ nghe thấy một người nói: "Thằng kẻ cắp đâu rồi?". Thằng kẻ cắp là con Ca-pi đó, chắc cậu hiểu. Nếu không có sương mù thì người ta đã tóm cổ chúng mình vì tội ăn cắp rồi.

Tôi hiểu quá chứ! Tôi uất ức đến nghẹn thở. Chúng nó đã biến con Ca-pi hiền lành, lương thiện thành một tên kẻ cắp. Tôi bảo Mát-chi-a:

- Đi về thôi! Cậu cầm dây dắt lấy con Ca-pi!

Mát-chi-a không nói gì cả. Chúng tôi đi nhanh về tới sân Sư tử đỏ. Bố mẹ và mấy em tôi đang gấp vải quanh bàn. Tôi ném đôi tất lên bàn, làm thằng A-lơ và thằng Nét bật cười. Tôi nói:

- Đây là một đôi tất con Ca-pi vừa đánh cắp, vì người ta đã biến con Ca-pi thành một tên kẻ cắp. Tôi muốn tin rằng đây chỉ là một trò đùa thôi!

Tôi vừa nói vừa run, nhưng chưa bao giờ thấy mình cương quyết như thế. Bố tôi hỏi:

- Nếu không phải là trò đùa thì mày làm cái gì, thử nói xem?

- Tôi sẽ buộc dây vào cổ con Ca-pi rồi đem chìm xuống sông Ta-mi-dơ, mặc dù tôi yêu quý nó. Tôi không muốn con Ca-pi trở thành một tên trộm cắp, cũng như không muốn mình trở thành một tên trộm cắp. Nếu tôi nghĩ rằng một ngày kia tôi sẽ phải thế thì ngay tức khắc tôi đâm đầu xuống sông tự tử cùng nó.

Bố tôi nhìn thẳng vào mặt tôi, vung tay giận dữ như muốn quật chết tôi. Đôi mắt ông thiêu đốt tôi. Nhưng tôi không nhìn xuống. Dần dần, mặt ông giãn ra. Ông nói:

- Mày cho đó là một trò đùa thì đúng, đấy là một trò đùa. Để cho cái trò đùa ấy đừng diễn lại, từ nay con Ca-pi chỉ đi với mày thôi.

TẶ ĐẸP NÓI ĐỐI

Tôi cố gắng làm thân nhưng hai thằng em tôi, A-lơn và Nét, chỉ một mực tỏ ác cảm ra mặt. Tất cả những gì tôi muốn làm cho chúng nó đều bị chúng nó hắt hủi. Rõ ràng, đối với chúng, tôi không phải là một người anh.

Chuyện con Ca-pi đã dựng nên một sự ngăn cách rõ rệt giữa chúng tôi. Tôi bảo chúng nó rõ không phải bằng lời nói vì tôi nói tiếng Anh còn khó khăn, mà bằng điệu bộ rất sinh động và đầy ý nghĩa, trong đó hai nắm đấm đóng vai trò chính. Tôi dùng hai nắm đấm nói rằng nếu chúng nó còn muốn giở trò gì với con Ca-pi thì sẽ đụng ngay với tôi, tôi sẵn sàng bảo vệ con Ca-pi hoặc trả thù cho nó.

Không có em trai nữa, tôi tìm đến em gái. Nhưng An-ni, con chị đối xử với tôi cũng chẳng hơn gì mấy đứa em trai nó. Cũng như hai thằng kia, nó ác cảm ra mặt đối với những cố gắng làm thân của tôi. Không ngày nào nó không bày trò cho tôi một vài vố theo kiểu của nó, và con bé quả là giàu sáng kiến về mặt này!

Bị A-lơn và Nét xa lánh, bị An-ni hắt hủi, tôi chỉ còn con bé Két, mới lên ba, còn quá ngây thơ để nhập

bọn với các anh chị. Con bé cũng thích để tôi vuốt ve, trước hết bởi vì tôi thường bảo Ca-pi diễn trò cho nó xem. Về sau, khi Ca-pi trở về với chúng tôi thì tôi lại đưa về cho con bé nào kẹo, nào bánh, nào cam; trong khi chúng tôi diễn trò ngoài đường phố, bọn trẻ nhỏ đã mang quà lại và long trọng bảo: “Phần con chó!”. Dem cam làm quà cho chó, có lẽ chẳng thích hợp lắm, nhưng tôi cũng nhận và cảm ơn. Những quả cam ấy sẽ giúp tôi giành được thiện cảm của tiểu thư Két.

Ấy đó, trong cả cái gia đình mà tôi dành cho biết bao nhiêu trù mẫn trong tim tôi khi mới đặt chân lên đất Anh, chỉ còn mỗi con bé Két là còn cho phép tôi được quý mến nó. Ông tôi vẫn cứ khắc khổ một cách giận dữ về phía tôi mỗi khi tôi đến gần. Bố tôi chỉ chú ý đến tôi mỗi buổi chiều khi hỏi đến số tiền thu được. Mẹ tôi thường vắng mặt; A-lon, Nét và An-ni thì ghét bỏ tôi. Chỉ còn Két là còn để cho tôi vuốt ve, nhưng phải chăng chỉ khi nào túi tôi còn đầy quà? Đến là thất vọng!

Bởi thế, lúc đầu tuy tôi bác bỏ những điều ước đoán của Mát-chi-a, nhưng trong tâm trạng buồn bực, cũng đã có lúc tôi phải tự hỏi mình rằng nếu tôi đúng là con của nhà này, thì mọi người tất đã bộc lộ những tình cảm khác với cách đối xử khá thô bạo với tôi như hiện nay. Mà tôi đâu đã làm gì đáng phải chịu sự ghẻ lạnh hoặc sự phũ phàng ấy cho cam!

Thấy tôi ủ rũ và suy nghĩ buồn phiền, Mát-chi-a hiểu ngay vì sao. Nó bảo tôi, mà cũng như tự nhủ với mình: “Tớ nóng lòng muốn biết má Bác-bơ-ranh sẽ trả lời cậu ra sao!”.

Muốn nhận được bức thư mà chúng tôi đã dặn gửi theo cách “lưu trạm”(1), chúng tôi thay đường đi mọi ngày. Chúng tôi xuống tận nhà bưu điện. Trong nhiều ngày, chẳng có gì, nhưng cuối cùng thì lá thư hằng nóng lòng mong đợi ấy cũng đã được trao tận tay người nhận. Nhà bưu điện không phải là nơi thuận tiện để đọc thư, chúng tôi lại đến con đường nhỏ ở một phố gần đấy, cũng là để có thời gian cho cảm xúc lắng xuống chút ít. Ở đó, tôi đã mở bức thư của má Bác-bơ-ranh nghĩa là thư mà người cha xứ Sa-va-nông viết hộ:

... Bé Ré-mi yêu mến,

Những điều con cho má biết trong thư khiến má ngạc nhiên và bức bối... Má cứ tưởng bố mẹ con gia tư dư dật, hơn thế, vào hạng giàu sang quyền quý nữa kia...

Con bảo má nói tường tận cho con rõ những chiếc tã bọc con như thế nào. Dễ lắm, vì má đã giữ lại tất cả những vật ấy, để dùng làm tang chứng trong việc nhìn nhận con, cái ngày người ta đến hỏi con. Trước nay má vẫn đinh ninh rằng thế nào rồi cũng có cái ngày ấy.

Nhưng trước hết phải nói rằng con không có tã. Đôi lúc má nói đến tã là vì thói quen và cũng vì trẻ em ở xứ má bọc tã. Con thì không bọc tã. Trái lại con mặc quần áo đàng hoàng. Đây là những vật mặc trên người con lúc bấy giờ: một cái mũ chụp bằng ren, chỉ khác thường ở chỗ đẹp và sang quá; một chiếc yếm vải phin viền ren cỡ nhỏ ở cổ và cánh tay; một đôi hài dẹt tay màu trắng dính những cái gang tơ; một cái áo dài bằng dạ trắng

(1) Cách gửi thư nhờ bưu trạm giữ thư lại cho người nhận tự đến lấy-N.D

và cuối cùng là một chiếc áo khoác ngoài trùm cả đầu bằng hàng cát-sơ-mia trắng, lót lụa, thêu thùa rất đẹp...

Sau hết phải nói rằng tất cả những áo xống ấy đều không mang dấu hiệu. Nhưng cái khăn bọc và cái yếm chắc là có đánh dấu, bởi vì cái góc thường thường mang dấu hiệu thì đã bị cắt đi. Việc này chứng tỏ người ta đã tìm đủ mọi cách để đề phòng kẻ đi tìm không theo dấu vết được. Đó là tất cả những cái má có thể nói rồi đó, bé Rê-mi yêu quý ạ. Nếu con thấy cần những vật ấy, con chỉ việc viết thư cho má, má sẽ gửi đến cho con.

Con đừng phiền lòng, con yêu quý, đừng phiền lòng là không biếu má được những tặng vật tốt đẹp mà con hứa với má. Con bò sữa, do con nhịn bữa mà mua, đôi với má quý hơn tất cả những vật biếu tặng trên đời. Má vui mừng tin cho con biết rằng con bò khỏe, sữa không giảm và nhờ nó ngày nay má sống thư thả. Mỗi khi thấy nó, má không thể không nghĩ tới con và chú bạn nhỏ Mát-chi-a của con.

Má sẽ rất vui lòng nhận thư con viết cho má biết tin tức của con. Má mong những tin ấy luôn luôn tốt lành. Con âu yếm, giàu tình cảm là thế, lẽ nào chẳng sung sướng giữa gia đình con, có cha, có mẹ, anh chị em trai gái bên cạnh! Thế nào người ta cũng sẽ yêu con xứng đáng với tấm lòng con.

Chào con, con yêu quý, má hôn con âu yếm.

Má nuôi của con.

Quả phụ Bác-bơ-ranh."

Đoạn cuối bức thư khiến tim tôi se lại. Tội nghiệp má, má tốt với tôi làm sao! Vì má yêu tôi nên má ngỡ ai cũng yêu tôi như má.

- Bà ấy tốt quá, - Mát-chi-a nói, - bà có nghĩ đến tổ đấy! Mà dù bà không nghĩ đến đi nữa tổ cũng cảm ơn bà. Bà đã tả tỉ mỉ, tròn vẹn như vậy thì ông Đơ-ri-xơn không thể nhầm lẫn nổi đối với cậu khi kể những áo quần cậu mặc lúc người ta bắt trộm cậu.

- Ông ấy có thể quên!

- Đừng nói thế! Ai lại đi quên những bộ quần áo con mình mặc ngày mình mất nó vì chính những bộ quần áo ấy sẽ giúp mình tìm lại nó.

- Tổ xin cậu đừng có đoán già đoán non, chờ đến khi bố tổ trả lời hẳn hay.

- Tổ có đoán gì đâu, chỉ có cậu nói là ông ấy có thể quên.

- Thôi được, để rồi xem.

Hỏi bố xem tôi ăn mặc như thế nào cái ngày bị bắt trộm là việc không dễ. Giá tôi hỏi một cách thực thà, không dụng ý thì hết sức đơn giản. Đằng này không phải như thế và chính sự dụng ý khiến tôi rụt rè, do dự.

Thế rồi một hôm, vì mưa rét quá, phải về sớm, tôi đánh bạo nói về cái vấn đề lâu nay giày vò tôi. Tôi mới bắt đầu hỏi thì bố tôi đã nhìn trừng trừng vào mặt tôi. Ông có thói quen làm thế mỗi khi tôi nói cái gì phật ý ông. Nhưng tôi đương đầu với cái nhìn ấy gan dạ hơn là tôi tưởng trước đây, khi nghĩ tới giây phút này. Tôi

ngỡ rằng ông sắp nổi giận. Tôi lo lắng liếc mắt về phía Mát-chi-a, nó lắng tai nghe mà vờ không để ý. Tôi muốn phân bua với nó là tại nó nên tôi mới mắc vào cái việc vụng dại này. Nhưng bố tôi không nổi nóng. Qua cơn giận lúc đầu, ông mỉm cười. Thực ra thì trong nụ cười ấy có cái gì tàn ác, nhẫn tâm, nhưng dù sao đó vẫn là một nụ cười. Ông nói:

- Cái điều giúp bố tìm con đặc lực nhất là sự mô tả những quần áo con mặc ngày con bị bắt trộm: một mũ chụp bằng ren, một chiếc yếm viền ren, một khăn bọc và một cái áo dài bằng dạ, một đôi tất len, một đôi hài dẹt tay, một áo khoác ngoài trùm cả đầu bằng cát-sơ-mia trắng có thêu. Bố rất trông cậy ở hai chữ F.Đ đánh dấu trên khăn, yếm; nó là tên con: Phờ-răng-xi Đơ-ri-xơn. Nhưng dấu hiệu ấy đã bị người phụ nữ bắt trộm con cắt đi, chỉ ta hy vọng rằng làm thế thì không bao giờ ta tìm lại được con. Bố cũng đã xuất trình tờ khai lễ rửa tội sao lục ở nhà thờ xứ; người ta đã trả lại bố và hình như bố còn cất dấu đây.

Ông nói thế và sốt sắng đi tìm trong ngăn kéo, bình thường ông không sốt sắng như thế bao giờ, lát sau ông mang lại một tờ giấy có đóng nhiều con dấu trao cho tôi. Tôi đánh bạo một lần cuối;

- Nếu bố cho phép, -tôi nói,- con nhờ Mát-chi-a dịch ra cho con nghe.

- Được chứ!

Chữ được chữ mất. Mát-chi-a dịch ra cho tôi biết là tôi sinh ngày thứ năm mồng 2 tháng 8, tôi là con ông

Pơ-tơ-rích Đơ-ri-xơn và bà Mác-gơ-rít Gơ-ren-giơ, vợ ông ta.

Còn đòi hỏi gì nữa kia chứ? Tuy nhiên Mát-chi-a cũng không lấy làm thỏa mãn. Đêm đến, khi chúng tôi đã chui vào chiếc xe của chúng tôi rồi thì nó lại ghé vào tai tôi như khi cần nói một điều bí mật:

- Tất cả các cái ấy không thể chê được, nhưng rốt cục vẫn không làm sáng tỏ vì sao ông Đơ-ri-xơn bán hàng rong và bà Gơ-ren-giơ, vợ ông, lại giàu có đến mức sắm cho con những mũ ren, những yếm viền ren, những áo khoác thêu thùa. Những người buôn bán hàng rong đâu có lắm tiền thế!

- Chính vì người buôn bán cho nên người ta có thể mua sắm những thứ ấy không mất nhiều tiền!

Mát-chi-a huýt sáo, lắc đầu. Xong, nó lại rỉ tai tôi:

- Cậu muốn tớ nói cái điều cứ lởn vởn mãi trong óc tớ không? Là cậu không phải là con của Đơ-ri-xơn tiên sinh mà chính Đơ-ri-xơn tiên sinh đã bắt trộm cậu.

Tôi muốn cãi lại, nhưng Mát-chi-a đã lên giường nó. Nếu tôi là Mát-chi-a thì có lẽ tôi cũng giàu tương tự như nó. Nhưng ở vị trí tôi, không thể nghĩ ngợi lung tung bừa bãi được! Đối với Mát-chi-a thì đó là chuyện của Đơ-ri-xơn tiên sinh, như nó nói. Nhưng đối với tôi thì lại là chuyện của bố tôi. Khi trí óc tôi muốn nhảy bừa theo Mát-chi-a, thì tôi đưa tay nắm giữ nó lại, và tôi cố làm cho tay tôi rắn chắc.

Về Đơ-ri-xơn tiên sinh, Mát-chi-a có thể suy nghĩ đủ điều. Đối với nó, Đơ-ri-xơn tiên sinh hoàn toàn là

người dung nước lã, chẳng có gì gắn bó. Nhưng trái lại, đối với bố tôi, thì tôi có bốn phận phải tôn kính.

Rõ ràng là có điều bất thường trong hoàn cảnh của tôi, nhưng tôi đâu có quyền tự do nhìn cái đó với con mắt của Mát-chi-a.

Mát-chi-a có quyền nghi ngờ. Đối với tôi, đó là một điều cấm kỵ. Khi Mát-chi-a thổ lộ những điều nghi ngờ thì bốn phận của tôi là phải buộc nó im đi. Tôi đã cố gắng làm thế, nhưng Mát-chi-a có ý riêng của nó. không phải lúc nào tôi cũng khuất phục được nó! Nhiều khi dâm tức, nó nói:

- Mày muốn choảng thì choảng, nhưng phải nghe đã!

Và thế là tôi cứ phải nghe những câu nó hỏi:

“Tại sao A-lon, Nét. An-ni và Két tóc vàng, còn cậu thì không?”

“Tại sao tất cả mọi người trong nhà đều ác cảm với cậu, như đối với một con chó ghẻ, chỉ trừ Két nó đã biết gì đâu?”

“Làm thế nào mà những người nghèo như thế lại sắm nổi hàng ren cho con mặc?”

Đối với tất cả những cái tại sao, những cái thế nào ấy, tôi chỉ có một câu trả lời thích đáng, tự nó cũng là một câu hỏi:

- Gia đình Đơ-ri-xơn tìm tôi làm gì nếu tôi không phải là con họ? Và nếu không phải là con thì họ đưa tiền cho Bác-bơ-ranh, cho Gơ-ret và Gơ-li làm gì?

Nghe thế, Mát-chi-a bắt buộc phải trả lời rằng nó không giải đáp được. Tuy nhiên nó vẫn không chịu thua.

Nó nói:

- Tổ không thể trả lời được câu hỏi của cậu, chưa hẳn là tổ đã sai khi đặt ra với cậu những điều mà chính cậu cũng không giải đáp được. Một người khác ở địa vị tổ sẽ tìm ra ngay cớ sao Đơ-ri-xơn tiên sinh đã cất công kiếm cậu và nhằm mục đích gì ông ta đã tiêu tiền như thế! Về phần tổ thì tổ chẳng hiểu được vì sao, bởi vì tổ không tinh ranh và cũng chẳng biết cái gì ra cái gì cả!

- Cậu đừng nói thế, cậu vốn tinh mà lị.

- À, nếu quả tổ tinh thật, tổ sẽ giải thích ngay lập tức cho cậu cái điều mà tổ không thể giải thích nhưng cảm thấy được. Không đâu! Cậu không phải là con trong gia đình Đơ-ri-xơn đâu! Cậu không phải và không thể là như thế được! Điều này nhất định một ngày kia sẽ rõ như ban ngày. Tuy nhiên, bởi vì cậu cứ ương ngạnh không chịu mở mắt ra, tự cậu làm cho cái ngày đó càng đến chậm. Tổ hiểu rằng cái điều mà cậu gọi là lòng tôn kính đối với gia đình đã níu cậu lại, nhưng mà nhất định nó không thể khiến cậu hoàn toàn tê liệt được.

- Vậy thì cậu muốn tổ làm thế nào?

- Tổ muốn rằng chúng ta trở về đất Pháp.

- Không thể được!

- Rõ ràng là vì bốn phận gia đình mà cậu nán lại đây! Nhưng nếu gia đình ấy không phải là gia đình cậu thì còn cái gì giữ cậu lại nữa!

Những cuộc tranh luận kiểu ấy chỉ đưa đến kết quả là làm cho tôi đã buồn khổ lại càng buồn khổ hơn. Có gì ghê gớm bằng sự hoài nghi? Ấy thế mà mặc dù không muốn, tôi vẫn phải nghi ngờ.

Ngời cha ấy có đích thực là cha tôi không? Người mẹ ấy có đích thực là mẹ tôi không? Gia đình ấy có phải là gia đình của tôi không?

Cái điều này nói ra thì thật kinh tởm: khi tôi sống một thân một mình, tôi lại thấy ít dần vật, ít khổ sở hơn ngày nay. Lúc ấy, lúc tôi buồn tôi khóc vì không có gia đình, ai có thể nói trước rằng khi tôi có gia đình thì tôi sẽ khóc vì thất vọng? Ánh sáng sẽ từ phương nào đến? Do ai đem lại? Tôi sẽ có ngày tìm thấy chân lý hay không?

Tôi dờ dẩn vì cảm thấy bất lực trước những câu hỏi ấy. Tôi tự nghĩ rằng tôi như người giữa đêm tối húc đầu vào một bức tường không có cửa thoát. Ấy thế mà phải ca hát, phải đánh những bản nhạc vũ, phải cười cợt, nhả nhỏ trong khi lòng mình thấm thía nỗi buồn riêng.

Những ngày chủ nhật đối với tôi là ngày dễ chịu nhất vì ở Lon-đon người ta không chơi nhạc ngoài đường vào ngày chủ nhật. Những hôm ấy tôi đi chơi với Mát-chi-a và con Ca-pi, có thể buồn bực tha hồ, không gò bó. Ôi! Sao mà tôi lại ít giống cái thằng Rê-mi mấy tháng trước đây thế! Một chủ nhật nọ, tôi sắp sửa đi

chơi với Mát-chi-a thì bố tôi giữ tôi lại. Ông nói ông có việc cần đến tôi ngày hôm đó, và Mát-chi-a cứ đi chơi một mình. Ông tôi không ra nhà ngoài; mẹ tôi đã đi vắng cùng với An-ni và Két, hai em trai tôi đã đi dạo phố. Thế là ở nhà chỉ có bố con tôi.

Chúng tôi ngồi với nhau khoảng một tiếng đồng hồ thì có tiếng gõ cửa. Bố tôi đứng lên đi mở cửa rồi trở vào với một người đàn ông khác với các bạn hữu bố tiếp thường ngày. Người này đúng là một người mà ở Anh người ta gọi là bậc thượng lưu, nghĩa là một người đàn ông giàu, áo quần bảnh bao, vẻ hóm hỉnh nhưng vẫn có nét chán chường. Ông ta vào khoảng năm mươi. Cái điều làm tôi chú ý nhất ở ông ấy là cái nụ cười. Khi ông ta cười, hai môi chành ra để lộ cả hai hàm răng trắng nhon và nhọn hoắt như răng một con chó tở. Cái nét này thật đặc biệt. Nhìn ông ấy, người ta phải tự hỏi cái chành môi kia có đúng là một nụ cười không, hay chỉ là một kiểu nhe răng chực cắn.

Vừa nói chuyện với bố tôi bằng tiếng Anh, ông vừa luôn luôn liếc mắt về phía tôi. Nhưng gặp luồng mắt tôi thì ông tránh ngay, không quan sát tôi nữa. Nói chuyện được mấy phút thì ông bỏ tiếng Anh, dùng tiếng Pháp. Ông nói tiếng Pháp trôi chảy, hầu như không lẫn cái giọng lơ lớ của người nước ngoài. Ông lấy ngón tay trỏ tôi mà nói với bố tôi:

- Đây phải chăng là thằng bé mà anh đã nói chuyện với tôi? Nom nó khỏe đấy chứ?

- Con hãy thưa ông đi, con! - Bố tôi bảo.

- Sức khỏe anh tốt chứ? - Người khách hỏi tôi.

- Thưa ông tốt.

- Anh không bao giờ ốm đau à?

- Tôi đã có lần sưng phổi.

- Ô! Ô! Vì sao thế?

- Vì đã ngủ một đêm trên tuyết phải lúc trời rét dữ dội. Chủ tôi cùng ngủ với tôi và đã chết rét. Còn tôi thì tôi bị sưng phổi

- Đã lâu chưa?

- Cách đây ba năm.

- Từ lúc ấy, anh có cảm thấy di hại gì của bệnh cũ không?

- Thưa ông không.

- Không mệt nhọc, không uể oải, không đổ mồ hôi trộm ban đêm?

- Thưa ông không, không lúc nào như vậy. Có khi tôi mệt nhọc là vì đã đi bộ quá nhiều, nhưng không vì thế mà tôi sinh ốm.

- Và anh chịu gian lao một cách dễ dàng.

- Thưa ông, đành phải thế.

- Ông ta đứng lên, đi lại phía tôi. Ông sờ nắn cánh tay tôi rồi đặt lên bàn tay lên chỗ tim tôi. Cuối cùng ông áp đầu vào ngực tôi, bảo tôi thở mạnh như là đã chạy nhiều: ông lại bảo tôi ho lên.

Làm xong những việc ấy, ông nhìn chăm chú vào mặt tôi một lúc khá lâu. Chính lúc ấy tôi lại nghĩ rằng ông ta ưa cần, bởi vì nụ cười của ông ta khiếp quá.

Ông không nói gì với tôi nữa, tiếp tục nói chuyện với bố tôi bằng tiếng Anh. Máy phút sau, cả hai người đi ra, không đi qua cái cửa trước nhìn ra phố mà qua cửa buồng xép. Còn lại một mình, tôi suy nghĩ không hiểu những câu hỏi của ông khách có ý nghĩa gì. Ông muốn muốn tôi chăng? Thế thì phải xa Mát-chi-a và con Ca-pi! Với lại tôi đã quyết không làm đầy tớ của một ai hết thấy, không làm đầy tớ của ông khách thượng lưu này mà tôi ghét, cũng không làm đầy tớ một người nào khác dù tôi ưa.

Một lát sau, bố tôi trở về nhà. Ông nói vì phải đi có việc, ông không sai khiến tôi vào công việc dự định trước đây và tôi có thể đi chơi, nếu tôi thích. Tôi chẳng thích đi chơi chút nào, nhưng ở trong cái nhà buồn thiu này thì làm được gì? Thôi, đi dạo chơi còn hơn là ngồi rû ra buồn chán thế này?

Trời mưa, tôi vào xe lấy tấm da cừu. Tôi ngạc nhiên biết bao nhiêu khi gặp Mát-chi-a ở đây. Tôi sắp sửa hỏi thì nó đưa tay bịt miệng tôi, rồi nói thầm:

- Đi ra mở cửa buồng xép đi! Xong tớ sẽ lặng lẽ chuồn ra sau lưng cậu. Không nên để người ta biết tớ ở trong xe.

Ra tới phố rồi, Mát-chi-a mới chịu nói:

- Cậu biết cái ông khách đến gặp bố cậu hồi nãy là ai không? Đó là ông Giem Mi-li-gơn, chú của Ác-tơ bạn cậu.

Tôi đứng ngăn người ở giữa phố. Nó nắm cánh tay tôi, vừa đi vừa nói tiếp:

- Tôi đi dạo một mình trong các phố buồn bã vào cái ngày chủ nhật rầu rĩ này cũng chán, bèn về ngủ quách. Tôi nằm lên giường nhưng chưa ngủ. Bố cậu cùng ông khách thượng lưu đi vào trong buồng xếp này. Tôi không cố ý xem, nhưng vẫn nghe lọt câu chuyện họ nói với nhau. Ông khách nói: “Vững như quả núi! Lắm vào cảnh nó thì mười đưa chết cả mười, nó thì chỉ trả lời bằng một cơn sùng phối thôi!” Bấy giờ tôi tưởng là họ nói về cậu nên lắng tai nghe. Nhưng câu chuyện đã chuyển ngay sang đề tài khác. “Thưa, cháu ngài sức khỏe thế nào?” - Bố cậu hỏi. - “Khá hơn, lần này nữa nó cũng sẽ thoát nạn. Ba tháng trước đây, tất cả thầy thuốc đều chạy. Lần này nữa, người mẹ quý hóa của nó đã chăm sóc nó tận tình và lại cứu được nó! Ôi chao! Bà Mi-li-gon ấy quả là một tử mẫu!” Cậu tưởng tượng xem nghe đến cái tên ấy tôi vĩnh tai thế nào! Bố cậu nói: “Nếu cháu ngài khá lên thì thưa ngài, tất cả sự đề phòng của ngài đều hóa ra hoài công sao?” - “Trước mắt thì có lẽ thế! Nhưng tôi không thừa nhận rằng thằng Ác-tơ sẽ sống được. Nó mà sống thì là một chuyện mầu nhiệm, mà chuyện mầu nhiệm thì không còn xảy ra ở cái thế giới này nữa! Phải làm thế nào để cái ngày nó chết đi, không thể có ai về làm thiệt hại cho tôi, và người thừa kế duy nhất sẽ là tôi, Giem Mi-li-gon” - “Xin ngài cứ yên lòng, thưa ngài, mọi việc sẽ diễn ra đúng như thế, tôi bảo đảm” - “Tôi trông cậy ở anh”. Người khách nói thế. Rồi ông ta nói thêm một câu mà tôi

không hiểu rõ cho lắm. Tổ cứ thử dịch ra xem, mặc dù thấy không có nghĩa: “Lúc bấy giờ, chúng ta sẽ xem nên xử trí cái đó như thế nào”. Thế rồi ông ta đi.

Nghe xong câu chuyện, tôi thoát có ý nghĩ về ngay nhà hỏi bố tôi chỗ ở của ông Mi-li-gơn để được biết tin tức về Ác-tơ và bà mẹ nó. Nhưng tôi kịp thấy ngay đó là một dự định điên rồ. Ai lại đi hỏi tin cháu ở một ông chú đang nóng đợi giờ phút cháu chết! Lại nữa, về mặt khác, cho ông Mi-li-gơn biết là người ta đã nghe hết những lời ông nói, thế có phải là đại đột, nguy hiểm không!

Ác-tơ vẫn sống. Nó khá hơn trước. Lúc này được cái tin lành ấy cũng đủ vui rồi.

38

NHỮNG ĐÊM NÔ-EN

Từ bấy giờ, chúng tôi chỉ nói đến Ác-tơ, bà Mi-li-gơn và ông Giem Mi-li-gơn. Ác-tơ và bà mẹ nó hiện ở đâu? Tìm chỗ nào thì thấy được người ta?

Việc ông Giem Mi-li-gơn đến đây gợi ra cho chúng tôi một ý định và giúp chúng tôi nghĩ ra một kế hoạch mà chúng tôi tin chắc rằng sẽ thành công: ông Giem Mi-li-gơn đã tới sân Sư tử đỏ một lần thì thế nào ông cũng đến lần thứ hai, lần thứ ba. Ông ấy không có việc với bố tôi là gì! Cho nên lần sau, lúc ông về thì Mát-chi-a sẽ đi theo ông, vốn ông không biết mặt Mát-chi-a mà!

Thế là ta biết chỗ ở của ông. Rồi thì ta gọi chuyện với kẻ ăn người ở trong nhà và có lẽ những điều họ cho biết sẽ đưa chúng ta đến bên cạnh Ác-tơ.

Chứ không sao? Trí tưởng tượng của chúng tôi cho là việc này nhất định sẽ thực hiện. Cái kế hoạch tốt đẹp ấy không những có thể giúp chúng tôi tìm Ác-tơ vào một lúc nhất định nào đó, mà bây giờ đây nó lại gỡ cho tôi khỏi nỗi lo âu.

Từ sự việc con Ca-pi và từ khi có thư trả lời của má Béc-bơ-ranh. Mát-chi-a luôn luôn nhắc tôi bằng mọi cách: "Chúng ta trở về đất Pháp thôi!" Điệp khúc ấy mỗi ngày lại được nó tô vẽ thêm tình tiết mới. Đáp lại, tôi đưa ra một điệp khúc khác, cũng luôn luôn lặp đi lặp lại một giọng. "Tôi có bốn phận không được từ bỏ gia đình". Và chúng tôi không nhất trí được với nhau là ở cái vấn đề bốn phận ấy. Liên tiếp nổ ra những cuộc tranh cãi không đi đến đâu bởi vì bên nào cũng khư khư giữ chặt cái ý mình. "Phải đi thôi!" - "Tôi phải ở lại". Những khi tôi thêm "để tìm cho được Ác-tơ" vào cái điệp khúc muôn thuở "Tôi phải ở lại" thì Mát-chi-a không còn đường cãi nữa! Nó không thể chống lại vấn đề Ác-tơ: cần phải cho bà Mi-li-gơn biết rõ ý đồ của em chống bà chứ!

Nếu chờ ông Mi-li-gơn đến mà cứ ngày đi vắng từ sớm đến tối như từ khi chúng tôi đến Lớn-đơn đến nay thì thật là ngu xuẩn. Nhưng cũng đã gần đến lúc chúng tôi không đi biểu diễn ngoài phố ban ngày nữa. Chúng tôi sắp đi diễn đêm vì những cuộc họp tấu trong dịp lễ

Nô-en tiến hành vào khoảng giữa đêm. Như thế thì ban ngày nằm nhà, cắt một đĩa canh phòng nghiêm ngặt, chắc chắn chúng tôi sẽ gặp ông chú của Ác-tơ.

Một hôm Mát-chi-a nói với tôi:

- Giá cậu biết tớ mong cậu tìm thấy bà Mi-li-gon chừng nào!

- Tại sao mới được chứ?

Nó do dự một lúc khá lâu:

- Tại vì bà ấy tốt với cậu quá!

Rồi nó lại thêm:

- Và cũng vì có lẽ bà ấy có thể làm cho cậu gặp được bố mẹ.

- Mát-chi-a!

- Cậu không muốn tớ nói rõ cái điều ấy? Tớ không cố ý nghĩ như vậy nhưng hiểu sao mà không một phút nào tớ có thể chấp nhận rằng cậu lại là con trong nhà Đơ-ri-xơn này. Hãy nhìn kỹ tất cả những người trong gia đình ấy và hãy nhìn lại cậu một chút. Không phải tớ chỉ muốn nói đến những món tóc chổi rẽ đầu! Thử hỏi xem, cậu có cái kiểu giơ bàn tay như cái ông cụ nội ấy, và cái cười giả tạo của cụ ta không! Rõ ràng cậu phải là người thượng lưu và nhất định là như thế khi nào chúng ta tìm gặp được bà Mi-li-gon.

- Vì sao vậy?

- Tớ nghĩ một điều.*

- Hãy nói xem sao!

-Ồ! Không!

- Vì sao mà không?

- Vì nếu ý nghĩ đó ngu xuẩn...

- Thì?

- Nếu nó không đúng thì ngu xuẩn quá! Không nên mừng trước về những việc chưa thực hiện! Ta phải rút bài học ở cái chuyện cây lá xanh tươi trong khu Bét-nơn chứ! Chúng ta đã trông thấy nhiều đồng cỏ tươi tốt trong thực tế chỉ là những ao đầm lầy lội rồi mà.

Tôi không vật nài vì tôi cũng có một ý nghĩ.

Thực ra thì ý nghĩ của tôi lơ mờ, phiếm ảo, rụt rè lắm, chắc là còn ngu xuẩn hơn của Mát-chi-a nhiều, tôi tin thế. Chính vì vậy mà tôi không gan hỏi thêm Mát-chi-a. Ví thử ý nghĩ của nó lại giống ý nghĩ đang phảng phất trong đầu tôi như một giấc chiêm bao thì tôi biết trả lời thế nào! Tôi đã không dám diễn đạt ra rõ ràng thì sao tôi lại có gan tranh cãi với nó được.

Chỉ có việc chờ đợi thôi, và chúng tôi chờ đợi. Trong khi chờ đợi thì chúng tôi tiếp tục chạy ngang chạy dọc giữa thành phố Lớn-đơn, bởi vì chúng tôi không thuộc hạng những nhạc sĩ có ưu thế, làm chủ một khu phố có công chúng riêng của mình. Chúng tôi bé bỏng quá, mới mẻ quá, không thể làm vương làm tướng một nơi nào. Chúng tôi bắt buộc phải nhường chỗ cho những người biết cách chứng minh quyền sở hữu của mình bằng những luận cứ mà chúng tôi không đủ sức bác bỏ.

Đã bao lần, sau khi trở tài nghệ chơi những bài tử, sắp được thu tiền thì phải vội vàng cuốn gói trước một anh chàng Ê-cốt-xe⁽¹⁾ hộ pháp, chân không đi tất, váy xòe, áo khoác kẻ ô, mũ cắm lông chim. Chỉ nghe tiếng kèn bị của anh ta thôi, chúng tôi cũng đủ chạy đi rồi. Chiếc kèn đẩy của Mát-chi-a có thể át tiếng kèn bị ấy, nhưng sức chúng tôi thì không đương nổi sức con người thổi kèn bị kia.

Chúng tôi cũng không đủ sức cự địch những toán nghệ sĩ da đen dương dạo khắp phố phường... Những người da đen giả hiệu ấy ăn mặc một cách lộ bịch: họ mặc những áo hình đuôi cá, họ đóng những cổ áo rộng thênh thang, nó bọc cái đầu họ lại như tờ giấy bọc bó hoa. Bọn này làm chúng tôi khùng khiếp hơn cả bọn đàn hát Ê-cốt-xe. Thoạt thấy họ đến, hay chỉ mới nghe tiếng đàn băng-giô của họ thôi, chúng tôi cũng đã kính cẩn im lặng và rút lui khỏi chỗ đó, đến một khu vực có hy vọng không gặp một toán nào khác. Hoặc là chúng tôi xem họ và chờ họ dứt những tiết mục âm ỉ của họ rồi mới biểu diễn.

Một hôm đang đứng làm khán giả của họ, tôi chợt nhận thấy một người trong bọn họ, người kỳ quặc nhất, ra hiệu cho Mát-chi-a. Thoạt tiên tôi tưởng anh ta muốn chế giễu chúng tôi, đưa chúng tôi làm trò cười cho khán giả. Nhưng tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy Mát-chi-a trả lời anh ta một cách thân thiện.

(1) Dân tộc ở miền Bắc nước Anh - ND.

- Cậu quen với anh ấy à? -Tôi hỏi nó.

- Anh Bốp đấy!

- Bốp nào nhỉ?

- Anh bạn Bốp của tớ trong gánh xiếc Gát-xô, một trong hai vai hề tớ đã nói chuyện với cậu ấy mà. Tớ biết chút ít tiếng Anh là nhờ anh ấy nhiều hơn cả.

- Lúc đầu, cậu không nhận ra anh ta à?

- Đành rồi! Ở đằng Gát-xô, anh ấy đầu xoa bột trắng ở đây thì lại trát xi.

Khi toán nhạc sĩ da đen ấy biểu diễn xong, anh Bốp đến chỗ chúng tôi. Có nhìn thấy anh ấy chào hỏi Mát-chi-a mới biết chú bạn tôi biết ăn ở cho người ta yêu mến đến như thế nào. Một người anh ruột gặp em chưa chắc đã có cái ánh mắt và cái giọng nói vui mừng như thế. Anh hề xiếc xưa kia bảo “vì thời buổi khó khăn, anh ta phải đi làm nhạc sĩ du phương để kiếm bữa”. Chúng tôi không thể đứng với nhau lâu: anh ấy phải đi theo toán của anh ấy, còn hai chúng tôi thì phải tìm đến một khu phố mà toán anh không đến. Hai người hẹn nhau đến chủ nhật sẽ hưởng cái thú kể cho nhau nghe những việc mỗi người đã làm từ khi chia tay nhau. Hẳn là do tình bạn đối với Mát-chi-a, anh Bốp cũng muốn tỏ thiện cảm với tôi và chẳng mấy chốc chúng tôi đã có một người bạn thân. Những kinh nghiệm và những lời khuyên bảo của anh đã giúp chúng tôi biết cách kiếm sống ở Lớn-đơn dễ dàng hơn trước. Anh Bốp cũng rất mến con Ca-pi và thường vẫn

nói một cách thêm thuồng rằng nếu anh có được một con chó như thế thì làm giàu chẳng mấy chốc! Đã nhiều lần, anh bàn với chúng tôi nên hùn sức tay ba, đúng là tay tư, anh Bốp, Mát-chi-a, Ca-pi và tôi. Nhưng tôi không muốn từ bỏ gia đình trở về đất Pháp tìm gặp em Li-dơ và các bạn cũ thì tôi càng không tha thiết lang thang cùng anh Bốp khắp nước Anh.

Chúng tôi nhích dần đến ngày lễ Nô-en như thế đấy! Bây giờ thì chúng tôi không ra đi từ sáng nữa. Chúng tôi chờ đến tám chín giờ đêm mới lên đường để đến những khu vực chọn trước.

Chúng tôi bắt đầu ở những công viên và đường phố đã vắng bóng xe cộ. Những khúc hợp tấu của chúng tôi cần có sự thanh vắng nhất định để luồn vào cửa kính, đánh thức trẻ con trên giường ngủ, báo cho các em biết Nô-en sắp đến, Nô-en, ngày lễ chí thân của tất cả những người Anh. Đêm càng về khuya thì chúng tôi xuống dần các phố lớn: bảy giờ những chiếc xe cuối cùng chở người đi xem hát về đã đi qua, sự yên tĩnh đến thay cho cảnh huyên náo đình tai trong ngày. Thế là chúng tôi đánh những bản đàn tình cảm nhất, êm dịu nhất, những bản đàn có tính chất sâu thương hay tín mộ. Cây vĩ cầm của Mát-chi-a than khóc, cây thụ cầm của tôi rên rỉ. Buổi hợp tấu của chúng tôi đã xong: “Chúc quý ông quý bà ngon giấc và vui lễ Nô-en!”. Rồi chúng tôi đi đến một nơi khác diễn lại buổi hợp tấu.

Giữa đêm khuya nằm trong giường chăn ấm gối êm mà nghe âm nhạc thì hẳn là thú vị tuyệt vời. Nhưng

chúng tôi ở ngoài đường thì không có chăn, cũng chẳng có gối. Thế mà lại phải đánh đàn, mặc dù mấy ngón tay đã tê, lạnh cóng. Có hôm trời dầm mây, sương mù thấm da thịt, ẩm ướt; có hôm trời vừa xanh vừa vàng, thăm thẳm, gió bắc thổi, rét đến buốt xương. Không có hôm nào khí hậu ôn hòa dễ chịu cả. Thời tiết Nô-en khắc nghiệt với chúng tôi như thế, mà suốt ba tuần lễ chúng tôi chẳng ở nhà tối nào. Biết bao nhiêu lần, các cửa hiệu đóng cửa hết, chúng tôi dừng lại trước hàng gà vịt, hàng hoa quả, hàng tạp phẩm, hàng bánh mứt! Chao ôi! Những con ngỗng béo tròn! Những con gà tây núng nính! Những con gà mái tơ trắng nõn! Và đây là những núi cam, táo, những đồng quả dễ, mận khô! Những quả ướp lạnh ấy trông mới thêm làm sao!

Nhất định sẽ có những đứa trẻ, hí hửng vì thấy nhiều quà bánh, sung sướng ngã vào lòng bố mẹ. Là những kẻ khốn khổ lang thang trên đường phố, chúng tôi vẫn hình dung cảnh ngày lễ gia đình êm đẹp này ở lâu dài người quyền quý cũng như trong lều cỏ kẻ nghèo hèn.

Chúc một đêm Nô-en vui vẻ cho những ai được yêu thương!

Sau những ngày Nô-en, phải đi làm ban ngày, cho nên chúng tôi càng ít hy vọng gặp ông Giem Mi-li-gon. Chúng tôi chỉ còn trông mong ở ngày chủ nhật. Ngày đó là ngày tự do, có thể là ngày giải trí, đáng lẽ đi dạo chơi thì thường thường chúng tôi ở lì nhà.

Chúng tôi chờ đợi.

Không dả động gì đến những điều đương ám ảnh chúng tôi, Mát-chi-a thành khẩn hỏi anh bạn Bốp có cách gì tìm được địa chỉ của bà Mi-li-gơn, có một đứa con trai bị bệnh bại liệt, hoặc là đơn giản hơn thì địa chỉ của ông Giem Mi-li-gơn. Nhưng anh Bốp đã trả lời rằng cần phải biết rõ cái bà Mi-li-gơn ấy thế nào và cũng phải biết rõ nghề nghiệp hoặc địa vị xã hội của ông Giem Mi-li-gơn ấy. Bởi vì ở ngay Lớn-đơn đã có một số người mang cái tên Mi-li-gơn ấy huống hồ ở trong nước Anh thì lại còn nhiều người mang tên ấy hơn nữa.

Chúng tôi đâu có nghĩ đến điều đó. Đối với chúng tôi, chỉ có một bà Mi-li-gơn, đó là mẹ của Ác-tơ, và chỉ có mỗi một ông Giem Mi-li-gơn, đó là ông chú của Ác-tơ.

Mát-chi-a lại bảo nên trở về Pháp và chúng tôi tranh luận lại càng hăng. Tôi nói:

- Cậu từ bỏ cái ý định tìm gặp bà Mi-li-gơn rồi à?

- Hẳn là không! Nhưng không gì chứng tỏ bà ấy còn ở Anh.

- Cũng không có gì chứng tỏ bà ấy hiện ở Pháp.

- Có phần chắc là bà ấy đã sang Pháp. Ác-tơ đã ốm thì mẹ nó tất phải đưa nó đến một vùng khí hậu tốt, người ốm dễ bình phục.

- Không phải chỉ ở Pháp mới có khí hậu tốt cho sức khỏe.

- Ở Pháp, thằng Ác-tơ đã lành bệnh một lần rồi, thì tất bà mẹ nó lại đưa nó sang Pháp lần nữa. Và lại tớ muốn cậu đi khỏi nơi này!

Tôi ở vào cái cảnh ngộ gay cấn đến nỗi không dám hỏi Mát-chi-a vì sao nó muốn tôi đi khỏi nơi này. Tôi ngại nó trả lời đúng chính cái điều mà tôi không muốn nghe thấy! Nó nói tiếp:

- Tổ sợ quá! Đi đi thôi, Rê-mi ạ! Rồi cậu sẽ thấy tai vạ giáng xuống đầu chúng ta cho mà xem. Ta đi đi thôi...

Tuy thế, tôi vẫn không đành nghe theo lời khuyên của Mát-chi-a, mặc dầu thái độ của gia đình tôi đối với tôi vẫn như cũ, ông tôi vẫn cứ khắc nhủ một cách giận dữ về phía tôi, bố tôi vẫn chỉ có ra lệnh, mẹ tôi vẫn không bao giờ để mắt đến tôi, hai thằng em luôn giở đủ trò ác độc, hồng làm hại tôi, con An-ni vẫn ra mặt ghét bỏ tôi, bé Két vẫn chỉ mền tôi vì kẹo bánh đem về cho nó. Mà tôi cũng không thể nào tin được khi Mát-chi-a cứ một mực nói rằng tôi không phải là “cậu ấm của Đơ-ri-xơn tiên sinh”. Ngờ vực, đúng tôi có thể ngờ vực lắm lắm, nhưng bảo tôi tin quả quyết rằng mình đúng là dòng máu Đơ-ri-xơn hay không phải thế thì tôi không thể làm nổi.

Thời gian trôi đi chậm chạp, rất chậm, nhưng rồi ngày nối ngày, tuần tiếp tuần, cũng đã đến lúc gia đình tôi rời Lơn-đơn để đi khắp chốn trên đất nước Anh.

Hai chiếc xe đã được sơn lại và đã chất đầy ắp đủ thứ hàng hóa đem bán trong mùa khô ráo.

Cơ man nào là hàng hóa đã được chất trong xe đến là tài tình: vải, áo sợi, mũ nổi, khăn quàng, khăn tay, bít tất, quần đùi, áo gi-lê, cúc áo, chỉ khâu, vải bông,

vải len, len sợi, kim, kéo, dao cạo, hoa tai, nhẫn, xà phòng, thuốc mỡ, xi đánh giày, bàn là bằng đá, thuốc bột chữa bệnh ngựa, bệnh chó, thuốc tinh dầu để tẩy vết bẩn, thuốc nước chữa răng, thuốc làm mọc tóc hoặc nhuộm tóc!

Chúng tôi đứng đó và thấy rõ ràng là những kiện hàng ấy đều chuyển từ sân Sư tử đỏ ra, chứ không phải thẳng từ những cửa hàng bình thường vẫn bán.

Cuối cùng, xe chất đầy, ngựa cũng đã mua, mua ở đâu, mua cách nào, tôi không biết! Chỉ thấy dắt ngựa về và mọi việc xếp đặt xong xuôi để lên đường.

Còn chúng tôi thì sẽ làm gì? ở Lon-don với ông già không hề rời sân Sư tử đỏ hay sao? Hay là sẽ đi bán hàng như A-lon và Nét? Cũng có thể cùng đi theo xe của gia đình, tiếp tục cái nghề nhạc sĩ rong, biểu diễn tiết mục tại những làng mạc, thành phố xe đi qua? Bố tôi thấy chúng tôi kiếm được khá tiền với cây vĩ cầm và cây thụ cầm, bèn quyết định chúng tôi đi với ông, nhưng vẫn làm cái nghề nhạc sĩ. Trước ngày lên đường ông nói ý định của ông.

Mát-chi-a bảo tôi:

- Về Pháp nhé! Ta rình cơ hội đầu tiên để trốn đi.
- Sao không chu du nước Anh một chuyến cho hay?
- Vì chúng mình sẽ gặp họa, tớ nói cho cậu biết đấy!
- Chúng ta có cơ hội gặp bà Mi-li-gon trên đất Anh.
- Tớ thì tớ tin rằng chúng ta có nhiều hy vọng thấy bà ấy trên đất Pháp hơn.

- Thôi được, chúng ta hãy cứ thử tìm trên đất Anh. Sau này sẽ hay!

- Cậu biết cậu đáng gì không?

- Không!

- Đáng cho tớ bỏ mặc cậu, tớ cút một mình sang Pháp!

- Cậu nói có lý đấy! Vì vậy tớ khuyên cậu cứ làm thế đi! Tớ biết tớ không có quyền giữ cậu, tớ biết cậu ở với tớ thế này là cậu tốt bụng quá. Vậy thì cậu hãy đi đi, rồi cậu tìm đến Li-dơ, nói với em...

- Rằng cậu là một thằng ngu, một thằng xấu cho nên mới nghĩ rằng tớ có thể bỏ cậu mà đi trong lúc cậu đương khốn đốn thế này. Cậu khổ, phải, cậu khổ lắm. Thì tớ làm gì cậu mà cậu có những ý nghĩ thế kia chứ? Hãy nói đi nào, nói tớ đã làm gì cậu? Không làm gì hết, phải không? Thế thì chúng ta lên đường với họ đi thôi!

Chúng tôi lại ra đi trên đường thiên lý. Nhưng lần này, tôi không được tự do muốn đi đâu thì đi, tự ý muốn làm gì thì làm. Chúng tôi đi theo gia đình Đơ-ri-xơn.

Tuy nhiên, tôi rời bỏ thành phố Lon-đon với cái cảm giác là được giải phóng. Tôi phải nhìn thấy cái sân Sư tử đỏ và cái miệng hầm, nó luôn luôn thu hút mắt tôi mặc dù tôi cố cưỡng lại. Đã bao nhiêu lần đương đêm tôi giật mình tỉnh giấc, vì mơ thấy ánh sáng đèn soi vào cửa chỗ tôi nằm. Đó là một ám ảnh, một cơn mê, nhưng vẫn đáng sợ. Tôi đã nhìn thấy cái ánh đèn ấy một lần, thế là đủ để cho tôi cảm thấy nó ở mãi trước con mắt tôi như một ngọn lửa nóng bỏng.

Hai đứa tôi đi theo sau xe. Chúng tôi không phải ngửi mùi hôi thối ở Bét-nơn Gờ-rin nữa, mà hít thở khí trời trong sạch ở những cánh đồng chúng tôi đi qua...

Những cánh đồng ấy không mang cái từ "Gờ-rin" trong tên, nhưng lại có màu xanh cho đôi mắt ngắm và tiếng chim hót cho đôi tai nghe.

Ngay trong hôm đầu ra đi, tôi đã thấy người ta bán những hàng hóa không mất tiền mua ấy như thế nào. Đoàn chúng tôi đến một thôn lớn, đỗ xe ngay giữa chợ, người ta hạ một bên thành xe xuống và thế là cả gian hàng phơi bày dưới con mắt tọc mạch của người mua. Bố tôi rao:

- Các ông các bà hãy xem giá hàng, xem giá hàng đi! Không đâu người ta bán giá như thế cả! Vì không bao giờ xỉa tiền mua cho nên tôi có thể bán rẻ. Bán ấy à? Không, bán thế cũng bằng cho không mà thôi! Hãy xem giá hàng! Mời các ông các bà hãy xem giá hàng.

Có những người tới xem giá hàng; lúc đi, tôi nghe thấy họ nói :

- Hàng hóa này chắc là đồ trộm cắp!

- Tự hấn nói rồi đó chứ còn gì!

Giá như họ nhìn qua phía tôi, họ thấy mặt tôi đỏ bừng lên thì chắc họ biết rằng những lời ước đoán của họ rất có căn cứ. Mát-chi-a thì nó thấy và ngay tối hôm đó, nó nói thêm về chuyện ấy, mặc dù từ trước tới nay nó tránh không đi thẳng vào vấn đề.

- Cậu chịu mãi được sự sỉ nhục này chăng?

- Van cậu đừng có nhắc đến nếu cậu không muốn làm khổ tớ hơn nữa.

- Tớ có muốn thế đâu! Tớ muốn chúng mình trở về Pháp. Tớ nói mãi với cậu rằng thế nào cũng xảy ra tai vạ. Bây giờ tớ nhắc lại lần nữa và tớ cảm thấy tai vạ sắp giáng xuống rồi. Cậu phải hiểu rằng không chóng thì chầy, rồi cũng có ngày bọn cảnh sát muốn biết làm thế nào mà tiên sinh Đơ-ri-xơn bán hàng của mình rẻ đến thế. Lúc bấy giờ sự thế sẽ ra sao?

- Mát-chi-a tớ van cậu!

- Cậu đã không muốn mở mắt ra cho thấy, thì tớ phải nhìn thấy hộ cậu! Sẽ có ngày người ta tóm cổ ráo, cả cậu, cả tớ nữa, mặc dù chúng mình không làm gì nên tội. Làm sao chúng mình được rằng chúng ta không can dự vào? Làm sao tự bào chữa cho được! Không phải mình ăn thứ bánh mua bằng tiền bán những món hàng ấy hay sao?

Tôi chưa hề nghĩ đến điều đó. Nó đập vào tâm trí tôi như một nhát búa tạ ai nện lên óc. Tôi gắng gượng chống chế, không phải chống chế với Mát-chi-a mà chống chế với cái ý nghĩ ấy. Tôi nói:

- Nhưng chúng mình ăn cái thứ do chính chúng mình kiếm ra đấy chứ!

- Đúng đấy, - Mát-chi-a đáp, - Nhưng có điều này cũng đúng tức là chúng ta hợp tác với những người ăn cái thứ họ không làm ra. Người ta sẽ vạch ra điều đó và

người ta cũng chỉ vạch đến điều đó mà thôi. Chúng ta sẽ bị tù tội cũng như họ. Điều đó nhất định làm cho tớ đau khổ vô cùng vì bị cầm tù do tội trộm cắp, nhưng tớ còn đau khổ hơn nhiều nếu chính cậu bị như thế. Tớ, tớ chỉ là một đứa trẻ cùng khốn nghèo hèn, và rồi tớ cũng đến thế mà thôi, còn cậu. Khi tìm thấy gia đình, gia đình thật sự của cậu, gia đình cậu sẽ buồn tủi biết bao, cậu sẽ xấu hổ biết bao, nếu cậu đã bị tù tội! Vả lại, bị tù thì không có cách nào tìm ra gia đình của cậu hết. Bị tù thì không có cách nào báo cho bà Mi-li-gơn hay cái việc ông Giem Mi-li-gơn mưu hại thằng Ác-tơ. Thôi thì chúng ta hãy chuẩn bị trong khi còn kịp.

- Cậu chuẩn đi!

- Cậu cứ nhai mãi cái chuyện đại đột ấy! Chuẩn thì chúng ta cùng chuẩn, hoặc bị tóm thì chúng ta cùng bị tóm. Chẳng nào chúng mình bị tóm rồi - sắp đấy, không phải chờ lâu đâu - chẳng ấy, cậu sẽ chịu trách nhiệm làm liên lụy đến tớ. Rồi cậu xem cái trách nhiệm ấy có nặng nề không! Cậu khẳng khẳng đòi ở lại bên cạnh người ta mà có ích lợi cho người ta thì sự cứng đầu của cậu, tớ còn hiểu được. Đó là một cử chỉ đẹp đẽ. Đằng này, cậu chả cần thiết gì cho họ: Không có cậu, ngày trước họ vẫn sống, sau này họ cũng sẽ sống. Ta đi mau mau đi thôi!

- Thế thì cậu hãy thư thư cho tớ vài ngày để tớ suy nghĩ rồi hãy hay.

- Phải nhanh lên! Yêu quái đánh hơi thấy thịt tươi, tớ đánh hơi thấy tai vạ.

Chưa bao giờ lời lẽ và sự van nài của Mát-chi-a làm tôi xúc động sâu sắc đến thế. Mỗi khi nghĩ đến thì tôi tự nhủ rằng thái độ do dự của tôi là hèn nhát, rằng bề nào thì tôi cũng phải quyết định đi, phải biết mình muốn gì mới được. Sự việc xảy ra đến về sau đã làm hộ tôi cái việc tự tôi không dám làm.

Chúng tôi rời bỏ thành phố Lơ-đơn đã mấy tuần rồi. Bây giờ chúng tôi đến một đô thị sắp mở hội đua ngựa. Đua ngựa ở Anh không giống như ở Pháp: ở Pháp đua ngựa là một trò giải trí cho kẻ giàu sang, họ đến để xem ba bốn con ngựa chạy thi, để cho người ta xem mình và để đánh cá dăm ba đồng bạc. Ở đây đua ngựa là một ngày hội dân gian của cả một vùng mà người ta đến không chỉ để xem ngựa chạy. Trên đồng hoang hay trên đồng cát dùng làm bãi quần, từ mấy ngày trước những đoàn xiếc, những người bói toán du phương, những người bán hàng rong đã đến họp chợ. Chúng tôi cũng vội vã chiếm chỗ ở các hội chợ ấy. Mát-chi-a và tôi với tư cách là nhạc sĩ, gia đình Đơ-ri-xơn với tư cách là người buôn bán.

Tuy nhiên, bố tôi không đến bãi quần, mà lại dọn hàng ngay trong thành phố. Có lẽ ông nghĩ ở đó hàng bán chạy hơn.

Đến sớm và không bận vào công việc bày hàng, hai chúng tôi đi dạo xem bãi quần ở một cánh đồng cỏ gần thành phố. Nhiều lều vải đã được dựng lên, từ xa trông thấy những cột khói mỏng thì biết ngay địa điểm và ranh giới của bãi quần. Chúng tôi đi vào một con đường

trùng, trong giây lát thì ra tối cánh đồng. Cánh đồng ngày thường cần cỗi và trống hoang, chiều hôm nay lộ nhô những nhà ván dùng làm quán rượu, quán ăn, những lều, những xe, có khi chỉ là những bếp lửa trại giữa trời, chung quanh đó chen chúc những người mặc quần áo đẹp lắm hình nhiều sắc.

Chúng tôi vừa đi ngang một bếp lửa trại trên đó lủng lẳng một chiếc nôi, thì nhận thấy anh Bốp. Gặp chúng tôi, anh mừng rỡ khôn xiết. Anh đến hội đua với hai người bạn đồng nghiệp để biểu diễn tài nghệ và thể lực. Nhưng mấy nhạc sĩ đã hẹn với các anh ấy lại không giữ lời hứa, thành thử cái khoản thu hôm nay sẽ chẳng ra gì chứ không hời như các anh hy vọng. Anh bảo chúng tôi có thể giúp ích cho các anh nhiều lắm nếu chúng tôi vui lòng thay thế bọn nhạc sĩ kia: tiền thu sẽ chia năm, lại có phần cho con Ca-pi nữa.

Mát-chi-a liếc mắt sang tôi. Thấy con mắt nó, tôi biết rằng nhận lời anh Bốp thì nó sẽ khoái lắm. Vì chúng tôi được phép tự do muốn làm gì tùy thích, miễn là đem nhiều tiền về, nên tôi nhận lời. Hai bên giao hẹn sáng hôm sau đến cho các anh ấy bố trí công việc.

Khi về, tôi báo cáo về việc thu xếp này với bố tôi thì xảy ra một trở ngại. Bố tôi bảo.

- Ngày mai tôi cần con Ca-pi. Các anh không được mang nó theo!

Nghe thấy thế, tôi đâm lo. Người ta muốn dùng con Ca-pi vào một chuyện xấu xa đây chăng? Nhưng bố tôi đánh tan ngay sự lo lắng ấy:

- Con Ca-pi thính lắm - Ông nói- Tiếng động nhỏ nào nó cũng nghe và nó biết giữ cửa giới. Nó giúp chúng ta coi xe rất tốt vì trong cảnh lộn xộn lắm kẻ lại người qua, ta có thể bị lấy trộm hàng. Vậy chỉ hai anh đi đánh đàn cùng với Bốp thôi. Nếu biểu diễn quá khuya - chắc là thế - thì các anh đến tìm tôi ở quán Cây Sồi Lớn; gia đình sẽ ngủ ở đó vì tôi định tối mai rời khỏi nơi đây.

Quán Cây Sồi Lớn mà chúng tôi trọ đêm trước ở cách nơi này chừng một dặm⁽¹⁾. Quán dựng ở giữa cánh đồng trống, tại một nơi vắng vẻ, rừng rợn. Vợ chồng chủ quán có một vẻ khả nghi. Đường thẳng bằng, tìm đến quán rất dễ, duy phiền một nỗi là sau một ngày làm việc mệt nhọc, đi thế cũng hơi xa. Nhưng đó không phải là một điều đáng lưu ý bố tôi: ông không chịu để cho người ta cãi lại, ông đã bảo thì phải vâng, không được đối đáp.

Sáng hôm sau, tôi dắt con Ca-pi đi dạo một vòng, cho nó ăn uống để chắc chắn là nó không thiếu thốn gì. Xong tôi tự tay buộc nó vào trục bánh xe mà nó có bốn phận canh giữ, rồi hai đứa tôi đi đến bãi quần.

Đến nơi thì chúng tôi vào chơi nhạc liên, và chơi suốt đến tối, không nghỉ ngơi. Mấy đầu ngón tay tôi đau buốt như bị châm ngàn mũi gai. Mát-chi-a thì thổi kèn dầy đến không thở ra hơi. Tuy thế vẫn cứ phải đánh đàn, phải thổi kèn: anh Bốp và các bạn anh diễn xiếc không biết mệt, thì chúng tôi cũng phải chơi nhạc không biết mỏi. Đêm đến, tôi tưởng được nghỉ hóa ra

(1) Dặm ở đây khoảng 4km, khác với dặm ở ta chỉ độ 1/2km.

vẫn chưa! Chúng tôi rời lều vải, đến một quán bằng gỗ ván, và ở đấy xiếc, nhạc diễn lại càng hăng. Cứ thế cho đến quá nửa đêm. Tôi vẫn cào thụ cầm âm ỉ, nhưng chẳng biết là mình đánh bản gì; Mát-chi-a cũng không hơn gì tôi. Hàng chục lần, anh Bốp rao đây là biểu diễn cuối cùng, hàng chục lần chúng tôi diễn lại.

Chúng tôi chỉ mới một mồi, còn các anh ấy thì đã rã rời vì họ dùng sức nhiều hơn. Họ đã diễn hỏng vài tiết mục. Một lần cây gậy làm trò của họ đổ xuống bàn chân Mát-chi-a. Đau quá, nó kêu thét lên. Tôi tưởng nó giập chân rồi. Anh Bốp và tôi xúm lại quanh nó. May quá, vết thương không đến nỗi nặng như tôi tưởng: Có bầm nát, rách da thịt, nhưng xương không bị giập. Tuy vậy Mát-chi-a không đứng được. Làm thế nào bây giờ?

Chúng tôi giải quyết là Mát-chi-a thì cứ nằm ở lại xe anh Bốp, để một mình tôi về quán Cây Sồi Lớn. Tôi cần phải biết gia đình Đơ-ri-xơn hôm sau đi đâu. Mát-chi-a bảo:

- Đừng đi, Rê-mi ạ! Mai chúng ta sẽ cùng đi với nhau!
- Nhỡ mai không tìm thấy người ta ở quán Cây Sồi Lớn thì thế nào?
- Càng hay! Chúng ta được giải phóng!
- Nếu tớ rời bỏ gia đình Đơ-ri-xơn thì không phải bằng cách ấy! Vả lại, cậu tưởng họ không tìm thấy chúng ta ngay à? Cậu còn đi đâu được với bàn chân ấy?
- Ừ thì đi! Cậu đã muốn thế thì mai chúng ta đi. Nhưng đêm nay hươm đã, tớ sợ lắm!

- Sợ gì?

- Không biết. Tôi sợ cho cậu!

- Để tôi đi, Mát-chi-a ạ! Tôi hứa với cậu mai sẽ trở lại!

- Lỡ ra họ giữ cậu lại thì sao?

- Để họ không giữ tôi được thì tôi gửi đàn cho cậu. Như thế tất họ phải để tôi trở lại lấy đàn.

Và thế là mặc dù Mát-chi-a lo ngại, tôi vẫn ra đi không chút e sợ.

Sợ ai, sợ cái gì kia chứ? Ai người ta đòi gì, hỏi gì ở cái thằng cậu bơ cậu bát này!

Tuy không chút sợ hãi, tôi vẫn thấy xúc động nhiều. Lần này là lần đầu tiên tôi thực sự cô đơn, không có con Ca-pi, không có Mát-chi-a bên mình. Tôi thấy khó chịu vì cô độc, tôi bàng hoàng khi nghe tiếng kêu huyền bí của đêm khuya. Nhìn lên gương trăng nhân nhật, tôi cũng thấy buồn.

Tôi đi nhanh, mặc dù đương mệt, và cuối cùng đến quán Cây Sồi Lớn. Tôi kiểm soát mắt không thấy chiếc xe của gia đình tôi. Có hai, ba chiếc xe bụi vãi tôi lăn, một nhà gỗ ván và hai cỗ xe thấp, bên trong ấy vang ra tiếng thú dữ khi tôi đến gần. Nhưng hai chiếc xe xinh đẹp, sơn màu sắc long lẫy của gia đình Đơ-ri-xơn thì không thấy đâu cả.

Đi quanh quán, tôi thấy có ánh sáng ở một vòm cửa sổ gần kính. Nghĩ rằng trong nhà còn có người thức, tôi gõ cửa. Người chủ quán có vẻ mặt gian xảo mà tôi để

ý hôm trước đích thân mở cửa cho tôi. Hấn soi đèn thẳng vào mặt tôi. Hấn nhận ra tôi. Nhưng hấn không nhường lối cho tôi vào, mà cấp đèn đi sau lưng, hấn nhìn chung quanh nghe ngóng mấy giây rồi mới nói:

- Xe nhà anh đi rồi! Bố anh dặn đến gặp ông ta ở Lu-ít-xơ, không được trì hoãn và phải đi suốt đêm. Thôi anh đi mạnh giỏi.!

Thế rồi hấn bỏ mặc tôi, đóng ngay cửa lại. Từ khi đến Anh, tôi đã học tiếng nước này đủ để hiểu các câu ngắn đó. Tuy nhiên, có một tiếng không gọi cho tôi ý niệm nào cả, mà đó là tiếng quan trọng nhất. Lão chủ quán nói: Lu-ít-xơ. Lu-ít-xơ là nơi nào cơ chứ? Tôi chẳng biết mô tả ra sao cả, bởi vì tôi không hiểu ra rằng Lu-ít-xơ là cách đọc theo tiếng Anh của từ *Lewes*, tên một thị xã có ghi trên bản đồ. Vả lại có biết Lu-ít-xơ ở đâu chẳng nữa thì tôi cũng không thể bỏ Mát-chi-a mà đến đó ngay. Bởi vì tôi phải trở lại bãi quần, dù đã mệt mỏi lắm. Tôi quay lại và một tiếng rưỡi đồng hồ sau thì tôi nằm trong xe anh Bốp trên một cái ổ rơm ẩm, bên cạnh Mát-chi-a. Tôi thuật lại sự việc vắn tắt cho nó nghe rồi ngủ thiếp đi vì mệt mỏi.

Đánh một giấc mấy tiếng đồng hồ lại sức, sáng hôm sau tôi tươi tỉnh, sẵn sàng đi Lu-ít-xơ nếu Mát-chi-a - nó còn đương ngủ - có thể đi theo tôi.

Tôi ra khỏi xe, lại chỗ anh bạn Bốp. Anh dậy trước tôi, dương nhóm bếp. Tôi đương nhìn anh bò rạp xuống đất, phùng má thổi dưới nôi, thì thoáng thấy viên cảnh sát nắm dây con Ca-pi dắt đi. Tôi sững sốt đứng im,

nghe thăm không biết có chuyện gì lạ vậy. Nhưng con Ca-pi nhận ra tôi; nó đã giằng mạnh, làm dây tuột khỏi tay viên cảnh sát. Tức thời nó nhảy mấy nhảy đến bên tôi và vọt lên tay tôi. Viên cảnh sát đi đến, nói:

- Con chó này của anh phải không?

- Phải!

- Thế thì tôi bắt anh!

Bàn tay hần chộp lên cánh tay tôi, siết chặt. Lời nói và cử chỉ của viên cảnh sát khiến anh Bốp đứng lên. Anh bước tới, hỏi:

- Đây! Vì có gì ông bắt em này!

- Anh là anh nó à?

- Không. Là bạn!

- Đêm qua, một người đàn ông và một thằng bé đã bắc thang leo qua một cửa sổ cao, vào trong nhà thờ Xanh Gioóc - Giơ. Chúng đem theo con chó này để nó báo hiệu cho chúng, nếu có người đến phá đám. Sự việc quả đã xảy ra như thế. Bị bất ngờ chúng nhảy qua cửa sổ chạy trốn, không kịp mang con chó theo. Con chó không chạy theo chủ được bị bắt lại ở ngay nhà thờ. Dắt con chó đi, tôi biết chắc thế nào cũng bắt được bọn trộm, và tôi đã bắt được một đứa. Thằng bố giờ ở đâu?

Tôi không biết viên cảnh sát hỏi anh Bốp hay hỏi tôi. Tôi không đáp, tâm thần thẳng thốt. Tuy nhiên, tôi hiểu sự việc xảy ra như thế nào rồi. Dù không đúng tôi cũng nghiệm ra: người ta bảo tôi trao con Ca-pi cho

người ta không phải để giữ xe hàng, mà để báo động cho những người vào lấy trộm trong nhà thờ, vì tai nó thính. Rồi cũng không phải chỉ để đến ngủ ở quán Cây Sồi Lớn cho khoái mà người ta cho xe khởi hành lúc chập choạng tối. Sau đó, xe không nghỉ lại ở quán là vì vụ trộm bị bại lộ, phải mau mau xa chạy cao bay.

Tuy nhiên tôi thấy không nên nghĩ đến những kẻ phạm tội mà chỉ nên nghĩ đến mình. Họ có là ai thì tôi cũng vẫn tự bào chữa được và chứng minh được sự trong trắng của mình, không cần tố giác họ. Tôi chỉ cần báo cáo công việc làm từng giờ của tôi trong đêm ấy là rõ.

Tôi lý luận thế. Trong khi đó Mát-chi-a không biết vì viên cảnh sát nói hay nghe tiếng ồn ào mà thức giấc dậy. Nó ra khỏi xe, đi tập tễnh đến bên tôi. Tôi nói với anh Bốp:

- Anh giải thích hộ cho ông ấy rõ tôi không phải là kẻ phạm tội vì tôi đã làm việc bên cạnh anh đến một giờ đêm. Sau đó, tôi đến quán Cây Sồi Lớn gặp ông chủ quán nói vài câu rồi đi ngay trở về đây.

Anh Bốp dịch mấy lời tôi nói cho viên cảnh sát nghe. Nhưng viên cảnh sát không chấp nhận như tôi hy vọng, trái lại. Hắn ta nói:

- Chúng vào nhà thờ lúc một giờ một khắc. Thằng bé này xưng là nó ở đây lúc một giờ đúng hay kém mấy phút. Như thế nó có thể ở nhà thờ lúc một giờ một khắc, cùng với bọn trộm.

- Từ đây đi vào thành phố phải đi hơn một khắc - anh Bốp nói.

- Ô! Chạy thì kịp - Viên cảnh sát đáp - Với lại ai chứng thực với tôi rằng nó đi lúc một giờ?

- Tôi, tôi thế đấy!

- À, anh ! Còn phải xem sự chứng thực của anh có giá trị như thế nào đã!

Anh Bốp không chịu được. Đĩnh đạc, anh tuyên bố:

- Tôi lưu ý ông: tôi là một công dân Anh.

Viên cảnh sát nhún vai.

- Nếu ông lãng mạ tôi thì tôi viết bài đăng tờ Thời báo.

- Trong khi chờ đợi, tôi hăng mang thằng bé này đi đã! Nó sẽ trình bày với quan tòa!

Mát-chi-a ôm lấy tôi, tôi tưởng để hôn. Nhưng không, nó thường lo chuyện thực tế trước chuyện tình cảm. Nó rĩ tai tôi:

- Hãy vững tâm! Chúng tớ không bỏ cậu đâu!

Xong, nó mới hôn tôi. Tôi nói với nó bằng tiếng Pháp: "Hãy giữ con Ca-pi lại!". Nhưng viên cảnh sát hiểu. Hắn nói:

- Không, không! Ta giữ con chó! Nó đã giúp ta bắt được chú mày, nó sẽ giúp ta tóm cổ những tên kia.

Tôi bị bắt lần này là lần thứ hai, nhưng tôi cảm thấy nhục nhã ê chề hơn trước nhiều. Lần này không phải là một sự buộc tội vô nghĩa lý như vụ con bò sữa dù sau này người ta có xét thấy tôi vô tội và tha bổng

đi nữa, để tôi không đau đớn thấy những người kia bị kết án đúng hay sao?

Tôi phải đi qua giữa hai hàng rào người tò mò đến xem. Nhưng người ta không la ó, không hăm dọa chúng tôi như ở bên Pháp. Nhưng người đến xem đây không phải là nông dân mà toàn là những người dù ít dù nhiều đều đã có chuyện với cảnh sát. Đó là dân xiếc rong, dân hàng quán, dân bối du phương, tóm lại là dân lang thang.

Cái nhà tù họ nhốt tôi không phải là một nhà tù trò chơi như cái trại giam chứa đầy hành năm trước. Cái nhà tù này là một cái nhà tù thực sự có cửa sổ chắn những song sắt lớn, chỉ mới nhìn thấy cũng đủ tiêu tan từ trong trứng mọi ý chí vượt ngục. Trong buồng giam tôi chỉ có một cái ghế dài để ngồi và một cái vông để ngủ.

Tôi ngồi phịch xuống ghế, rũ rượi một lúc lâu, tôi nghĩ ngợi về cảnh ngộ của tôi, nghĩ lang bang không mạch lạc vì không tài nào kết ý này với ý kia và chuyển từ ý trước qua ý sau cho được. Hiện tại thật là kinh khiếp mà tương lai còn khôn xiết hãi hùng!

Mát-chi-a bảo: "Hãy vững tâm! Chúng tớ không bỏ cậu đâu!" Nhưng thử hỏi một chú bé như Mát-chi-a thì làm nên trò trống gì? Hơn nữa, nếu anh Bốp vui lòng giúp Mát-chi-a thì một người lớn hồ để làm được gì?

Khi ở tù thì người ta chỉ có một ý định là ra tù.

Không bỏ tôi và làm đủ mọi cách để giúp tôi thì Mát-chi-a và anh Bốp có thể làm như thế nào để giúp

tôi ra khỏi cái ngục kín này nhỉ? Tôi đến bên cửa sổ, mở ra, sờ mó những song sắt đóng chéo bên ngoài. Song sắt gắn cứng trong đá. Tôi xem xét từng vách tường dày gần một mét. Nền lát những tảng đá lớn. Cửa ra vào bọc một lớp tôn.

Tôi lại quay về cửa sổ. Cửa sổ mở nhìn xuống một khoảng sân hẹp và dài, đằng đầu kia có một bức tường lớn bịt kín, ít nhất cũng cao đến bốn mét.

Chắc hẳn là không thể trốn thoát cái nhà ngục này dù có được những bạn tận tâm giúp đỡ. Sự tận tình của bạn phá sao nổi cái thực tại gay gắt nơi đây? Sự tận tình không thể chọc thủng tường vách được!

Với tôi bây giờ, vấn đề chỉ còn là tìm hiểu xem phải ở bao nhiêu lâu trong ngục này, trước khi ra trước quan tòa để định đoạt số phận. Ra đây, tôi có thể chứng minh sự trong trắng của mình hay không, mặc dù con Ca-pi bị bắt trong nhà thờ? Liệu tôi có thể tự bào chữa mà không cần phải vạch tội của những người mà tôi không muốn và không thể tố cáo hay không?

Tất cả vấn đề của tôi là ở đó. Ở đó, và chỉ có ở đó thôi, là Mát-chi-a và anh bạn Bóp của nó có thể giúp tôi. Vai trò của họ là thu thập những bằng cứ để chứng thực là lúc một giờ một khắc, tôi không thể có mặt ở nhà thờ Xanh Gioóc-giơ. Nếu họ đưa được bằng chứng ấy thì tôi thoát nạn, bất chấp cái bằng chứng cam chống lại tôi, là con Ca-pi tội nghiệp. Những bằng chứng ấy tôi cho là không phải không tìm được.

Chao ôi! Giá mà Mát-chi-a không đau chân thì thế nào nó cũng biết sục sạo, xoay xở. Nhưng nó đau như

thế thì có rời khỏi xe được không? Nó không đi lại được thì anh Bốp có sẵn lòng làm thay nó không?

Tôi biết nhiều chuyện về những người tù tội, trong đó có một chuyện nói đến cách người bên ngoài dùng để liên lạc với người bị giam giữ: người ta giấu những mảnh giấy con vào trong thức ăn mang từ ngoài vào. Có lẽ Mát-chi-a và anh Bốp cũng dùng cách ấy. Chợt nghĩ thế tôi bẻ vụn miếng bánh khẩu phần ra. Nhưng tôi không tìm thấy gì cả. Cùng với bánh, người ta có cho khoai tây. Tôi tán khoai tây ra bột và vẫn không thấy có mẩu giấy nhỏ nào.

Chắc là Mát-chi-a và anh Bốp không biết nhắn gì với tôi, hoặc là điều này có phần chắc hơn, họ không thể nhắn gì với tôi được cả.

Vậy hãy đợi đến mai thôi, đợi mà cố gắng đừng lo phiền quá đáng! Khốn thay! Tôi lại không thể không lo phiền! Tôi dám chắc rằng sau này, dù sống lâu đến bao nhiêu, tôi cũng vẫn nhớ cái đêm khủng khiếp tôi sống trong nhà ngục này như mới hôm qua thôi. Chao ôi! Tôi quả rồ dại đã không tin vào linh tính và sự lo lắng của Mát-chi-a.

Sáng hôm sau, viên cai ngục mang đến cho tôi một xô nước và một cái chậu. Lão ta bảo tôi rửa mặt nếu thấy thích, bởi tôi sắp ra trước tòa. Lão nói thêm rằng ăn mặc sạch chỉnh tề đôi khi là cách bào chữa tốt nhất của người bị cáo. Rửa ráy xong, tôi muốn ngồi xuống ghế. Nhưng không tài nào ngồi yên một chỗ được, tôi cứ loanh quanh trong buồng giam như con thú quay quay trong chuồng.

Tôi định nghĩ sẵn những câu trả lời và những lý lẽ để bào chữa. Nhưng tôi hốt quá. Tôi không nghĩ đến hiện tại, chỉ vẫn mơ nghĩ đến đủ các thứ chuyện vô lý, chúng nó lần lượt đi qua trong đầu óc một mỗi của tôi như những hình ảnh của một chiếc đèn chiếu.

Người cai ngục trở lại, bảo tôi đi theo lão. Tôi đi bên cạnh lão ta, qua nhiều lần hành lang đến một cái cửa sổ nhỏ. Lão mở cửa nói:

- Vào đi.

Một luồng không khí nóng hắt vào mặt tôi cùng với tiếng ồn ào không nghe ra gì cả. Tôi bước vào phòng và thấy mình đứng trước một phòng tòa án!

Tôi đang ở trong một cơn mê hoảng, mạch máu ở thái dương đập như sắp vỡ. Tuy thế, nhìn quanh một vòng, tôi cũng trông thấy rõ ràng và đầy đủ cái phòng xử án và những người có mặt ở đây.

Phòng xử án khá rộng, trần cao, cửa sổ lớn. Phòng ngăn làm hai, một nửa dành cho tòa án, một nửa dành cho những người hiếu kỳ đến xem, quan tòa ngồi trên một bục cao. Trước mặt ông, thấp hơn một ít, có ba nhân vật tòa án nữa. Sau này tôi mới biết ba ông này, một ông là lục sự⁽¹⁾, một ông là thủ quỹ để lo về việc phạt tiền, và một ông quan tòa gọi là công tố viên⁽²⁾. Trước kệ tôi đứng, có một nhân vật mặc áo thụng cài tóc giả, đó là vị trạng sư của tôi.

(1) Người ghi lời cung khai, làm biên bản phiên tòa và các giấy mực khác trong một vụ xử án - ND.

(2) Công tố viên là người buộc tội - ND.

Sao tôi lại có trạng sư? Ông ấy từ đâu đến với tôi? Ai đem ông ấy đến cho tôi đây? Mát-chi-a và anh Bốp chẳng? Lúc này không phải là lúc xem xét các câu hỏi đó. Chỉ biết rằng tôi có một trạng sư, thế là đủ.

Tôi nhìn thấy, trên một kệ khác, chính anh Bốp và hai đồng nghiệp của anh, người chủ quán Cây Sồi Lớn và mấy người khác mà tôi không quen biết. Trên kệ đối diện, tôi nhận ra viên cảnh sát đã bắt tôi; bên cạnh hắn ta có nhiều người khác. Tôi biết đó là những kệ dành cho người làm chứng.

Phần dành cho công chúng đã chật người. Trên một bao lon, tôi trông thấy Mát-chi-a, bốn mắt chúng tôi giao nhau, quán lấy nhau, thế là tôi tức khắc lại vững lòng. Tôi sẽ được bênh vực, chỉ cần về phần tôi đừng nản chí và phải tự bênh vực lấy mình. Tất cả những tia mắt chĩa vào người tôi bây giờ không đè bẹp được tôi nữa.

Viên công tố đọc cáo trạng. Ông ta có vẻ vội vàng. Ông trình bày vắn tắt sự việc: “Một vụ trộm đã xảy ra ở nhà thờ Xanh Gioóc-giơ. Bọn kẻ trộm, gồm có một người lớn và một đứa bé, đã dùng thang leo lên phá cửa sổ chui vào nhà, chúng mang theo một con chó để canh giữ và báo động khi có biến. Một khách qua đường khuya muộn - lúc ấy là một giờ một khắc - lấy làm lạ sao có chút ánh sáng le lói trong nhà thờ. Ông ta lảng tai và nghe thấy có tiếng rầm rắc. Tức thì ông chạy đi đánh thức viên coi nhà thờ. Có đông người đến. Nhưng con chó đã sủa lên và trong khi người ta mở cửa thì bọn trộm hoảng sợ đã nhảy cửa sổ chạy trốn. Chúng đã bỏ

con chó lại, con chó không leo thang được. Viên cảnh sát Gie-rê dắt con chó đến bãi quần. Sự thông minh và mẫn cán của ông ta thì không thể hết lời ca ngợi được. Tại đây, con chó đã nhận ra được chủ nó, tức là cái người bị cáo dương ngồi ở ghế trên. Còn tên trộm thứ hai thì dương bị truy nã”.

Viên công tố viên nêu một số lý lẽ để chứng minh rằng tôi phạm tội, rồi chấm dứt cáo trạng. Một giọng the thé thét lên: “Yêu cầu im lặng”. Bây giờ, không quay sang phía tôi và như tự nói riêng với mình, quan tòa hỏi tên, tuổi, nghề nghiệp tôi. Tôi đáp bằng tiếng Anh rằng tôi là Phơ-răng-xi Đơ-ri-xơn, tôi ở với cha mẹ tôi ở Lon-don, khu Bét-nơn Gờ-rin, sân Sư tử đỏ. Xong tôi xin phép được nói bằng tiếng Pháp bởi vì tôi lớn lên ở nước Pháp và mới đến nước Anh được mấy tháng. Quan tòa nghiêm giọng nói:

- Đừng có mong lừa dối được bản chức! Bản chức biết tiếng Pháp!

Thế là tôi kể câu chuyện của tôi bằng tiếng Pháp và tôi giải thích không thể nào tôi vào trong nhà thờ lúc một giờ đêm vì vào giờ ấy, tôi còn ở bãi quần ngựa và đến hai giờ rưỡi thì tôi đến quán Cây Sồi Lớn rồi.

- Thế anh ở đâu lúc một giờ một khác? - Quan tòa hỏi.

- Dương trên đường đi!

- Đó là điều phải chứng nghiệm. Anh nói anh dương trên đường đi tới quán Cây Sồi Lớn mà bản cáo trạng thì khẳng định là anh ở trong nhà thờ. Đi từ bãi

quần từ một giờ kém mấy phút, hẳn là anh đã đến với tên đồng lõa của anh dưới tường nhà thờ. Tên ấy đợi anh ở đó với chiếc thang. Khi vụ trộm vỡ lở, anh mới đi đến quán Cây Sồi Lớn.

Tôi gắng sức chứng minh rằng sự việc không thể xảy ra như thế được nhưng tôi thấy ông thẩm phán không có gì tin tôi. Ông hỏi:

- Thế anh giải thích việc con chó của anh có mặt trong nhà thờ như thế nào?

- Tôi không giải thích được vì chính tôi cũng không hiểu. Hôm qua, con chó của tôi không đi với tôi. Tôi buộc nó ở nhà, dưới gầm xe.

Tôi thấy không tiện nói thêm vì tôi không muốn đưa dao cho người ta chém cha tôi. Tôi nhìn Mát-chi-a, nó ra hiệu bảo tôi tiếp nhưng tôi không nói.

Người ta gọi một nhân chứng. Người ta bảo người ấy thề trên sách Thánh ước là sẽ nói sự thật, không vì hằn thù mà cũng không vì dấm đuối. Đó là một người đúng tuổi, béo lùn, dáng dấp oai vệ lạ lùng mặc dù mặt ông ta đỏ, mũi ông ta tím. Trước khi thề, ông nhún gối thi lễ tòa án, rồi đứng lên có vẻ trịnh trọng lắm. Đó là viên coi nhà thờ Xanh Gioóc-giơ.

Ông ta bắt đầu nói rất nhiều về nỗi xúc động và niềm căm phẫn không bờ bến của ông khi nghe người ta đến đánh thức ông đột ngột để báo rằng có kẻ trộm vào nhà thờ. Thoạt tiên ông ta nghĩ rằng người ta bày trò đùa ông, nhưng rồi nghĩ ai lại bày trò đùa với một

người tư cách như ông, cho nên ông hiểu là có việc nghiêm trọng đã xảy ra. Ông vội vàng mặc áo, vội đến nỗi làm đứt phăng hai cúc áo gi-lê. Cuối cùng, ông chạy đến, ông mở cửa nhà thờ và ông thấy... ai? Hay nói cho đúng: Gì?... Một con chó.

Tôi không đối đáp gì về những chuyện ấy, nhưng ông trạng sư của tôi từ đầu không nói gì bây giờ đứng lên. Ông vung đầu tóc, xốc áo và lên tiếng hỏi:

- Tối hôm trước, ai đóng cửa nhà thờ?

- Tôi - Viên coi nhà thờ đáp - Đó là nhiệm vụ của tôi!

- Ông có chắc thế không?

- Khi tôi làm việc gì thì tôi biết chắc là tôi làm việc đó!

- Còn khi ông không làm?

- Thì tôi biết chắc là tôi không làm!

- Tốt lắm! Thế thì ông có thể thề rằng ông không nhốt con chó ấy trong nhà thờ khi ông đóng cửa, hay không?

- Nếu con chó ở trong nhà thờ, thì tôi đã thấy!

- Mắt ông có tốt không?

- Mắt tôi như mắt mọi người.

- Trước đây sáu tháng, có phải ông đã xông vào một con bê bụng mỡ phanh treo trước cửa hàng một anh đồ tể, có phải không?

Viên coi nhà thờ tím mặt hét:

- Tôi không thấy sự quan trọng của một vấn đề như thế đặt ra với một người tư cách như tôi.

- Xin ông hết sức chịu khó trả lời y như thể vấn đề đó là quan trọng.

- Đúng là tôi có đựng phải một con vật treo một cách vụng về ở cửa hàng anh đồ tể!

- Thế nghĩa là ông không thấy nó?

- Lúc ấy tôi bận trí.

- Khi ông đóng cửa nhà thờ, chắc ông đã ăn tối?

- Hẳn rồi!

- Thế khi chui vào con bê, ông đã ăn tối chưa?

- Ái chà...

- Ông bảo ông chưa ăn tối à?

- Ăn rồi chứ?

- Ông uống bia nhẹ hay bia mạnh?

- Bia mạnh.

- Máy chai lớn.

- Hai.

- Không bao giờ nhiều hơn?

- Có khi ba?

- Không khi nào bốn? Không khi nào sáu?

- Họa hoàn thôi!

- Ông không uống nước đường pha rượu mạnh sau bữa tối?

- Cũng có một đôi khi...

- Ông ưa pha nhiều rượu hay loãng?

- Không loãng lắm!

- Máy cốc?

- Tùy.

- Ông có sẵn sàng thề rằng không lúc nào ông uống đến ba hoặc bốn cốc hay không?

Vì viên coi nhà thờ cứ mỗi lúc càng tím mặt, không trả lời nữa, ông trạng sư ngồi xuống. Ông vừa ngồi xuống vừa nói:

- Cuộc khẩu vấn này tạm đủ để xác minh rằng con chó có thể bị ông thả từ nhốt lại trong nhà thờ, ông ấy sau bữa ăn tối đã từng không nhìn thấy con bê vì bị bận trí. Đó là tất cả điều tôi muốn biết.

Nếu tôi bạo gan, hẳn tôi đã ôm ông trạng sư của tôi mà hôn. Tôi được cứu thoát rồi đây! Sao con Ca-pi lại không bị viên thủ từ nhốt vào nhà thờ kia chứ? Có thể lắm! Mà nếu nó đã bị nhốt theo cách ấy thì hẳn là không do tôi đưa vào. Như vậy, nghĩa là tôi không có tội, vì chỉ có sự kiện ấy buộc tội tôi mà thôi.

Sau đó, tòa nghe những người chứng về phía tôi khai. Đó là anh Bốp, hai người bạn và người chủ quán. Ai cũng nói về giờ giấc làm việc của tôi đêm hôm đó. Tuy nhiên vẫn còn một điểm quyết định, ấy là cái giờ chính xác tôi rời bãi quần ra đi.

Lấy cung xong, quan tòa hỏi tôi có muốn nói gì không và bảo cho tôi biết là tôi có thể không nói nếu thấy im lặng là hơn. Tôi đáp rằng tôi bị oan, mong nhờ

lượng tòa mình xét. Bấy giờ quan tòa cho đọc biên bản những người hỏi cung mà tôi vừa nghe. Rồi ông tuyên bố sẽ cho dời tôi đến nhà lao tỉnh, để đợi đại hội đồng thẩm án quyết định có đưa tôi ra xử trước tòa đại hình hay không?

Tòa đại hình ư? Tôi bủn rủn khuyu xuống ghế. Chao ôi! Sao tôi không sớm nghe lời Mát-chi-a?

39

ANH BỐP

Bị đưa về nhà lao một lúc lâu, tôi mới tìm thấy lý do vì sao tôi không được tha bổng: đó là vì quan tòa muốn chờ bắt được những người đã vào nhà thờ để xem tôi có đồng lõa với họ không! Ông ủy viên công tố có nói người ta đang theo vết họ. Thế là tôi sẽ đau đớn xấu hổ ngồi bên cạnh họ khi ra phiên tòa đại hình. Bao giờ đây? Khi nào người ta đưa tôi đến nhà lao tỉnh? Nhà lao ấy thế nào? Ở đâu? Nó có buồn thảm hơn nhà lao này không? Trí óc tôi mãi bận rộn về những câu hỏi ấy cho nên thì giờ đi nhanh hơn hôm qua. Tôi không còn nôn nóng đến phát sốt lên, đến cháy ruột cháy gan nữa; tôi hiểu rằng phải chờ đợi. Khi thì đi đi lại lại, khi ngồi nghỉ trên ghế dài, tôi đợi.

Lúc gần tối, tôi nghe một hồi kèn dầy và nhận ra đó là lối chơi kèn của Mát-chi-a. Thằng bé tốt quá, nó muốn tin cho tôi biết là nó nghĩ đến tôi và đang rình

chờ. Hồi kèn bay qua trên đầu bức tường chắn đằng trước cửa sổ mà vọng đến tôi. Tất nhiên là Mát-chi-a đứng bên kia tường ở ngoài phố và chỉ có một khoảng cách ngắn chừng dăm ba thước, giữa hai chúng tôi. Khốn nạn thay, mắt chúng tôi không xuyên qua tường được. Nhưng mắt không xuyên tường thì tiếng vượt tường. Lẫn với tiếng kèn, có tiếng chân người, tiếng huyền não. Tôi đoán có lẽ Mát-chi-a và anh Bóp biểu diễn ở đó:

Tại sao họ chọn chỗ này nhỉ? Vì đất khách hay chỉ để nhần tin cho tôi? Thành linh tôi nghe một giọng trong trẻo, giọng Mát-chi-a nói lớn bằng tiếng Pháp: “Ngày mai, lúc tảng sáng!”. Rồi tức khắc tiếng kèn dấy lại vang lên, ồn ào hơn nữa.

Không cần động não lắm cũng biết rằng Mát-chi-a không nói câu: “Ngày mai, lúc tảng sáng” với công chúng người Anh của nó. Nó nói với tôi đấy! Ngược lại không dễ gì đoán ra ý nghĩa của mấy tiếng ấy! Tôi lại tự đặt mình một loạt câu hỏi mà không tìm được những câu trả lời cho hợp lý.

Chỉ có mỗi một điều này là rõ ràng cụ thể: đó là sáng hôm sau, lúc tỉnh mơ, tôi phải thức dậy và sẵn sàng. Từ bây giờ cho đến lúc đó, chỉ có việc cố gắng đừng sốt ruột. Trời vừa tối tôi lên văng nằm, cố ngủ. Tôi nghe đồng hồ điểm liên tiếp mấy lần, cuối cùng tôi thiếp đi. Lúc thức dậy thì đêm đang dày đặc sao lấp lánh trên vòm trời mờ mịt, bốn bề lạnh ngắt. Chắc là còn lâu mới tới sáng. Tôi đến ngồi trên ghế, chứ không

dám đi lại sợ người ta chú ý nếu người ta đi tuần. Tôi ngồi chờ. Lát sau, một tiếng đồng hồ nào đó điểm tuần ba tiếng. Hóa ra tôi đã thức dậy quá sớm. Tuy nhiên tôi không dám ngủ lại. Vả lại, dù có muốn ngủ bao nhiêu đi nữa, tôi cũng không thể nào chợp mắt được: tôi nóng ruột quá, tôi bàng hoàng quá!

Công việc độc nhất của tôi lúc đó là đếm những tiếng chuông đồng hồ. Nhưng cái thời gian mười lăm phút từ khi điểm khắc, rồi từ khắc đến giờ, đối với tôi sao nó lâu thế, lâu đến nỗi có lúc tôi tưởng mình đã không nghe thấy tiếng chuông hoặc là đồng hồ bị hỏng. Tôi tựa lưng vào vách, dán mắt lên cửa sổ. Ngồi sao tôi quan sát hình như bớt sáng và da trời đã nhờ nhờ trắng ra.

Trời đang sắp sáng rồi, xa xa có tiếng gà vọng lại.

Tôi đứng lên, kiễng gót đi lại mở cửa sổ. Mở cho đúng cốt kết là một việc tinh vi, nhưng kéo nhẹ tay và thật chậm rồi cục tôi cũng làm xong. May mắn sao, cái hầm giam này lại là một cái phòng thấp cũ, đã từng dùng làm ngục giam và người ta chỉ cần giữ tù bằng song sắt, chứ nếu cửa sổ hầm giam đóng chặt thì tôi không thể nào đáp lại được tiếng gọi của Mát-chi-a. Nhưng mở xong cửa sổ chưa phải là hết. Còn những thanh sắt, còn những bức tường dày và cái cửa bọc tôn! Hy vọng được giải thoát là điên rồ, tuy thế tôi vẫn hy vọng. Sao trời càng mờ nhạt dần và khí lạnh ban mai khiến tôi run lên. Nhưng tôi không rời cửa sổ, cứ đứng đấy trông tìm, nghe ngóng, không biết trông tìm nghe ngóng gì đây. Một bức màn trắng mênh mông kéo lên giữa trời. Trên mặt đất, vạn vật đã hiện lên gần rõ hình

rõ đáng. Lúc này đúng là lúc tảng sáng mà Mát-chi-a nói. Tôi nín thở lắng tai nghe, nhưng chỉ nghe thấy tiếng quả tim tôi đập trong lồng ngực.

Cuối cùng tôi nghe như có tiếng cọ xát trên tường. Nhưng vì trước đây không có tiếng chân người đi lại, nên tôi ngỡ mình đã nghe nhầm. Tuy vậy, tôi vẫn nghe ngóng. Tiếng cọ xát vẫn vọng lại. Rồi thì một cái đầu người đột ngột nhô lên trên đỉnh tường. Tôi thấy ngay không phải là đầu Mát-chi-a. Dù trời còn tờ mờ tôi cũng nhận ra là đầu anh Bốp. Anh thấy tôi dán chặt người vào song sắt bèn “xuyt” một tiếng khe khẽ. Rồi anh đưa tay làm hiệu cho tôi đi ra cửa sổ. Không hiểu đầu đuôi gì hết, tôi vẫn làm theo anh bảo. Bấy giờ tôi mới thấy tay kia anh cầm một cái ống dài và sáng loáng như làm bằng thủy tinh. Anh đưa cái ống lên mồm. Tôi hiểu đó là ống xì đồng. Tôi nghe một hơi thổi đồng thời thấy một viên trắng trắng bay vút đến rơi dưới chân tôi. Cái đầu anh Bốp cũng biến mất ngay tức khắc sau bức tường và tôi không nghe thấy gì nữa.

Tôi vô lấy viên bi. Đó là một tờ giấy mỏng vắn nhiều lớp bọc quanh một viên chì lớn. Hình như có chữ viết trên giấy, nhưng trời còn mờ sáng chưa đọc được. Tôi phải chờ đến sáng. Tôi rón rén đóng cửa sổ lại rồi vội vã nằm lên võng, tay giữ chặt viên giấy. Chậm chạp, rất chậm chạp, càng quá chậm chạp đối với lòng tôi nôn nóng. Bình minh ửng vàng và cuối cùng một ánh sáng hồng nhạt lướt đến trên tường. Tôi mở tờ giấy ra đọc:

“Tôi mai cậu sẽ bị dời đến nhà lao tỉnh. Cậu sẽ đi tàu hỏa trong một toa hạng nhì, có một viên cảnh sát áp giải. Cậu hãy ngồi gần cái cửa lên xuống của toa tàu. Khi đã chạy được bốn mươi lăm phút (nhớ tính cho đúng) thì tàu đi chậm lại để vượt qua một ngã ba. Bấy giờ cậu mở cửa ra và mạnh dạn nhảy xuống. Cậu phóng ra, đưa hai tay về phía trước và làm thế nào để chân xuống trước. Tới đất rồi thì leo ngay lên con dê đất bên trái, chúng mình đợi ở đấy với một cỗ xe và một con ngựa tốt để đưa cậu đi. Đừng sợ gì cả. Hai hôm sau thì chúng ta ở trên đất Pháp rồi. Hãy tin tưởng và vững lòng. Cần nhớ nhất là phải phóng ra cho xa và rơi xuống đất bằng hai chân”.

Thoát rồi! Tôi không còn phải ra trước tòa đại hình, tôi không còn phải thấy những gì diễn ra ở đó! Ô! Cái thằng Mát-chi-a quý hóa! Cái anh Bóp tốt bụng sao! Chắc là anh ấy hào hiệp giúp Mát-chi-a chứ còn gì nữa! “Chúng mình đợi ở đấy với một con ngựa tốt” một mình Mát-chi-a hẳn không bố trí nổi một kế hoạch này. Tôi đọc lại mảnh giấy: Bốn mươi lăm phút sau khi tàu chạy; con dê đất bên trái, hai chân xuống trước, ừ, tôi sẽ mạnh dạn phóng xuống hẳn đi chứ lì, có chết cũng không cần. Thà chết còn hơn bị kết án về tội ăn trộm. Chao ôi! Nghĩ được cái kế hoạch này thì ghê gớm thật: *“Hai hôm sau thì chúng ta đã ở trên đất Pháp rồi!”*

Tuy nhiên trong cơn hứng khởi, tôi có một niềm lo buồn: đó là về khoản con Ca-pi. Nhưng tôi vội xua ngay niềm lo lắng ấy. Không có lý nào Mát-chi-a bỏ con Ca-pi! Nó đã tìm được cách giải thoát cho tôi thì tất cũng

tìm được cách cho con Ca-pi. Tôi đọc đi đọc lại mảnh giấy ba bận nữa rồi vò lại, nhai nuốt. Bây giờ thì chỉ có việc ngủ yên. Tôi ngủ kỹ đến nỗi chỉ thức dậy khi người cai ngục mang cơm đến.

Thời giờ trôi đi khá nhanh. Xế chiều hôm sau, một viên cảnh sát lạ mặt vào buồng giam của tôi, bảo tôi đi theo ông ta. Tôi vui mừng nhận thấy ông ấy vào khoảng năm mươi, trông người không còn nhanh nhẹn nữa. Tôi cố làm đúng theo lời dặn của Mát-chi-a và khi tàu chạy thì tôi ngồi gần cái cửa lên xuống phía ngược hướng tàu chạy. Người cảnh sát ngồi ngay trước mặt tôi. Trong toa chỉ có ông ta và tôi. Ông hỏi:

- Anh nói được tiếng Anh?

- Chút ít thôi!

- Người ta nói, anh nghe hiểu không?

- Cũng tạm tạm, khi người ta không nói nhanh quá!

- Thế thì, chú bé ạ, tôi muốn khuyên chú một điều này: Đừng nên gian ngoan với pháp luật, cứ thú tội là tốt nhất; anh thú tội sẽ được cảm tình của mọi người. Không gì khó chịu bằng những tên cứ chối cãi sự thật hiển nhiên, cho nên những người thú tội thì được hưởng đủ mọi thứ chiếu cố và ân huệ. Nói giả dụ như tôi đây, nếu anh kể sự việc như thế nào cho tôi nghe, tôi sẽ biếu ngay anh một đồng bạc. Và anh sẽ thấy tiền bạc làm cho đời sống của anh trong chỗ tù ngục sẽ dễ chịu hơn chừng nào.

Tôi toan nói tôi không có tội gì mà phải thú cả. Nhưng nghĩ lại tốt nhất là nên gây cảm tình với ông ta, như ông ta nói, cho nên tôi không đáp. Ông ta nói tiếp:

- Chú cứ suy nghĩ. Ở trong nhà lao, chừng nào chú đã nhận thấy lời khuyên bảo của tôi là đúng đắn thì chú nhờ người ta gọi tôi đến. Bởi vì không nên bạ ai cũng thú tội mà phải chọn cái người quan tâm tới chú, và tôi, thì chú đã thấy đó, tôi sẵn sàng giúp đỡ chú.

Tôi gật đầu.

- Cứ bảo gọi ông Đơn-phin. Chú nhớ tên tôi chứ?

- Thưa ông, vâng.

Tôi tựa vào cửa. Tấm kính đã mở, tôi xin phép ông ta nhìn xem phong cảnh những vùng tàu vừa đi qua. Vì ông muốn "gây cảm tình" với tôi nên ông ta bảo tôi cứ việc trông ngắm tha hồ. Ông ta còn sợ gì chứ? Con tàu chạy nhanh là thế!

Được một lát, gió thốc vào mặt khiến ông thấy lạnh bèn rời chỗ cửa đến ngồi giữa toa. Phần tôi thì không thấy lạnh. Tôi nhẹ nhàng luồn tay trái ra ngoài, vịn quả nệm, còn tay phải thì giữ cánh cửa không cho bật ra.

Thì giờ trôi qua. Tàu huyết còi và chậm lại. Thời cơ đã đến, tôi xô mạnh cửa, cố sức nhảy ra xa. Tôi rơi xuống cái rãnh bên đường. May thay, hai tay tôi đưa ra trước chạm phải bờ đất phủ cỏ. Tuy vậy, tôi bị ném xuống mạnh quá đến nỗi lăn ra bất tỉnh.

Khi tỉnh lại, tôi ngỡ mình còn đi trên tàu hỏa vì cảm thấy vẫn lao nhanh và nghe có tiếng bánh xe lăn.

Tôi nằm trên một ổ rơm. Lạ chưa! Mặt tôi ướt át, và có cái gì êm êm, ẩm ẩm, mơn trớn má tôi, trán tôi. Tôi mở mắt: một con chó, một con chó vàng xấu xí cúi xuống mặt tôi và liếm. Mắt tôi gặp mắt Mát-chi-a! Nó quỳ bên cạnh tôi. Nó đẩy con chó ra, ôm hôn tôi và nói.

- Cậu sống rồi!

- Ta ở đâu đây?

- Trên xe ngựa! Anh Bốp đánh xe.

- Thế nào? Có sao không? - Anh Bốp ngoảnh lại hỏi.

- Em không biết. Có lẽ không việc gì!

- Co tay, duỗi chân xem.

Đang nằm dài trên ổ rơm, tôi làm theo lời anh bảo.

- Tốt lắm! - Mát-chi-a nói - Không trật gậy chỗ nào cả!

- Nhưng sự việc đã diễn ra như thế nào?

- Cậu đã nhảy tàu, như tớ dặn, bị ném mạnh cậu ngã đi và lăn xuống cái rãnh bên vệ đường. Anh Bốp không thấy cậu, bèn tuột khỏi bờ đê xuống tìm, còn tớ thì giữ ngựa. Anh ấy bế thốc cậu lên. Chúng tớ tưởng cậu chết rồi chứ! Sợ quá. Buồn quá! Nhưng bây giờ chỉ cậu sống rồi!

- Còn lão cảnh sát!

- Lão ta đi thẳng với đoàn tàu. Tàu không dừng lại.

Tôi đã biết những điều thiết yếu. Trông quanh, tôi thấy con chó vàng nhìn tôi âu yếm; mắt nó giống mắt

con Ca-pi. nhưng nó không phải Ca-pi và Ca-pi là con chó trắng. Tôi hỏi:

- Thế còn con Ca-pi, nó đâu rồi?

Mát-chi-a chưa kịp đáp thì con chó vàng đã nhảy lên người tôi, liếm tôi, mặt giàn giụa nước mắt.

- Nó đấy mà! - Mát-chi-a nói - Chúng mình nhuộm lông nó đấy!

Tôi vuốt ve con chó và hôn nó.

- Tại sao cậu nhuộm lông nó?

- Đó là cả một câu chuyện để tớ kể cho cậu nghe.

Nhưng anh Bốp không để cho nó kể. Anh bảo Mát-chi-a:

- Em đánh ngựa đi, và cố kèm nó. Trong lúc đó thì anh thu xếp cái xe thế nào để đi qua cái cổng gác, người ta không nhận ra.

Cái xe này có mui bằng vải phủ lên những chiếc vành hình cánh cung. Anh Bốp gỡ vành ra xếp vào xe, gấp tư tấm bạt, và bảo tôi che lên người. Đoạn anh bảo Mát-chi-a trốn dưới tấm bạt. Nhờ thế, chiếc xe thay hình đổi dạng hẳn: nó không có mui nữa và chỉ chở một người chứ không phải ba. Nếu người ta đuổi theo chúng tôi thì chắc người ta phải lạc hướng vì những lời mách bảo của kẻ qua đường.

Khi Mát-chi-a đã nằm bên cạnh tôi thì tôi hỏi:

- Chúng ta đi đâu thế này?

- Đi Lai-tơn-hem-tơn. Đó là một hải cảng nhỏ, ở đây anh Bốp có người anh làm thuyền trưởng một chiếc thuyền chở bơ, trứng ở xứ Noóc-măng-di bên Pháp. Chúng mình mà trốn thoát được - mà chắc chắn là thoát - là nhờ công anh Bốp. Anh ấy làm tất cả. Chứ cái thằng tớ thì giúp gì được cho cậu! Chính anh Bốp có sáng kiến xui cậu nhảy tàu, chính anh ấy thổi cái giấy của tớ vào cho cậu và cũng chính anh thuyết phục bạn anh cho chúng ta mượn con ngựa này. Sau hết, cũng chính anh ấy xoay cho ta một chiếc thuyền để sang Pháp vì chắc cậu biết nếu cậu đi tàu máy thì bị tóm ngay. Cậu thấy có bạn tốt có sướng không?

- Thế còn con Ca-pi, ai có sáng kiến bắt nó đấy?

- Tớ! Nhưng anh Bốp lại nghĩ ra cái việc nhuộm nó ra màu vàng để người ta không nhận ra. Chúng tớ đã trộm nó ở tay lão cảnh sát Gie-rê, lão Gie-rê thông minh, như ông quan tòa đã bảo ấy mà! Nhưng lần này thì lão ta không được thông minh cho lắm, vì lão để chúng tớ cuỗm mất con Ca-pi mà không biết. Thực ra thì chính con Ca-pi đã làm hầu hết mọi việc khi nó đánh hơi thấy tớ. Vả lại anh Bốp thì anh ấy biết hết thủ đoạn của bọn bắt trộm chó.

- Chân cậu ra sao rồi?

- Khỏi rồi, nghĩa là gần khỏi. Tớ không có thì giờ nghĩ đến nó.

Xe cộ đi trên đường sá nước Anh không được tự do như ở nước Pháp. Ở đây từng chặng có những trạm gác,

muốn đi qua thường phải nộp một món tiền. Đến mỗi trạm, anh Bốp lại bảo chúng tôi lặng im và dừng động dậy, thế là những người gác cổng chỉ thấy chiếc xe trần cùng với một người đánh xe. Anh Bốp nói với họ vài câu pha trò rồi đi qua. Với cái thuật vẽ mặt làm hề, anh đã cải dạng thành một nông dân khéo đến nỗi người quen biết anh nhất cũng không nhận ra khi nói chuyện với anh.

Chúng tôi đi khá nhanh vì con ngựa chạy hay và anh Bốp đánh xe giỏi. Tuy nhiên, cũng phải dừng lại để cho con ngựa thở một chút và cho nó ăn ít nhiều. Chúng tôi không nghỉ ở quán. Anh Bốp cho dừng xe giữa rừng, cởi cương giảm cho con ngựa, lấy túi lúa trong xe tròng vào cổ nó. Đêm tối mịt, không lo bị lộ. Bấy giờ tôi mới nói chuyện được với anh Bốp và cảm ơn anh bằng vài lời xúc động. Nhưng anh không để tôi nói hết những tình cảm tràn ngập trong lòng. Anh siết tay tôi nói:

- Chú đã giúp tôi, bây giờ đến lượt tôi giúp chú, có đi có lại! Vả lại chú là anh em của Mát-chi-a, đối với cái chú bé ngoan ấy thì gì mà người ta không làm để giúp đỡ chứ!

Tôi hỏi anh đã gần đến bến tàu hay chưa. Anh đáp còn phải đi chừng hai tiếng nữa, cho nên phải vội lên; thuyền của anh anh đi ngày thứ bảy, đi sớm vì hình như thủy triều lên sớm, mà hôm nay đã thứ sáu rồi. Chúng tôi lại lên ổ rơm, chui vào dưới tấm bạt và con ngựa đã hồi sức lại tể nước đại vượt lên.

- Cậu có sợ không? - Mát-chi-a hỏi.

- Cũng có, nhưng cũng không! Tôi rất sợ bị bắt lại, nhưng chắc là không đâu! Trốn đi không phải là thú nhận có phạm tội hay sao? Đó là điều day dứt tôi nhất. Rồi sẽ chống cái thế nào chứ?

- Chúng tôi cũng có nghĩ đến điều đó. Nhưng anh Bốp cho là phải làm tất cả để cậu khỏi phải ra ngồi trên ghế bị cáo trước tòa đại hình. Đã ra đó, dù có được trắng án đi nữa cũng buồn lắm. Tôi thì tôi chẳng dám nói gì cả vì sẵn có ý định đưa cậu về Pháp, tôi chỉ sợ cái ý định đó lại tôi làm sai.

- Cậu làm đúng. Dù xảy ra gì nữa, tôi cũng chỉ biết ơn cậu và anh Bốp.

- Chẳng xảy ra gì đâu, cậu cứ yên tâm. Khi tàu dừng lại thì viên cảnh sát làm báo cáo. Nhưng họ tổ chức cho xong việc truy nã cũng còn lâu, trong khi đó thì chúng ta đã rộng xa. Vả lại, họ không thể biết chúng ta rời bến ở Lai-tơn-hem-tơn.

Nếu người ta không đuổi theo chúng tôi thì đúng là chúng tôi sẽ xuống thuyền một cách yên ổn. Nhưng tôi không dám tin chắc như Mát-chi-a, rằng khi tàu dừng lại, viên cảnh sát còn phải mất thì giờ mới đuổi theo chúng tôi được. Cái nguy là ở đó và có thể nguy lớn. Tuy nhiên dưới bàn tay cứng cáp của anh Bốp, con ngựa vẫn tiếp tục phóng nước đại trên con đường vắng vẻ. Thỉnh thoảng thôi, chúng tôi mới gặp một đôi chiếc đi ngược chiều, chứ không có cái nào vượt chúng tôi. Thôn xóm vắng lặng, họa hoằn mới có một cửa sổ để lọt ánh sáng muộn màng. Chỉ mấy con chó chú ý đến xe chúng

tôi và sửa đuôi theo. Lên khỏi một dốc thấp, anh Bốp dừng xe cho ngựa thở; chúng tôi leo xuống, áp tai trên mặt đất nghe ngóng. Ngay Mát-chi-a tai nhạy hơn cả cũng không nghe thấy tiếng động gì khả nghi. Chúng tôi đi trong bóng tối và sự vắng lặng của cảnh đêm.

Bây giờ thì hai đứa tôi nằm trong tấm bạt không phải để trốn con mắt thiên hạ nữa, mà vì rét. Gió bắc lạnh đã thổi khá lâu rồi. Đưa lưỡi lên môi thấy có vị mặn: thế là chúng tôi đã đến gần biển. Lát sau chúng tôi thấy một ánh đèn rất sáng ẩn hiện đều đều. Đó là một ngọn đèn biển, chúng tôi đã đến đích. Anh Bốp dừng ngựa, cho đi bước một vào một con đường tắt. Rồi anh xuống xe, bảo chúng tôi giữ ngựa, đợi ở đấy. Anh phải đến xem thử anh anh còn ở bến không, và đáp nhờ thuyền như thế có ngại gì không?

Anh Bốp vắng mặt sao mà lâu quá, dài đằng dặc! Chúng tôi không nói chuyện. Gần đâu đây, tiếng sóng vỗ bờ đều đều càng làm chúng tôi xúc động thêm. Mát-chi-a cũng run, y như tôi. Nó thăm thì:

- Vì rét đấy!

Có chắc vì rét không? Cái chắc là khi có một con bò hay một con cừu ở đồng cỏ hai bên đường chạm phải một viên đá hay một hàng giậu, chúng tôi lại thấy rét hơn, nghĩa là run nhiều hơn.

Cuối cùng, chúng tôi nghe thấy tiếng chân người trên con đường anh Bốp đã đi. Chắc là anh ấy trở về. Số phận tôi sắp quyết định đây rồi.

Anh Bốp không đi một mình. Khi anh đến gần, chúng tôi thấy có người đi với anh. Người đó mặc một chiếc áo va-rơ bằng vải dẫu và đội một cái mũ len không vành. Anh Bốp nói:

- Anh mình đây! Anh ấy sẵn lòng cho hai chú đáp nhờ thuyền. Anh ấy sẽ đưa các chú đến bến. Chúng ta chia tay nhau ở đây thôi vì không cần để cho người ta biết là mình có đến đây.

Tôi muốn cảm ơn anh Bốp. Nhưng anh bắt tay tôi để ngắt lời tôi. Anh nói:

- Đừng có nói làm gì cái việc ấy! Phải giúp nhau, khi thì chú, khi thì tôi, thế thôi! Ngày khác chúng ta gặp lại nhau. Giúp được Mát-chi-a là tôi sung sướng rồi!

Chúng tôi đi theo người anh anh Bốp; lát sau, vào những phố vắng lặng trong thị trấn, quanh co một lúc thì đến bờ kè, gió biển phả vào mặt. Anh anh Bốp không nói gì, đưa tay chỉ chiếc thuyền đã kéo buồm. Tôi hiểu đó là thuyền của anh. Một phút sau, chúng tôi đã ở trên thuyền. Anh đưa chúng tôi xuống một cái buồng con, bảo:

- Hai tiếng nữa tôi mới nhổ neo. Các chú ở đây và cố giữ im lặng.

Khi anh đã khóa cửa buồng, Mát-chi-a im lặng ngã vào lòng tôi và hôn tôi. Nó không run nữa.

THUYỀN THIÊN NGÀ

Sau khi người anh anh Bốp từ già chúng tôi, chiếc tàu vẫn đậu yên lặng một thời gian nữa. Chỉ nghe tiếng gió lọt giữa đám cột buồm và tiếng sóng vỗ mạn tàu nhẹ nhẹ. Dần dần quang cảnh trở nên náo nhiệt: tiếng chân bước trên sàn tàu, tiếng dây rợ buông rơi, tiếng rờn rọc nghiêng kèn kẹt, lại có cả tiếng xích sắt cuộn vào tháo ra. Cột trục neo xoay, một cánh buồm kéo lên, bánh lái cột kẹt và chiếc tàu bỗng nghiêng về cạnh trái rồi đập dềnh, chồm lên, chúi xuống. Chúng tôi lên đường. Tôi thoát nạn.

Nhưng lúc đầu tàu đập dềnh từ từ và nhẹ thì sau dần trở nên nhanh và mạnh. Tàu vừa chúi xuống vừa lắc lư, bất thành lình lại có những làn sóng dữ dội xô đến đập mạnh vào mũi tàu hoặc vào sườn tàu bên phải.

Tôi nắm chặt tay Mát-chi-a và nói: "Thương Mát-chi-a quá!"

Nó trả lời:

- Chả sao đâu! Cậu thoát nạn rồi! Vả lại tớ cũng đã nghĩ rằng thế nào rồi cũng phải đến nước này mà thôi! Trên xe, nhìn gió lay ngọn những cây to tớ đã nghĩ rằng trên mặt biển thế nào chúng ta cũng được nhảy múa! Đây điệu múa đã bắt đầu!

Vừa lúc đó, cửa buồng mở. Ông anh anh Bốp bảo chúng tôi:

- Ổn rồi! Các anh có thể lên sàn tàu đấy!

Mát-chi-a hỏi lại:

- Ở chỗ nào thì đỡ mệt hơn!

- Nằm là tốt nhất.

- Cảm ơn ông, vậy thì tôi xin nằm!

Và nó nằm duỗi dài trên ván.

Ông thuyền trưởng nói thêm:

- Chú nhỏ tập sự sẽ đem vào cho các anh những thứ cần thiết!

Mát-chi-a trả lời:

- Cảm ơn ông! Chú ta đến được sớm sớm thì hay lắm!

- Đã cảm thấy rồi à?

- Từ lâu áy chứ!

Tôi muốn ngồi lại bên nó, nhưng nó cứ bảo tôi lên sàn và nhấc lại:

- Chả sao đâu! Cậu thoát nạn rồi! Ngoài ra thì mặc kệ nó chứ, có bao giờ tớ nghĩ say sóng mà lại được thú vị như thế này đâu!

Lên tới sàn tàu, tôi phải bấu chặt lấy một dây thừng lớn mới đứng vững được. Nhìn sâu vào trong đêm tối cũng chỉ thấy một mảng trắng xóa bọt sóng, trên đó con tàu nhỏ bé của chúng tôi dập dềnh lướt đi, tròn trĩnh

như muốn đắm. Kỳ thực nó đâu có đắm; trái lại, nó nhô lên nhẹ nhàng, nhún nhảy trên đầu sóng, được nâng lên, được đẩy đi theo chiều gió tây.

Tôi quay nhìn lại đất liền. Xa xa đèn trên cảng chỉ còn le lói như những đốm lửa nhỏ trong bóng đêm. Nhìn chúng cứ yếu dần và theo nhau biến mất tôi thấy dễ chịu từ khi giã đất Anh! Ông thuyền trưởng bảo tôi:

- Gió thuận như thế này, chiều nay sẽ đến I-xi-nhy khá sớm sủa. Tàu "Nhật thực" quả là một chiếc tàu buồm cũ.

Ròng rã một ngày trời trên biển, hơn một ngày trời ấy chứ, tội nghiệp Mát-chi-a, thế mà nó lại vui thích được say sóng! Tuy vậy, cái ngày trời ấy rồi cũng trôi qua. Tôi hết đi từ buồng lên sàn lại từ sàn xuống buồng. Có lần, tôi nói chuyện với ông thuyền trưởng. Ông chỉ tay về phía Tây Nam cho tôi thấy một cây cột cao và trắng nổi bật trên nền trời lam nhạt. "Đó là Bác-phơ-lơ" - Ông ta bảo.

Tôi ba chân bốn cẳng chạy ào xuống báo tin mừng cho Mát-chi-a: Chúng ta đã thấy đất Pháp! Nhưng từ Bác-phơ-lơ đến I-xi-nhy, đường còn dài: tàu phải men dọc bán đảo Cô-tăng-tanh rồi mới vào cửa sông Vi-rơ và cửa sông Ô-rơ.

Tàu "Nhật thực" cập bến I-xi-nhy muộn, ông thuyền trưởng vui lòng cho chúng tôi ngủ đỡ lại trên tàu. Sáng sớm hôm sau, chúng tôi mới từ giã ông để lên đường, không quên cảm ơn ông đã có lòng tốt giúp đỡ.

Ông thuyền trưởng bắt tay chúng tôi rất chặt và bảo:

- Khi nào các cậu muốn trở về nước Anh thì cứ đến đây. Tàu "Nhật thực" nhổ neo từ bến này vào ngày thứ ba hàng tuần, sẵn sàng đón các cậu!

Gợi ý thật tốt bụng nhưng chúng tôi lại không còn lòng dạ nào muốn nhận: Mát-chi-a và tôi, đứa nào cũng có nhiều lý do để không vượt biển trở lại trong những ngày sắp tới.

Đặt chân lên đất Pháp, chúng tôi chỉ còn quần áo và nhạc cụ. Mát-chi-a không quên đem theo cây thụ cầm tôi để lại trong lều anh Bốp tối hôm đến quán Cây Sồi Lớn. Còn xác thì vẫn nằm lại với tất cả tài sản chúng tôi trong xe hàng hóa nhà Đơ-ri-xơn. Điều này cũng làm cho chúng tôi lúng túng. Chúng tôi không thể tiếp tục cuộc sống giang hồ của mình mà lại thiếu áo, thiếu bát tất, và nhất là thiếu bản đồ. May mắn sao, Mát-chi-a còn được mười hai phờ-răng để dành, cộng vào đó còn phần chia với anh Bốp và các bạn anh được hai mươi hai xi-linh⁽¹⁾ hay là hai mươi bảy phờ-răng, thành một cái vốn xấp xỉ bốn chục phờ-răng, kể cũng đã lớn đối với chúng tôi! Mát-chi-a đã định đưa tất cả món tiền ấy cho anh Bốp để bù vào những chi phí tổ chức cứu tôi, nhưng anh Bốp không nhận một xu nhỏ nào. Anh trả lời: bạn bè giúp nhau ai lấy công bao giờ!

Rời tàu "Nhật thực", trước tiên chúng tôi đi tìm mua ngay một chiếc xác nhà binh đã cũ, rồi mua luôn

(1) Tiền Anh

một cặp sơ-mi, hai đôi bít tất dài, một bánh xà phòng, một chiếc lược, chỉ khâu, cúc áo, kim và sau cùng là cái thứ cần thiết nhất, hơn cả những đồ dùng cần thiết kia; đó là một tấm bản đồ nước Pháp.

Bây giờ đã ở trên đất Pháp rồi, vậy thì phải đi đâu? Đi theo con đường nào? Đi theo phương hướng nào?

Đó là vấn đề cứ xoắn lấy chúng tôi từ khi ra khỏi I-xi-nhy, theo con đường đi Bay-d.

Mát-chi-a nói:

- Về phần tớ thì chẳng phải chọn lựa gì hết! Tớ sẵn sàng đi đâu cũng được! Tớ chỉ muốn một điều...

- Điều gì?

- Đi dọc một con sông lớn, một con sông nhỏ hoặc một con kênh, bởi vì tớ mới nảy ra một ý kiến.

Tôi không hỏi Mát-chi-a ý kiến của nó như thế nào nhưng nó cũng nói tiếp: "Tớ thấy cần phải nói cho cậu hiểu rõ ý kiến của tớ: Khi Ác-tơ ốm, bà Mi-li-gơn cho nó đi dạo thuyền, và chính vì vậy mà cậu đã gặp nó trên thuyền Thiên Nga..."

- Nó khỏi rồi cơ mà!

- Nghĩa là nó mới đỡ thôi! Hồi trước nó ốm thập tử nhất sinh ấy chứ! Và nó sống được là nhờ sự chăm sóc của mẹ nó! Bởi thế, tớ mới nghĩ rằng muốn chữa cho nó khỏi hẳn, bà Mi-li-gơn vẫn tiếp tục cho nó dạo thuyền trên các con sông lớn, sông nhỏ, kênh đào mà thuyền Thiên Nga có thể đi được. Vậy thì cứ theo những con

sông như thế, chúng ta sẽ có nhiều hy vọng gặp được thuyền Thiên Nga.

- Lấy gì mà nói rằng thuyền Thiên Nga còn ở Pháp?

- Chẳng lấy gì cả! Tuy nhiên phải thấy rằng thuyền Thiên Nga không thể đi ra biển và ta có thể tin rằng nó chưa rời Pháp. Chúng ta có nhiều hy vọng tìm được nó. Mà cho dầu chỉ có một tia hy vọng mong manh thì cậu cũng đồng ý là phải cố níu lấy chứ? Tớ thì tớ muốn rằng chúng ta đi tìm bà Mi-li-gơn và nhất định là không nên bỏ lỡ bất cứ một khả năng gì để làm cho được việc ấy!

- Thế còn Li-dơ, A-lơ-xi, Băng-gia-manh, Ê-chiên-nét?

- Chúng mình sẽ gặp họ trong khi tìm bà Mi-li-gơn chứ sao? Thế là chắc chắn phải theo một con sông hoặc một con kênh! Giờ bản đồ tìm xem có con sông nào gần đây nhất đi!

Tám bản đồ trải rộng ngay trên bờ cỏ bên đường, chúng tôi tìm xem con sông nào gần nhất. Sông Xen! Mát-chi-a bảo:

- Nào! Thế thì ta đi theo sông Xen!

- Sông Xen chảy qua Pa-ri!

- Thì đã sao?

- Sao lắm chứ! Tớ đã nghe cụ Vi-ta-li nói rằng muốn tìm một kẻ nào thì người ta đến Pa-ri để kiếm kẻ đó. Nếu cảnh sát Anh muốn lùng tớ vì cái vụ trộm ở nhà thờ Xanh Gioóc-giơ thì tớ không thích họ tìm ra tớ chút nào! Nếu không thì nhọc công ra khỏi đất Anh làm gì?

- Cảnh sát Anh có thể đuổi theo cậu sang tận đất Pháp ư?

- Tổ cũng chẳng biết nữa. Nhưng giả thiết như thế thì ta không nên đi Pa-ri.

Vậy thì ta cứ theo sông Xen mà đi cho đến gần Pa-ri thì rời nó, đi một quãng cho quá Pa-ri sẽ trở lại với nó. Tổ cũng không muốn gặp Ga-rô-phô-li.

- Tất nhiên!

- Vậy thì cứ thế nhá! Dọc đường, chúng ta sẽ hỏi những người thủy thủ, những người kéo thuyền. Với cái mái hiên đặc biệt, thuyền Thiên Nga không thể nhầm với bất cứ một chiếc thuyền nào khác và hẳn được mọi người chú ý nếu nó đi trên con sông Xen. Nếu không tìm thấy nó trên sông Xen, ta lại tìm nó trên sông Loa, sông Ga-ron, trên mọi con sông ở nước Pháp và cuối cùng sẽ gặp nó thôi!

Tôi không có lý lẽ gì để phản đối ý kiến Mát-chi-a, như vậy là chúng tôi sẽ đi về phía sông Xen rồi ngược theo bờ sông.

Lo liệu cho mình xong xuôi, chúng tôi phải lo ngay cho con Ca-pi. Con Ca-pi đã nhuộm vàng lông, đối với tôi không phải là con Ca-pi nữa. Chúng tôi mua xà phòng mềm và khi gặp con sông đầu tiên chúng tôi thay nhau tắm rửa kỳ cọ thật kỹ cho nó.

Thứ thuốc nhuộm của anh Bốp quả là tốt! Phải nhiều lần tắm rửa kỳ cọ xà phòng, phải hàng tuần hàng tháng sau, con Ca-pi mới có được bộ lông ngày

trước. Cũng may miền Noóc-măng-di này là đất sông
ngòi, cho nên ngày nào chúng tôi cũng có thể tắm rửa
cho nó.

Chúng tôi gặp sông Xen ở La Bui-ơ.

Qua một khúc đường ngoặt rợp bóng mát mà chúng
tôi tới sau một ngày đường, đứng trên đồi cao xanh cây,
Mát-chi-a bỗng bắt gặp con sông Xen ngay trước mắt,
cuộn một đường vòng rộng bao la quanh chúng tôi;
dòng nước lặng lẽ và hùng tráng, chảy hiền hòa, tấp
nập những thuyền căng buồm trắng lớp và những tàu
máy khói bay lên tận chỗ chúng tôi. Mát-chi-a hiểu
rằng người ta sẽ rất thích thú được buông trôi theo
dòng nước êm ả này, giữa những nội cỏ tươi mát, những
cánh đồng xanh tốt và những dải rừng thẳm viền
quanh con sông một màu lục. Nó bảo tôi:

- Nhất định bà Mi-li-gon đã cho đứa con trai ốm
yếu của bà dạo thuyền trên sông Xen.

- Chúng ta sẽ biết rõ điều ấy thôi! Ta cứ xuống hỏi
chuyện những người dân trong làng dưới kia!

Tôi không hiểu rằng không dễ dàng gì hỏi chuyện
được những người dân xứ Noóc-măng-di này. Ít khi họ
trả lời chính xác và trái lại, thường tự họ còn hỏi lại
người đã hỏi:

- Thế các anh muốn hỏi một chiếc "châu" từ Lơ Ha-
vơ-rơ hay là một chiếc "xuyên" từ Ru-ăng? Nó là một
chiếc xuồng? Nó là một chiếc đò, một chiếc xà lan hay
một chiếc tam bản?

Phải trả lời đầy đủ những câu lục vấn ấy, chúng tôi mới được biết rằng có thể là thuyền Thiên Nga chưa bao giờ đi qua La Bui-ơ, hoặc có đi qua thì cũng vào ban đêm, cho nên chẳng ai trông thấy nó cả.

Từ La Bui-ơ chúng tôi tiến về Ru-ăng và tiếp tục tìm kiếm, nhưng cũng không có kết quả! Ở En-bốp, cũng chẳng ai biết đến thuyền Thiên Nga, ở Pô-dơ, nơi đây có cống chắn, nhất định người ta phải để ý đến tàu thuyền đi qua, vậy mà cũng chẳng biết gì hơn.

Không nản lòng, chúng tôi cứ đi tới gặp ai cũng hỏi, nhưng không hy vọng gì lắm bởi vì thuyền Thiên Nga không thể nào đi từ một địa điểm chông chênh giữa chừng... Nhưng đã không bắt gặp dấu vết nó, nhất thiết chúng tôi phải đi tới Pa-ri, hoặc nói đúng hơn, thì quá Pa-ri nữa.

Chúng tôi đâu chỉ có rảo bước để tiến nhanh trên đoạn đường dài! Chúng tôi còn phải kiếm ăn hàng ngày nữa, cho nên đã phải mất năm tuần lễ để đi từ I-xi-nhy đến Sa-răng-tông. Đến đây một vấn đề nảy ra: cứ tiếp tục theo sông Xen hay là phải rẽ sang sông Mác-nơ? Đó là điều tôi luôn băn khoăn mỗi lúc mở bản đồ tìm đường, nhưng vẫn chưa tìm được lý lẽ xác đáng để chọn đường này hay đường khác.

May mắn sao, tới Sa-răng-tông thì không còn phải phân vân nữa! Ở đây, lần đầu tiên chúng tôi được nghe trả lời có thấy một chiếc thuyền giống thuyền Thiên Nga, một chiếc du thuyền có mái hiên! Mát-chi-a sung sướng đến nỗi nhảy múa ngay trên bến... Thế rồi đột

nhiên nó ngừng điệu múa, vớ lấy vĩ cầm cuống cuống kéo một hành khúc chiến thắng.

Trong khi đó, tôi tiếp tục hỏi chuyện người thủy thủ đã vui lòng trả lời cho chúng tôi. Không còn nghi ngờ nữa, đúng là thuyền Thiên Nga rồi! Khoảng hai tháng trước, nó có qua Sa-răng-tông trong khi ngược sông Xen.

Hai tháng! Nó bỏ xa chúng tôi ghê gớm! Nhưng lo gì! Cứ đi hoài, rồi cũng sẽ đuổi kịp, mặc dầu chúng tôi chỉ có hai cặp giò, còn nó thì lại đi bằng vó của một cặp tuấn mã!

Kể gì thời gian! Điều căn bản, điều lạ lùng, điều kỳ diệu ở đây là đã tìm thấy chiếc thuyền Thiên Nga. Mát-chi-a reo lên:

- Ai đúng nào?

Tôi cũng muốn mạnh dạn thú thật rằng tôi cũng hy vọng tràn trề. Nhưng tôi vẫn không nói trắng ra, dù chỉ với riêng mình, những ý kiến, những tưởng tượng điên rồ làm bốc đầu óc tôi. Bây giờ thì không còn mất công dừng lại hỏi nữa: thuyền Thiên Nga đã ở phía trước, chỉ còn việc ngược sông Xen!

Nhưng đến Mo-rê, nơi sông Loanh đổ vào sông Xen, phải hỏi nữa. Thuyền Thiên Nga vẫn ngược sông Xen. Đến Mông-trô lại phải hỏi nữa.

Tới đây, thuyền Thiên Nga đã bỏ sông Xen rẽ vào sông Y-on. Tới ngã ba sông Y-on và sông Ác-măng-xông, thuyền Thiên Nga vẫn ngược sông Y-on. Vậy là

tôi sẽ đi qua Đơ-rơ-dy và ghé thăm Li-dơ. Tự em, em sẽ nói cho chúng tôi biết về bà Mi-li-gon và về Ác-tơ.

Từ khi chúng tôi chạy theo thuyền Thiên Nga thì chúng tôi không bỏ ra nhiều thì giờ để biểu diễn nữa. Là một nghệ sĩ cần cù, Ca-pi không hiểu tại sao chúng tôi vội vội vàng vàng như thế. Tại sao không để cho nó ngoạm cái âu, ngồi trịnh trọng trước những vị khán giả không sốt sáng cho tay vào túi móc tiền ra kia chứ? Phải biết chờ mới được!

Nhưng mà chúng tôi không chờ nữa! Bởi vậy tiền thu nhập sụt đi, đồng thời số còn lại cũng mòn dần. Đã không dành để được gì thêm, chúng tôi còn tiêu thêm vào vốn.

“Nhanh nhanh lên! - Mát-chi-a bảo - Đi mau cho kịp thuyền Thiên Nga”. Cũng như nó, tôi giục: Nhanh nhanh lên!

Không tồi nào chúng tôi kêu ca mệt nhọc, dù chặng đường đi hôm đó có dài bao nhiêu. Ngược lại, chúng tôi nhất trí đến hôm sau phải dậy đi cho thật sớm.

Mát-chi-a ham ngủ, nó thường nhắc tôi: “Phải đánh thức tao dậy, nghe không?” Khi tôi đánh thức nó thì nó đứng lên ngay.

Chúng tôi dè xẻn, giảm bớt ăn tiêu. Trời đang tiết nóng, Mát-chi-a tuyên bố kiêng thịt vì “tiết hè, ăn thịt không lợi cho sức khỏe”. Mỗi bữa hai đứa chỉ ăn một miếng bánh mì, cùng với một quả trứng luộc bẻ đôi hoặc là một chút bơ. Và chỉ uống nước, mặc dù đương ở xứ rượu vang.

Chúng tôi chả thiết gì! Tuy nhiên, cũng có lúc Mát-chi-a nổi cơn thèm ăn, nó nói:

- Mình ước bà Mi-li-gơn vẫn còn mượn cái chị làm bếp cũ, cái chị làm bếp đã làm cho cậu những chiếc bánh kẹp nhân mứt ấy mà! Cái thứ bánh kẹp nhân mứt đào thì phải biết là ngon nhé!

- Cậu đã được nếm bao giờ chưa?

- Tổ được ăn bánh quai vạc nhân táo chứ chưa được ăn bánh kẹp nhân đào. Có điều tổ đã trông thấy! Không cái gì nhỏ nhỏ mà trắng dính trên mứt vàng là cái quái gì thế?

- Hạnh nhân.

- Chao ôi!

Và Mát-chi-a há miệng như để nuốt cả một chiếc bánh kẹp.

Từ Gioa-nhi đến Ô-xe-rơ, sông Y-on quanh co nhiều khúc, nhờ thế đi trên cường cái lớn, chúng tôi cũng rút ngắn được một ít thời gian so với thuyền Thiên Nga. Nhưng từ Ô-xe-rơ, chúng tôi lại bị chậm lại như trước vì trên dòng con kênh Ni-véc-ne êm ả, thuyền đi khá nhanh. Gặp mỗi cống nước, chúng tôi đều biết được tin tức nó, bởi vì trên con kênh này sự qua lại không đến nổi nhộn nhịp, ai mà không để ý đến thuyền Thiên Nga, nó chẳng giống mấy chút những chiếc thuyền thường ngày vẫn thấy.

Chẳng những người ta nói cho chúng tôi biết về thuyền Thiên Nga mà còn nói cả về bà Mi-li-gơn "một

bà người Anh rất phúc hậu” và về Ác-tơ, “một chú bé suốt ngày nằm dài trên một cái giường kê trên sàn, dưới mái hiên đầy dây leo hoa lá, đôi khi cũng có ngồi dậy”. Vậy là Ác-tơ đã khá hơn.

Chúng tôi tiến đến gần Đơ-rơ-dy. Còn hai ngày đường rồi một ngày, rồi chỉ còn mấy giờ nữa. Cuối cùng thì nhìn thấy những khu rừng mùa thu trước chúng tôi nô đùa với Li-dơ, cái cổng sông đào, và cái nhà nhỏ của cô Ca-tơ-rin.

Không ai bảo ai, hai đứa cùng rảo bước đi nhanh. Nói cho đúng thì không phải là đi nữa, mà chạy. Con Ca-pi cũng nhận ra cảnh cũ, phi lên trước. Nó chạy đi báo cho Li-dơ biết chúng tôi đến. Li-dơ sắp đi đón chúng tôi đây! Nhưng chúng tôi không thấy Li-dơ ở trong nhà đi ra, chỉ có Ca-pi quày quả chạy trở lại như bị đuổi đánh. Chúng tôi dừng chân tức khắc và tự hỏi thế là nghĩa thế nào? Gì đã xảy ra ở đây? Câu hỏi ấy, hai chúng tôi không ai nói ra, và chúng tôi lại tiếp tục đi lên.

Ca-pi đã trở lại bên chúng tôi. Nó đi liền theo sau gót chúng tôi, dáng tiu nghỉu. Một người đàn ông đang điều khiển chiếc cửa cổng. Không phải người chú của Li-dơ. Chúng tôi đi thẳng đến nhà. Một người đàn bà lạ đương lảng vảng trong bếp. Chúng tôi hỏi:

- Chúng tôi hỏi bà Xuya-ri-ô.

Bà ấy nhìn chúng tôi một lúc trước khi trả lời, y như là chúng tôi đã hỏi bà một câu vô lý. Mãi bà ta mới nói:

- Bà ấy không ở đây nữa!

- Thế bà ấy ở đâu?

- Ở Ai Cập.

Chúng tôi sững sốt nhìn nhau. Ở Ai Cập! Chúng tôi không biết rõ Ai Cập là xứ nào, ở phương nào, nhưng cảm thấy lơ mơ là xa, xa lắm, cách mấy trùng dương.

- Thế còn Li-dơ? Bà biết Li-dơ chứ?

- Ồi dà! Li-dơ xuống thuyền đi với bà người Anh.

Li-dơ trên thuyền Thiên Nga! Chúng tôi mơ chẳng? Bà ấy giúp cho chúng tôi thấy là đang ở trong hoàn cảnh thực. Bà hỏi:

- Anh là Rê-mi ư?

- Vâng.

- À, thế thì khi bác Xuya-ri-ô chết đuối...

- Chết đuối!

- Chết đuối ở cống sông đào! Ồ! Anh biết đâu rằng bác Xuya-ri-ô ngã xuống nước, vướng dưới một chiếc xà lan và bị mắc vào một cái phanh! Ấy cái nghề nghiệp của chúng tôi nó thường dẫn đến như vậy đấy! Khi bác Xuya-ri-ô chết đuối, bác Ca-tơ-rin thật bối rối, mặc dù bác ấy là một người đàn bà đảm, nhưng biết làm sao bây giờ? Không có tiền thì không thể bữa hôm bữa mai làm ra tiền được, mà quả thật bác ấy túng. Một bà lớn xưa kia bú sữa bác, bây giờ gọi bác sang Ai Cập làm vú nuôi cho con bà ấy, như thế cũng được đi một điều.

Nhưng cái vướng mắc là ở con cháu của bác, cô bé Li-dơ kia. Bác đang loay hoay không biết làm thế nào thì một buổi chiều nọ, có một bà người Anh đưa con đi chơi dừng lại ở cổng này. Hai bên chuyện vãn. Và rồi cái bà người Anh, bà ấy đang muốn tìm một đứa trẻ để bầu bạn với con bà vì cậu ấy sống một mình trên thuyền cũng buồn, bà ấy bảo giao con Li-dơ cho bà. Bà hứa sẽ chăm lo cho nó, chạy chữa cho nó, cuối cùng gây dựng cho nó nên người. Cái bà ấy phúc đức quá, rõ là dịu dàng, hào hiệp đối với kẻ khó. Bác Ca-tơ-rin nhận lời. Rồi thì Li-dơ xuống thuyền với bà người Anh, còn bác Ca-tơ-rin soạn sửa lên đường đi Ai Cập. Ông nhà tôi thay thế cho bác Xuya-ri-ô đấy! Trước khi đi, con bé Li-dơ nó cam nhưng thầy thuốc bảo có lẽ một ngày kia nó sẽ biết nói - con bé Li-dơ nhờ cô nó bảo tôi thuật lại tất cả những việc ấy cho anh biết, nếu anh đến thăm nó. Như vậy đó!

Tôi choáng váng, không nói được một lời. Mát-chi-a vẫn tỉnh táo hỏi:

- Thế thì thưa bà, cái bà người Anh ấy đi đâu?

- Xuống miền Nam nước Pháp hoặc là sang Thụy Sĩ. Đáng lẽ con Li-dơ phải nhờ người ta viết thư cho tôi, nói rõ địa chỉ, để tôi mách lại với anh, nhưng tôi chả nhận được thư nó.

TÃ ĐẸP NÓI THẬT

Tôi mãi đứng ngăn người ra đấy thì Mát-chi-a đã làm những việc cần thiết mà tôi không nghĩ tới. Nó nói:

- Thưa bà, chúng cháu rất cảm ơn bà.

Rồi nó đẩy nhẹ tôi ra khỏi nhà bếp:

- Lên đường! Ta đi lên đi thôi! Giờ chúng tôi không chỉ đuổi theo Ác-tơ và bà Mi-li-gơn mà thôi, chúng ta còn đuổi theo Li-dơ nữa! Tốt quá! Nếu không, chúng ta còn phải mất thì giờ ở Đơ-dy, chứ còn như bây giờ thì chúng ta có thể đi thẳng một mạch. Ấy mới thật là hay! Chúng mình đã gặp rủi nhiều, từ nay thì gặp may đây. Gió đã đổi chiều rồi mà! Ai biết được chúng mình sẽ còn gặp bao nhiêu chuyện lý thú nữa?

Chúng tôi lại tiếp tục đuổi theo thuyền Thiên Nga, không bỏ lỡ giờ phút nào, chỉ dừng lại để ngủ hoặc biểu diễn kiếm ít xu. Đến Đờ-xi-dơ là nơi sông đào Ni-véc-ne đổ ra sông Loa, chúng tôi hỏi thăm thuyền Thiên Nga: nó đã đi theo sông Ngang. Chúng tôi đi theo sông Ngang rồi lên sông Giũa.

Theo bản đồ, nếu từ Sa-rôn-lơ chúng tôi đi chệch thẳng tới Ma-công thì tránh được một đoạn đường vòng

vèo và rút được nhiều ngày đường. Nhưng như thế thì hơi phiêu lưu, sau khi bàn bạc kỹ, không đứa nào muốn cả, bởi vì dọc đường thuyền Thiên Nga có thể đỗ lại và chúng tôi sẽ bỏ nó lại sau mà không biết. Đã thế thì phải quay trở lại, tưởng lợi thời gian hóa ra mất thêm chưa biết bao nhiêu. Rồi chúng tôi đi xuôi sông Xôn cho đến Thành phố Ly-ông. Đến đây, thấy có một điều khó nghĩ thực sự. Thuyền Thiên Nga đi xuôi sông Rôn hay đi ngược? Nói cách khác, bà Mi-li-gơn đã xuống miền Nam nước Pháp hay qua Thụy Sĩ rồi? Thuyền bè đi lại như mắc cửi trên sông Rôn và sông Xôn, người ta có thể không nhìn thấy chiếc Thiên Nga. Chúng tôi hỏi thăm rất nhiều bác lái thuyền và thủy thủ trên sông, hỏi cả những người ở trên bờ. Cuối cùng chúng tôi biết chắc rằng bà Mi-li-gơn đã qua Thụy Sĩ. Thế là chúng tôi đi ngược sông Rôn. Mát-chi-a nói:

- Từ Thụy sĩ, người ta đi I-ta-li-a, đây lại là một dịp may nữa. Nếu chúng mình đuổi theo bà Mi-li-gơn mà phải đi mãi đến tận Lúc-ca thì em Crít-xti-na sẽ vui mừng biết bao nhiêu.

Tội nghiệp Mát-chi-a thân yêu! Nó giúp tôi tìm những người thân, còn tôi thì chẳng làm gì để nó được hôn em nó!

Từ Ly-ông trở đi, chúng tôi rút dần quãng cách với thuyền Thiên Nga bởi vì sông Rôn chảy xiết, thuyền không đi ngược dòng dễ dàng như trên sông Xen. Đến Quy-lô-dơ thì thuyền Thiên Nga chỉ còn đi trước chúng tôi sáu tuần... Tuy thế, dò bản đồ, tôi ngờ rằng khó đuổi kịp nó trước khi sang Thụy Sĩ. Tôi có biết đâu thuyền bè không thể đi ngược sông Rôn mà đến Giơ-ne-vơ;

chúng tôi lại cứ tưởng tượng rằng bà Mi-li-gon vẫn “ngủ” thuyền Thiên Nga ngoạn cảnh Thụy Sĩ, mà chúng tôi thì lại không có bản đồ Thụy Sĩ.

Chúng tôi đến Xét-xen. Xét-xen là một thành phố nằm vắt ngang trên sông, có một chiếc cầu treo nối liền hai bờ. Chúng tôi đến bờ sông, thì lạ lùng biết bao nhiêu, từ xa tôi đã nhận thấy hình như là chiếc Thiên Nga! Chúng tôi chạy đến: đúng là hình dáng của nó, đúng là nó rồi, nhưng sao nó có vẻ một chiếc thuyền bỏ không như thế! Nó được neo cứng phía sau một hàng rào bảo vệ. Trên thuyền đóng cửa im ỉm, ngoài hiên không có hoa.

Việc gì đã xảy ra vậy? Ác-tơ có làm sao không? Chúng tôi dừng lại, tim đau thắt vì hãi hùng.

Nhưng đứng im như vậy là hèn nhát. Cần phải xông lên, phải tìm hiểu cho rõ. Chúng tôi hỏi thăm một người, chính lại là người được giao cho coi sóc thuyền Thiên Nga, và được người ấy vui lòng trả lời:

- Cái bà người Anh sống trên thuyền với hai con, một trai què liệt, một gái câm, bà ấy hiện nay ở Thụy Sĩ. Bà rời thuyền vì thuyền không ngược dòng sông xa hơn nữa. Bà ấy cùng hai con đi xe ngựa, cùng với một chị hầu gái. Những người tôi tớ khác chở hành lý đi sau. Mùa thu bà sẽ trở về thuyền, xuôi dòng sông Rôn đến biển và trú ở miền Nam trong mùa đông.

Chúng tôi thở ra khoan khoái. Tất cả những lo ngại của chúng tôi đều vô lý: đáng lẽ nghĩ đến chuyện tốt, chúng tôi lại nghĩ ngay ra chuyện xấu. Mát-chi-a hỏi:

- Hiện nay, bà ấy ở đâu?

- Bà tìm thuê một cái nhà nghỉ mát trên bờ hồ Giơ-ne-vơ, về phía Vơ-vê, nhưng tôi không biết rõ chỗ nào. Bà sẽ nghỉ hè ở đó.

- Nào, đi Vơ-vê thôi! Đến Giơ-ne-vơ, chúng tôi sẽ mua một bản đồ Thụy Sĩ và nhất định chúng tôi sẽ tìm ra cái thị trấn hoặc cái làng Vơ-vê đó. Bây giờ thuyền Thiên Nga không chạy đi đằng trước chúng tôi nữa và bà Mi-li-gơn lại nghỉ hè ở một cái nhà mát cho nên chắc chắn là chúng tôi sẽ tìm thấy! Chỉ phải mất công tìm thôi!

Từ Xét-xen ra đi được bốn ngày thì chúng tôi đến vùng tiếp cận Vơ-vê và tìm kiếm ở đây. Từ mặt nước hồ xanh biếc lên các triền núi thoải cây cối xanh tốt, vô số nhà nghỉ mát nối tiếp nhau, duyên dáng. Bà Mi-li-gơn, Ác-tơ và Li-dơ ở cái nhà nào trong số đó?

Cuối cùng chúng tôi đến Vơ-vê. Cũng vừa kịp vì túi tiền chúng tôi chỉ còn ba xu, và giấy thì không có để nữa.

Vơ-vê không phải là một thôn nhỏ như lúc đầu chúng tôi tưởng tượng. Đó là một thị trấn còn hơn một thị trấn bình thường vì dính với nó có cả một loạt phố ngoại ô và thôn xóm. Còn như hỏi bà Mi-li-gơn hay hỏi một bà người Anh có con trai ốm kèm một cô bé gái câm, thì chúng tôi thấy ngay rằng không có thực tế. Trong thị trấn Vơ-vê và trên bờ hồ, người Anh, đàn ông cũng như đàn bà, cũng đông như tại một thành phố nghỉ mát quanh vùng Lơ-đơn vậy. Tốt hơn hết là tự mình đi dò đi lượn xem tất cả những ngôi nhà có người

nước ngoài ở. Cái đó không khó lắm, chúng tôi chỉ việc đi biểu diễn khắp các đường phố.

Chúng tôi đã đi khắp Vơ-vê trong một ngày và thu được một món tiền lớn. Ngày trước, khi chúng tôi cần cóp nhật để mua bò hay mua búp bê cho Li-dơ thì một món tiền như thế đủ làm chúng tôi sung sướng cả buổi tối. Nhưng bây giờ chúng tôi không chạy theo tiền. Chúng tôi chưa tìm thấy tấm bóng bà Mi-li-gơn. Ngày hôm sau, chúng tôi tiếp tục lùng tìm ở vùng lân cận. Chúng tôi cứ việc nhằm trước mắt mà đi tới, mỗi khi thấy có một cái nhà đẹp là dạo đàn ngay trước cửa sổ, dù cửa mở hay đóng. Tuy thế tối hôm đó chúng tôi trở về không, như tối hôm trước. Ấy vậy mà chúng tôi đã đi từ hồ lên núi và từ núi xuống hồ, chăm chú nhìn quanh, thỉnh thoảng gặp được người nào dôn hậu thì lại hỏi thăm, tin rằng họ sẵn sàng nghe chúng tôi hỏi và trả lời.

Ngày hôm đó, chúng tôi nhận được hai tin vui hột vì đã được trả lời rằng mặc dầu không biết họ tên, người ta cũng biết chắc chắn người đàn bà mà chúng tôi hỏi. Lần đầu, một người chỉ cho chúng tôi tìm đến một ngôi nhà sàn bằng gỗ dựng trên sườn núi; lần sau, một người khác nói chắc với chúng tôi là bà ấy ở trên bờ hồ. Đúng là những bà người Anh đến nghỉ trên bờ hồ và trên sườn núi, nhưng đâu phải bà Mi-li-gơn!

Sau khi thăm dò cẩn thận vùng Vơ-vê, chúng tôi đi xa hơn một tí về phía Cla-răng và Mông-tơ-rơ. Tuy có bực dọc vì tìm tòi không kết quả, chúng tôi vẫn không

chút nản chí. Hôm nay không thành công thì hẳn ngày mai phải thành công.

Khi thì chúng tôi đi trên những đường lớn, hai bên có tường; khi thì lần theo những lối mòn giữa các vườn nho, vườn cây ăn quả; khi thì bước trên những con đường nhỏ dưới bóng mát những cây dẻ rất to: vòm lá dẻ ngăn đón cả không khí và ánh sáng, cho nên dưới bóng nó chỉ có rêu mịn như nhung. Đi ít bước lại gặp một cánh cổng sắt hoặc gỗ, nhìn qua các chấn song thì thấy những lối đi trong vườn rải cát rất cẩn thận. Các con đường ấy uốn lượn quanh những bồn cây cảnh và hoa. Khuất trong cây lá là một ngôi nhà sang trọng hoặc là một nếp nhà con duyên dáng phủ đầy những dây leo. Dù nhà lớn hay nhà con, hầu hết đều có vọng đình⁽¹⁾ giữa lùm cây, dựng rất đúng chỗ để trông ra cảnh hồ rực rỡ giữa cái khung những núi sẫm vây bọc xung quanh hồ.

Những cái vườn này thường làm khổ chúng tôi. Nó bắt buộc chúng tôi phải đứng xa nhà cửa, và người trong nhà sẽ không nghe được nếu chúng tôi không đàn hát hết sức hết hơi. Ngày nào cũng như thế, từ sớm đến chiều, chúng tôi mệt nhoài đi.

Một buổi chiều nọ, chúng tôi tổ chức cuộc họp tấu kiểu ấy, hướng về cái cổng chấn song trước mặt, chú không chú ý đến bức tường sau lưng. Tôi vừa gào xong đoạn đầu bài dân ca thành Na-plơ, sắp bắt sang đoạn

(1) Sân xây cao hoặc nhà dựng lên để ngồi ngắm cảnh - ND.

thứ hai thì bỗng nghe có tiếng reo đằng sau lưng. Rồi có người hát tiếp đoạn thứ hai, hát khe khẽ, giọng nghe rất lạ...

Tôi đành làm chàng trai bán nước.

Để lân la, may lọt mắt nàng.

Tiếng ai hát thế nhỉ?

- Ác-tơ chăng? - Mát-chi-a hỏi.

Nhưng không? không phải Ác-tơ, tôi nhận ra không phải giọng nó. Nhưng con Ca-pi thì cứ khịt hơi và nhảy chồm chồm vào tường, tỏ vẻ vui mừng hết sức. Không dần được nữa, tôi hét: "Ai hát đó?". Có tiếng đáp: "Rê-mi!". Người ta không trả lời mà lại gọi tên tôi. Hai chúng tôi đứng ngẩn, nhìn nhau.

Trong lúc chúng tôi ngây dại nhìn nhau như thế thì đằng sau Mát-chi-a, ở phía cuối tường, bên trên một hàng rào thấp, một chiếc khăn tay trắng phất phất trước gió. Chúng tôi lao lại phía ấy. Đến hàng rào, chúng tôi mới trông thấy cái người đã đưa khăn tay lên vẫy. Đó là Li-dơ! Rốt cuộc, chúng tôi đã tìm thấy em, và cùng với em, bà Mi-li-gon và Ác-tơ.

Nhưng ai hát mới được chứ? Đó là câu hỏi đầu tiên mà Mát-chi-a và tôi đồng thanh hỏi em, sau khi bớt xúc động đã nói được nên lời. "Em" - Li-dơ đáp. Thế là Li-dơ hát và Li-dơ nói!

Tôi đã nghe nói hàng nghìn lần rằng một ngày kia Li-dơ sẽ nói được, rất có thể do kích thích của một cảm xúc mạnh. Nhưng tôi không tin. Thế mà việc ấy nay đã

thành sự thật. Em đã nói được. Điều kỳ diệu đã diễn ra. Em cảm kích mạnh là vì nghe tôi hát, là vì thấy tôi trở về bên em trong khi đã tưởng tôi đi biệt tâm biệt xứ. Nghĩ đến đó thì chính tôi cũng cảm động mạnh đến nỗi phải bấu vào một cành cây nơi hàng rào. Nhưng lúc này không phải là lúc buông xuôi theo tình cảm. Tôi hỏi:

- Bà Mi-li-gơn đâu? Ác-tơ đâu?

Li-dơ mấp máy môi trả lời, nhưng không thành tiếng. Bực mình, em bèn dùng tay ra hiệu để tôi hiểu nhanh hơn vì lưỡi em và trí óc chưa quen sử dụng ngôn ngữ. Tôi dùng mắt theo dõi lối diễn đạt ấy, còn Mát-chi-a thì chưa nghe hiểu được. Bây giờ, qua khúc ngoặt của một con đường trồng cây, một cái xe nhỏ đang đi tới. Chiếc xe dài, do một người giúp việc đẩy. Ác-tơ nằm dài trong xe, sau đó là mẹ nó và... tôi chồm tới để nhìn cho rõ... và ông Giem Mi-li-gơn. Tức khắc tôi ngồi thụp xuống sau hàng rào và hấp tấp giục Mát-chi-a ngồi xuống chứ không kịp nhớ ra rằng ông Giem không biết mặt Mát-chi-a.

Qua phút hoảng sợ ban đầu, tôi nghĩ ra rằng Li-dơ chắc phải kinh ngạc lắm về cái việc chúng tôi vụt biến đi. Tôi kiễng chân lên một tí, bảo nhỏ em:

- Đừng để cho ông Giem Mi-li-gơn trông thấy anh; nếu thấy, ông sẽ xua anh về nước Anh mất!

Em hoảng sợ, đưa tay lên trời. Tôi nói tiếp:

- Đừng làm gì, đừng nói gì về hai anh. Sáng mai, chín giờ hai anh sẽ trở lại nơi này. Em cố sắp xếp để ra một mình thôi. Bây giờ thì em đi đi.

Li-dơ do dự.

- Em đi đi, anh van em! Nếu không thì nguy cho anh đấy!

Chúng tôi nói xong thì lẩn vào sau tường và cứ men tường mà chạy đến vườn nho để nấp kín trong ấy. Ở đấy chúng tôi reo cười sung sướng một lát rồi bàn bạc với nhau thỏa thuận về những việc cần làm. Mát-chi-a nói:

- Cậu biết không, tớ không muốn chờ đến mai mới gặp bà Mi-li-gơn. Từ nay, đến lúc ấy, có thể ông Giem Mi-li-gơn sẽ giết Ác-tơ mát. Tớ sẽ đến gặp bà Mi-li-gơn ngay và nói cho bà ấy biết... tất cả cái gì chúng mình biết. Ông Giem chưa trông thấy tớ bao giờ cho nên ta không ngại ông ấy nghĩ đến cậu và gia đình Đơ-ri-xơn. Rồi thì bà Mi-li-gơn sẽ định đoạt những gì chúng ta cần làm sau đó.

Rõ ràng là ý kiến của Mát-chi-a có phần hợp lý. Vì vậy tôi để cho nó đi, hẹn sẽ gặp nhau trong lùm dẻ ở gần đó. Ở đấy, giả sử ông Giem Mi-li-gơn có đến thì tôi có chỗ trốn dễ dàng.

Tôi nằm trên thảm cỏ rêu đợi Mát-chi-a về, đợi lâu lắm. Tôi tự hỏi hàng chục lần mình có lầm không, cho đến khi Mát-chi-a trở về, có cả bà Mi-li-gơn đi theo. Tôi chạy ra đón bà và nắm bàn tay bà đưa mà hôn. Nhưng bà ôm tôi vào lòng và cúi xuống hôn lên trán tôi âu yếm. Lần này là lần thứ hai bà hôn tôi; lần trước hình như bà không ôm tôi vào lòng như thế. Bà kêu: "Tôi nghiệp thằng bé yêu quý!"

Bà đưa mấy ngón tay trắng trẻo, mềm mại, vén tóc tôi lên và nhìn tôi rất lâu. Bà nói thầm: “Phải... phải rồi...”. Tôi chắc là bà giải đáp một câu hỏi gì thầm kín trong ý nghĩ, nhưng trong lúc xúc động, không tài nào tôi đoán ra. Tôi cảm thấy đôi mắt bà mơn trớn vuốt ve tôi, tôi sung sướng quá không nghĩ đến gì xa hơn cái hạnh phúc hiện tại đó. Mắt không rời tôi, bà nói:

- Cháu ạ, bạn cháu có thuật với tôi nhiều điều hết sức quan trọng. Bây giờ đến lượt cháu, cháu hãy vui lòng kể lại cho tôi nghe tất cả những gì dính dáng đến việc cháu ở với gia đình Đơ-ri-xơn và việc ông Giem Mi-li-gơn tới thăm hỏi ở đây!

Tôi thuật những việc bà hỏi. Bà chỉ ngắt lời tôi khi cần hỏi cho rõ thêm một vài chi tiết quan trọng. Chưa bao giờ người ta chăm chú nghe tôi đến thế. Đôi mắt bà không lúc nào rời mắt tôi. Khi tôi kể xong, bà nín lặng một lúc lâu nhưng vẫn nhìn tôi. Cuối cùng bà nói:

- Những việc này hết sức quan trọng đối với cháu, với tất cả chúng ta, cho nên chúng ta phải hành động thận trọng và chỉ hành động sau khi hỏi ý kiến những người thông thạo có thể hướng dẫn chúng ta. Nhưng trong khi chờ cho đến lúc ấy thì cháu hãy tự coi như là bầu bạn, là bạn thân - bà ngập ngừng một chút - như là anh em của Ác-tơ. Cháu và chú bạn nhỏ của cháu ngay từ hôm nay phải rời bỏ nếp sống khốn khổ của các cháu đi. Hai giờ nữa, các cháu tới Te-ri-tê hỏi khách sạn An-pơ, ở đấy sẽ có người tin cậy của tôi thuê buồng trọ cho hai cháu. Chúng ta sẽ gặp lại nhau ở đó, bây giờ tôi cần phải về đây!

Bà hôn tôi lần nữa, đưa tay cho Mát-chi-a bắt, rồi vội vàng quay đi. Tôi hỏi Mát-chi-a:

- Mày đã kể gì với bà Mi-li-gơn thế?

- Tất cả những điều bà vừa nói với mày và còn nhiều điều khác nữa. Ôi chao! Cái bà mới tốt người, tốt bụng làm sao!

- Thế còn Ác-tơ, mày có trông thấy nó không?

- Xa xa thôi, nhưng cũng đủ để nhận thấy nó có vẻ là một chú bé ngoan.

Tôi hỏi thêm Mát-chi-a, nhưng nó tránh trở không trả lời, hoặc trả lời chệch đi. Rồi thì chúng tôi nói chuyện phiếm với nhau cho đến giờ đi khách sạn An-pơ, theo lời dặn của bà Mi-li-gơn.

Một người giúp việc vận áo đen, thắt cà vạt trắng ra đón tiếp chúng tôi, mặc dù chúng tôi mang những bộ quần áo tồi tàn của những nhạc sĩ đầu đường xó chợ. Cái buồng của chúng tôi mới đẹp làm sao! Buồng kê hai chiếc giường trắng. Mở các cửa sổ thì nhìn thấy một cái hiên nhô trên mặt hồ, từ đấy đứng trông ra cảnh đẹp như kỳ quan. Khi chúng tôi thôi ngắm cảnh, trở về buồng thì người giúp việc còn đứng im ở đấy đợi chúng tôi sai bảo. Anh hỏi chúng tôi muốn dùng bữa tối thế nào để anh bảo dọn ra hiên. Mát-chi-a hỏi:

- Anh có bánh mứt chứ?

- Bánh mứt đại hoàng, bánh mứt dâu, bánh mứt bồ quân...

- Thế thì anh dọn cho chúng tôi!

- Cả ba chứ?

- Hẳn rồi.

- Còn món khai vị? Món vịt quay? Rau củ? Các cậu dùng gì?

Cứ người ta nhắc đến món gì Mát-chi-a lại mở tròn đôi mắt, nhưng nó chẳng hề bối rối. Nó phán:

- Gì cũng được, tùy anh!

Người hầu phòng trịnh trọng lui ra, Mát-chi-a nói:

- Tớ nghĩ rằng ở đây chúng mình sẽ ăn uống khá hơn ở nhà Đơ-ri-xơn.

Hôm sau, bà Mi-li-gơn đến thăm chúng tôi. Cùng đi với bà có bác thợ may và một chị coi việc khăn áo: họ đo người chúng tôi để may áo quần. Bà Mi-li-gơn bảo em Li-dơ đang tiếp tục tập nói và thầy thuốc đã xác nhận em lành bệnh. Bà ở chơi với chúng tôi một tiếng đồng hồ, sau đó hôn tôi âu yếm, bắt tay Mát-chi-a rồi ra về. Bà đến như thế bốn hôm liền, mỗi lần đến càng yêu thương, càng trìu mến tôi hơn; tuy thế hình như vẫn có gì vương vương, có vẻ như bà không muốn buông xuôi theo tình cảm, bộc lộ tình cảm. Ngày thứ năm, bà không đến mà cho chị hầu phòng đến, chị hầu phòng ngày trước tôi đã gặp trên thuyền Thiên Nga. Chị nói bà Mi-li-gơn đang đợi chúng tôi ở nhà, và ở cổng khách sạn đã có xe chờ đón chúng tôi đi.

Một chiếc xe không mui, sang trọng, Mát-chi-a lên xe không chút ngạc nhiên, cứ dàng hoàng y như từ thuở

bé nó vắn lên xe xuống ngựa. Ca-pi cũng thế; nó leo lên ngồi trên một chiếc gối lót, không chút ngưng ngừng.

Đường đi ngắn. Tôi thấy hình như rất ngắn, vì tôi đang đi trong xứ mộng, đầu óc tràn đầy những ý nghĩ viễn vông.

Người ta đưa chúng tôi vào một phòng khách ở đây có bà Mi-li-gơn, có Ác-tơ đang nằm trên trường kỷ và Li-dơ. Ác-tơ dang hai tay ra đón tôi. Tôi chạy đến ôm hôn nó. Rồi hôn Li-dơ. Nhưng bà Mi-li-gơn thì lại hôn tôi. Bà nói:

- Mãi nay mới đến lúc anh trở về vị trí của anh!

Tôi nhìn bà để hỏi xem ý nghĩa câu ấy thì bà đã lại mở một cánh cửa. Má Bác-bơ-ranh bước vào, tay ôm những quần áo trẻ con, một áo choàng bằng cát-sơ-mia trắng, một mũ ren, một đôi bít tất dẹt.

Má vừa đặt những tí.ứ ấy lên bàn thì tôi đã ôm chầm lấy má. Trong khi ấy, bà Mi-li-gơn truyền lệnh gì cho người giúp việc, tôi không nghe rõ, chỉ thấy có nói đến tên ông Giem Mi-li-gơn. Tôi xanh mặt. Bà nhẹ nhàng bảo tôi:

- Anh không việc gì phải sợ, trái lại anh đến bên tôi đây và đặt tay anh vào tay tôi.

Cửa phòng khách mở, ông Giem Mi-li-gơn hiện ra với nụ cười bày hàm răng nhọn hoắt. Chợt thấy tôi, nụ cười tức khắc biến thành một cái nhăn mặt dễ sợ. Bà Mi-li-gơn không để cho ông ta lên tiếng. Bà nói chậm rãi, giọng run run:

- Tôi cho mời chú để giới thiệu với chú thằng con trưởng của tôi, mà mãi đến nay, tôi mới may mắn tìm lại được - Bà siết chặt tay tôi - Nó đây! Nhưng chú đã biết nó rồi bởi vì chú đã đến thăm nó ở nhà tên đánh cắp nó, để tìm hiểu sức khỏe của nó.

- Thế nghĩa là thế nào? - Ông Giem nói, mặt mày biến sắc.

- ... Cái tên đó ngày nay đã vào tù vì tội ăn trộm trong một nhà thờ, đã thú nhận hết đầu đuôi. Đây là một cái thư làm bằng chứng. Nó nói nó đã đánh cắp thằng bé thế nào, vứt bỏ thằng bé ở Pa-ri, phố Bơ-rơ-tơ thế nào, và sau cùng nó đã cẩn thận cắt chữ tên in lên quần áo đứa bé thế nào, để người ta không phát hiện được. Đây nữa, đây là những tờ lót quần áo, người đàn bà quý hóa kia đã giữ lại, người đàn bà hào hiệp đã nuôi nấng con tôi. Đây, mời chú đọc thư. Mời chú xem quần áo.

Ông Giem Mi-li-gon đứng trơ như phỗng một lúc; chắc ông tự hỏi có nên bóp cổ tuốt hết bọn chúng tôi hay không. Rồi ông đi lại phía cửa. Nhưng trước khi bước ra, ông quay lại nói:

- Để rồi xem tòa án sẽ kết luận như thế nào về cái giả thiết con cái này.

Bà Mi-li-gon - bây giờ thì tôi có thể gọi là “mẹ tôi” - bình tĩnh đáp:

- Ông cứ việc kháng cáo chúng tôi trước tòa án! Về phần tôi thì tôi không lỗi cái người đã là em của chồng tôi ra chỗ ấy đâu!

Chú tôi bước ra, cửa đóng lại. Bây giờ mẹ tôi đưa hai tay, tôi sà vào lòng mẹ và lần đầu tiên tôi được hôn mẹ tôi cùng lúc với mẹ tôi hôn tôi.

Khi chúng tôi đã bớt xúc động, Mát-chi-a bèn bảo tôi:

- Cậu hãy nói với mẹ cậu là mình đã giữ kín điều bí mật của bà.

- Thế cậu đã biết hết à?

Chính mẹ tôi trả lời:

- Khi Mát-chi-a kể cho mẹ nghe xong thì mẹ bảo chú ấy giữ kín. Mẹ tin rằng cái thằng Rê-mi bé bỏng tội nghiệp ấy là con của mẹ, nhưng cần phải có những bằng chứng đích xác loại trừ hết mọi nhầm lẫn mới được. Nếu ôm con vào lòng, nhận con là con đẻ của mẹ, rồi sau đấy lại bảo với con là không phải, chúng ta nhầm lẫn thôi, thì còn gì đau khổ cho con bằng! Những bằng chứng ấy, chúng ta có đây, và từ nay thì chúng ta sum họp mãi mãi. Con sẽ mãi mãi sống bên cạnh mẹ con, em con - Bà lại chỉ Li-dơ và Mát-chi-a - Và những người đã thương yêu con trong cảnh cơ hàn.

42

GIỮA GIA ĐÌNH

Năm tháng trôi qua, nhiều nhưng ngắn bởi vì chỉ có những ngày êm đẹp...

Đứa bé không gia đình, không nơi nương tựa, bơ vơ lạc lõng giữa cuộc sống, lênh đênh chìm nổi, không có đèn pha chỉ đường giữa biển đời bát ngát, không bờ bến cắm neo, đứa bé ấy ngày nay có một người mẹ, một chú em yêu mến nó và được nó mến yêu... Đứa bé khốn khổ đã nhiều đêm ngủ trong vựa cỏ, hay bên cạnh chuồng bò, hoặc ở giữa trời tại một xó rừng nào đó, đứa bé ấy ngày nay được về ở ngôi nhà của ông cha...

Ở đây, tôi đã cúi đầu trên một cái bàn rộng bằng gỗ sồi lên nước đen nhánh và cặm cụi viết. Nhưng không phải tôi cần cù tra cứu gia phả hay giấy tờ lưu khế, tôi chỉ ngồi ghi chép lại những kỷ niệm của tôi.

Chúng tôi sắp làm lễ rửa tội cho đứa con đầu lòng - một đứa con trai tên là Mát-chi-a⁽¹⁾. Dịp lễ này sẽ tập hợp tất cả những bạn bè trong đoạn đời cùng quần của tôi. Tôi muốn trao tặng mỗi người một tập hồi ký ghi chép những sự việc trong ấy họ có đóng một vai trò, để tỏ lòng biết ơn của tôi về sự giúp đỡ của họ, hoặc về tình thương yêu của họ đối với đứa bé lưu lạc đáng thương lúc bấy giờ. Viết xong mỗi chương, tôi gửi ngay đến cho thợ in bản đá, và chính ngày hôm nay, tôi chờ người ta đưa những bản sách rập tự tích của tôi để tặng mỗi người khách dự lễ một bản.

Cuộc hội họp hôm nay là một sự bất ngờ cho họ và cả cho vợ tôi; vợ tôi không mong mà sẽ được gặp bố, chị, anh và cô nữa. Chỉ có mẹ tôi và em tôi là có biết. Nếu

(1) Người phương Tây có tục lấy tên người thân thiết của mình mà đặt cho con - ND.

không xảy ra việc gì trắc trở thì tôi nay tất cả đều ở trong nhà tôi và tôi sẽ vui sướng được thấy họ quây quần quanh bàn ăn gia đình.

Duy có một người thiếu mặt trong ngày hội vui mừng hôm nay bởi vì tiền của không làm người chết sống lại. Cụ chủ thân yêu của cháu ơi! Giá được phụng dưỡng tuổi già của cụ thì cháu sung sướng biết ngần nào! Nếu thế, hẳn cụ đã bỏ cái ống tiêu, tấm da cừu và chiếc áo nhung của cụ ra, cụ đã không lập đi lập lại cái câu: “Nào ta tiến lên, các con!”. Được trọng vọng trong tuổi già, hẳn cụ có thể ngẩng cao cái đầu bạc rất đẹp và lấy lại tên tuổi của cụ ngày xưa. Ông già Vi-ta-li vô gia cư sẽ trở lại làm nhà danh ca Các-lô Ban-da-ni. Không làm được gì đối với cụ vì cái chết tàn nhẫn đã cướp cụ đi, thì cháu cũng có cố vớt vát ít nhiều đối với vong linh cụ. Thế theo yêu cầu của cháu, mẹ cháu đã xây cho cụ một ngôi mộ trong nghĩa địa Mông-pác-nát-xơ ở Pa-ri, và cháu đã cho khắc tên Các-lô Ban-da-ni lên bia mộ. Và dựa theo những chân dung lưu hành thuở cụ từng lừng lẫy tiếng tăm, cháu đã cho tạc một bức tượng bán thân bằng đồng đen để nhắc lại sự nghiệp vinh quang của cụ cho những người đã hoan hô cụ.

Người ta đã rập cho cháu một mẫu tượng ấy. Nó đang ở trước mặt cháu kia. Ngồi đây chép lại những thử thách trong tuổi thơ, khi sự việc tái hiện theo dòng năm tháng thì đã bao lần mắt cháu tìm hỏi mặt cụ. Cháu không quên cụ, cháu không đời nào quên cụ, xin cụ tin thế. Trong đời sống hiểm nghèo của một thằng bé lưu lạc, sở dĩ cháu không vấp ngã là nhờ có cụ, nhờ

những bài học của cụ, cụ chủ ạ. Cho nên trong mỗi lễ
lạt ở nhà cháu, chỗ ngồi của cụ bao giờ cũng được kính
cẩn dành lại...

... Nhưng mẹ tôi đang đi tới trong hành lang kia.
Tuổi tác không làm phai nhan sắc của mẹ: ngày nay tôi
trông mẹ không khác ngày tôi gặp lần đầu tiên trên
thuyền Thiên Nga, với cái dáng điệu cao quý đầy vẻ dịu
dàng phúc hậu. Duy cái màn u hoài xưa kia luôn luôn
phảng phất trên mặt mẹ thì bây giờ đã tan biến đâu
mất rồi!

Mẹ tôi tựa trên cánh tay Ác-tơ. Bây giờ thì không
phải là bà mẹ nâng đỡ đứa con gầy còm, khập khiễng
nữa, mà là đứa con ân cần, triu mến đưa tay cho mẹ
tựa: đứa con ấy ngày nay đã trở thành một thanh niên
đẹp, khỏe, thành thạo mọi môn thể thao, cưỡi ngựa cừ,
chèo thuyền hay, săn bắn giỏi. Thế là trái với lời tiên
đoán của ông Giem Mi-li-gơn, chuyện màu nhiệm đã
diễn ra: Ác-tơ không chết và sẽ không chết.

Sau mẹ tôi và Ác-tơ ít bước là một bà già ăn mặc
theo lối nữ nông dân Pháp. Bà ẵm một đứa bé nhỏ
tí bọc trong chiếc áo choàng trắng. Bà nông dân già đó
là má Bác-bơ-ranh và chú bé tí hơn là con tôi, thằng bé
Mát-chi-a. Khi đã gặp mẹ tôi, tôi định mời má ở lại với
chúng tôi, nhưng má không chịu. Má bảo:

- Không, bé Rê-mi ạ! Lúc này, chỗ của má không
phải ở đây. Con sắp phải lo học hành để trở thành
người hiểu biết, má ở bên cạnh con có ích lợi gì? Để má
trở về Sa-va-nông... Rồi con sẽ trưởng thành, sẽ có vợ

và có con. Lúc bấy giờ, nếu con muốn và nếu má còn sống, má sẽ trở lại với con để chăm nom các con con. Má sẽ không là vú sữa của chúng như má đã là vú sữa của con, vì lúc ấy má già rồi, nhưng già thì già vẫn chăm sóc trẻ tốt. Già thì có kinh nghiệm, già thì ít ngủ. Vả lại má sẽ thương cháu bé và cái này thì con phải yên trí, là má thì má không để cho người ta đánh cắp nó, như chúng đã bắt con vậy đâu!

Trước khi thằng bé ra đời, tôi đã đi đón má tận Sa-va-nông. Má đã bỏ cả, bỏ làng nước, bỏ thói quen, bỏ bạn bè, bỏ con bò sữa, con của con bò chúng tôi biểu, để sang Anh với chúng tôi. Thằng bé Mát-chi-a của chúng tôi bú sữa mẹ, nhưng được má Bác-bơ-ranh săn sóc, bế bồng, dỗ dành, cưng nựng. Má bảo má chưa thấy đứa trẻ nào xinh như thế.

Ác-tơ cầm theo một tờ báo. Nó để tờ báo xuống bàn làm việc của tôi, hỏi tôi đã đọc chưa. Tôi trả lời chưa đọc. Nó đưa một tay chỉ vào một "Tin thành Viên" mà tôi dịch ra như sau:

"Một ngày gần đây, nghệ sĩ Mát-chi-a sẽ sang thăm đô thành Lon-đon. Mặc dầu toàn bộ những buổi biểu diễn của nghệ sĩ đã được nhiệt liệt hoan nghênh ở đây, nghệ sĩ cũng sẽ từ giả chúng ta để đi sang nước Anh vì đã có lời hẹn trước. Chúng tôi đã nói về những buổi biểu diễn của nghệ sĩ! Những buổi biểu diễn ấy đã gây được cảm xúc nồng nhiệt nhất do sức mãnh liệt và tính độc đáo của nghệ sĩ cũng như do tài nghệ của tác giả. Nói tóm lại, chỉ có thể nói rằng Mát-chi-a là Sô-panh của vĩ cầm".

Không có bài báo ấy, tôi cũng biết rằng chú bé đàn rong, người bạn đồng hành và người học trò của tôi ngày ấy đã trở thành một nghệ sĩ lớn. Tôi đã chứng kiến sự phát triển và trưởng thành của Mát-chi-a. Khi ba anh em chúng tôi, Mát-chi-a, Ác-tơ và tôi, cùng học chung một gia sư, thì Mát-chi-a chậm tiến về môn tiếng La tinh và tiếng Hy Lạp. Ngược lại, với những thầy nhạc thì nó tiến nhanh đến nỗi rất dễ biết là lời tiên đoán của ông Êt-xpi-nát-xu, người thợ cạo kiêm nhạc sĩ thị trấn Măng-đơ sẽ nghiệm. Tuy biết vậy, cái tin viết từ thành Viên cũng làm cho tôi vui mừng hãnh diện như chính mình cũng được hoan nghênh. Chứ không sao? Mát-chi-a không phải là một hiện thân khác của tôi, không phải là bạn nghề nghiệp, là bạn chí thân, là em ruột của tôi hay sao? Những vinh quang của nó cũng tức là của tôi, cũng như hạnh phúc của tôi là của nó.

Lúc này, người giúp việc mang vào cho tôi một bức điện:

“Có thể đây là chuyến vượt biển ngắn nhất nhưng cũng không phải là chuyến dễ chịu nhất. Vả lại, đã có chuyến vượt biển nào gọi là dễ chịu với mình chưa chứ? Dù sao, mình cũng mệt quá, đến nỗi chỉ khi tới Ri-thon mới đủ sức báo tin trước cho cậu biết. Qua Pa-ri, mình kéo luôn Cơ-rít-xti-na cùng đi. Anh em mình sẽ đến Si-phoóc vào lúc bốn giờ mười phút. Cho đánh xe ra chờ trước nhé!”

Mát-chi-a

Đọc đến tên Crít-xti-na, tôi nhìn Ác-tơ, nhưng nó lờ đi. Cho đến khi đọc hết bức điện, nó mới ngẩng lên, bảo:

- Em muốn đi Si-phoóc. Em bảo thắng xe đây!

- Ý kiến tuyệt diệu. Như thế lúc về chú sẽ ngồi đối diện với Crít-xti-na.

Nó không đáp, vội vã ra đi. Tôi quay lại mẹ tôi:

- Mẹ thấy không, Ác-tơ không giấu diếm sự sẵn đón của nó. Điều này có ý nghĩa...

- Có ý nghĩa lắm.

Tôi cảm thấy giọng mẹ tôi khi nói mấy tiếng ấy có chút gì không được vui lòng. Tôi bèn đứng lên, lại ngồi cạnh mẹ tôi, cầm bàn tay mẹ tôi lên hôn và nói bằng tiếng Pháp, thứ tiếng tôi thường dùng khi muốn nói chuyện thân tình với mẹ tôi, như là một đứa con nhỏ của mẹ:

- Mẹ thân mến của con, mẹ ơi, mẹ không nên buồn phiền vì Ác-tơ yêu Crít-xti-na! Đúng là như thế thì cuộc hôn nhân sẽ không được coi là tốt đẹp, bởi vì theo ý mọi người thì một cuộc hôn nhân tốt đẹp phải vừa có thể vừa có tiền. Nhưng đây mẹ thử xem, việc của con không chứng tỏ rằng người ta có thể hạnh phúc, rất hạnh phúc, hạnh phúc không còn mức nào cao hơn nữa mà không cần người vợ mình phải có thể có tiền đó ư? Thế mẹ không muốn cho em Ác-tơ cũng hạnh phúc như con hay sao? Mẹ đã rất nuông chiều con bởi vì mẹ không nỡ lòng từ chối nguyện vọng của một đứa con vì nó mẹ đã phải khóc suốt mười ba năm trường, vậy sao mẹ lại không thể dành tấm lòng ấy cho đứa con trai kia? Chẳng hóa ra mẹ rộng lượng với đứa con này hơn là với đứa con kia hay sao?

Mẹ tôi đặt bàn tay lên trán tôi và hôn tôi: “Ôi! Đứa con hiếu của mẹ! Ông anh hiền thảo của thằng em! Con mới chí tình chí nghĩa làm sao!”.

- Bởi vì trước kia con đã để dành được nhiều tình cảm! Nhưng mẹ ơi, đâu phải là về con, đây là việc của Ác-tơ. Mẹ thử nghĩ xem liệu em con còn tìm đâu một người vợ dễ thương hơn Crít-xti-na?

- Con thì con chỉ nhìn thấy ở Crít-xti-na cô bé em của Mát-chi-a bạn con!

- Đúng thế, mẹ ạ! Và con xin chân thành thú nhận rằng tự đáy lòng, con rất mong muốn một quan hệ hôn nhân có thể đưa Mát-chi-a vào gia đình ta.

- Ác-tơ có tâm sự với anh về tình cảm và nguyện vọng của nó không?

- Thưa có, mẹ yêu quý của con ạ - Tôi vừa nói vừa mỉm cười - Nó trình bày với con như với người anh cả.

- Và người anh cả...

- ... Có hứa ủng hộ nó.

Nhưng mẹ tôi ngắt lời tôi:

- Vợ anh đến đây! Chúng ta sẽ nói chuyện Ác-tơ sau.

Vợ tôi, các bạn đã đoán ra, tôi không cần phải nói nữa chứ? Vợ tôi là Li-dơ, em Li-dơ bé bỏng, tế nhị, nhẹ nhàng, bay bổng. Li-dơ không cần nữa. Nhưng em lại may mắn giữ được sự tế nhị, sự nhẹ nhàng, nó làm cho nhan sắc của em có cái gì như là nhan sắc của một nàng tiên. Li-dơ không rời bỏ mẹ tôi từ độ ấy. Mẹ tôi đã

chăm nom cho em, cho em ăn học và em đã trở thành một thiếu nữ. Dưới con mắt tôi thì Li-dơ có đủ tất cả tài năng đức hạnh, bởi lẽ tôi yêu em. Tôi xin mẹ tôi cho tôi cưới em làm vợ.

Li-dơ vừa bước vào phòng, vừa kêu:

- Ấy ấy! Có việc gì vậy! Người ta trốn tôi nói chuyện riêng với nhau đấy nhé! Ác-tơ vừa đi Si-phoóc, chiếc xe lớn thì đi Phe-ri. Thưa mẹ, thưa anh có chuyện gì mà bí mật thế?

Mẹ tôi và tôi cười, nhưng không trả lời. Tức thì Li-dơ quàng tay qua cổ mẹ tôi, âu yếm hôn và nói:

- Mẹ yêu quý, có mẹ tham dự trong "âm mưu" này thì con không lo ngại gì cả. Con yên trí rằng mẹ làm điều gì cũng vì hạnh phúc của chúng con, bây giờ cũng như bao giờ. Nhưng như thế, con lại càng tò mò thêm.

Thời gian trôi qua và chiếc xe đi Phe-ri đón gia đình Li-dơ có thể cũng sắp trở về.

Thế là, muốn đùa một chút với cái tò mò của Li-dơ, tôi lấy cái kính viễn vọng vẫn dùng để nhìn ra biển theo dõi những chiếc tàu chạy ngoài đó. Nhưng đáng lẽ chiếu thẳng ra biển, tôi lại quay sang phía con đường mà sớm muộn chiếc xe cũng quay về. Tôi bảo Li-dơ:

- Em hãy nhìn vào kính viễn vọng này, sự tò mò của em sẽ được thỏa mãn.

Li-dơ nhìn vào nhưng đâu có thấy gì ngoài con đường trắng xóa, bởi vì chưa có một chiếc xe nào hiện ra cả.

Thế rồi, đến lượt tôi, tôi ghé mắt vào ống nhòm. Tôi dùng cái giọng của cụ Vi-ta-li khi quảng cáo tiết mục mà nói với em:

- Thế nào? Em không thấy gì qua ống kính này ư? Ô, quả là kỳ diệu, qua ống kính anh thấy mình vượt biển sang tận đất Pháp. Đây đây, một ngôi nhà duyên dáng ở quanh vùng Xô: một ông già tóc bạc đang giục hai người đàn bà đứng bên: "Nhanh lên nào, kéo lại chậm tàu! Và như thế thì tôi lại không sang nước Anh để kịp dự lễ rửa tội cho cháu ngoại tôi đây! Đây cô Ca-tơ-rin, nhanh lên một chút; tôi van cô: từ mười năm nay ở chung trong nhà, bao giờ cô cũng dềnh dàng. Thế nào? Con muốn gì? Ê-chiên-nét? Đẩy đẩy lại cái cô nương sen đầm rồi! Vừa rồi bố trách móc cô Ca-tơ-rin hoàn toàn là thân tình đấy chứ! Có lẽ nào bố lại không hiểu được rằng cô Ca-tơ-rin là cô em gái tốt nhất trong các cô em gái trên đời, cũng như con, Ê-chiên-nét ơi, con là đứa con gái tốt nhất!"

Trước khi ra đi, ông lại căn dặn những người ở nhà trông nom các cây hoa trong khi ông vắng mặt: "Chớ quên rằng chính tôi đã làm vườn trồng hoa; tôi đánh giá đúng công việc đấy!"

Tôi chuyển kính viễn vọng như tuồng lại nhìn qua một hướng khác:

- Giờ đây, tôi lại thấy một chiếc tàu thủy, một chiếc tàu lớn từ quần đảo Ăng-ti trở về và đang tiến vào cảng Lơ Ha-vơ-rơ. Trên tàu có một chàng thanh niên trở về sau một chuyến đi khảo sát thực vật ở miền sông

A-ma-dôn. Người ta nói chàng ta đưa về cả một loạt những cây cỏ châu Âu chưa từng biết. Giai đoạn đầu của cuộc khảo sát ấy rất là kỳ thú và đã được thuật lại trên báo chí.

Tên chàng ta, Bắ-gia-manh A-canh, đã nổi tiếng rồi. Chàng ta chỉ còn một mối lo: không hiểu mình đến Lơ Ha-vơ-rơ có kịp đáp tàu đi Sút-tem-tơn để cùng gia đình đến lâu đài Mi-li-gơn không? Kính viễn vọng của tôi kỳ diệu đến nỗi nó theo sát chàng ta và kìa, chàng đã kịp đáp tàu đi Sút-tem-tơn và sắp sửa cập bến.

Thế rồi, kính viễn vọng lại chuyển qua hướng khác và tôi tiếp tục:

- Bây giờ thì không phải là chỉ có nhìn thấy mà tôi còn nghe thấy nữa! Có hai người ngồi trong toa tàu, một già một trẻ. Cụ già nói: "Chuyến đi này nhất định là bổ ích cho chúng ta! - Bổ ích vô cùng, cụ giáo ạ! Này, A-lơ-xi thân mến, không những cháu được sum vầy với tất cả gia đình cháu, không những chúng ta sẽ được bắt tay Rê-mi vốn không bao giờ quên chúng ta, mà chúng ta lại có dịp xuống thăm những mỏ than ở xứ Gan nữa. Cháu sẽ tiến hành được nhiều chuyến quan sát lý thú và, lúc trở về, cháu sẽ có thể góp phần cải tiến được công việc ở La Tư-ruy-e, như vậy lại tăng thêm uy tín cháu ở đó. Địa vị của cháu ở mỏ cháu đã đạt được bằng việc làm của cháu. Về phần bác, bác sẽ mang về những mẫu đá, góp thêm vào bộ sưu tầm của bác mà thành phố Vác-xơ đã vui lòng nhận tặng. Thật là không may mà mà chú Gát-xpa lại không đến được!"

Tôi đương định nói nữa, nhưng Li-dơ đã lại đứng cạnh tôi. Em ôm tôi chặt lấy đầu tôi mà vuốt ve khiến tôi không còn nói gì được nữa. Em nói, giọng run run vì cảm động: “Ô! Một sự bất ngờ êm dịu quá!”

- Không phải cảm ơn anh đâu, mà chính người phải cảm ơn là mẹ. Mẹ đã muốn được họp mặt tất cả những người nào ăn ở tốt với đứa con bơ vơ của mẹ. Nếu em không bùng miệng anh lại thì em còn được biết rằng chúng ta còn chờ đợi cả anh chàng Bốp tốt bụng đã trở thành người hể nổi tiếng nhất nước Anh, cùng với người anh của anh ấy, anh này vẫn chỉ huy con tàu “Nhật thực”.

Có tiếng một chiếc xe lăn trên đường vang tới chúng tôi, rồi ngay sau đó, lại một chiếc nữa. Chúng tôi chạy lại cửa sổ và Li-dơ nhận ra trong xe có bố em, cô Ca-tơ-rin, chị Ê-chiên-nét, các anh A-lơ-xi và Băng-gia-manh. Bên cạnh A-lơ-xi có một cụ già đầu bạc phơ, lưng còng, đó là cụ giáo. Ở đầu kia, một chiếc xe không mui chạy đến, trong đó Mát-chi-a và Crít-xti-na đang đưa tay vẫy chúng tôi. Rồi sau chiếc xe đó, lại một chiếc nữa, do chính anh Bốp đánh xe. Anh Bốp có đầy đủ dáng điệu một khách thượng lưu, còn ông anh của anh vẫn là cái người thủy thủ rất hắc ngày xưa đã đỡ chúng tôi lên bộ ở I-xi-nhy.

Chúng tôi vội vã xuống cầu thang để đón chào khách từ dưới thêm nhà.

Mọi người đoàn tụ chung quanh bàn tiệc và dĩ nhiên là chúng tôi nhắc chuyện dĩ vãng. Mát-chi-a nói:

- Hôm trước đây. Ở Ba-dơ, tôi có thấy trong sông bạc một nhà quý tộc, răng trắng nhớn và nhọn hoắt, cứ mỉm cười luôn mặc dầu bị thua hoài. Ông ta không nhớ ra tôi và tôi đã hân hạnh được ông ta xin một đồng phờ-lo-ranh⁽¹⁾ để đặt vào một cửa ăn chắc. Coi như là hùn vốn để đánh mà! Quả là không may cho ông ta, ông Giem Mi-li-gơn thua tiếng bạc ấy!

Mẹ tôi bảo:

- Anh Mát-chi-a thân mến! Sao anh lại nói chuyện ấy trước mặt Rê-mi? Nó rất có thể gửi tiền giúp đỡ ông chú nó đấy!

- Hẳn là thế đấy, mẹ yêu quý ạ!

Mẹ tôi hỏi lại:

- Vậy thì hẳn đến tội bằng cách nào?

- Đến tội ở chỗ chú con xưa nay ruộng bỏ tất cả chỉ để chạy theo tiền tài, bây giờ phải sống nhờ vào những kẻ mà ông ta đã hành hạ và muốn cho chết đi.

Anh Bốp nói thêm:

- Tôi cũng được biết tình hình bọn đồng lõa của hắn!

Mát-chi-a hỏi:

- Tên Đơ-ri-xơn ghê tởm ấy à?

- Không phải tin về Đơ-ri-xơn, tên này thì vẫn còn bị đầy nơi đảo xa; nhưng mà là tin của gia đình Đơ-ri-

(1) Tiền Italia.

xơ. Con mụ Đơ-ri-xơ bị chết cháy, một hôm mụ ta nằm vào đồng lửa mà cứ ngỡ là nằm gục trên bàn, còn hai thằng A-lon và Nét mới đây lại bị bắt và bị phạt án đầy. Chúng nó theo chân cha chúng.

- Thế còn Két?

- Con bé Két chăm sóc ông nó hiện còn sống. Hai ông cháu vẫn ở tại sân Sư tử đỏ; lão cũng có tiền; họ sống không đến nỗi khổ!

Mát-chi-a vừa cười vừa nói:

- Nếu cô bé mà kém chịu rét thì cũng đáng thương thật! Lão già không ưa cho ai lại gần lò sưởi của lão đâu!

Mỗi người đều có góp phần để phục hồi dĩ vãng. Chẳng phải là tất cả chúng tôi đều có những kỷ niệm chung, ngồi nhắc lại với nhau thì rất lý thú hay sao? Đó là sợi dây liên lạc giữa mọi người hôm nay.

Tan tiệc, Mát-chi-a lại gần tôi, kéo tôi đến một cửa sổ nói:

- Mình nảy ra một ý kiến. Chúng mình đã bao nhiêu lần đánh đàn vì khách qua đường thì cũng phải có một lần đánh đàn cho người thân nghe với chứ!

- Thế đối với cậu, không có thú vui gì mà thiếu âm nhạc được hay sao? Ở đâu, bao giờ và dù thế nào cũng mặc, âm nhạc cái đã! Cậu có nhớ con bò sữa của chúng mình kinh sợ cái âm nhạc của cậu thế nào không?

- Cậu sẵn lòng hát bài dân ca thành Na-pơ chứ?

- Sẵn lòng lắm! Bởi vì chính nó đã làm cho Li-dơ hết cảm.

Thế là chúng tôi đi lấy nhạc cụ. Mát-chi-a giở một cái hộp lót nhung rất đẹp, lấy ra một cây vĩ cầm cũ kỹ đáng giá hai phờ-răng nếu đem đi bán. Tôi thì rút trong bao đàn một cây thụ cầm mà mặt gỗ đã trở lại với màu sắc thiên nhiên vì gọi nhiều mưa gió.

Mọi người xúm xít quanh chúng tôi. Lúc ấy một con chó đi đến, con Ca-pi quý hóa đã già lắm rồi. Nó điếc tai nhưng mắt vẫn trông rõ. Nằm trên gối nệm, nó nhận ra cây đàn quen thuộc cho nên nó đi khắp khiêng đến đây để diễn trò. Nó ngoạm một cái đĩa. Nó định đứng trên hai chân sau để diễu qua một vòng trước "chư vị khán giả". Nhưng nó không đủ sức. Nó bèn ngồi xuống đặt một chân vào trước ngực, trịnh trọng chào.

Xong bài hát của chúng tôi, Ca-pi gắng gượng đứng lên đi thu tiền. Mỗi người bỏ phần của mình vào đĩa và con chó khôn xiết sung sướng về khoản thu nhập mang đến cho tôi. Đây là khoản thu lớn nhất trong đời làm trò của nó. Chỉ toàn những đồng vàng và đồng bạc, cộng lại được đến một trăm bảy mươi phờ-răng.

Tôi hôn trên mồm chú Ca-pi như xưa kia, lúc chú đến an ủi tôi. Việc ôn lại những ngày cơ hàn thuở bé này gợi cho tôi một ý kiến. Tôi nói:

- Món tiền này sẽ là món đóng góp đầu tiên để thiết lập một quán trọ và nhà cứu tế cho những trẻ đàn rong. Mẹ tôi và tôi sẽ bỏ nốt ra cho đủ.

Mát-chi-a hôn tay mẹ tôi, nói:

- Thưa bác yêu quý, cháu xin góp một phần nhỏ mọn vào công cuộc từ thiện đó của bác. Nếu bác vui lòng nhận thì khoản thu trong đêm hợp tấu đầu tiên của cháu ở Lon-đon, cháu sẽ bỏ thêm vào cái món thu của chú Ca-pi...

Bản viết của tôi còn thừa lại một trang giấy⁽¹⁾. Đó là trang dành để chép bài hát thành Na-plơ. Mát-chi-a giỏi nhạc hơn tôi, được giao cho ghi chép bài hát ấy.

Bài hát như sau:

*Đóng chặt cửa, sao chủ lầu ác vậy !
Khiến bao phen, ta nhìn cửa thở dài
Người ngọc có hay, miệng nhắc tên ai
Trái tim ta cháy bùng như nến thắp*

*Tôi muốn mình hóa thân thành tuyết trắng
Tuyết lạnh lùng nhưng cứ lấy tự do
Còn tình nàng lại nghiệt ngã, thờ ơ
Chẳng xúc động, dù thấy tôi héo hắt*

(1) Gia đình đã tìm thấy phần chép tay trang cuối của giáo sư Huỳnh Lý trong cuốn KHÔNG GIA ĐÌNH tái bản năm 1972-Có lẽ vì trước đây in ở NXB Kim Đồng nên giáo sư không tiện đưa vào sách. Nay điều kiện cho phép, gia đình bổ sung cho hoàn chỉnh bản dịch-Nguyên văn từ tiếng Ý cổ

Tôi ước được thành chàng trai bán nước
Để lang thang tìm cách lột lầu cao
Tay xách ấm sành, miệng cất tiếng rao:
“Hỡi người đẹp, mời nàng mua nước uống !”

Và mỹ nhân từ lầu cao ngó xuống
Hỏi: “Ai người bán nước dạo dưới kia ?”
Tôi ngược lên, giọng da diết, nã nê:
“Lệ tình tôi đây ! Chứ phải nào nước đâu !”

HẾT

MỤC LỤC

PHẦN THỨ HAI

22:	Tiến lên	5
23:	Một thành phố đen	35
24:	Nghề đun xe	53
25:	Lụt mỏ	66
26:	Trong ngách ngược	86
27:	Công cuộc cứu nạn	107
28:	Một bài học nhạc	131
29:	Con bò của hoàng tử	146
30:	Má Bác-bơ-ranh	173
31:	Gia đình cũ và gia đình mới	193
32:	Lão Bác-bơ-ranh	207
33:	Tim kiếm	299
34:	Gia đình Đơ-ri-xơn	250
35:	Thờ cha kính mẹ	264
36:	Ca-pi hư nát	279
37:	Tã đẹp nói dối	287
38:	Những đêm Nô-en	301
39:	Anh Bốp	276
40:	Thuyền Thiên Nga	349
41:	Tã đẹp nói thật	364
42:	Giữa gia đình	378

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

KHÔNG GIA ĐÌNH - TẬP 2
Huyền Lý dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản:
VŨ AN CHUÔNG

Chịu trách nhiệm bản thảo:
PHẠM NGỌC LUẬT

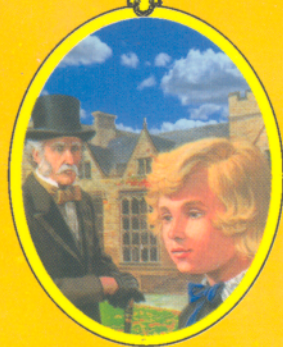
Biên tập : LAN PHƯƠNG
Trình bày : HUY LINH
Sửa bản in : MAI LAN
Vẽ bìa : VĂN SÁNG

In 500 bộ, khổ 13 x 19 cm, tại Công ty In KHKT - Hà Nội.
Số in: 248. Giấy phép XB số: 355/XB-QLXB/02-VHTT CXB cấp
ngày 29/3/2002. In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2002.

HECTOR MALOT

KHÔNG GIÀ ĐÌNH

TẬP 2



TRANH BÌA 1 THEO NGUYÊN BẢN

GIÁ: 31.000Đ